

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
ĐỢT THÁNG 6 NĂM 2025

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1	Lê Phúc An	22D100001	K58A1	13.3	18.3	19.0	18.0	68.6	Bậc 4	
2	Bùi Ngọc Anh	22D100005	K58A1	21.7	24.2	18.0	19.0	82.9	Bậc 5	
3	Dương Thị Trâm Anh	22D100007	K58A1	12.5	15.8	19.0	19.0	66.3	Bậc 4	
4	Nguyễn Thị Lan Anh	22D100023	K58A1	10.8	16.7	19.0	20.0	66.5	Bậc 4	
5	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	22D100033	K58A1	7.5	6.7	0.0	11.0	25.2		
6	Đỗ Đức Tùng Bách	22D100036	K58A1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
7	Doãn Việt Cường	22D100050	K58A1	8.3	10.0	0.0	7.0	25.3		
8	Hoàng Thị Bích Diệp	22D100055	K58A1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
9	Trần Phạm Quang Dương	22D100075	K58A1	14.2	14.2	18.0	19.0	65.4	Bậc 4	
10	Nguyễn Hoàng Anh Đạt	22D100080	K58A1	11.7	23.3	16.0	11.0	62.0	Bậc 3	
11	Nguyễn Thị Giang	22D100092	K58A1	20.0	23.3	21.0	20.0	84.3	Bậc 5	
12	Bùi Thu Hà	22D100096	K58A1	8.3	6.7	19.0	16.0	50.0	Bậc 3	
13	Nguyễn Thu Hà	22D100099	K58A1	17.5	22.5	19.0	19.0	78.0	Bậc 5	
14	Trần Thị Ngọc Hà	22D100101	K58A1	8.3	15.0	17.0	10.0	50.3	Bậc 3	
15	Nguyễn Thanh Hằng	22D100105	K58A1	20.8	24.2	22.0	23.0	90.0	Bậc 5	
16	Nguyễn Minh Hiền	22D100110	K58A1	10.0	21.7	10.0	18.0	59.7	Bậc 3	
17	Trần Trung Hiếu	22D100118	K58A1	8.3	8.3	12.0	22.0	50.6	Bậc 3	
18	Nguyễn Huy Hoàng	22D100125	K58A1	8.3	13.3	12.0	17.0	50.6	Bậc 3	
19	Hoàng Thúy Hồng	22D100130	K58A1	5.0	9.2	0.0	2.0	16.2		Vắng KN nói
20	Tô Thanh Huyền	22D100142	K58A1	17.5	20.0	19.0	20.0	76.5	Bậc 5	
21	Hoàng Kim Trần Khải	22D100152	K58A1	14.2	19.2	20.0	18.0	71.4	Bậc 4	
22	Đào Mai Khánh	22D100154	K58A1	19.2	20.8	24.0	19.0	83.0	Bậc 5	
23	Phạm Trung Kiên	22D100156	K58A1	16.7	18.3	19.0	20.0	74.0	Bậc 4	
24	Trần Thị Ngọc Lan	22D100162	K58A1	10.0	19.2	11.0	19.0	59.2	Bậc 3	
25	Lê Thị Linh	22D100168	K58A1	8.3	13.3	12.0	17.0	50.6	Bậc 3	
26	Nguyễn Thị Phương Linh	22D100174	K58A1	11.7	12.5	14.0	22.0	60.2	Bậc 3	
27	Vy Mai Loan	22D100181	K58A1	6.7	14.2	7.0	6.0	33.9		
28	Đỗ Thành Long	22D100183	K58A1	23.3	21.7	19.0	18.0	82.0	Bậc 5	
29	Lê Văn Tài Minh	22D100195	K58A1	15.0	20.8	17.0	16.0	68.8	Bậc 4	
30	Vũ Thị Ngọc	22D100215	K58A1	9.2	10.8	14.0	16.0	50.0	Bậc 3	
31	Đỗ Thị Yến Nhi	22D100222	K58A1	11.7	10.0	20.0	21.0	62.7	Bậc 3	
32	Vũ Thị Hà Nhi	22D100228	K58A1	9.2	11.7	15.0	17.0	52.9	Bậc 3	
33	Nguyễn Minh Oanh	22D100234	K58A1	17.5	19.2	22.0	23.0	81.7	Bậc 5	
34	Nguyễn Minh Phương	22D100247	K58A1	24.2	23.3	23.0	23.0	93.5	Bậc 5	
35	Trương Anh Quân	22D100255	K58A1	22.5	22.5	23.0	20.0	88.0	Bậc 5	
36	Phạm Thị Diễm Quỳnh	22D100259	K58A1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
37	Lê Ngọc Tân	22D100271	K58A1	10.8	15.8	9.0	15.0	50.6	Bậc 3	
38	Nguyễn Đăng Thành	22D100272	K58A1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
39	Văn Minh Thịnh	22D100288	K58A1	7.5	15.0	10.0	18.0	50.5	Bậc 3	
40	Hoàng Vũ Minh Thu	22D100291	K58A1	20.0	20.8	23.0	23.0	86.8	Bậc 5	
41	Nguyễn Đức Toàn	22D100304	K58A1	9.2	15.0	9.0	22.0	55.2	Bậc 3	
42	Phạm Thu Trang	22D100308	K58A1	20.0	16.7	22.0	24.0	82.7	Bậc 5	
43	Lê Hoàng Trúc	22D100315	K58A1	12.5	9.2	10.0	19.0	50.7	Bậc 3	
44	Mai Đức Tuấn	22D100319	K58A1	20.0	21.7	22.0	24.0	87.7	Bậc 5	
45	Bùi Quốc Việt	22D100327	K58A1	22.5	24.2	23.0	23.0	92.7	Bậc 5	
46	Lý Vũ Thảo Vy	22D100331	K58A1	13.3	21.7	21.0	24.0	80.0	Bậc 5	
47	Nguyễn Ngọc Hải Yến	22D100337	K58A1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
48	Nguyễn Quang Anh	22D100021	K58A2	22.5	23.3	22.0	20.0	87.8	Bậc 5	
49	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	22D100034	K58A2	8.3	8.3	10.0	8.0	34.6		
50	Ngô Thị Chuyên	22D100046	K58A2	5.8	10.0	13.0	9.0	37.8		
51	Hoàng Minh Cường	22D100051	K58A2	13.3	16.7	20.0	18.0	68.0	Bậc 4	
52	Nguyễn Thị Hoàng Diệp	22D100056	K58A2	11.7	19.2	18.0	19.0	67.9	Bậc 4	
53	Mai Trọng Duy	22D100060	K58A2	15.8	19.2	20.0	20.0	75.0	Bậc 5	
54	Lê Thị Mỹ Duyên	22D100063	K58A2	11.7	13.3	18.0	18.0	61.0	Bậc 3	
55	Nguyễn Minh Trung Dũng	22D100068	K58A2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
56	Nguyễn Ánh Dương	22D100073	K58A2	13.3	18.3	16.0	19.0	66.6	Bậc 4	
57	Vũ Tùng Dương	22D100077	K58A2	15.0	22.5	23.0	20.0	80.5	Bậc 5	
58	Nguyễn Trung Định	22D100086	K58A2	12.5	14.2	11.0	13.0	50.7	Bậc 3	
59	Đỗ Hương Giang	22D100090	K58A2	15.0	14.2	20.0	19.0	68.2	Bậc 4	
60	Trần Thị Thu Hà	22D100102	K58A2	17.5	18.3	18.0	20.0	73.8	Bậc 4	
61	Nguyễn Thị Hiền	22D100111	K58A2	10.8	11.7	4.0	10.0	36.5		
62	Hoàng Minh Hiền	22D100114	K58A2	5.8	13.3	7.0	15.0	41.1		
63	Đoàn Bùi Mai Hoa	22D100119	K58A2	14.2	20.0	14.0	20.0	68.2	Bậc 4	
64	Đỗ Ngọc Hoà	22D100122	K58A2	15.0	11.7	7.0	17.0	50.7	Bậc 3	
65	Nguyễn Trung Hoàng	22D100126	K58A2	16.7	15.0	17.0	20.0	68.7	Bậc 4	
66	Lê Thị Thanh Hồng	22D100131	K58A2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
67	Nguyễn Khánh Huyền	22D100137	K58A2	11.7	9.2	13.0	17.0	50.9	Bậc 3	
68	Trần Thu Huyền	22D100143	K58A2	9.2	11.7	13.0	18.0	51.9	Bậc 3	
69	Trần Quang Khải	22D100153	K58A2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
70	Nguyễn Thị Thanh Lam	22D100157	K58A2	18.3	20.0	21.0	20.0	79.3	Bậc 5	
71	Nguyễn Thị Hồng Liên	22D100163	K58A2	13.3	11.7	16.0	19.0	60.0	Bậc 3	
72	Lê Thị Diệu Linh	22D100169	K58A2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
73	Nguyễn Thị Phương Ly	22D100185	K58A2	10.0	10.0	12.0	18.0	50.0	Bậc 3	
74	Trịnh Thị Ngọc Mai	22D100191	K58A2	15.0	15.0	18.0	18.0	66.0	Bậc 4	
75	Phạm Vũ Nam	22D100202	K58A2	21.7	22.5	22.0	20.0	86.2	Bậc 5	
76	Trần Thị Nguyệt Nga	22D100204	K58A2	10.0	7.5	14.0	9.0	40.5		

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
77	Nguyễn Mai Nguyên	22D100217	K58A2	20.8	23.3	23.0	18.0	85.1	Bậc 5	
78	Lý Yến Nhi	22D100223	K58A2	11.7	15.0	18.0	19.0	63.7	Bậc 3	
79	Trần Thị Kiều Oanh	22D100235	K58A2	9.2	10.0	13.0	18.0	50.2	Bậc 3	
80	Đặng Việt Phú	22D100237	K58A2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
81	Nguyễn Công Phúc	22D100240	K58A2	9.2	7.5	14.0	20.0	50.7	Bậc 3	
82	Nguyễn Thị Anh Phương	22D100248	K58A2	22.5	22.5	19.0	20.0	84.0	Bậc 5	
83	Lê Anh Quốc	22D100256	K58A2	20.0	23.3	22.0	18.0	83.3	Bậc 5	
84	Phùng Thị Quỳnh	22D100260	K58A2	10.0	10.8	14.0	19.0	53.8	Bậc 3	
85	Nguyễn Ngọc Sơn	22D100265	K58A2	15.8	20.8	18.0	20.0	74.6	Bậc 4	
86	Nguyễn Đức Thành	22D100273	K58A2	8.3	10.8	15.0	16.0	50.1	Bậc 3	
87	Nguyễn Thị Thành	22D100275	K58A2	19.2	20.8	22.0	21.0	83.0	Bậc 5	
88	Nguyễn Phương Thảo	22D100282	K58A2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
89	Đỗ Minh Thuý	22D100293	K58A2	16.7	19.2	18.0	20.0	73.9	Bậc 4	
90	Nguyễn Thị Anh Thư	22D100300	K58A2	10.0	20.8	17.0	19.0	66.8	Bậc 4	
91	Nguyễn Viết Toàn	22D100305	K58A2	10.0	8.3	17.0	18.0	53.3	Bậc 3	
92	Trần Thị Trang	22D100309	K58A2	10.8	17.5	19.0	20.0	67.3	Bậc 4	
93	Lê Phương Uyên	22D100322	K58A2	17.5	20.8	22.0	19.0	79.3	Bậc 5	
94	Nguyễn Xuân Việt	22D100328	K58A2	19.2	20.8	20.0	20.0	80.0	Bậc 5	
95	Thái Đỗ Hà Vy	22D100332	K58A2	15.8	20.0	17.0	20.0	72.8	Bậc 4	
96	Lê Tuấn Anh	22D100016	K58A3	12.5	18.3	9.0	11.0	50.8	Bậc 3	
97	Nguyễn Tiến Anh	22D100025	K58A3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
98	Trần Thị Hải Anh	22D100028	K58A3	16.7	16.7	9.0	19.0	61.4	Bậc 3	
99	Vũ Quốc Anh	22D100030	K58A3	16.7	16.7	6.0	3.0	42.4		
100	Vũ Thị Quỳnh Anh	22D100031	K58A3	14.2	13.3	8.0	9.0	44.5		
101	Lê Nguyễn Minh Châu	22D100041	K58A3	18.3	20.0	12.0	22.0	72.3	Bậc 4	
102	Nguyễn Minh Chúc	22D100048	K58A3	13.3	18.3	20.0	21.0	72.6	Bậc 4	
103	Ngô Thế Cường	22D100052	K58A3	12.5	16.7	17.0	12.0	58.2	Bậc 3	
104	Trần Hà Dung	22D100058	K58A3	13.3	13.3	14.0	18.0	58.6	Bậc 3	
105	Trần Đức Duy	22D100061	K58A3	19.2	20.8	20.0	18.0	78.0	Bậc 5	
106	Nguyễn Lê Kỳ Duyên	22D100064	K58A3	22.5	24.2	19.0	22.0	87.7	Bậc 5	
107	Nguyễn Phan Dũng	22D100069	K58A3	21.7	23.3	19.0	20.0	84.0	Bậc 5	
108	Đỗ Thị Hiền Giang	22D100091	K58A3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
109	Võ Duy Giang	22D100094	K58A3	8.3	17.5	10.0	7.0	42.8		
110	Nguyễn Thị Thu Hiền	22D100112	K58A3	12.5	15.8	21.0	21.0	70.3	Bậc 4	
111	Đỗ Mai Hoa	22D100120	K58A3	19.2	19.2	22.0	22.0	82.4	Bậc 5	
112	Nguyễn Văn Hoàng	22D100127	K58A3	9.2	10.8	12.0	19.0	51.0	Bậc 3	
113	Lê Thị Khánh Huyền	22D100139	K58A3	19.2	19.2	17.0	15.0	70.4	Bậc 4	
114	Nguyễn Tiến Hùng	22D100145	K58A3	19.2	21.7	20.0	23.0	83.9	Bậc 5	
115	Lê Thị Ngọc Lan	22D100158	K58A3	12.5	13.3	18.0	16.0	59.8	Bậc 3	
116	Vũ Thị Liễu	22D100164	K58A3	15.8	18.3	10.0	14.0	58.1	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
117	Lê Thùy Linh	22D100170	K58A3	20.0	21.7	17.0	20.0	78.7	Bậc 5	
118	Phạm Thục Linh	22D100176	K58A3	17.5	23.3	21.0	22.0	83.8	Bậc 5	
119	Phạm Hữu Lương	22D100184	K58A3	14.2	15.0	22.0	23.0	74.2	Bậc 4	
120	Bùi Nguyệt Minh	22D100192	K58A3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
121	Trần Hoài Nam	22D100203	K58A3	17.5	16.7	19.0	22.0	75.2	Bậc 5	
122	Trần Thị Tú Nga	22D100205	K58A3	13.3	13.3	21.0	22.0	69.6	Bậc 4	
123	Lê Bảo Ngọc	22D100211	K58A3	8.3	20.0	22.0	18.0	68.3	Bậc 4	
124	Đào Thị Minh Nguyệt	22D100218	K58A3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
125	Ngô Thị Yến Nhi	22D100224	K58A3	12.5	17.5	18.0	20.0	68.0	Bậc 4	
126	Trần Thị Cẩm Nhung	22D100230	K58A3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
127	Vi Thị Oanh	22D100236	K58A3	20.0	22.5	13.0	16.0	71.5	Bậc 4	
128	Nguyễn Thị Minh Phương	22D100249	K58A3	21.7	24.2	19.0	20.0	84.9	Bậc 5	
129	Đỗ Anh Quân	22D100252	K58A3	7.5	10.8	15.0	6.0	39.3		
130	Nguyễn Kiến Quốc	22D100257	K58A3	10.8	11.7	4.0	7.0	33.5		
131	Trịnh Thị Diễm Quỳnh	22D100261	K58A3	11.7	13.3	17.0	12.0	54.0	Bậc 3	
132	Nguyễn Tất Thành	22D100274	K58A3	23.3	25.0	19.0	22.0	89.3	Bậc 5	
133	Đàm Phương Thảo	22D100277	K58A3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
134	Lương Thị Hồng Thắm	22D100284	K58A3	11.7	6.7	20.0	20.0	58.4	Bậc 3	
135	Đinh Minh Thủy	22D100294	K58A3	12.5	17.5	21.0	19.0	70.0	Bậc 4	
136	Phí Đức Toàn	22D100306	K58A3	21.7	24.2	22.0	19.0	86.9	Bậc 5	
137	Võ Huyền Trang	22D100310	K58A3	17.5	17.5	21.0	20.0	76.0	Bậc 5	
138	Nguyễn Hữu Trường	22D100316	K58A3	15.8	12.5	12.0	17.0	57.3	Bậc 3	
139	Hà Văn Tùng	22D100320	K58A3	16.7	20.8	10.0	17.0	64.5	Bậc 3	
140	Nguyễn Khánh Vân	22D100323	K58A3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
141	Hà Thị Hải Yến	22D100333	K58A3	10.0	15.0	17.0	15.0	57.0	Bậc 3	
142	Dương Tuấn Anh	22D100008	K58A4	16.7	14.2	10.0	12.0	52.9	Bậc 3	
143	Lê Phương Anh	22D100015	K58A4	20.0	17.5	19.0	22.0	78.5	Bậc 5	
144	Nguyễn Việt Anh	22D100026	K58A4	21.7	23.3	18.0	21.0	84.0	Bậc 5	
145	Đặng Thanh Bình	22D100037	K58A4	15.8	19.2	18.0	22.0	75.0	Bậc 5	
146	Lô Trần Linh Chi	22D100042	K58A4	16.7	14.2	10.0	15.0	55.9	Bậc 3	
147	Đinh Thị Thu Cúc	22D100049	K58A4	12.5	18.3	16.0	21.0	67.8	Bậc 4	
148	Nguyễn Mạnh Cường	22D100053	K58A4	11.7	10.8	2.0	16.0	40.5		
149	Trần Thị Kim Dung	22D100059	K58A4	17.5	14.2	7.0	18.0	56.7	Bậc 3	
150	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	22D100065	K58A4	18.3	25.0	20.0	19.0	82.3	Bậc 5	
151	Hoàng Văn Dũng	22D100066	K58A4	19.2	21.7	20.0	23.0	83.9	Bậc 5	
152	Nguyễn Tiến Dũng	22D100070	K58A4	10.8	15.8	15.0	18.0	59.6	Bậc 3	
153	Nguyễn Thùy Dương	22D100074	K58A4	17.5	20.8	22.0	21.0	81.3	Bậc 5	
154	Trần Tuấn Đạt	22D100082	K58A4	19.2	20.8	22.0	22.0	84.0	Bậc 5	
155	Nguyễn Đông Đô	22D100088	K58A4	21.7	25.0	20.0	22.0	88.7	Bậc 5	
156	Phạm Thị Hương Giang	22D100093	K58A4	12.5	13.3	17.0	20.0	62.8	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
157	Lê Minh Hạnh	22D100104	K58A4	15.8	20.8	23.0	22.0	81.6	Bậc 5	
158	Cao Thị Thanh Hiền	22D100109	K58A4	17.5	16.7	22.0	22.0	78.2	Bậc 5	
159	Trần Thu Hiền	22D100113	K58A4	16.7	13.3	19.0	21.0	70.0	Bậc 4	
160	Hoàng Quang Hiếu	22D100115	K58A4	14.2	17.5	24.0	21.0	76.7	Bậc 5	
161	Nguyễn Thị Hồng	22D100132	K58A4	11.7	8.3	7.0	14.0	41.0		
162	Đỗ Quang Huy	22D100133	K58A4	7.5	3.3	0.0	4.0	14.8		Vắng KN nói
163	Doãn Thị Minh Huyền	22D100138	K58A4	17.5	19.2	20.0	17.0	73.7	Bậc 4	
164	Nguyễn Cao Khánh Huyền	22D100140	K58A4	20.8	21.7	24.0	20.0	86.5	Bậc 5	
165	Nguyễn Tiến Hưng	22D100146	K58A4	20.0	23.3	24.0	22.0	89.3	Bậc 5	
166	Ngô Thị Thu Hường	22D100149	K58A4	20.0	22.5	20.0	22.0	84.5	Bậc 5	
167	Nguyễn Thị Lan	22D100159	K58A4	13.3	20.0	13.0	18.0	64.3	Bậc 3	
168	Cao Thuỳ Linh	22D100165	K58A4	16.7	19.2	16.0	13.0	64.9	Bậc 3	
169	Nguyễn Ngọc Linh	22D100171	K58A4	20.8	24.2	21.0	22.0	88.0	Bậc 5	
170	Đỗ Bảo Minh	22D100193	K58A4	20.0	24.2	22.0	16.0	82.2	Bậc 5	
171	Mai Thu Ngân	22D100206	K58A4	18.3	19.2	19.0	20.0	76.5	Bậc 5	
172	Nguyễn Thị Ngọc	22D100212	K58A4	12.5	12.5	13.0	16.0	54.0	Bậc 3	
173	Trần Thị Minh Nguyệt	22D100219	K58A4	14.2	13.3	15.0	21.0	63.5	Bậc 3	
174	Nguyễn Hoàng Nhi	22D100225	K58A4	16.7	22.5	17.0	22.0	78.2	Bậc 5	
175	Phạm Ngọc Phú	22D100239	K58A4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
176	Bạch Mai Phương	22D100243	K58A4	18.3	20.0	16.0	23.0	77.3	Bậc 5	
177	Vũ Thị Thu Phương	22D100250	K58A4	15.8	17.5	13.0	22.0	68.3	Bậc 4	
178	Lê Minh Quân	22D100253	K58A4	7.5	14.2	6.0	14.0	41.7		
179	Nguyễn Thị Sáng	22D100262	K58A4	7.5	16.7	14.0	12.0	50.2	Bậc 3	
180	Phạm Giang Sơn	22D100267	K58A4	15.8	20.0	7.0	20.0	62.8	Bậc 3	
181	Đinh Thu Thảo	22D100278	K58A4	11.7	16.7	20.0	21.0	69.4	Bậc 4	
182	Đàm Thị Thêm	22D100285	K58A4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
183	Trần Thị Thu Trà	22D100311	K58A4	16.7	16.7	8.0	19.0	60.4	Bậc 3	
184	Nguyễn Thị Thanh Vân	22D100324	K58A4	9.2	17.5	11.0	13.0	50.7	Bậc 3	
185	Hồ Thị Yến	22D100334	K58A4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
186	Chữ Ngọc Anh	22D100006	K58A5	20.0	20.8	22.0	23.0	85.8	Bậc 5	
187	Đỗ Thị Minh Anh	22D100009	K58A5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
188	Hoàng Tuấn Anh	22D100012	K58A5	10.8	15.0	17.0	14.0	56.8	Bậc 3	
189	Nguyễn Thị Kim Anh	22D100022	K58A5	17.5	20.0	17.0	19.0	73.5	Bậc 4	
190	Nguyễn Thị Vân Anh	22D100024	K58A5	8.3	10.8	17.0	17.0	53.1	Bậc 3	
191	Nguyễn Thị Ánh	22D100032	K58A5	12.5	10.0	14.0	14.0	50.5	Bậc 3	
192	Nguyễn Thái Bảo	22D100035	K58A5	17.5	24.2	23.0	22.0	86.7	Bậc 5	
193	Trần Thị Bình	22D100039	K58A5	15.0	17.5	19.0	22.0	73.5	Bậc 4	
194	Nguyễn Lê Huyền Chi	22D100043	K58A5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
195	Phạm Trần Chiêu	22D100044	K58A5	20.0	22.5	20.0	20.0	82.5	Bậc 5	
196	Đỗ Văn Đạt	22D100079	K58A5	9.2	10.8	15.0	17.0	52.0	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
197	Vũ Thành Đạt	22D100083	K58A5	18.3	19.2	13.0	19.0	69.5	Bậc 4	
198	Mai Phạm Ngân Hà	22D100095	K58A5	10.8	15.8	19.0	18.0	63.6	Bậc 3	
199	Nguyễn Thị Thu Hà	22D100097	K58A5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
200	Phạm Văn Hiếu	22D100116	K58A5	14.2	14.2	18.0	23.0	69.4	Bậc 4	
201	Nguyễn Thu Hòa	22D100128	K58A5	11.7	13.3	13.0	19.0	57.0	Bậc 3	
202	Trần Quốc Hưng	22D100147	K58A5	11.7	9.2	15.0	17.0	52.9	Bậc 3	
203	Nguyễn Thị Thu Hương	22D100150	K58A5	16.7	20.0	21.0	22.0	79.7	Bậc 5	
204	Nguyễn Trọng Khôi	22D100155	K58A5	16.7	16.7	20.0	19.0	72.4	Bậc 4	
205	Nguyễn Thị Hà Lan	22D100160	K58A5	13.3	12.5	15.0	19.0	59.8	Bậc 3	
206	Đào Thùy Linh	22D100166	K58A5	19.2	22.5	23.0	23.0	87.7	Bậc 5	
207	Nguyễn Thị Mai Linh	22D100172	K58A5	15.0	17.5	17.0	21.0	70.5	Bậc 4	
208	Vũ Hải Linh	22D100178	K58A5	18.3	21.7	17.0	19.0	76.0	Bậc 5	
209	Hoàng Thị Loan	22D100179	K58A5	5.8	8.3	0.0	20.0	34.1		
210	Đoàn Thị Hồng Mai	22D100188	K58A5	14.2	20.0	14.0	19.0	67.2	Bậc 4	
211	Nguyễn Ngọc Minh	22D100196	K58A5	23.3	22.5	23.0	23.0	91.8	Bậc 5	
212	Vũ Quang Minh	22D100198	K58A5	20.8	23.3	24.0	22.0	90.1	Bậc 5	
213	Nguyễn Thu Ngân	22D100207	K58A5	16.7	15.0	19.0	23.0	73.7	Bậc 4	
214	Nguyễn Thị Cao Nhân	22D100220	K58A5	16.7	18.3	21.0	23.0	79.0	Bậc 5	
215	Nguyễn Thị Yến Nhi	22D100226	K58A5	17.5	20.8	20.0	22.0	80.3	Bậc 5	
216	Trần Lệ Như	22D100232	K58A5	17.5	20.0	17.0	21.0	75.5	Bậc 5	
217	Trần Việt Phúc	22D100242	K58A5	18.3	22.5	20.0	21.0	81.8	Bậc 5	
218	Nguyễn Thị Bích Phượng	22D100251	K58A5	12.5	16.7	20.0	20.0	69.2	Bậc 4	
219	Nguyễn Minh Quân	22D100254	K58A5	15.0	15.0	19.0	19.0	68.0	Bậc 4	
220	Nguyễn Đức Tiến Sơn	22D100263	K58A5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
221	Nguyễn Thị Thanh Tâm	22D100269	K58A5	15.8	11.7	18.0	19.0	64.5	Bậc 3	
222	Trần Minh Thành	22D100276	K58A5	14.2	22.5	22.0	24.0	82.7	Bậc 5	
223	Lê Phương Thảo	22D100279	K58A5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
224	Dương Văn Kỳ Thế	22D100286	K58A5	15.8	17.5	17.0	18.0	68.3	Bậc 4	
225	Nguyễn Hoàng Anh Thơ	22D100289	K58A5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
226	Vũ Thị Thu Thủy	22D100296	K58A5	24.2	24.2	24.0	21.0	93.4	Bậc 5	
227	Dương Phương Trinh	22D100312	K58A5	14.2	16.7	15.0	16.0	61.9	Bậc 3	
228	Trần Thanh Tùng	22D100321	K58A5	15.8	15.0	18.0	21.0	69.8	Bậc 4	
229	Nghiêm Hải Yến	22D100335	K58A5	16.7	16.7	5.0	20.0	58.4	Bậc 3	
230	Nguyễn Văn Hiệp	22D100339	K58A5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
231	Lê Vũ Minh Anh	22D100017	K58A6	19.2	20.0	22.0	23.0	84.2	Bậc 5	
232	Nguyễn Hoàng Anh	22D100020	K58A6	19.2	22.5	19.0	21.0	81.7	Bậc 5	
233	Trịnh Toàn Diện	22D100054	K58A6	21.7	24.2	20.0	20.0	85.9	Bậc 5	
234	Đỗ Thùy Dung	22D100057	K58A6	15.8	18.3	19.0	23.0	76.1	Bậc 5	
235	Cao Thị Khánh Duyên	22D100062	K58A6	19.2	21.7	24.0	20.0	84.9	Bậc 5	
236	Trịnh Duy Tuấn Dũng	22D100072	K58A6	9.2	8.3	16.0	17.0	50.5	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
237	Nguyễn Hải Đăng	22D100084	K58A6	11.7	18.3	10.0	16.0	56.0	Bậc 3	
238	Nguyễn Minh Đức	22D100089	K58A6	15.8	20.0	22.0	21.0	78.8	Bậc 5	
239	Nguyễn Thu Hà	22D100098	K58A6	20.8	20.8	23.0	23.0	87.6	Bậc 5	
240	Hồ Thị Hào	22D100103	K58A6	8.3	5.8	14.0	16.0	44.1		
241	Phạm Thu Hằng	22D100106	K58A6	14.2	18.3	19.0	23.0	74.5	Bậc 4	
242	Trần Minh Hiếu	22D100117	K58A6	15.8	17.5	17.0	22.0	72.3	Bậc 4	
243	Mai Đức Hoàng	22D100124	K58A6	5.0	7.5	10.0	14.0	36.5		
244	Đinh Thị Hồng	22D100129	K58A6	12.5	10.8	11.0	16.0	50.3	Bậc 3	
245	Phạm Thị Khánh Huyền	22D100141	K58A6	19.2	15.8	21.0	21.0	77.0	Bậc 5	
246	Lê Minh Hùng	22D100144	K58A6	22.5	25.0	22.0	20.0	89.5	Bậc 5	
247	Phạm Thị Ngọc Hường	22D100151	K58A6	10.8	15.0	18.0	19.0	62.8	Bậc 3	
248	Phạm Thị Ngọc Lan	22D100161	K58A6	15.0	13.3	14.0	21.0	63.3	Bậc 3	
249	Đặng Khánh Linh	22D100167	K58A6	17.5	18.3	20.0	21.0	76.8	Bậc 5	
250	Nguyễn Thị Ngọc Linh	22D100173	K58A6	21.7	20.8	22.0	22.0	86.5	Bậc 5	
251	Nguyễn Thanh Loan	22D100180	K58A6	11.7	22.5	17.0	21.0	72.2	Bậc 4	
252	Bùi Đức Long	22D100182	K58A6	20.8	17.5	21.0	22.0	81.3	Bậc 5	
253	Lê Nhật Minh	22D100194	K58A6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
254	Bùi Thị Mơ	22D100199	K58A6	10.0	15.0	16.0	20.0	61.0	Bậc 3	
255	Hà Văn Nam	22D100201	K58A6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
256	Nguyễn Thùy Ngân	22D100208	K58A6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
257	Phạm Hồng Ngọc	22D100214	K58A6	22.5	23.3	23.0	23.0	91.8	Bậc 5	
258	Đinh Cao Nguyên	22D100216	K58A6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
259	Nguyễn Thị Yến Nhi	22D100227	K58A6	14.2	13.3	17.0	20.0	64.5	Bậc 3	
260	Trương Ánh Như	22D100233	K58A6	10.8	6.7	14.0	21.0	52.5	Bậc 3	
261	Bùi Tuấn Phương	22D100244	K58A6	15.0	18.3	16.0	19.0	68.3	Bậc 4	
262	Kiều Thu Phương	22D100246	K58A6	18.3	18.3	19.0	21.0	76.6	Bậc 5	
263	Nguyễn Hoàng Sơn	22D100264	K58A6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
264	Phạm Thị Hồng Tâm	22D100270	K58A6	13.3	15.8	17.0	21.0	67.1	Bậc 4	
265	Ngô Phương Thảo	22D100280	K58A6	14.2	20.8	19.0	20.0	74.0	Bậc 4	
266	Phạm Quang Thảo	22D100283	K58A6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
267	Nguyễn Đức Thịnh	22D100287	K58A6	8.3	8.3	2.0	9.0	27.6		
268	Cù Thị Ý Thu	22D100290	K58A6	7.5	9.2	20.0	14.0	50.7	Bậc 3	
269	Vũ Quang Thụ	22D100298	K58A6	9.2	9.2	10.0	5.0	33.4		
270	Đỗ Hương Trang	22D100307	K58A6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
271	Tổng Gia Trường	22D100318	K58A6	18.3	23.3	20.0	22.0	83.6	Bậc 5	
272	Phạm Tiến Việt	22D100326	K58A6	15.0	17.5	18.0	16.0	66.5	Bậc 4	
273	Hoàng Thị Hà Vy	22D100330	K58A6	15.0	15.0	19.0	20.0	69.0	Bậc 4	
274	Nguyễn Bảo Yến	22D100336	K58A6	12.5	18.3	20.0	22.0	72.8	Bậc 4	
275	Nguyễn Ngọc Anh	22D108006	K58AA1	22.5	16.7	19.0	23.0	81.2	Bậc 5	
276	Phạm Quang Anh	22D108010	K58AA1	22.5	22.5	17.0	19.0	81.0	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
277	Trần Thị Vân Anh	22D108011	K58AA1	22.5	18.3	16.0	21.0	77.8	Bậc 5	
278	Hoàng Doãn Cầu	22D108016	K58AA1	20.0	24.2	22.0	22.0	88.2	Bậc 5	
279	Phạm Thị Châu	22D108017	K58AA1	9.2	17.5	20.0	19.0	65.7	Bậc 4	
280	Mai Thị Thu Duyên	22D108018	K58AA1	15.0	10.8	10.0	18.0	53.8	Bậc 3	
281	Vũ Khánh Dư	22D108019	K58AA1	20.0	14.2	21.0	22.0	77.2	Bậc 5	
282	Nguyễn Ngọc Giang	22D108023	K58AA1	20.8	20.8	18.0	21.0	80.6	Bậc 5	
283	Lại Hồng Hiệp	22D108029	K58AA1	17.5	17.5	20.0	20.0	75.0	Bậc 5	
284	Nguyễn Thị Hoài	22D108030	K58AA1	18.3	20.0	20.0	21.0	79.3	Bậc 5	
285	Phạm Quang Huy	22D108032	K58AA1	20.0	22.5	19.0	22.0	83.5	Bậc 5	
286	Hà Lan Hương	22D108033	K58AA1	18.3	19.2	20.0	22.0	79.5	Bậc 5	
287	Đỗ Hương Lan	22D108037	K58AA1	21.7	21.7	24.0	20.0	87.4	Bậc 5	
288	Nguyễn Phương Linh	22D108039	K58AA1	20.0	20.8	22.0	20.0	82.8	Bậc 5	
289	Nguyễn Thị Thùy Linh	22D108041	K58AA1	17.5	20.0	19.0	15.0	71.5	Bậc 4	
290	Nguyễn Thị Loan	22D108043	K58AA1	15.0	19.2	18.0	22.0	74.2	Bậc 4	
291	Trần Phạm Bảo Long	22D108046	K58AA1	20.0	21.7	22.0	22.0	85.7	Bậc 5	
292	Nguyễn Chang My	22D108049	K58AA1	24.2	18.3	17.0	22.0	81.5	Bậc 5	
293	Nguyễn Phương Nam	22D108051	K58AA1	19.2	21.7	24.0	23.0	87.9	Bậc 5	
294	Vũ Thành Nam	22D108053	K58AA1	24.2	25.0	23.0	22.0	94.2	Bậc 5	
295	Nguyễn Thu Nga	22D108054	K58AA1	19.2	20.8	19.0	22.0	81.0	Bậc 5	
296	Bùi Thị Ngọc	22D108056	K58AA1	15.8	20.0	18.0	22.0	75.8	Bậc 5	
297	Nguyễn Thị Minh Ngọc	22D108058	K58AA1	18.3	21.7	21.0	24.0	85.0	Bậc 5	
298	Nguyễn An Nguyên	22D108060	K58AA1	14.2	14.2	17.0	22.0	67.4	Bậc 4	
299	Vũ Hương Nhài	22D108061	K58AA1	14.2	15.8	20.0	22.0	72.0	Bậc 4	
300	Nguyễn Thị Mai Phương	22D108066	K58AA1	16.7	22.5	16.0	21.0	76.2	Bậc 5	
301	Trần Minh Quang	22D108067	K58AA1	20.8	24.2	22.0	22.0	89.0	Bậc 5	
302	Hồ Nhật Thành	22D108069	K58AA1	14.2	15.0	17.0	21.0	67.2	Bậc 4	
303	Lê Hương Thảo	22D108070	K58AA1	21.7	25.0	23.0	23.0	92.7	Bậc 5	
304	Đinh Thị Thùy Tiên	22D108072	K58AA1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
305	Nguyễn Thị Thảo Vy	22D108075	K58AA1	18.3	21.7	22.0	21.0	83.0	Bậc 5	
306	Đoàn Phương Anh	22D108002	K58AA2	13.3	23.3	22.0	19.0	77.6	Bậc 5	
307	Nguyễn Linh Anh	22D108005	K58AA2	11.7	18.3	18.0	22.0	70.0	Bậc 4	
308	Nguyễn Ngọc Châu Anh	22D108007	K58AA2	20.0	20.8	21.0	23.0	84.8	Bậc 5	
309	Phạm Diệu Anh	22D108009	K58AA2	14.2	14.2	22.0	15.0	65.4	Bậc 4	
310	Trịnh Việt Anh	22D108012	K58AA2	20.0	18.3	20.0	17.0	75.3	Bậc 5	
311	Nguyễn Hữu Thái Bảo	22D108015	K58AA2	20.8	20.8	20.0	18.0	79.6	Bậc 5	
312	Nguyễn Hoàng Giang	22D108022	K58AA2	16.7	11.7	19.0	20.0	67.4	Bậc 4	
313	Vũ Thị Hương Giang	22D108024	K58AA2	20.8	20.0	21.0	20.0	81.8	Bậc 5	
314	Nguyễn Trần Hoàng Giáp	22D108025	K58AA2	18.3	21.7	21.0	22.0	83.0	Bậc 5	
315	Nguyễn Nhật Hạ	22D108026	K58AA2	18.3	19.2	20.0	21.0	78.5	Bậc 5	
316	Lữ Thu Hiền	22D108027	K58AA2	18.3	20.8	20.0	21.0	80.1	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
317	Hoàng Duy Hiếu	22D108028	K58AA2	20.8	20.0	23.0	21.0	84.8	Bậc 5	
318	Nguyễn Lan Hương	22D108034	K58AA2	18.3	17.5	15.0	23.0	73.8	Bậc 4	
319	Nguyễn Hoàng Khánh	22D108035	K58AA2	17.5	18.3	22.0	20.0	77.8	Bậc 5	
320	Trần Anh Kiệt	22D108036	K58AA2	20.8	21.7	23.0	19.0	84.5	Bậc 5	
321	Kiều Thảo Linh	22D108038	K58AA2	20.0	20.0	18.0	20.0	78.0	Bậc 5	
322	Nguyễn Thị Khánh Linh	22D108040	K58AA2	16.7	20.0	19.0	21.0	76.7	Bậc 5	
323	Trương Thị Khánh Linh	22D108042	K58AA2	18.3	21.7	22.0	20.0	82.0	Bậc 5	
324	Nguyễn Thị Mai Loan	22D108044	K58AA2	20.0	21.7	21.0	20.0	82.7	Bậc 5	
325	Lê Quang Minh	22D108048	K58AA2	22.5	24.2	23.0	20.0	89.7	Bậc 5	
326	Vũ Thành Nam	22D108052	K58AA2	22.5	24.2	21.0	20.0	87.7	Bậc 5	
327	Phạm Kim Ngân	22D108055	K58AA2	21.7	20.8	22.0	22.0	86.5	Bậc 5	
328	Nguyễn Thị Bích Ngọc	22D108057	K58AA2	19.2	15.8	23.0	21.0	79.0	Bậc 5	
329	Trần Hồng Ngọc	22D108059	K58AA2	20.8	18.3	22.0	23.0	84.1	Bậc 5	
330	Đỗ Nguyễn Hoàng Nhi	22D108062	K58AA2	13.3	16.7	18.0	19.0	67.0	Bậc 4	
331	Nguyễn Văn Phú	22D108064	K58AA2	15.8	19.2	20.0	17.0	72.0	Bậc 4	
332	Nguyễn Thị Phương Thanh	22D108068	K58AA2	18.3	19.2	20.0	22.0	79.5	Bậc 5	
333	Nguyễn Thị Thắm	22D108071	K58AA2	17.5	17.5	19.0	20.0	74.0	Bậc 4	
334	Nguyễn Thanh Trà	22D108073	K58AA2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
335	Đồng Như Trường	22D108074	K58AA2	18.3	17.5	22.0	16.0	73.8	Bậc 4	
336	Nguyễn Diệu Anh	22D109002	K58AS1	19.2	15.0	22.0	19.0	75.2	Bậc 5	
337	Nguyễn Hoàng Phương Anh	22D109003	K58AS1	16.7	21.7	20.0	20.0	78.4	Bậc 5	
338	Đoàn Khánh Băng	22D109005	K58AS1	14.2	18.3	20.0	19.0	71.5	Bậc 4	
339	Trần Lý Khánh Chi	22D109006	K58AS1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
340	Trần Quỳnh Chi	22D109007	K58AS1	16.7	25.0	22.0	21.0	84.7	Bậc 5	
341	Bùi Đình Chinh	22D109008	K58AS1	24.2	25.0	22.0	18.0	89.2	Bậc 5	
342	Hoàng Quý Dương	22D109010	K58AS1	20.0	23.3	22.0	20.0	85.3	Bậc 5	
343	Phạm Duy Đức	22D109011	K58AS1	8.3	9.2	0.0	15.0	32.5		
344	Nguyễn Thị Hương Giang	22D109013	K58AS1	20.0	18.3	19.0	23.0	80.3	Bậc 5	
345	Trần Hương Giang	22D109014	K58AS1	15.8	15.0	18.0	23.0	71.8	Bậc 4	
346	Bùi Thị Hồng Ninh Hà	22D109015	K58AS1	16.7	17.5	20.0	21.0	75.2	Bậc 5	
347	Hoàng Minh Hiền	22D109018	K58AS1	20.0	20.0	18.0	22.0	80.0	Bậc 5	
348	Hoàng Trung Hiếu	22D109019	K58AS1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
349	Nguyễn Thị Hoài	22D109020	K58AS1	19.2	19.2	12.0	22.0	72.4	Bậc 4	
350	Vũ Thị Minh Hòa	22D109021	K58AS1	20.0	24.2	24.0	17.0	85.2	Bậc 5	
351	Đặng Khánh Huyền	22D109023	K58AS1	17.5	20.0	18.0	20.0	75.5	Bậc 5	
352	Mai Mai Hương	22D109024	K58AS1	15.0	14.2	15.0	18.0	62.2	Bậc 3	
353	Trần Thị Kim Liên	22D109025	K58AS1	16.7	15.8	19.0	15.0	66.5	Bậc 4	
354	Bùi Khánh Linh	22D109026	K58AS1	20.0	21.7	23.0	23.0	87.7	Bậc 5	
355	Ngô Diệu Linh	22D109027	K58AS1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
356	Nguyễn Tuệ Linh	22D109028	K58AS1	17.5	20.8	20.0	22.0	80.3	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
357	Phan Diệu Linh	22D109029	K58AS1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
358	Phan Ngọc Linh	22D109030	K58AS1	18.3	21.7	22.0	17.0	79.0	Bậc 5	
359	Thái Thị Thùy Linh	22D109031	K58AS1	19.2	18.3	17.0	18.0	72.5	Bậc 4	
360	Hoàng Đình Lượng	22D109033	K58AS1	18.3	21.7	22.0	22.0	84.0	Bậc 5	
361	Nguyễn Thành Nam	22D109035	K58AS1	16.7	22.5	21.0	19.0	79.2	Bậc 5	
362	Nguyễn Kim Ngân	22D109036	K58AS1	20.0	20.8	20.0	20.0	80.8	Bậc 5	
363	Lê Yến Nhi	22D109038	K58AS1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
364	Phạm Thị Thu Phương	22D109039	K58AS1	18.3	22.5	22.0	21.0	83.8	Bậc 5	
365	Đỗ Như Quỳnh	22D109040	K58AS1	18.3	23.3	21.0	22.0	84.6	Bậc 5	
366	Hồ Thị Diễm Quỳnh	22D109041	K58AS1	16.7	20.8	20.0	19.0	76.5	Bậc 5	
367	Ngô Xuân Sáng	22D109042	K58AS1	13.3	13.3	15.0	15.0	56.6	Bậc 3	
368	Phan Ngô Tuấn Sơn	22D109043	K58AS1	20.8	22.5	20.0	20.0	83.3	Bậc 5	
369	Nguyễn Quốc Thanh	22D109044	K58AS1	22.5	22.5	22.0	20.0	87.0	Bậc 5	
370	Hoàng Phương Thảo	22D109045	K58AS1	16.7	21.7	23.0	21.0	82.4	Bậc 5	
371	Nguyễn Xuân Tiến	22D109048	K58AS1	18.3	20.0	22.0	17.0	77.3	Bậc 5	
372	Lê Song Toàn	22D109049	K58AS1	17.5	19.2	21.0	18.0	75.7	Bậc 5	
373	Nghiêm Thùy Trang	22D109050	K58AS1	18.3	17.5	19.0	19.0	73.8	Bậc 4	
374	Nguyễn Thu Trang	22D109051	K58AS1	16.7	21.7	18.0	16.0	72.4	Bậc 4	
375	Đỗ Hoàng Trung	22D109053	K58AS1	14.2	18.3	15.0	16.0	63.5	Bậc 3	
376	Nguyễn Đăng Trung	22D109054	K58AS1	20.0	22.5	22.0	20.0	84.5	Bậc 5	
377	Mai Quang Nhật Trường	22D109055	K58AS1	13.3	24.2	20.0	19.0	76.5	Bậc 5	
378	Hà Quang Tuấn	22D109056	K58AS1	14.2	24.2	24.0	22.0	84.4	Bậc 5	
379	Nguyễn Đình Tuệ	22D109057	K58AS1	15.0	20.0	16.0	15.0	66.0	Bậc 4	
380	Nguyễn Duy Quang Vỹ	22D109060	K58AS1	15.0	18.3	22.0	18.0	73.3	Bậc 4	
381	Hoàng Thị Yến	22D109061	K58AS1	15.0	19.2	19.0	21.0	74.2	Bậc 4	
382	Nguyễn Hoàng Anh	22D112007	K58B1KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
383	Trần Cẩm Ly	22D112115	K58B1KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
384	Bùi Thị Bảo Chi	22D252024	K58B1LN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
385	Lê Văn Tuấn Đạt	22D252045	K58B1LN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
386	Nguyễn Quang Phi	22D252137	K58B1LN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
387	Lê Việt Anh	22D112004	K58B2KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
388	Nguyễn Ngọc Anh	22D112011	K58B2KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
389	Bùi Gia Hân	22D112073	K58B2KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
390	Vũ Thị Huyền	22D112087	K58B2KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
391	Bùi Bích Ngọc	22D112128	K58B2KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
392	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22D112140	K58B2KN	7.5	16.7	18.0	18.0	60.2	Bậc 3	
393	Trần Thị Luyến	22D252092	K58B2LN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
394	Hoàng Anh Tuyết Nhung	22D252131	K58B2LN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
395	Nguyễn Lê Thu Phương	22D252143	K58B2LN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
396	Phạm Thị Thoa	22D252161	K58B2LN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
397	Nguyễn Thị Tuyết	22D252188	K58B2LN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
398	Ngô Khánh Vy	22D252194	K58B2LN	16.7	20.0	22.0	23.0	81.7	Bậc 5	
399	Hoàng Đăng Cường	22D112039	K58B3KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
400	Vũ Thị Thùy Dung	22D112043	K58B3KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
401	Trần Thị Thùy Linh	22D112108	K58B3KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
402	Đoàn Thị Thu Trang	22D112183	K58B3KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
403	Đỗ Mai Anh	22D252005	K58B3LN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
404	Nguyễn Ngọc Ánh	22D252017	K58B3LN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
405	Nguyễn Bảo Châu	22D252023	K58B3LN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
406	Trịnh Gia Nam	22D252113	K58B3LN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
407	Vũ Hùng Cường	22D112040	K58B4KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
408	Vũ Thị Diễm Quỳnh	22D112158	K58B4KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
409	Nguyễn Văn Thành	22D112165	K58B4KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
410	Triệu Thị Thủy	22D112175	K58B4KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
411	Nguyễn Thị Thương	22D112179	K58B4KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
412	Hoàng Thị Quỳnh Trang	22D112184	K58B4KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
413	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	22D112198	K58B4KN	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
414	Nguyễn Hà An	22D120001	K58C1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
415	Đỗ Mai Anh	22D120005	K58C1	15.8	19.2	19.0	20.0	74.0	Bậc 4	
416	Nguyễn Hoàng Phương Anh	22D120007	K58C1	20.8	23.3	21.0	21.0	86.1	Bậc 5	
417	Nguyễn Phương Anh	22D120009	K58C1	21.7	25.0	24.0	20.0	90.7	Bậc 5	
418	Nguyễn Thị Tâm Anh	22D120013	K58C1	22.5	20.0	19.0	18.0	79.5	Bậc 5	
419	Vì Ngọc Quỳnh Anh	22D120019	K58C1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
420	Vũ Đức Anh	22D120020	K58C1	24.2	25.0	24.0	22.0	95.2	Bậc 5	
421	Phạm Thị Ngọc Ánh	22D120025	K58C1	16.7	17.5	16.0	17.0	67.2	Bậc 4	
422	Trần Thị Ngọc Diệp	22D120041	K58C1	23.3	20.8	21.0	25.0	90.1	Bậc 5	
423	Nguyễn Linh Đan	22D120051	K58C1	22.5	22.5	22.0	25.0	92.0	Bậc 5	
424	Hồ Thị Khánh Hà	22D120065	K58C1	20.8	14.2	17.0	21.0	73.0	Bậc 4	
425	Phùng Thị Thu Hà	22D120067	K58C1	21.7	16.7	14.0	15.0	67.4	Bậc 4	
426	Lê Thị Hạ	22D120069	K58C1	16.7	16.7	19.0	21.0	73.4	Bậc 4	
427	Vũ Thanh Hiền	22D120073	K58C1	18.3	18.3	22.0	23.0	81.6	Bậc 5	
428	Nguyễn Duy Hiệp	22D120075	K58C1	22.5	18.3	14.0	21.0	75.8	Bậc 5	
429	Ngô Thị Hòa	22D120078	K58C1	23.3	21.7	17.0	20.0	82.0	Bậc 5	
430	Trần Thị Huệ	22D120080	K58C1	16.7	18.3	18.0	21.0	74.0	Bậc 4	
431	Trần Văn Quang Huy	22D120081	K58C1	23.3	23.3	22.0	21.0	89.6	Bậc 5	
432	Nguyễn Ngọc Huyền	22D120088	K58C1	15.0	17.5	20.0	20.0	72.5	Bậc 4	
433	Đinh Thu Hương	22D120093	K58C1	18.3	24.2	22.0	21.0	85.5	Bậc 5	
434	Phùng Gia Khánh	22D120097	K58C1	17.5	16.7	21.0	19.0	74.2	Bậc 4	
435	Nguyễn Thị Ngọc Lành	22D120101	K58C1	14.2	16.7	19.0	17.0	66.9	Bậc 4	
436	Vũ Đoàn Tùng Lâm	22D120103	K58C1	24.2	21.7	25.0	20.0	90.9	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
437	Lê Thị Diệu Linh	22D120106	K58C1	20.0	23.3	20.0	22.0	85.3	Bậc 5	
438	Nguyễn Thị Thùy Linh	22D120115	K58C1	15.0	20.0	11.0	15.0	61.0	Bậc 3	
439	Tổng Khánh Linh	22D120120	K58C1	22.5	23.3	23.0	23.0	91.8	Bậc 5	
440	Phan Thị Lộc	22D120126	K58C1	24.2	24.2	21.0	23.0	92.4	Bậc 5	
441	Hoàng Thanh Mai	22D120130	K58C1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
442	Luân Minh Hà My	22D120136	K58C1	20.0	17.5	18.0	23.0	78.5	Bậc 5	
443	Đỗ Linh Nga	22D120147	K58C1	20.8	23.3	23.0	22.0	89.1	Bậc 5	
444	Trương Bảo Ngọc	22D120156	K58C1	20.8	24.2	21.0	19.0	85.0	Bậc 5	
445	Lương Cẩm Nhung	22D120161	K58C1	20.8	18.3	19.0	20.0	78.1	Bậc 5	
446	Lộc Thị Mai Oanh	22D120165	K58C1	12.5	14.2	16.0	19.0	61.7	Bậc 3	
447	Lò Văn Tâm	22D120181	K58C1	13.3	16.7	18.0	18.0	66.0	Bậc 4	
448	Phạm Thị Lâm Thanh	22D120183	K58C1	14.2	14.2	18.0	17.0	63.4	Bậc 3	
449	Trần Phương Thảo	22D120187	K58C1	21.7	22.5	21.0	19.0	84.2	Bậc 5	
450	Nguyễn Phương Thu	22D120192	K58C1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
451	Nguyễn Huyền Trang	22D120204	K58C1	20.8	23.3	22.0	20.0	86.1	Bậc 5	
452	Lương Cẩm Tú	22D120216	K58C1	22.5	22.5	23.0	22.0	90.0	Bậc 5	
453	Nguyễn Hoàng An	22D120002	K58C2	17.5	20.0	19.0	23.0	79.5	Bậc 5	
454	Nguyễn Mai Anh	22D120008	K58C2	18.3	18.3	17.0	24.0	77.6	Bậc 5	
455	Nguyễn Quỳnh Anh	22D120010	K58C2	21.7	23.3	20.0	24.0	89.0	Bậc 5	
456	Phan Thế Anh	22D120014	K58C2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Đình chỉ
457	Vũ Thị Anh	22D120021	K58C2	17.5	15.8	17.0	18.0	68.3	Bậc 4	
458	Nguyễn Thị Thanh Bình	22D120028	K58C2	20.0	24.2	20.0	23.0	87.2	Bậc 5	
459	Lê Doãn Cát	22D120029	K58C2	20.8	21.7	19.0	19.0	80.5	Bậc 5	
460	Nguyễn Mai Chi	22D120031	K58C2	22.5	24.2	10.0	14.0	70.7	Bậc 4	
461	Đặng Thị Dinh	22D120042	K58C2	14.2	17.5	16.0	22.0	69.7	Bậc 4	
462	Phan Thị Mỹ Duyên	22D120047	K58C2	16.7	18.3	16.0	22.0	73.0	Bậc 4	
463	Đinh Hữu Dũng	22D120048	K58C2	16.7	23.3	16.0	17.0	73.0	Bậc 4	
464	Nguyễn Thị Thùy Dương	22D120049	K58C2	23.3	25.0	23.0	23.0	94.3	Bậc 5	
465	Doãn Hải Đăng	22D120053	K58C2	23.3	24.2	15.0	18.0	80.5	Bậc 5	
466	Lành Thị Hà Giang	22D120056	K58C2	21.7	19.2	17.0	22.0	79.9	Bậc 5	
467	Hoàng Giang	22D120057	K58C2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
468	Tạ Nguyệt Giang	22D120061	K58C2	20.8	20.8	14.0	22.0	77.6	Bậc 5	
469	Lê Khánh Hà	22D120066	K58C2	24.2	24.2	25.0	24.0	97.4	Bậc 5	
470	Cao Thị Hiền	22D120071	K58C2	16.7	20.0	20.0	24.0	80.7	Bậc 5	
471	Phạm Mỹ Hoa	22D120076	K58C2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
472	Vũ Lê Huy	22D120082	K58C2	20.0	22.5	18.0	20.0	80.5	Bậc 5	
473	Cao Thị Minh Huyền	22D120083	K58C2	20.0	21.7	21.0	24.0	86.7	Bậc 5	
474	Lê Ngọc Huyền	22D120086	K58C2	23.3	19.2	19.0	19.0	80.5	Bậc 5	
475	Hà Thị Quỳnh Hương	22D120094	K58C2	18.3	15.0	12.0	21.0	66.3	Bậc 4	
476	Bùi Gia Khánh	22D120096	K58C2	22.5	23.3	22.0	23.0	90.8	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
477	Trần Quốc Khánh	22D120098	K58C2	18.3	22.5	15.0	22.0	77.8	Bậc 5	
478	Hoàng Diệu Linh	22D120104	K58C2	21.7	24.2	24.0	23.0	92.9	Bậc 5	
479	Nguyễn Thị Mỹ Linh	22D120112	K58C2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
480	Phạm Thảo Linh	22D120117	K58C2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
481	Hà Diệu Ly	22D120127	K58C2	20.8	24.2	23.0	24.0	92.0	Bậc 5	
482	Trịnh Thị Minh	22D120133	K58C2	22.5	20.8	8.0	15.0	66.3	Bậc 4	
483	Nguyễn Thị Trà My	22D120137	K58C2	15.8	19.2	10.0	20.0	65.0	Bậc 4	
484	Nguyễn Hồng Nga	22D120148	K58C2	23.3	22.5	23.0	24.0	92.8	Bậc 5	
485	Bùi Minh Ngọc	22D120153	K58C2	19.2	16.7	18.0	24.0	77.9	Bậc 5	
486	Quách Thị Thảo Nguyên	22D120157	K58C2	20.0	21.7	18.0	17.0	76.7	Bậc 5	
487	Ngô Thị Phương Nhung	22D120162	K58C2	23.3	20.8	19.0	23.0	86.1	Bậc 5	
488	Trịnh Thị Hồng Phượng	22D120171	K58C2	13.3	21.7	16.0	22.0	73.0	Bậc 4	
489	Trần Minh Quang	22D120172	K58C2	23.3	25.0	24.0	23.0	95.3	Bậc 5	
490	Trần Duy Quân	22D120174	K58C2	24.2	15.8	15.0	23.0	78.0	Bậc 5	
491	Vũ Như Quỳnh	22D120179	K58C2	23.3	18.3	19.0	24.0	84.6	Bậc 5	
492	Trương Thị Hồng Thắm	22D120189	K58C2	23.3	18.3	20.0	24.0	85.6	Bậc 5	
493	Dương Thị Thùy	22D120193	K58C2	16.7	19.2	17.0	19.0	71.9	Bậc 4	
494	Đặng Thị Trang	22D120201	K58C2	23.3	25.0	21.0	23.0	92.3	Bậc 5	
495	Nguyễn Thị Thu Trang	22D120205	K58C2	20.0	23.3	21.0	24.0	88.3	Bậc 5	
496	Trần Thị Trúc	22D120210	K58C2	20.0	21.7	17.0	24.0	82.7	Bậc 5	
497	Đặng Quốc Trường	22D120211	K58C2	24.2	23.3	25.0	23.0	95.5	Bậc 5	
498	Đinh Thị Tư	22D120217	K58C2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
499	Hoàng Thị Hải Yến	22D120222	K58C2	19.2	20.0	20.0	20.0	79.2	Bậc 5	
500	Đặng Hà Anh	22D120003	K58C3	21.7	21.7	24.0	22.0	89.4	Bậc 5	
501	Trần Nguyễn Hải Anh	22D120017	K58C3	22.5	22.5	23.0	21.0	89.0	Bậc 5	
502	Vũ Thị Phương Anh	22D120022	K58C3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
503	Lê Bá Bảo	22D120026	K58C3	19.2	21.7	24.0	23.0	87.9	Bậc 5	
504	Ngô Ngọc Diệp	22D120039	K58C3	23.3	23.3	25.0	20.0	91.6	Bậc 5	
505	Nguyễn Hà Dung	22D120045	K58C3	24.2	23.3	25.0	22.0	94.5	Bậc 5	
506	Tạ Thùy Dương	22D120050	K58C3	21.7	23.3	23.0	22.0	90.0	Bậc 5	
507	Đàm Thiết Giáp	22D120063	K58C3	15.0	16.7	21.0	19.0	71.7	Bậc 4	
508	Vũ Ngọc Nguyệt Hà	22D120068	K58C3	19.2	23.3	21.0	22.0	85.5	Bậc 5	
509	Đỗ Thanh Hiền	22D120072	K58C3	21.7	19.2	23.0	19.0	82.9	Bậc 5	
510	Ngô Duy Hiếu	22D120074	K58C3	10.0	18.3	19.0	19.0	66.3	Bậc 4	
511	Trần Thị Huyền	22D120090	K58C3	15.0	20.0	19.0	18.0	72.0	Bậc 4	
512	Nguyễn Xuân Hưng	22D120092	K58C3	25.0	23.3	24.0	20.0	92.3	Bậc 5	
513	Nguyễn Thị Hương	22D120095	K58C3	15.8	16.7	16.0	13.0	61.5	Bậc 3	
514	Nguyễn Đức Kiên	22D120099	K58C3	24.2	24.2	23.0	23.0	94.4	Bậc 5	
515	Hoàng Thị Mỹ Linh	22D120105	K58C3	20.0	15.8	22.0	15.0	72.8	Bậc 4	
516	Nguyễn Thị Ngọc Linh	22D120113	K58C3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
517	Phạm Thùy Linh	22D120118	K58C3	17.5	22.5	17.0	18.0	75.0	Bậc 5	
518	Hoàng Thị Bích Loan	22D120122	K58C3	15.0	11.7	15.0	21.0	62.7	Bậc 3	
519	Hoàng Thị Cẩm Lý	22D120128	K58C3	21.7	20.0	16.0	20.0	77.7	Bậc 5	
520	Trần Ngọc Minh	22D120132	K58C3	19.2	21.7	23.0	22.0	85.9	Bậc 5	
521	Vũ Thị Mìn	22D120134	K58C3	10.0	14.2	14.0	18.0	56.2	Bậc 3	
522	Lê Trà My	22D120138	K58C3	21.7	25.0	24.0	23.0	93.7	Bậc 5	
523	Nguyễn Thị Thúy Nga	22D120149	K58C3	20.8	15.0	10.0	16.0	61.8	Bậc 3	
524	Lê Thị Hồng Ngọc	22D120154	K58C3	13.3	20.8	20.0	18.0	72.1	Bậc 4	
525	Nguyễn Tuấn Nhân	22D120158	K58C3	22.5	22.5	22.0	19.0	86.0	Bậc 5	
526	Ngô Thị Quỳnh Nhi	22D120159	K58C3	22.5	17.5	22.0	15.0	77.0	Bậc 5	
527	Nguyễn Hồng Nhung	22D120163	K58C3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
528	Lê Trần Mai Phương	22D120168	K58C3	19.2	20.8	17.0	22.0	79.0	Bậc 5	
529	Vi Thị Ánh Quyên	22D120175	K58C3	8.3	15.0	17.0	19.0	59.3	Bậc 3	
530	Mông Đức Quỳnh	22D120177	K58C3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
531	Chu Thị Mỹ Tâm	22D120180	K58C3	20.8	21.7	20.0	24.0	86.5	Bậc 5	
532	Nguyễn Thị Thơm	22D120190	K58C3	22.5	22.5	20.0	24.0	89.0	Bậc 5	
533	Nguyễn Phương Thủy	22D120194	K58C3	18.3	12.5	6.0	24.0	60.8	Bậc 3	
534	Nguyễn Minh Thư	22D120198	K58C3	18.3	23.3	23.0	22.0	86.6	Bậc 5	
535	Lê Thị Mai Trang	22D120202	K58C3	12.5	18.3	20.0	19.0	69.8	Bậc 4	
536	Phạm Văn Tráng	22D120208	K58C3	22.5	20.0	22.0	22.0	86.5	Bậc 5	
537	Nguyễn Xuân Trường	22D120212	K58C3	22.5	22.5	22.0	20.0	87.0	Bậc 5	
538	Lê Kim Tuyền	22D120213	K58C3	21.7	21.7	7.0	15.0	65.4	Bậc 4	
539	Nguyễn Thanh Tùng	22D120215	K58C3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
540	Vương Nguyễn Kim Yến	22D120223	K58C3	21.7	24.2	24.0	22.0	91.9	Bậc 5	
541	Trần Thị Bích Ngọc	21D120262	K58C4	23.3	23.3	23.0	23.0	92.6	Bậc 5	
542	Nghiêm Thị Hà Anh	22D120006	K58C4	10.8	17.5	20.0	20.0	68.3	Bậc 4	
543	Nguyễn Thị Phương Anh	22D120012	K58C4	19.2	24.2	19.0	22.0	84.4	Bậc 5	
544	Phùng Ngọc Anh	22D120016	K58C4	19.2	21.7	21.0	19.0	80.9	Bậc 5	
545	Trần Việt Anh	22D120018	K58C4	0.0	13.3	22.0	16.0	51.3	Bậc 3	
546	Vũ Thị Phương Anh	22D120023	K58C4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
547	Đỗ Linh Chi	22D120030	K58C4	24.2	25.0	23.0	23.0	95.2	Bậc 5	
548	Nguyễn Văn Chiến	22D120033	K58C4	10.0	15.0	9.0	19.0	53.0	Bậc 3	
549	Bùi Thị Thanh Chúc	22D120038	K58C4	18.3	18.3	20.0	22.0	78.6	Bậc 5	
550	Nguyễn Thị Hồng Diệp	22D120040	K58C4	19.2	19.2	16.0	22.0	76.4	Bậc 5	
551	Bùi Phương Dung	22D120043	K58C4	17.5	20.8	16.0	22.0	76.3	Bậc 5	
552	Nguyễn Thị Thùy Dung	22D120046	K58C4	17.5	21.7	18.0	17.0	74.2	Bậc 4	
553	Lê Hương Giang	22D120058	K58C4	18.3	23.3	15.0	19.0	75.6	Bậc 5	
554	Lê Thị Nguyệt Hằng	22D120070	K58C4	15.0	20.0	18.0	19.0	72.0	Bậc 4	
555	Lại Thị Huệ	22D120079	K58C4	18.3	16.7	15.0	22.0	72.0	Bậc 4	
556	Dương Ngọc Huyền	22D120084	K58C4	20.8	23.3	23.0	22.0	89.1	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
557	Đặng Thị Thúy Lan	22D120100	K58C4	24.2	22.5	20.0	23.0	89.7	Bậc 5	
558	Nguyễn Thanh Lâm	22D120102	K58C4	22.5	22.5	23.0	20.0	88.0	Bậc 5	
559	Nguyễn Thị Linh	22D120110	K58C4	11.7	14.2	15.0	22.0	62.9	Bậc 3	
560	Nguyễn Thị Phương Linh	22D120114	K58C4	20.0	21.7	24.0	25.0	90.7	Bậc 5	
561	Quản Phương Linh	22D120119	K58C4	23.3	23.3	23.0	23.0	92.6	Bậc 5	
562	Nguyễn Thị Phương Loan	22D120123	K58C4	13.3	16.7	19.0	22.0	71.0	Bậc 4	
563	Nguyễn Thanh Long	22D120124	K58C4	19.2	22.5	19.0	18.0	78.7	Bậc 5	
564	Nguyễn Thị Lý	22D120129	K58C4	10.8	18.3	18.0	20.0	67.1	Bậc 4	
565	Đặng Đức Minh	22D120131	K58C4	22.5	23.3	23.0	22.0	90.8	Bậc 5	
566	Bùi Thị Mơ	22D120135	K58C4	14.2	16.7	17.0	20.0	67.9	Bậc 4	
567	Trần Thị Hà My	22D120139	K58C4	8.3	14.2	11.0	18.0	51.5	Bậc 3	
568	Nguyễn Hải Nam	22D120143	K58C4	18.3	23.3	17.0	18.0	76.6	Bậc 5	
569	Đinh Phương Nga	22D120146	K58C4	20.8	20.0	20.0	23.0	83.8	Bậc 5	
570	Bùi Thị Hồng Ngát	22D120150	K58C4	15.8	13.3	11.0	22.0	62.1	Bậc 3	
571	Trần Thị Ngọc	22D120155	K58C4	17.5	19.2	10.0	19.0	65.7	Bậc 4	
572	Đặng Thị Hồng Nhung	22D120160	K58C4	18.3	22.5	22.0	22.0	84.8	Bậc 5	
573	Phan Thị Nhung	22D120164	K58C4	20.8	24.2	21.0	22.0	88.0	Bậc 5	
574	Đỗ Gia Phong	22D120167	K58C4	22.5	22.5	15.0	15.0	75.0	Bậc 5	
575	Nguyễn Anh Quân	22D120173	K58C4	19.2	23.3	18.0	18.0	78.5	Bậc 5	
576	Đào Thị Thu Tâm	22D120182	K58C4	16.7	17.5	18.0	21.0	73.2	Bậc 4	
577	Phùng Phương Thảo	22D120186	K58C4	21.7	24.2	25.0	21.0	91.9	Bậc 5	
578	Đỗ Huy Thái	22D120188	K58C4	19.2	22.5	15.0	16.0	72.7	Bậc 4	
579	Nguyễn Hoài Thu	22D120191	K58C4	13.3	14.2	5.0	18.0	50.5	Bậc 3	
580	Nguyễn Thị Thanh Thủy	22D120195	K58C4	13.3	14.2	8.0	20.0	55.5	Bậc 3	
581	Lê Thị Hoài Thương	22D120199	K58C4	15.0	21.7	19.0	20.0	75.7	Bậc 5	
582	Lê Thị Quỳnh Trang	22D120203	K58C4	19.2	22.5	20.0	20.0	81.7	Bậc 5	
583	Vũ Thanh Trà	22D120207	K58C4	20.0	23.3	21.0	22.0	86.3	Bậc 5	
584	Mai Thị Tuyết	22D120214	K58C4	6.7	10.8	14.0	10.0	41.5		
585	Trần Quốc Việt	22D120219	K58C4	15.0	22.5	19.0	20.0	76.5	Bậc 5	
586	Trần Thanh Xuân	22D120220	K58C4	10.0	11.7	18.0	21.0	60.7	Bậc 3	
587	Hà Thị Vân Anh	22D121003	K58CD1	23.3	22.5	20.0	24.0	89.8	Bậc 5	
588	Nguyễn Đắc Nhật Anh	22D121005	K58CD1	20.8	23.3	17.0	20.0	81.1	Bậc 5	
589	Lê Nhữ Xuân Bách	22D121010	K58CD1	21.7	23.3	24.0	24.0	93.0	Bậc 5	
590	Nguyễn Thị Chi	22D121015	K58CD1	18.3	20.8	15.0	22.0	76.1	Bậc 5	
591	Nguyễn Hữu Công	22D121016	K58CD1	23.3	23.3	24.0	23.0	93.6	Bậc 5	
592	Lê Mạnh Duy	22D121018	K58CD1	24.2	22.5	13.0	8.0	67.7	Bậc 4	
593	Cao Kỳ Duyên	22D121019	K58CD1	22.5	23.3	22.0	25.0	92.8	Bậc 5	
594	Lê Viết Dương	22D121022	K58CD1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
595	Trần Ánh Dương	22D121024	K58CD1	21.7	23.3	24.0	24.0	93.0	Bậc 5	
596	Vũ Thị Ánh Dương	22D121026	K58CD1	20.0	23.3	22.0	23.0	88.3	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
597	Nguyễn Tiến Đạt	22D121028	K58CD1	17.5	18.3	24.0	22.0	81.8	Bậc 5	
598	Mai Hoàng Đức	22D121029	K58CD1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
599	Nguyễn Thị Hương Giang	22D121032	K58CD1	10.8	20.0	8.0	19.0	57.8	Bậc 3	
600	Lê Ngọc Cẩm Hà	22D121033	K58CD1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
601	Nguyễn Thị Nhật Hạ	22D121035	K58CD1	13.3	18.3	10.0	18.0	59.6	Bậc 3	
602	Trương Bảo Hân	22D121038	K58CD1	16.7	24.2	24.0	22.0	86.9	Bậc 5	
603	Ngô Thị Hiền	22D121040	K58CD1	11.7	13.3	13.0	12.0	50.0	Bậc 3	
604	Đinh Nguyễn Thành Hiếu	22D121043	K58CD1	19.2	23.3	24.0	22.0	88.5	Bậc 5	
605	Đoàn Thị Khánh Huyền	22D121044	K58CD1	22.5	20.0	23.0	25.0	90.5	Bậc 5	
606	Nguyễn Thu Huyền	22D121045	K58CD1	20.0	24.2	24.0	24.0	92.2	Bậc 5	
607	Tô Khánh Huyền	22D121047	K58CD1	19.2	13.3	16.0	22.0	70.5	Bậc 4	
608	Tổng Duy Hùng	22D121048	K58CD1	20.8	20.8	17.0	8.0	66.6	Bậc 4	
609	Trần Thị Hương	22D121050	K58CD1	16.7	16.7	18.0	19.0	70.4	Bậc 4	
610	Nguyễn Quốc Khánh	22D121053	K58CD1	16.7	17.5	14.0	21.0	69.2	Bậc 4	
611	Trần Mạnh Kiên	22D121056	K58CD1	20.0	20.0	21.0	22.0	83.0	Bậc 5	
612	Đào Thị Lan	22D121057	K58CD1	14.2	15.0	15.0	19.0	63.2	Bậc 3	
613	Đinh Thị Nhật Lệ	22D121059	K58CD1	20.0	20.0	22.0	22.0	84.0	Bậc 5	
614	Hoàng Dương Thùy Linh	22D121061	K58CD1	18.3	23.3	23.0	22.0	86.6	Bậc 5	
615	Ma Khánh Linh	22D121063	K58CD1	16.7	22.5	16.0	20.0	75.2	Bậc 5	
616	Nguyễn Thị Thảo Linh	22D121065	K58CD1	21.7	22.5	21.0	18.0	83.2	Bậc 5	
617	Thái Thùy Linh	22D121067	K58CD1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
618	Trần Phương Linh	22D121069	K58CD1	18.3	19.2	20.0	20.0	77.5	Bậc 5	
619	Phan Thị Xuân Mai	22D121071	K58CD1	19.2	20.8	15.0	16.0	71.0	Bậc 4	
620	Phạm Ngọc Minh	22D121074	K58CD1	17.5	22.5	14.0	19.0	73.0	Bậc 4	
621	Vương Thị Ngọc Minh	22D121075	K58CD1	21.7	22.5	20.0	25.0	89.2	Bậc 5	
622	Nguyễn Bảo Ngọc	22D121078	K58CD1	22.5	25.0	22.0	23.0	92.5	Bậc 5	
623	Hà Thị Thảo Nguyên	22D121080	K58CD1	8.3	15.0	12.0	15.0	50.3	Bậc 3	
624	Dương Thị Bích Nhường	22D121087	K58CD1	19.2	23.3	15.0	21.0	78.5	Bậc 5	
625	Phan Thế Quyết	22D121090	K58CD1	24.2	24.2	23.0	21.0	92.4	Bậc 5	
626	Vũ Chúc Quỳnh	22D121091	K58CD1	17.5	21.7	16.0	23.0	78.2	Bậc 5	
627	Nguyễn Văn Sơn	22D121093	K58CD1	15.0	15.0	15.0	17.0	62.0	Bậc 3	
628	Nguyễn Minh Tâm	22D121095	K58CD1	19.2	20.8	22.0	23.0	85.0	Bậc 5	
629	Lê Thị Thanh Thủy	22D121102	K58CD1	20.0	22.5	20.0	24.0	86.5	Bậc 5	
630	Nguyễn Thu Thủy	22D121104	K58CD1	15.8	21.7	17.0	22.0	76.5	Bậc 5	
631	Đặng Thị Anh Thư	22D121106	K58CD1	18.3	18.3	15.0	22.0	73.6	Bậc 4	
632	Đồng Văn Toàn	22D121107	K58CD1	15.8	17.5	9.0	10.0	52.3	Bậc 3	
633	Bùi Thị Thu Trang	22D121109	K58CD1	19.2	25.0	19.0	23.0	86.2	Bậc 5	
634	Nguyễn Đỗ Thảo Vi	22D121114	K58CD1	22.5	21.7	23.0	21.0	88.2	Bậc 5	
635	Phạm Hải Yến	22D121117	K58CD1	20.0	22.5	18.0	23.0	83.5	Bậc 5	
636	Dương Việt Anh	22D121002	K58CD2	24.2	23.3	25.0	23.0	95.5	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
637	Nguyễn Hoàng Anh	22D121006	K58CD2	20.8	21.7	18.0	18.0	78.5	Bậc 5	
638	Nguyễn Thị Lan Anh	22D121007	K58CD2	17.5	18.3	17.0	19.0	71.8	Bậc 4	
639	Trần Thị Ngọc Anh	22D121008	K58CD2	20.0	21.7	24.0	20.0	85.7	Bậc 5	
640	Vương Quỳnh Anh	22D121009	K58CD2	18.3	19.2	15.0	24.0	76.5	Bậc 5	
641	Nguyễn Thanh Bình	22D121011	K58CD2	20.8	22.5	15.0	23.0	81.3	Bậc 5	
642	Nguyễn Thị Hòa Bình	22D121012	K58CD2	16.7	24.2	13.0	24.0	77.9	Bậc 5	
643	Trần Thị Kim Cúc	22D121017	K58CD2	20.0	23.3	17.0	22.0	82.3	Bậc 5	
644	Nguyễn Mạnh Dũng	22D121020	K58CD2	21.7	22.5	17.0	24.0	85.2	Bậc 5	
645	Đặng Thùy Dương	22D121021	K58CD2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
646	Trần Linh Đan	22D121027	K58CD2	20.0	21.7	19.0	24.0	84.7	Bậc 5	
647	Võ Thị Hải	22D121034	K58CD2	19.2	18.3	8.0	23.0	68.5	Bậc 4	
648	Ngô Minh Hằng	22D121036	K58CD2	20.0	23.3	25.0	25.0	93.3	Bậc 5	
649	Ngô Thị Thu Hằng	22D121037	K58CD2	19.2	24.2	22.0	24.0	89.4	Bậc 5	
650	Đỗ Phương Hậu	22D121039	K58CD2	18.3	22.5	15.0	20.0	75.8	Bậc 5	
651	Phạm Thị Hiền	22D121041	K58CD2	16.7	19.2	12.0	19.0	66.9	Bậc 4	
652	Trình Minh Hiền	22D121042	K58CD2	23.3	24.2	20.0	24.0	91.5	Bậc 5	
653	Đỗ Thị Hương	22D121049	K58CD2	13.3	10.0	2.0	13.0	38.3		
654	Vũ Quỳnh Hương	22D121051	K58CD2	16.7	20.8	13.0	24.0	74.5	Bậc 4	
655	Lương Văn Khả	22D121052	K58CD2	18.3	24.2	16.0	24.0	82.5	Bậc 5	
656	Bùi Đức Kiên	22D121054	K58CD2	20.8	24.2	18.0	24.0	87.0	Bậc 5	
657	Nông Ngọc Lan	22D121058	K58CD2	22.5	20.8	12.0	19.0	74.3	Bậc 4	
658	Bùi Thị Kim Liên	22D121060	K58CD2	10.8	15.0	8.0	20.0	53.8	Bậc 3	
659	Nguyễn Hải Linh	22D121064	K58CD2	20.0	25.0	21.0	25.0	91.0	Bậc 5	
660	Nông Phương Linh	22D121066	K58CD2	9.2	16.7	14.0	24.0	63.9	Bậc 3	
661	Trần Gia Linh	22D121068	K58CD2	20.0	25.0	21.0	24.0	90.0	Bậc 5	
662	Trương Phương Linh	22D121070	K58CD2	20.0	25.0	22.0	25.0	92.0	Bậc 5	
663	Nguyễn Đăng Hùng Mạnh	22D121072	K58CD2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
664	Nguyễn Ngọc Minh	22D121073	K58CD2	20.8	15.8	22.0	21.0	79.6	Bậc 5	
665	Lê Giang Nam	22D121076	K58CD2	15.0	20.0	8.0	16.0	59.0	Bậc 3	
666	Hoàng Hằng Nga	22D121077	K58CD2	23.3	24.2	23.0	20.0	90.5	Bậc 5	
667	Hoàng Thảo Nguyên	22D121081	K58CD2	24.2	24.2	25.0	22.0	95.4	Bậc 5	
668	Nguyễn Văn Nguyên	22D121082	K58CD2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
669	Phan Thị Tuyết Nhung	22D121086	K58CD2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
670	Lê Minh Phương	22D121088	K58CD2	23.3	23.3	21.0	21.0	88.6	Bậc 5	
671	Nông Văn Quý	22D121089	K58CD2	24.2	22.5	18.0	20.0	84.7	Bậc 5	
672	Đoàn Thị Tâm	22D121094	K58CD2	20.0	16.7	17.0	18.0	71.7	Bậc 4	
673	Vũ Thị Mỹ Tâm	22D121096	K58CD2	20.0	20.8	19.0	21.0	80.8	Bậc 5	
674	Đỗ Phương Thảo	22D121099	K58CD2	23.3	25.0	25.0	25.0	98.3	Bậc 5	
675	Nguyễn Thu Thảo	22D121100	K58CD2	23.3	25.0	21.0	20.0	89.3	Bậc 5	
676	Phạm Thanh Thùy	22D121103	K58CD2	20.8	19.2	22.0	21.0	83.0	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
677	Dương Hoài Anh Thư	22D121105	K58CD2	21.7	21.7	23.0	24.0	90.4	Bậc 5	
678	Bùi Huyền Trang	22D121108	K58CD2	20.8	21.7	18.0	22.0	82.5	Bậc 5	
679	Nguyễn Thị Thu Trang	22D121110	K58CD2	19.2	19.2	16.0	22.0	76.4	Bậc 5	
680	Hoàng Đình Tuyền	22D121112	K58CD2	18.3	19.2	17.0	18.0	72.5	Bậc 4	
681	Lê Tường Vân	22D121113	K58CD2	18.3	21.7	18.0	24.0	82.0	Bậc 5	
682	Mai Anh Vũ	22D121115	K58CD2	25.0	23.3	23.0	19.0	90.3	Bậc 5	
683	Nguyễn Thị Hải Yến	22D121116	K58CD2	19.2	20.8	16.0	21.0	77.0	Bậc 5	
684	Phạm Thái An	22D150002	K58D1	15.8	23.3	23.0	23.0	85.1	Bậc 5	
685	Trần Thị Thúy An	22D150004	K58D1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
686	Nguyễn Từ Thế Anh	22D150012	K58D1	15.8	24.2	10.0	9.0	59.0	Bậc 3	
687	Phạm Thị Quỳnh Anh	22D150013	K58D1	18.3	21.7	22.0	24.0	86.0	Bậc 5	
688	Vương Thị Lan Anh	22D150016	K58D1	11.7	22.5	16.0	24.0	74.2	Bậc 4	
689	Nguyễn Thị Hồng Ánh	22D150020	K58D1	14.2	16.7	22.0	22.0	74.9	Bậc 4	
690	Trần Thị Ngọc Ánh	22D150024	K58D1	18.3	18.3	18.0	21.0	75.6	Bậc 5	
691	Nguyễn Thị Mai Châm	22D150026	K58D1	15.0	19.2	15.0	22.0	71.2	Bậc 4	
692	Phạm Phương Chi	22D150029	K58D1	18.3	20.0	24.0	24.0	86.3	Bậc 5	
693	Hoàng Văn Chung	22D150031	K58D1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
694	Nguyễn Mạnh Cường	22D150032	K58D1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
695	Nguyễn Thị Hồng Diệu	22D150034	K58D1	11.7	15.8	10.0	19.0	56.5	Bậc 3	
696	Nguyễn Phương Dung	22D150036	K58D1	16.7	15.0	15.0	19.0	65.7	Bậc 4	
697	Nguyễn Thuỳ Dung	22D150038	K58D1	9.2	16.7	13.0	17.0	55.9	Bậc 3	
698	Nguyễn Thuỳ Dương	22D150041	K58D1	17.5	17.5	22.0	14.0	71.0	Bậc 4	
699	Vy Văn Điện	22D150043	K58D1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng KN Nghe, đọc, viết
700	Nguyễn Vinh Đức	22D150045	K58D1	16.7	24.2	22.0	19.0	81.9	Bậc 5	
701	Trần Hương Giang	22D150048	K58D1	14.2	16.7	14.0	18.0	62.9	Bậc 3	
702	Phạm Hồng Hà	22D150055	K58D1	16.7	22.5	21.0	20.0	80.2	Bậc 5	
703	Bùi Vũ Như Hằng	22D150058	K58D1	8.3	23.3	15.0	18.0	64.6	Bậc 3	
704	Trần Thu Hậu	22D150060	K58D1	5.8	15.8	16.0	17.0	54.6	Bậc 3	
705	Nguyễn Thị Hiền	22D150062	K58D1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
706	Đinh Nguyễn Thanh Hoài	22D150068	K58D1	18.3	22.5	19.0	21.0	80.8	Bậc 5	
707	Hoàng Quốc Huy	22D150071	K58D1	21.7	25.0	21.0	23.0	90.7	Bậc 5	
708	Ngô Minh Khánh	22D150081	K58D1	16.7	17.5	9.0	19.0	62.2	Bậc 3	
709	Nguyễn Thị Phương Lan	22D150085	K58D1	16.7	22.5	21.0	24.0	84.2	Bậc 5	
710	Trần Thị Lan	22D150088	K58D1	20.8	16.7	15.0	24.0	76.5	Bậc 5	
711	Nguyễn Mai Linh	22D150091	K58D1	22.5	15.8	12.0	23.0	73.3	Bậc 4	
712	Lý Nhật Linh	22D150094	K58D1	15.8	21.7	19.0	24.0	80.5	Bậc 5	
713	Vũ Lê Phương Linh	22D150100	K58D1	20.0	24.2	21.0	23.0	88.2	Bậc 5	
714	Nguyễn Thị Lộc	22D150103	K58D1	12.5	15.8	18.0	17.0	63.3	Bậc 3	
715	Ngô Thị Ly	22D150106	K58D1	10.8	15.8	20.0	19.0	65.6	Bậc 4	
716	Phạm Ngọc Mai	22D150112	K58D1	19.2	20.8	21.0	23.0	84.0	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
										Vắng 4 kỹ năng
717	Nguyễn Thị Trà My	22D150115	K58D1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Bậc 3	
718	Lê Thị Quỳnh Nga	22D150121	K58D1	9.2	14.2	11.0	17.0	51.4	Bậc 5	
719	Lê Thanh Nghị	22D150124	K58D1	20.8	23.3	24.0	24.0	92.1	Bậc 4	
720	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	22D150125	K58D1	13.3	15.8	20.0	20.0	69.1		Vắng 4 kỹ năng
721	Nguyễn Thị Mai Nhung	22D150128	K58D1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Bậc 5	
722	Đặng Minh Phương	22D150131	K58D1	19.2	18.3	20.0	18.0	75.5	Bậc 3	
723	Phạm Hiểu Phương	22D150134	K58D1	11.7	13.3	19.0	17.0	61.0	Bậc 4	
724	Nguyễn Phương Thảo	22D150138	K58D1	20.8	17.5	14.0	19.0	71.3	Bậc 5	
725	Hoàng Hương Thảo	22D150141	K58D1	21.7	18.3	16.0	23.0	79.0	Bậc 4	
726	Phạm Thanh Thảo	22D150144	K58D1	21.7	18.3	11.0	19.0	70.0	Bậc 3	
727	Đoàn Thị Minh Thuy	22D150148	K58D1	6.7	15.8	6.0	22.0	50.5	Bậc 5	
728	Nguyễn Thị Minh Thúy	22D150151	K58D1	20.0	23.3	10.0	22.0	75.3	Bậc 5	
729	Nguyễn Thanh Thu	22D150154	K58D1	20.8	22.5	20.0	24.0	87.3	Bậc 3	
730	Bùi Thị Mai Thương	22D150157	K58D1	10.0	12.5	14.0	14.0	50.5	Bậc 3	
731	Nguyễn Thùy Trang	22D150163	K58D1	10.0	13.3	15.0	14.0	52.3		Vắng 4 kỹ năng
732	Trần Thị Huyền Trang	22D150166	K58D1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Bậc 5	
733	Nguyễn Quỳnh Trâm	22D150169	K58D1	16.7	20.8	20.0	24.0	81.5	Bậc 5	
734	Đào Cẩm Vân	22D150173	K58D1	17.5	20.0	19.0	24.0	80.5	Bậc 5	
735	Hoàng Quốc Việt	22D150175	K58D1	20.0	21.7	14.0	22.0	77.7	Bậc 3	
736	Trần Quốc Việt	22D150176	K58D1	5.8	11.7	15.0	18.0	50.5	Bậc 3	
737	Phan Thị Xuân	22D150178	K58D1	12.5	13.3	8.0	18.0	51.8	Bậc 5	
738	Nguyễn Thị Dĩ An	22D150001	K58D2	21.7	21.7	21.0	18.0	82.4	Bậc 5	
739	Hoàng Ngọc Thê Anh	22D150006	K58D2	17.5	19.2	20.0	22.0	78.7	Bậc 5	
740	Nguyễn Mai Anh	22D150008	K58D2	16.7	18.3	20.0	21.0	76.0	Bậc 5	
741	Nguyễn Thị Lan Anh	22D150010	K58D2	19.2	20.0	20.0	20.0	79.2		Vắng 4 kỹ năng
742	Triệu Tú Anh	22D150014	K58D2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
743	Lương Thị Ngọc Ánh	22D150017	K58D2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Bậc 5	
744	Nguyễn Thị Minh Ánh	22D150021	K58D2	17.5	16.7	22.0	23.0	79.2		Vắng 4 kỹ năng
745	Trần Bá Ngọc Bảo	22D150025	K58D2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Bậc 4	
746	Bùi Thị Mai Chi	22D150027	K58D2	15.8	14.2	20.0	21.0	71.0	Bậc 5	
747	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	22D150039	K58D2	19.2	20.0	23.0	23.0	85.2	Bậc 5	
748	Nguyễn Hoài Thảo Đan	22D150042	K58D2	13.3	19.2	23.0	22.0	77.5	Bậc 3	
749	Trần Sỹ Đồng	22D150044	K58D2	21.7	12.5	5.0	18.0	57.2	Bậc 3	
750	Bàng Thanh Hà	22D150051	K58D2	10.8	12.5	16.0	11.0	50.3	Bậc 5	
751	Lê Thái Hà	22D150052	K58D2	16.7	24.2	18.0	18.0	76.9		Vắng 4 kỹ năng
752	Trần Thị Ngọc Hà	22D150056	K58D2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Bậc 5	
753	Trần Thị Ngọc Hiền	22D150063	K58D2	19.2	20.8	21.0	24.0	85.0	Bậc 4	
754	Nguyễn Thị Hoa	22D150066	K58D2	19.2	19.2	14.0	18.0	70.4	Bậc 5	
755	Bùi Quang Huy	22D150070	K58D2	23.3	20.0	16.0	24.0	83.3	Bậc 4	
756	Nguyễn Khánh Huy	22D150072	K58D2	17.5	18.3	14.0	18.0	67.8		

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
757	Lê Khánh Huyền	22D150073	K58D2	17.5	18.3	20.0	24.0	79.8	Bậc 5	
758	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22D150075	K58D2	18.3	24.2	19.0	23.0	84.5	Bậc 5	
759	Đinh Thị Hường	22D150078	K58D2	10.8	9.2	0.0	12.0	32.0		
760	Đặng Văn Hường	22D150080	K58D2	15.8	22.5	21.0	22.0	81.3	Bậc 5	
761	Nguyễn Duy Khánh	22D150082	K58D2	15.8	15.8	19.0	20.0	70.6	Bậc 4	
762	Nguyễn Thục Khánh	22D150083	K58D2	18.3	22.5	19.0	20.0	79.8	Bậc 5	
763	Nguyễn Thị Tuyết Lan	22D150086	K58D2	12.5	18.3	19.0	21.0	70.8	Bậc 4	
764	Hoàng Thị Ngọc Lê	22D150089	K58D2	21.7	23.3	18.0	23.0	86.0	Bậc 5	
765	Đào Khánh Linh	22D150092	K58D2	18.3	22.5	19.0	21.0	80.8	Bậc 5	
766	Mai Khánh Linh	22D150095	K58D2	22.5	19.2	22.0	23.0	86.7	Bậc 5	
767	Phạm Thị Khánh Linh	22D150098	K58D2	20.0	22.5	21.0	24.0	87.5	Bậc 5	
768	Vũ Thùy Linh	22D150101	K58D2	15.8	23.3	19.0	22.0	80.1	Bậc 5	
769	Nguyễn Thị Kiều Ly	22D150107	K58D2	15.0	15.0	16.0	22.0	68.0	Bậc 4	
770	Hoàng Huyền Mai	22D150110	K58D2	19.2	15.0	20.0	23.0	77.2	Bậc 5	
771	Vũ Thị Mai	22D150113	K58D2	17.5	15.0	21.0	23.0	76.5	Bậc 5	
772	Nguyễn Trà My	22D150116	K58D2	20.0	17.5	20.0	21.0	78.5	Bậc 5	
773	Bùi Phương Nga	22D150119	K58D2	21.7	20.0	15.0	15.0	71.7	Bậc 4	
774	Trần Thảo Nguyên	22D150126	K58D2	9.2	11.7	5.0	16.0	41.9		
775	Đoàn Lê Tâm Như	22D150129	K58D2	21.7	24.2	19.0	18.0	82.9	Bậc 5	
776	Biện Thế Sơn	22D150136	K58D2	20.8	25.0	19.0	20.0	84.8	Bậc 5	
777	Đinh Thị Phương Thảo	22D150139	K58D2	13.3	19.2	4.0	16.0	52.5	Bậc 3	
778	Lê Thị Thảo	22D150142	K58D2	20.8	11.7	10.0	20.0	62.5	Bậc 3	
779	Trần Thị Phương Thảo	22D150145	K58D2	20.8	14.2	13.0	20.0	68.0	Bậc 4	
780	Sền Ngọc Thái	22D150146	K58D2	21.7	19.2	14.0	19.0	73.9	Bậc 4	
781	Đinh Phương Thúy	22D150149	K58D2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
782	Phạm Thị Thanh Thúy	22D150152	K58D2	11.7	22.5	20.0	22.0	76.2	Bậc 5	
783	Nông Ánh Thư	22D150155	K58D2	15.8	18.3	17.0	14.0	65.1	Bậc 4	
784	Đặng Thùy Trang	22D150158	K58D2	18.3	24.2	22.0	24.0	88.5	Bậc 5	
785	Mai Thị Trang	22D150161	K58D2	17.5	20.8	18.0	23.0	79.3	Bậc 5	
786	Phạm Hoàng Khánh Trang	22D150164	K58D2	9.2	17.5	15.0	18.0	59.7	Bậc 3	
787	Bùi Mai Trinh	22D150170	K58D2	16.7	20.0	15.0	20.0	71.7	Bậc 4	
788	Trần Đức Trí	22D150171	K58D2	16.7	24.2	19.0	20.0	79.9	Bậc 5	
789	Nguyễn Vũ Hải Vân	22D150174	K58D2	17.5	19.2	18.0	18.0	72.7	Bậc 4	
790	Nguyễn Thị Hải Yến	22D150179	K58D2	7.5	16.7	11.0	16.0	51.2	Bậc 3	
791	Trần Thị Diệu An	22D150003	K58D3	20.8	23.3	20.0	20.0	84.1	Bậc 5	
792	Bùi Thị Phương Anh	22D150005	K58D3	15.8	14.2	20.0	21.0	71.0	Bậc 4	
793	Nguyễn Hồng Anh	22D150007	K58D3	15.8	20.0	18.0	19.0	72.8	Bậc 4	
794	Nguyễn Phương Anh	22D150009	K58D3	21.7	25.0	19.0	20.0	85.7	Bậc 5	
795	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	22D150011	K58D3	10.0	14.2	13.0	13.0	50.2	Bậc 3	
796	Vi Thị Lan Anh	22D150015	K58D3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
797	Bùi Thị Ánh	22D150018	K58D3	8.3	16.7	15.0	13.0	53.0	Bậc 3	
798	Nguyễn Ngọc Ánh	22D150019	K58D3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
799	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	22D150022	K58D3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
800	Lương Hải Chi	22D150028	K58D3	15.0	11.7	14.0	15.0	55.7	Bậc 3	
801	Trần Hà Chi	22D150030	K58D3	16.7	20.0	22.0	19.0	77.7	Bậc 5	
802	Nguyễn Thị Hồng Diệp	22D150033	K58D3	19.2	18.3	22.0	22.0	81.5	Bậc 5	
803	Nguyễn Phương Dung	22D150035	K58D3	14.2	20.0	18.0	21.0	73.2	Bậc 4	
804	Nguyễn Thị Thùy Dung	22D150037	K58D3	16.7	19.2	15.0	21.0	71.9	Bậc 4	
805	Kiều Thị Thùy Dương	22D150040	K58D3	20.0	18.3	20.0	21.0	79.3	Bậc 5	
806	Vũ Trọng Minh Đức	22D150046	K58D3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
807	Hà Thị Gấm	22D150047	K58D3	19.2	17.5	19.0	21.0	76.7	Bậc 5	
808	Vũ Thị Hương Giang	22D150050	K58D3	15.8	14.2	14.0	15.0	59.0	Bậc 3	
809	Nguyễn Đức Hà	22D150053	K58D3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
810	Nguyễn Thúy Hà	22D150054	K58D3	12.5	15.8	19.0	19.0	66.3	Bậc 4	
811	Trương Thúy Hằng	22D150059	K58D3	19.2	15.8	14.0	20.0	69.0	Bậc 4	
812	Vũ Thị Thanh Hiền	22D150064	K58D3	11.7	15.8	15.0	17.0	59.5	Bậc 3	
813	Lê Phương Huyền	22D150074	K58D3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
814	Tô Thị Huyền	22D150076	K58D3	15.0	20.8	17.0	18.0	70.8	Bậc 4	
815	Ma Thị Khánh Hường	22D150079	K58D3	11.7	17.5	17.0	13.0	59.2	Bậc 3	
816	Nguyễn Ngọc Lan	22D150084	K58D3	11.7	21.7	20.0	20.0	73.4	Bậc 4	
817	Phạm Thị Lan	22D150087	K58D3	14.2	14.2	17.0	19.0	64.4	Bậc 3	
818	Phương Thị Liên	22D150090	K58D3	10.0	15.0	10.0	6.0	41.0		
819	Lê Nhật Linh	22D150093	K58D3	20.8	22.5	18.0	21.0	82.3	Bậc 5	
820	Nguyễn Diệu Linh	22D150096	K58D3	10.8	15.8	19.0	21.0	66.6	Bậc 4	
821	Vũ Lê Khánh Linh	22D150099	K58D3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
822	Giáp Thị Bích Loan	22D150102	K58D3	11.7	21.7	16.0	13.0	62.4	Bậc 3	
823	Bùi Khánh Ly	22D150105	K58D3	15.0	18.3	18.0	13.0	64.3	Bậc 3	
824	Nguyễn Thị Xuân Mai	22D150111	K58D3	17.5	19.2	17.0	20.0	73.7	Bậc 4	
825	Hà Thị Huyền My	22D150114	K58D3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
826	Phạm Thị Mỹ	22D150117	K58D3	18.3	20.0	11.0	18.0	67.3	Bậc 4	
827	Bùi Thị Hằng Nga	22D150120	K58D3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
828	Nguyễn Thị Như	22D150130	K58D3	19.2	23.3	24.0	20.0	86.5	Bậc 5	
829	Nguyễn Thu Phương	22D150133	K58D3	17.5	19.2	16.0	22.0	74.7	Bậc 4	
830	Lê Thị Thanh Tâm	22D150137	K58D3	5.8	11.7	6.0	17.0	40.5		
831	Đỗ Hà Thạch Thảo	22D150140	K58D3	19.2	24.2	15.0	17.0	75.4	Bậc 5	
832	Nguyễn Thị Phương Thảo	22D150143	K58D3	15.8	20.0	14.0	16.0	65.8	Bậc 4	
833	Nguyễn Thị Thúy	22D150150	K58D3	13.3	20.0	20.0	23.0	76.3	Bậc 5	
834	Trần Thị Thư	22D150156	K58D3	13.3	15.0	7.0	15.0	50.3	Bậc 3	
835	Nguyễn Huyền Trang	22D150162	K58D3	5.0	10.0	2.0	9.0	26.0		
836	Nguyễn Anh Trà	22D150168	K58D3	17.5	21.7	19.0	22.0	80.2	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
837	Lý Thị Khả Tú	22D150172	K58D3	17.5	19.2	16.0	21.0	73.7	Bậc 4	
838	Nguyễn Hà Vy	22D150177	K58D3	19.2	21.7	15.0	19.0	74.9	Bậc 4	
839	Nguyễn Thị An	22D270001	K58DC1	12.5	13.3	14.0	13.0	52.8	Bậc 3	
840	Dương Thị Thùy Anh	22D270003	K58DC1	15.0	20.8	21.0	20.0	76.8	Bậc 5	
841	Hà Thị Lan Anh	22D270004	K58DC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
842	Trần Thị Quỳnh Anh	22D270009	K58DC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
843	Vũ Thị Kỳ Duyên	22D270016	K58DC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
844	Trần Thế Độ	22D270018	K58DC1	15.0	17.5	17.0	18.0	67.5	Bậc 4	
845	Vũ Anh Đức	22D270019	K58DC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
846	Trần Thu Hà	22D270021	K58DC1	15.8	16.7	17.0	17.0	66.5	Bậc 4	
847	Đặng Minh Hiếu	22D270026	K58DC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
848	Nguyễn Như Hoàng	22D270029	K58DC1	8.3	10.8	17.0	17.0	53.1	Bậc 3	
849	Phạm Lê Khánh Huyền	22D270033	K58DC1	5.8	19.2	20.0	18.0	63.0	Bậc 3	
850	Hà Hải Kiều	22D270039	K58DC1	13.3	20.8	16.0	14.0	64.1	Bậc 3	
851	Nguyễn Thị Minh Kiều	22D270041	K58DC1	15.8	17.5	13.0	19.0	65.3	Bậc 4	
852	Đỗ Thị Phương Linh	22D270044	K58DC1	15.8	20.8	23.0	20.0	79.6	Bậc 5	
853	Thân Khánh Ly	22D270046	K58DC1	17.5	15.8	14.0	20.0	67.3	Bậc 4	
854	Nguyễn Đức Minh	22D270048	K58DC1	21.7	25.0	24.0	22.0	92.7	Bậc 5	
855	Nguyễn Thị Trà My	22D270049	K58DC1	7.5	13.3	14.0	16.0	50.8	Bậc 3	
856	Lê Thị Kim Ngân	22D270051	K58DC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
857	Trần Mai Ngân	22D270053	K58DC1	17.5	22.5	16.0	21.0	77.0	Bậc 5	
858	Nguyễn Thị Thu Phương	22D270061	K58DC1	14.2	14.2	19.0	21.0	68.4	Bậc 4	
859	Phạm Hà Minh Quân	22D270064	K58DC1	16.7	23.3	18.0	18.0	76.0	Bậc 5	
860	Trần Tú Quỳnh	22D270068	K58DC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
861	Hoàng Anh Sáng	22D270069	K58DC1	13.3	12.5	12.0	18.0	55.8	Bậc 3	
862	Lê Phương Thảo	22D270073	K58DC1	13.3	16.7	9.0	14.0	53.0	Bậc 3	
863	Nguyễn Thanh Thảo	22D270075	K58DC1	15.8	21.7	16.0	20.0	73.5	Bậc 4	
864	Trần Văn Thái	22D270078	K58DC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
865	Nguyễn Mạnh Thông	22D270080	K58DC1	15.8	15.8	13.0	14.0	58.6	Bậc 3	
866	Nguyễn Minh Thư	22D270084	K58DC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
867	Phạm Phương Trang	22D270091	K58DC1	17.5	21.7	19.0	20.0	78.2	Bậc 5	
868	Nguyễn Thị Tú Uyên	22D270094	K58DC1	10.8	13.3	12.0	17.0	53.1	Bậc 3	
869	Nguyễn Thị Nguyệt Yên	22D270099	K58DC1	18.3	20.0	17.0	17.0	72.3	Bậc 4	
870	Lang Thị Châu Anh	22D270002	K58DC2	15.8	14.2	12.0	15.0	57.0	Bậc 3	
871	Nguyễn Thế Anh	22D270005	K58DC2	15.8	19.2	17.0	15.0	67.0	Bậc 4	
872	Nguyễn Thị Phương Anh	22D270006	K58DC2	16.7	19.2	13.0	21.0	69.9	Bậc 4	
873	Phạm Thị Ngọc Ánh	22D270012	K58DC2	14.2	14.2	17.0	15.0	60.4	Bậc 3	
874	Mai Ngọc Diệu	22D270014	K58DC2	16.7	20.0	10.0	17.0	63.7	Bậc 3	
875	Phan Hải Dương	22D270017	K58DC2	20.8	20.0	20.0	19.0	79.8	Bậc 5	
876	Đặng Hương Giang	22D270020	K58DC2	19.2	20.8	18.0	17.0	75.0	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
877	Phùng Thành Hào	22D270022	K58DC2	19.2	24.2	22.0	21.0	86.4	Bậc 5	
878	Nguyễn Minh Hằng	22D270023	K58DC2	16.7	24.2	17.0	21.0	78.9	Bậc 5	
879	Vũ Nguyễn Minh Hoàng	22D270030	K58DC2	16.7	25.0	18.0	17.0	76.7	Bậc 5	
880	Nguyễn Thị Nữ Huyền	22D270032	K58DC2	17.5	24.2	10.0	14.0	65.7	Bậc 4	
881	Phạm Thị Thu Huyền	22D270034	K58DC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
882	Hoàng Ngọc Kiều	22D270040	K58DC2	13.3	5.0	11.0	14.0	43.3		
883	Đặng Thị Phương Lam	22D270042	K58DC2	15.8	12.5	21.0	20.0	69.3	Bậc 4	
884	Nguyễn Tùng Lâm	22D270043	K58DC2	18.3	21.7	21.0	21.0	82.0	Bậc 5	
885	Lương Yến Linh	22D270045	K58DC2	13.3	16.7	22.0	20.0	72.0	Bậc 4	
886	Nguyễn Phương Mai	22D270047	K58DC2	17.5	21.7	21.0	20.0	80.2	Bậc 5	
887	Nguyễn Thị Ngà	22D270050	K58DC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
888	Trần Thu Ngân	22D270054	K58DC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
889	Lê Thị Ánh Ngọc	22D270056	K58DC2	19.2	18.3	21.0	25.0	83.5	Bậc 5	
890	Nguyễn Thị Quỳnh Như	22D270058	K58DC2	11.7	15.8	15.0	14.0	56.5	Bậc 3	
891	Nguyễn Mai Phương	22D270060	K58DC2	15.0	20.0	17.0	20.0	72.0	Bậc 4	
892	Phan Thị Phụng	22D270062	K58DC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
893	Nguyễn Minh Quân	22D270063	K58DC2	10.0	16.7	18.0	20.0	64.7	Bậc 3	
894	Phí Ngọc Quyết	22D270065	K58DC2	11.7	13.3	12.0	7.0	44.0		
895	Phạm Đoàn Như Quỳnh	22D270067	K58DC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
896	Trần Thị Tâm	22D270070	K58DC2	11.7	18.3	21.0	23.0	74.0	Bậc 4	
897	Lưu Thị Bích Thảo	22D270074	K58DC2	13.3	18.3	11.0	18.0	60.6	Bậc 3	
898	Triệu Phương Thảo	22D270076	K58DC2	12.5	18.3	20.0	16.0	66.8	Bậc 4	
899	Đỗ Thị Thanh Thư	22D270083	K58DC2	19.2	15.8	22.0	23.0	80.0	Bậc 5	
900	Nguyễn Thị Thu Trang	22D270090	K58DC2	10.0	13.3	17.0	21.0	61.3	Bậc 3	
901	Phùng Thị Thu Trang	22D270092	K58DC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
902	Hoàng Hải Yến	22D270098	K58DC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
903	Đặng Minh Anh	22D155001	K58DD1	23.3	24.2	21.0	21.0	89.5	Bậc 5	
904	Hà Thị Phương Anh	22D155003	K58DD1	19.2	23.3	22.0	25.0	89.5	Bậc 5	
905	Lê Hà Phương Anh	22D155005	K58DD1	25.0	24.2	23.0	23.0	95.2	Bậc 5	
906	Phan Diễm Quỳnh Anh	22D155007	K58DD1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
907	Tổng Diệu Anh	22D155009	K58DD1	25.0	23.3	13.0	25.0	86.3	Bậc 5	
908	Trương Thị Quỳnh Anh	22D155011	K58DD1	25.0	22.5	19.0	22.0	88.5	Bậc 5	
909	Nguyễn Thị Thảo Chi	22D155014	K58DD1	25.0	20.8	19.0	23.0	87.8	Bậc 5	
910	Đặng Thị Hồng Dịu	22D155016	K58DD1	22.5	17.5	12.0	20.0	72.0	Bậc 4	
911	Phương Quý Dương	22D155018	K58DD1	18.3	18.3	19.0	20.0	75.6	Bậc 5	
912	Vũ Thị Hương Giang	22D155019	K58DD1	18.3	20.8	20.0	24.0	83.1	Bậc 5	
913	Trần Thái Hà	22D155020	K58DD1	25.0	20.8	19.0	19.0	83.8	Bậc 5	
914	Nguyễn Thu Hiền	22D155024	K58DD1	24.2	20.8	14.0	19.0	78.0	Bậc 5	
915	Hoàng Thị Mai Hoa	22D155027	K58DD1	24.2	23.3	19.0	23.0	89.5	Bậc 5	
916	Nguyễn Khánh Hòa	22D155029	K58DD1	25.0	23.3	13.0	22.0	83.3	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
917	Nguyễn Thị Thu Huyền	22D155031	K58DD1	25.0	24.2	21.0	22.0	92.2	Bậc 5	
918	Nguyễn Hoàng Lan	22D155035	K58DD1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
919	Lê Nguyễn Hải Linh	22D155037	K58DD1	24.2	22.5	15.0	22.0	83.7	Bậc 5	
920	Nguyễn Mai Linh	22D155039	K58DD1	23.3	19.2	23.0	16.0	81.5	Bậc 5	
921	Nguyễn Thị Diệu Linh	22D155041	K58DD1	20.8	24.2	17.0	22.0	84.0	Bậc 5	
922	Triệu Mẫn	22D155045	K58DD1	20.8	23.3	21.0	22.0	87.1	Bậc 5	
923	Phạm Hồng Ngân	22D155047	K58DD1	25.0	23.3	22.0	23.0	93.3	Bậc 5	
924	Phạm Hồng Ngọc	22D155050	K58DD1	25.0	23.3	17.0	20.0	85.3	Bậc 5	
925	Nguyễn Phương Nhi	22D155052	K58DD1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
926	Yên Thị Hồng Nhung	22D155054	K58DD1	17.5	20.8	20.0	17.0	75.3	Bậc 5	
927	Ngô Thị Như Quỳnh	22D155057	K58DD1	22.5	20.0	21.0	20.0	83.5	Bậc 5	
928	Chu Thị Thanh Thảo	22D155059	K58DD1	23.3	22.5	23.0	22.0	90.8	Bậc 5	
929	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	22D155061	K58DD1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
930	Nguyễn Thị Phương Thoa	22D155063	K58DD1	23.3	24.2	23.0	23.0	93.5	Bậc 5	
931	Trần Thị Minh Thuý	22D155065	K58DD1	20.0	15.0	19.0	23.0	77.0	Bậc 5	
932	Phạm Thị Thu Thủy	22D155067	K58DD1	25.0	18.3	21.0	22.0	86.3	Bậc 5	
933	Nguyễn Thị Thủy Trang	22D155069	K58DD1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
934	Trần Thu Trang	22D155071	K58DD1	25.0	20.0	21.0	22.0	88.0	Bậc 5	
935	Võ Hoàng Lê Vy	22D155073	K58DD1	25.0	16.7	8.0	21.0	70.7	Bậc 4	
936	Đỗ Nguyễn Tú Anh	22D155002	K58DD2	19.2	13.3	15.0	20.0	67.5	Bậc 4	
937	Kiều Thị Mai Anh	22D155004	K58DD2	12.5	16.7	20.0	21.0	70.2	Bậc 4	
938	Lê Thị Anh	22D155006	K58DD2	13.3	20.8	17.0	20.0	71.1	Bậc 4	
939	Phạm Quỳnh Anh	22D155008	K58DD2	12.5	21.7	22.0	19.0	75.2	Bậc 5	
940	Trương Ngọc Anh	22D155010	K58DD2	15.0	19.2	14.0	22.0	70.2	Bậc 4	
941	Lê Thảo Chi	22D155013	K58DD2	15.0	19.2	23.0	23.0	80.2	Bậc 5	
942	Nguyễn Nữ Ngọc Diệp	22D155015	K58DD2	19.2	23.3	20.0	23.0	85.5	Bậc 5	
943	Nguyễn Tùng Dương	22D155017	K58DD2	17.5	17.5	21.0	21.0	77.0	Bậc 5	
944	Trần Vũ Ngọc Hà	22D155021	K58DD2	20.0	22.5	13.0	22.0	77.5	Bậc 5	
945	Vũ Gia Hân	22D155023	K58DD2	14.2	24.2	23.0	22.0	83.4	Bậc 5	
946	Trần Thu Hiền	22D155025	K58DD2	11.7	21.7	0.0	21.0	54.4	Bậc 3	
947	Nguyễn Tất Hiếu	22D155026	K58DD2	15.0	20.0	21.0	22.0	78.0	Bậc 5	
948	Nguyễn Quỳnh Hoa	22D155028	K58DD2	14.2	21.7	16.0	23.0	74.9	Bậc 4	
949	Trịnh Minh Huyền	22D155032	K58DD2	13.3	20.8	23.0	21.0	78.1	Bậc 5	
950	Vũ Duy Khánh	22D155033	K58DD2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
951	Đặng Thái Thủy Linh	22D155036	K58DD2	10.8	15.0	20.0	20.0	65.8	Bậc 4	
952	Nguyễn Khánh Linh	22D155038	K58DD2	14.2	20.8	16.0	22.0	73.0	Bậc 4	
953	Nguyễn Thị Linh	22D155040	K58DD2	11.7	14.2	22.0	21.0	68.9	Bậc 4	
954	Hoàng Ngọc Mai	22D155044	K58DD2	18.3	18.3	23.0	22.0	81.6	Bậc 5	
955	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	22D155049	K58DD2	18.3	17.5	21.0	23.0	79.8	Bậc 5	
956	Nguyễn Thiện Nhân	22D155051	K58DD2	14.2	16.7	23.0	22.0	75.9	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
957	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	22D155053	K58DD2	13.3	22.5	18.0	22.0	75.8	Bậc 5	
958	Đặng Thị Thu Thanh	22D155058	K58DD2	11.7	16.7	15.0	22.0	65.4	Bậc 4	
959	Lê Phương Thảo	22D155060	K58DD2	13.3	16.7	13.0	22.0	65.0	Bậc 4	
960	Đặng Thị Thoa	22D155062	K58DD2	13.3	8.3	22.0	22.0	65.6	Bậc 4	
961	Lê Thị Thanh Thủy	22D155064	K58DD2	13.3	20.0	22.0	21.0	76.3	Bậc 5	
962	Lương Minh Thùy	22D155066	K58DD2	9.2	15.0	11.0	19.0	54.2	Bậc 3	
963	Phạm Thùy Tiên	22D155068	K58DD2	20.0	24.2	24.0	23.0	91.2	Bậc 5	
964	Trần Huyền Trang	22D155070	K58DD2	19.2	24.2	23.0	23.0	89.4	Bậc 5	
965	Đào Thị Lan Anh	22D151001	K58DI1	9.2	15.0	11.0	22.0	57.2	Bậc 3	
966	Lê Thị Lan Anh	22D151002	K58DI1	14.2	20.8	23.0	22.0	80.0	Bậc 5	
967	Phạm Vũ Hồng Anh	22D151003	K58DI1	17.5	20.0	15.0	22.0	74.5	Bậc 4	
968	Nguyễn Thị Linh Chi	22D151004	K58DI1	15.8	21.7	21.0	22.0	80.5	Bậc 5	
969	Trần Thành Công	22D151005	K58DI1	15.8	25.0	14.0	20.0	74.8	Bậc 4	
970	Ngô Thị Thiên Dịu	22D151006	K58DI1	10.0	14.2	0.0	20.0	44.2		
971	Nguyễn Thùy Dương	22D151007	K58DI1	13.3	20.8	22.0	22.0	78.1	Bậc 5	
972	Trần Hương Giang	22D151008	K58DI1	15.0	17.5	22.0	22.0	76.5	Bậc 5	
973	Trần Hoàng Hải	22D151009	K58DI1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
974	Bùi Thu Hiền	22D151010	K58DI1	14.2	19.2	16.0	22.0	71.4	Bậc 4	
975	Đào Khánh Huyền	22D151011	K58DI1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
976	Nguyễn Khánh Huyền	22D151012	K58DI1	15.0	20.8	21.0	20.0	76.8	Bậc 5	
977	Vũ Thị Thu Hương	22D151013	K58DI1	15.8	23.3	18.0	20.0	77.1	Bậc 5	
978	Phan Vũ Khánh Ly	22D151015	K58DI1	18.3	24.2	21.0	21.0	84.5	Bậc 5	
979	Trần Bảo Ngọc	22D151016	K58DI1	15.0	16.7	18.0	22.0	71.7	Bậc 4	
980	Nguyễn Hoàng Nhật	22D151017	K58DI1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
981	Trương Yến Nhi	22D151018	K58DI1	9.2	14.2	0.0	17.0	40.4		
982	Cao Mạnh Quân	22D151019	K58DI1	17.5	24.2	23.0	22.0	86.7	Bậc 5	
983	Đào Mai Quỳnh	22D151020	K58DI1	16.7	23.3	16.0	20.0	76.0	Bậc 5	
984	Tạ Thị Thùy Tâm	22D151021	K58DI1	10.0	15.8	21.0	20.0	66.8	Bậc 4	
985	Hoàng Phương Thùy	22D151022	K58DI1	15.0	20.0	15.0	19.0	69.0	Bậc 4	
986	Dương Anh Tuấn	22D151024	K58DI1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
987	Phạm Tạ Thanh An	22D290001	K58DK1	16.7	24.2	18.0	18.0	76.9	Bậc 5	
988	Nguyễn Hoàng Anh	22D290004	K58DK1	19.2	21.7	13.0	22.0	75.9	Bậc 5	
989	Nguyễn Hoàng Duy Anh	22D290005	K58DK1	20.8	23.3	24.0	22.0	90.1	Bậc 5	
990	Nguyễn Lâm Anh	22D290006	K58DK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
991	Nguyễn Thị Mai Anh	22D290007	K58DK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
992	Nguyễn Thùy Anh	22D290009	K58DK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
993	Nguyễn Tùng Anh	22D290011	K58DK1	18.3	20.8	18.0	20.0	77.1	Bậc 5	
994	Lưu Thị Ánh	22D290013	K58DK1	16.7	20.0	3.0	15.0	54.7	Bậc 3	
995	Nguyễn Hùng Bách	22D290017	K58DK1	17.5	20.8	5.0	15.0	58.3	Bậc 3	
996	Nguyễn Thị Kim Chi	22D290019	K58DK1	14.2	15.8	10.0	20.0	60.0	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
997	Trịnh Yến Chi	22D290020	K58DK1	19.2	16.7	15.0	21.0	71.9	Bậc 4	
998	Nguyễn Thị Thùy Dung	22D290023	K58DK1	12.5	13.3	18.0	20.0	63.8	Bậc 3	
999	Nguyễn Thị Bình Dương	22D290027	K58DK1	15.0	19.2	16.0	21.0	71.2	Bậc 4	
1000	Hoàng Xuân Đạt	22D290028	K58DK1	13.3	22.5	20.0	11.0	66.8	Bậc 4	
1001	Lê Minh Đức	22D290030	K58DK1	14.2	21.7	19.0	21.0	75.9	Bậc 5	
1002	Phạm Anh Đức	22D290031	K58DK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1003	Hà Thị Linh Giang	22D290032	K58DK1	15.8	19.2	23.0	21.0	79.0	Bậc 5	
1004	Nguyễn Thị Hương Giang	22D290034	K58DK1	17.5	16.7	9.0	21.0	64.2	Bậc 3	
1005	Lê Ngọc Hà	22D290035	K58DK1	19.2	25.0	24.0	23.0	91.2	Bậc 5	
1006	Nguyễn Ngân Hà	22D290037	K58DK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1007	Trần Ngọc Hà	22D290039	K58DK1	18.3	24.2	23.0	22.0	87.5	Bậc 5	
1008	Lương Xuân Hạ	22D290040	K58DK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1009	Dương Hùng Hiệp	22D290042	K58DK1	20.8	23.3	20.0	22.0	86.1	Bậc 5	
1010	Hứa Thị Hồng Hoa	22D290044	K58DK1	12.5	19.2	18.0	19.0	68.7	Bậc 4	
1011	Phạm Thị Khánh Huyền	22D290047	K58DK1	17.5	20.8	21.0	21.0	80.3	Bậc 5	
1012	Phùng Việt Hưng	22D290049	K58DK1	20.0	23.3	15.0	21.0	79.3	Bậc 5	
1013	Đào Thị Ngọc Lan	22D290053	K58DK1	10.0	15.8	3.0	14.0	42.8		
1014	Bùi Thị Hải Linh	22D290055	K58DK1	7.5	14.2	10.0	19.0	50.7	Bậc 3	
1015	Nguyễn Hà Linh	22D290059	K58DK1	10.8	16.7	19.0	21.0	67.5	Bậc 4	
1016	Nguyễn Thuỳ Linh	22D290061	K58DK1	10.8	17.5	10.0	13.0	51.3	Bậc 3	
1017	Trần Khánh Linh	22D290063	K58DK1	17.5	24.2	22.0	22.0	85.7	Bậc 5	
1018	Lê Thị Hoàng Mai	22D290066	K58DK1	13.3	23.3	25.0	23.0	84.6	Bậc 5	
1019	Đinh Trà My	22D290070	K58DK1	15.0	21.7	20.0	21.0	77.7	Bậc 5	
1020	Trần Thị Trà My	22D290072	K58DK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1021	Đinh Văn Nam	22D290074	K58DK1	9.2	6.7	0.0	0.0	15.9		Vắng KN nói, Vắng KN viết
1022	Nguyễn Bích Ngọc	22D290075	K58DK1	16.7	24.2	17.0	14.0	71.9	Bậc 4	
1023	Ngô Thị Nhân	22D290078	K58DK1	16.7	22.5	6.0	13.0	58.2	Bậc 3	
1024	Lương Uyên Nhi	22D290080	K58DK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1025	Đinh Thị Hồng Nhung	22D290082	K58DK1	10.8	15.0	17.0	22.0	64.8	Bậc 3	
1026	Vũ Thị Oanh	22D290084	K58DK1	15.8	15.0	18.0	23.0	71.8	Bậc 4	
1027	Nguyễn Quỳnh Phương	22D290088	K58DK1	7.5	12.5	16.0	21.0	57.0	Bậc 3	
1028	Trần Anh Phương	22D290090	K58DK1	16.7	21.7	22.0	22.0	82.4	Bậc 5	
1029	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	22D290093	K58DK1	15.0	20.0	15.0	20.0	70.0	Bậc 4	
1030	Lê Văn Sinh	22D290095	K58DK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1031	Chu Thị Hoài Tân	22D290097	K58DK1	15.8	18.3	16.0	20.0	70.1	Bậc 4	
1032	Hà Minh Tân	22D290098	K58DK1	21.7	24.2	21.0	22.0	88.9	Bậc 5	
1033	Vũ Quang Thái	22D290101	K58DK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1034	Trần Thị Hồng Thắm	22D290102	K58DK1	12.5	12.5	10.0	18.0	53.0	Bậc 3	
1035	Nguyễn Đức Thắng	22D290104	K58DK1	12.5	21.7	23.0	19.0	76.2	Bậc 5	
1036	Nguyễn Thị Thùy	22D290107	K58DK1	18.3	17.5	20.0	22.0	77.8	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
										Vắng 4 kỹ năng
1037	Lê Thị Quỳnh Trang	22D290109	K58DK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Bậc 4	
1038	Nguyễn Thùy Trang	22D290111	K58DK1	13.3	22.5	17.0	22.0	74.8	Bậc 5	
1039	Mai Thị Ngân Trà	22D290113	K58DK1	15.0	23.3	19.0	20.0	77.3	Bậc 4	
1040	Đỗ Mạnh Tùng	22D290115	K58DK1	13.3	17.5	18.0	19.0	67.8	Bậc 4	
1041	Nông Thu Uyên	22D290116	K58DK1	10.0	16.7	19.0	20.0	65.7	Bậc 3	
1042	Trần Mai Anh	22D290002	K58DK2	9.2	10.8	16.0	14.0	50.0	Bậc 3	
1043	Đàm Thị Hoài Anh	22D290003	K58DK2	11.7	15.0	15.0	20.0	61.7	Bậc 4	
1044	Nguyễn Thị Vân Anh	22D290008	K58DK2	13.3	18.3	21.0	21.0	73.6	Bậc 5	
1045	Nguyễn Tuấn Anh	22D290010	K58DK2	21.7	24.2	22.0	22.0	89.9	Bậc 3	
1046	Đào Thị Ánh	22D290012	K58DK2	9.2	14.2	14.0	14.0	51.4	Bậc 4	
1047	Nguyễn Thị Minh Ánh	22D290014	K58DK2	16.7	15.8	21.0	19.0	72.5	Bậc 3	
1048	Hoàng Gia Bảo	22D290015	K58DK2	11.7	16.7	16.0	14.0	58.4	Bậc 3	
1049	Phan Thị Hoài Bảo	22D290016	K58DK2	13.3	9.2	14.0	14.0	50.5	Bậc 3	
1050	Vũ Văn Cảnh	22D290018	K58DK2	9.2	15.8	12.0	13.0	50.0	Bậc 3	
1051	Đỗ Thành Chung	22D290021	K58DK2	10.8	15.8	10.0	14.0	50.6	Bậc 3	
1052	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	22D290022	K58DK2	10.0	17.5	18.0	17.0	62.5	Bậc 5	
1053	Lê Mỹ Duyên	22D290024	K58DK2	18.3	25.0	15.0	18.0	76.3		Vắng 4 kỹ năng
1054	Lê Trung Dũng	22D290025	K58DK2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1055	Lê Thùy Dương	22D290026	K58DK2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		
1056	Nguyễn Quang Đông	22D290029	K58DK2	7.5	21.7	19.0	18.0	66.2	Bậc 4	
1057	Nguyễn Hương Giang	22D290033	K58DK2	15.0	20.8	22.0	24.0	81.8	Bậc 4	
1058	Nguyễn Minh Hà	22D290036	K58DK2	10.8	16.7	22.0	24.0	73.5	Bậc 5	
1059	Phạm Thu Hà	22D290038	K58DK2	14.2	19.2	20.0	22.0	75.4	Bậc 3	
1060	Bé Thị Mỹ Hạnh	22D290041	K58DK2	10.0	15.0	14.0	18.0	57.0	Bậc 3	
1061	Nguyễn Huy Hiệu	22D290043	K58DK2	14.2	17.5	12.0	19.0	62.7		Vắng 4 kỹ năng
1062	Tổng Lê Hòa	22D290045	K58DK2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		
1063	Nguyễn Ánh Hồng	22D290046	K58DK2	6.7	12.5	6.0	19.0	44.2	Bậc 5	
1064	Ứng Thị Phương Huyền	22D290048	K58DK2	14.2	24.2	24.0	22.0	84.4	Bậc 4	
1065	Mai Thị Hương	22D290051	K58DK2	14.2	20.8	15.0	19.0	69.0	Bậc 3	
1066	Nguyễn Ngọc Lan	22D290054	K58DK2	10.0	13.3	18.0	20.0	61.3		Vắng 4 kỹ năng
1067	Bùi Thị Ngọc Linh	22D290056	K58DK2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Bậc 4	
1068	Lê Phương Linh	22D290058	K58DK2	13.3	20.8	18.0	22.0	74.1	Bậc 3	
1069	Nguyễn Tôn Khánh Linh	22D290062	K58DK2	12.5	20.8	12.0	19.0	64.3	Bậc 3	
1070	Ngô Thị Ly	22D290065	K58DK2	14.2	18.3	11.0	18.0	61.5	Bậc 4	
1071	Trịnh Thị Tuyết Mai	22D290067	K58DK2	15.0	16.7	12.0	22.0	65.7	Bậc 5	
1072	Phạm Đỗ Mạnh	22D290068	K58DK2	18.3	25.0	23.0	24.0	90.3		Vắng 4 kỹ năng
1073	Nguyễn Văn Mùi	22D290069	K58DK2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Bậc 4	
1074	Phạm Hà My	22D290071	K58DK2	11.7	19.2	20.0	24.0	74.9	Bậc 5	
1075	Nguyễn Thanh Nhân	22D290077	K58DK2	13.3	18.3	22.0	24.0	77.6		Vắng 4 kỹ năng
1076	Bùi Yến Nhi	22D290079	K58DK2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1077	Nguyễn Huyền Nhi	22D290081	K58DK2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1078	Vũ Thị Hồng Nhung	22D290083	K58DK2	15.0	16.7	14.0	22.0	67.7	Bậc 4	
1079	Lê Minh Phúc	22D290085	K58DK2	14.2	20.0	23.0	22.0	79.2	Bậc 5	
1080	Đàm Thị Thu Phương	22D290087	K58DK2	12.5	14.2	14.0	23.0	63.7	Bậc 3	
1081	Phạm Mai Phương	22D290089	K58DK2	15.0	24.2	23.0	24.0	86.2	Bậc 5	
1082	Nguyễn Mạnh Quân	22D290092	K58DK2	18.3	20.8	22.0	22.0	83.1	Bậc 5	
1083	Vũ Thị Quỳnh	22D290094	K58DK2	13.3	18.3	20.0	23.0	74.6	Bậc 4	
1084	Nguyễn Hồng Sơn	22D290096	K58DK2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1085	Trần Thị Thảo	22D290100	K58DK2	10.8	14.2	16.0	20.0	61.0	Bậc 3	
1086	Nguyễn Chiến Thắng	22D290103	K58DK2	11.7	15.0	19.0	21.0	66.7	Bậc 4	
1087	Đinh Thị Thoa	22D290106	K58DK2	12.5	20.0	14.0	21.0	67.5	Bậc 4	
1088	Nguyễn Phương Yến Trang	22D290110	K58DK2	16.7	22.5	24.0	22.0	85.2	Bậc 5	
1089	Phạm Huyền Trang	22D290112	K58DK2	10.8	13.3	16.0	21.0	61.1	Bậc 3	
1090	Ngô Thị Minh Tuyết	22D290114	K58DK2	10.8	16.7	19.0	22.0	68.5	Bậc 4	
1091	Hoàng Thị Vân	22D290117	K58DK2	12.5	15.8	10.0	13.0	51.3	Bậc 3	
1092	Phạm Khánh Vi	22D290119	K58DK2	11.7	15.8	16.0	19.0	62.5	Bậc 3	
1093	Nhâm Thiên Vũ	22D290120	K58DK2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1094	Đỗ Đức An	22D130001	K58E1	14.2	22.5	23.0	23.0	82.7	Bậc 5	
1095	Lê Quỳnh Anh	22D130004	K58E1	7.5	15.8	19.0	14.0	56.3	Bậc 3	
1096	Nguyễn Vũ Trang Anh	22D130013	K58E1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1097	Trần Thảo Anh	22D130015	K58E1	9.2	12.5	16.0	17.0	54.7	Bậc 3	
1098	Vũ Thị Hồng Anh	22D130017	K58E1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1099	Đồng Vương Bách	22D130023	K58E1	20.8	25.0	23.0	23.0	91.8	Bậc 5	
1100	Vũ Đức Biền	22D130025	K58E1	19.2	22.5	24.0	22.0	87.7	Bậc 5	
1101	Hoàng Tiến Cường	22D130033	K58E1	17.5	23.3	22.0	22.0	84.8	Bậc 5	
1102	Bùi Thị Kim Dinh	22D130036	K58E1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1103	Cao Thị Thuỳ Dương	22D130045	K58E1	18.3	23.3	22.0	23.0	86.6	Bậc 5	
1104	Nguyễn Thùy Dương	22D130048	K58E1	23.3	25.0	22.0	24.0	94.3	Bậc 5	
1105	Phan Nghi Đan	22D130054	K58E1	10.0	15.0	14.0	24.0	63.0	Bậc 3	
1106	Nguyễn Văn Được	22D130058	K58E1	13.3	15.0	20.0	24.0	72.3	Bậc 4	
1107	Phạm Thị Hương Giang	22D130066	K58E1	15.0	20.8	19.0	23.0	77.8	Bậc 5	
1108	Dương Minh Giáp	22D130068	K58E1	16.7	20.8	21.0	24.0	82.5	Bậc 5	
1109	Đỗ Thị Thanh Hiền	22D130078	K58E1	15.0	19.2	18.0	23.0	75.2	Bậc 5	
1110	Lã Quý Hiền	22D130080	K58E1	18.3	24.2	23.0	24.0	89.5	Bậc 5	
1111	Nguyễn Thị Hồng	22D130088	K58E1	16.7	20.8	17.0	23.0	77.5	Bậc 5	
1112	Lại Quang Huy	22D130093	K58E1	15.0	23.3	22.0	23.0	83.3	Bậc 5	
1113	Ngô Khánh Huyền	22D130098	K58E1	9.2	11.7	18.0	17.0	55.9	Bậc 3	
1114	Bùi Thanh Hương	22D130104	K58E1	17.5	20.0	23.0	23.0	83.5	Bậc 5	
1115	Nguyễn Thành Khải	22D130109	K58E1	10.0	17.5	22.0	23.0	72.5	Bậc 4	
1116	Lê Khánh Linh	22D130115	K58E1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1117	Lê Khánh Linh	22D130119	K58E1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1118	Nguyễn Thị Phương Linh	22D130128	K58E1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1119	Trần Thị Thùy Linh	22D130132	K58E1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1120	Nguyễn Thị Hồng Ly	22D130136	K58E1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1121	Nguyễn Xuân Mai	22D130140	K58E1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1122	Giản Thị Lê Na	22D130147	K58E1	10.0	15.8	14.0	20.0	59.8	Bậc 3	
1123	Trần Thị Thuý Nga	22D130154	K58E1	20.0	25.0	24.0	24.0	93.0	Bậc 5	
1124	Nguyễn Thị Bích Ngọc	22D130158	K58E1	15.0	17.5	24.0	24.0	80.5	Bậc 5	
1125	Võ Thị Phương Nhi	22D130163	K58E1	11.7	18.3	22.0	20.0	72.0	Bậc 4	
1126	Nguyễn Trang Nhung	22D130167	K58E1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1127	Nguyễn Thanh Phong	22D130171	K58E1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1128	Mai Thị Minh Phương	22D130172	K58E1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Đình chi
1129	Hoàng Như Quỳnh	22D130179	K58E1	9.2	10.8	0.0	5.0	25.0		
1130	Lê Thị Thanh Thảo	22D130184	K58E1	20.0	21.7	22.0	21.0	84.7	Bậc 5	
1131	Nguyễn Minh Thái	22D130192	K58E1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1132	Xa Thị Thu Thùy	22D130196	K58E1	11.7	15.8	20.0	15.0	62.5	Bậc 3	
1133	Nguyễn Thị Anh Thu	22D130200	K58E1	7.5	15.8	20.0	16.0	59.3	Bậc 3	
1134	Phan Văn Tiệp	22D130204	K58E1	15.0	20.0	22.0	21.0	78.0	Bậc 5	
1135	Cao Thu Trang	22D130206	K58E1	13.3	16.7	20.0	20.0	70.0	Bậc 4	
1136	Lưu Huyền Trang	22D130210	K58E1	11.7	12.5	21.0	22.0	67.2	Bậc 4	
1137	Nguyễn Thảo Trang	22D130214	K58E1	13.3	17.5	20.0	14.0	64.8	Bậc 3	
1138	Trương Hoàng Thu Trang	22D130218	K58E1	11.7	20.0	18.0	13.0	62.7	Bậc 3	
1139	Nguyễn Thị Hải Yến	22D130233	K58E1	20.0	23.3	21.0	21.0	85.3	Bậc 5	
1140	Trần Huyền Trang	22D130235	K58E1	15.8	23.3	20.0	23.0	82.1	Bậc 5	
1141	Nguyễn Ngọc Hà An	22D130002	K58E2	20.0	24.2	25.0	22.0	91.2	Bậc 5	
1142	Ngô Vân Anh	22D130007	K58E2	14.2	22.5	19.0	19.0	74.7	Bậc 4	
1143	Nguyễn Đức Phương Anh	22D130009	K58E2	17.5	21.7	24.0	20.0	83.2	Bậc 5	
1144	Nguyễn Hoàng Anh	22D130010	K58E2	12.5	9.2	15.0	16.0	52.7	Bậc 3	
1145	Nguyễn Thị Hồng Ánh	22D130020	K58E2	15.0	23.3	24.0	18.0	80.3	Bậc 5	
1146	Nguyễn Mạnh Cường	22D130034	K58E2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1147	Đoàn Thị Hương Dịu	22D130037	K58E2	15.0	19.2	19.0	15.0	68.2	Bậc 4	
1148	Phạm Thùy Dung	22D130042	K58E2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1149	Chừ Thị Ánh Dương	22D130046	K58E2	14.2	17.5	19.0	18.0	68.7	Bậc 4	
1150	Nguyễn Thùy Dương	22D130049	K58E2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1151	Nguyễn Thành Đạt	22D130057	K58E2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1152	Hà Thị Hương Giang	22D130062	K58E2	14.2	20.8	21.0	20.0	76.0	Bậc 5	
1153	Nguyễn Hương Giang	22D130065	K58E2	17.5	25.0	0.0	17.0	59.5	Bậc 3	
1154	Vũ Thị Hương Giang	22D130067	K58E2	8.3	13.3	18.0	17.0	56.6	Bậc 3	
1155	Đình Quang Hải	22D130073	K58E2	10.8	18.3	20.0	20.0	69.1	Bậc 4	
1156	Nguyễn Thị Thanh Hiền	22D130079	K58E2	14.2	14.2	22.0	19.0	69.4	Bậc 4	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1157	Bùi Văn Việt Hoàng	22D130087	K58E2	9.2	10.8	15.0	9.0	44.0		
1158	Nguyễn Thị Huế	22D130089	K58E2	13.3	20.0	22.0	21.0	76.3	Bậc 5	
1159	Lưu Gia Huy	22D130094	K58E2	15.8	23.3	22.0	22.0	83.1	Bậc 5	
1160	Vũ Tiến Huy	22D130097	K58E2	15.0	22.5	19.0	14.0	70.5	Bậc 4	
1161	Nguyễn Thị Khánh Huyền	22D130100	K58E2	11.7	13.3	18.0	16.0	59.0	Bậc 3	
1162	Dương Thị Thu Hương	22D130105	K58E2	14.2	15.8	21.0	20.0	71.0	Bậc 4	
1163	Phạm Bá Khải	22D130110	K58E2	10.0	15.8	18.0	16.0	59.8	Bậc 3	
1164	Phạm Thị Khánh	22D130111	K58E2	13.3	12.5	20.0	18.0	63.8	Bậc 3	
1165	Chu Khánh Linh	22D130116	K58E2	9.2	23.3	20.0	22.0	74.5	Bậc 4	
1166	Lưu Thị Khánh Linh	22D130120	K58E2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1167	Nguyễn Khánh Linh	22D130125	K58E2	10.8	16.7	19.0	16.0	62.5	Bậc 3	
1168	Trần Gia Linh	22D130129	K58E2	16.7	23.3	20.0	19.0	79.0	Bậc 5	
1169	Hoàng Thị Loan	22D130133	K58E2	17.5	20.8	22.0	20.0	80.3	Bậc 5	
1170	Đặng Ngọc Mai	22D130137	K58E2	14.2	16.7	20.0	15.0	65.9	Bậc 4	
1171	Bùi Thu Nga	22D130151	K58E2	19.2	25.0	21.0	22.0	87.2	Bậc 5	
1172	Vũ Thị Thúy Nga	22D130155	K58E2	15.0	15.8	22.0	18.0	70.8	Bậc 4	
1173	Bùi Thị Hồng Nhung	22D130164	K58E2	11.7	20.0	12.0	12.0	55.7	Bậc 3	
1174	Nguyễn Thị Tố Như	22D130168	K58E2	10.8	20.0	22.0	16.0	68.8	Bậc 4	
1175	Nguyễn Thị Bích Phương	22D130173	K58E2	18.3	20.0	21.0	18.0	77.3	Bậc 5	
1176	Nguyễn Mạnh Quang	22D130175	K58E2	16.7	23.3	24.0	18.0	82.0	Bậc 5	
1177	Trần Văn Sinh	22D130180	K58E2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1178	Đào Thị Thanh Tâm	22D130181	K58E2	10.8	17.5	21.0	18.0	67.3	Bậc 4	
1179	Nguyễn Dương Phương Thảo	22D130185	K58E2	12.5	17.5	20.0	17.0	67.0	Bậc 4	
1180	Trần Thị Phương Thảo	22D130189	K58E2	15.8	15.8	17.0	15.0	63.6	Bậc 3	
1181	Diêm Thị Thu Thò	22D130193	K58E2	18.3	23.3	20.0	16.0	77.6	Bậc 5	
1182	Lưu Thị Bích Thủy	22D130197	K58E2	10.8	15.8	18.0	16.0	60.6	Bậc 3	
1183	Bạch Thị Hoài Thương	22D130201	K58E2	15.8	15.0	20.0	14.0	64.8	Bậc 3	
1184	Nguyễn Văn Toàn	22D130205	K58E2	24.2	25.0	25.0	18.0	92.2	Bậc 5	
1185	Ngô Quỳnh Trang	22D130211	K58E2	20.0	24.2	24.0	20.0	88.2	Bậc 5	
1186	Phạm Thị Đài Trang	22D130215	K58E2	15.8	23.3	22.0	15.0	76.1	Bậc 5	
1187	Tạ Thùy Trúc	22D130219	K58E2	19.2	24.2	17.0	18.0	78.4	Bậc 5	
1188	Nguyễn Thị Tươi	22D130224	K58E2	10.8	18.3	10.0	16.0	55.1	Bậc 3	
1189	Nguyễn Thị Ngọc Yến	22D130234	K58E2	7.5	10.0	10.0	16.0	43.5		
1190	Vũ Đỗ Bảo Hân	22D130236	K58E2	16.7	24.2	24.0	19.0	83.9	Bậc 5	
1191	Nguyễn Thanh Tâm An	22D130003	K58E3	21.7	24.2	24.0	21.0	90.9	Bậc 5	
1192	Đinh Thị Vân Anh	22D130006	K58E3	16.7	22.5	24.0	21.0	84.2	Bậc 5	
1193	Trương Thị Lan Anh	22D130016	K58E3	17.5	25.0	21.0	21.0	84.5	Bậc 5	
1194	Loan Ngọc Ánh	22D130018	K58E3	23.3	25.0	23.0	21.0	92.3	Bậc 5	
1195	Nguyễn Hải Bình	22D130026	K58E3	19.2	21.7	22.0	21.0	83.9	Bậc 5	
1196	Nguyễn Khánh Chi	22D130030	K58E3	18.3	21.7	24.0	22.0	86.0	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1197	Nguyễn Văn Chính	22D130031	K58E3	21.7	23.3	23.0	21.0	89.0	Bậc 5	
1198	Nguyễn Thị Diệp	22D130035	K58E3	17.5	20.8	17.0	18.0	73.3	Bậc 4	
1199	Nguyễn Thu Dịu	22D130038	K58E3	8.3	18.3	15.0	9.0	50.6	Bậc 3	
1200	Ngô Thùy Dung	22D130040	K58E3	8.3	8.3	0.0	10.0	26.6		
1201	Vũ Khánh Duy	22D130043	K58E3	9.2	17.5	15.0	12.0	53.7	Bậc 3	
1202	Nguyễn Thu Duyên	22D130044	K58E3	16.7	22.5	20.0	18.0	77.2	Bậc 5	
1203	Trần Hoài Dương	22D130052	K58E3	18.3	22.5	19.0	20.0	79.8	Bậc 5	
1204	Trần Phương Tiến Đức	22D130059	K58E3	16.7	23.3	19.0	16.0	75.0	Bậc 5	
1205	Đinh Thị Châu Giang	22D130060	K58E3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1206	Lại Hương Giang	22D130063	K58E3	8.3	16.7	14.0	12.0	51.0	Bậc 3	
1207	Hoàng Thị Việt Hà	22D130069	K58E3	15.8	18.3	19.0	18.0	71.1	Bậc 4	
1208	Phạm Thị Thanh Hà	22D130071	K58E3	16.7	23.3	24.0	16.0	80.0	Bậc 5	
1209	Phạm Thị Hằng	22D130076	K58E3	13.3	17.5	19.0	18.0	67.8	Bậc 4	
1210	Phạm Thị Hoài	22D130085	K58E3	17.5	25.0	20.0	18.0	80.5	Bậc 5	
1211	Nguyễn Thị Huệ	22D130090	K58E3	20.8	24.2	24.0	20.0	89.0	Bậc 5	
1212	Nguyễn Đức Huy	22D130095	K58E3	9.2	22.5	23.0	16.0	70.7	Bậc 4	
1213	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22D130101	K58E3	17.5	19.2	23.0	14.0	73.7	Bậc 4	
1214	Lê Thị Thu Hương	22D130106	K58E3	9.2	10.0	5.0	11.0	35.2		
1215	Đoàn Thị Hồng Kiều	22D130113	K58E3	12.5	21.7	22.0	19.0	75.2	Bậc 5	
1216	Dương Thị Linh	22D130117	K58E3	10.8	16.7	15.0	10.0	52.5	Bậc 3	
1217	Ngô Diệu Linh	22D130121	K58E3	13.3	22.5	20.0	16.0	71.8	Bậc 4	
1218	Nguyễn Thị Diệu Linh	22D130126	K58E3	8.3	20.0	20.0	14.0	62.3	Bậc 3	
1219	Trần Khánh Linh	22D130130	K58E3	14.2	24.2	22.0	18.0	78.4	Bậc 5	
1220	Phạm Thị Luyến	22D130134	K58E3	16.7	16.7	17.0	18.0	68.4	Bậc 4	
1221	Nguyễn Hải Nam	22D130149	K58E3	15.8	18.3	22.0	20.0	76.1	Bậc 5	
1222	Nguyễn Thị Phương Nga	22D130152	K58E3	15.0	16.7	19.0	15.0	65.7	Bậc 4	
1223	Nguyễn Thúy Ngân	22D130156	K58E3	20.8	20.0	22.0	18.0	80.8	Bậc 5	
1224	Trương Thị Ngọc	22D130160	K58E3	22.5	24.2	24.0	22.0	92.7	Bậc 5	
1225	Nguyễn Thị Nhung	22D130165	K58E3	15.0	17.5	19.0	20.0	71.5	Bậc 4	
1226	Hà Thị Kiều Oanh	22D130169	K58E3	15.8	18.3	20.0	20.0	74.1	Bậc 4	
1227	Đỗ Mai Quyên	22D130176	K58E3	10.8	15.8	19.0	16.0	61.6	Bậc 3	
1228	Trần Văn Quyết	22D130178	K58E3	19.2	24.2	21.0	22.0	86.4	Bậc 5	
1229	Dương Thị Thu Thảo	22D130182	K58E3	22.5	22.5	22.0	18.0	85.0	Bậc 5	
1230	Nguyễn Phương Thảo	22D130186	K58E3	18.3	19.2	21.0	22.0	80.5	Bậc 5	
1231	Trần Thị Thanh Thảo	22D130190	K58E3	15.0	20.0	20.0	21.0	76.0	Bậc 5	
1232	Hoàng Thị Huyền Thu	22D130194	K58E3	23.3	24.2	17.0	21.0	85.5	Bậc 5	
1233	Nguyễn Thị Thu Thùy	22D130198	K58E3	18.3	21.7	19.0	17.0	76.0	Bậc 5	
1234	Nguyễn Thị Thương	22D130202	K58E3	17.5	15.8	21.0	21.0	75.3	Bậc 5	
1235	Nguyễn Thị Thu Trang	22D130212	K58E3	20.0	22.5	14.0	20.0	76.5	Bậc 5	
1236	Trần Thị Minh Trang	22D130216	K58E3	19.2	23.3	18.0	10.0	70.5	Bậc 4	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1237	Lục Thị Trường	22D130220	K58E3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1238	Lương Thị Phương Uyên	22D130225	K58E3	19.2	21.7	15.0	16.0	71.9	Bậc 4	
1239	Nguyễn Khánh Vi	22D130229	K58E3	21.7	23.3	25.0	21.0	91.0	Bậc 5	
1240	Đặng Tuấn Anh	22D130005	K58E4	21.7	24.2	23.0	20.0	88.9	Bậc 5	
1241	Ngô Thị Vân Anh	22D130008	K58E4	20.0	24.2	22.0	17.0	83.2	Bậc 5	
1242	Nguyễn Phương Anh	22D130011	K58E4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1243	Nguyễn Vân Anh	22D130012	K58E4	18.3	20.8	23.0	21.0	83.1	Bậc 5	
1244	Ngô Thị Minh Ánh	22D130019	K58E4	20.8	22.5	22.0	21.0	86.3	Bậc 5	
1245	Trần Thị Phương Ánh	22D130021	K58E4	15.0	13.3	21.0	20.0	69.3	Bậc 4	
1246	Vũ Nguyên Gia Bảo	22D130022	K58E4	21.7	24.2	23.0	20.0	88.9	Bậc 5	
1247	Dương Ngọc Bích	22D130027	K58E4	22.5	24.2	22.0	18.0	86.7	Bậc 5	
1248	Nguyễn Thị Thùy Dung	22D130041	K58E4	17.5	20.0	16.0	21.0	74.5	Bậc 4	
1249	Phạm Hải Dương	22D130051	K58E4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1250	Nguyễn Thành Đạt	22D130056	K58E4	23.3	25.0	20.0	21.0	89.3	Bậc 5	
1251	Đặng Thị Trà Giang	22D130061	K58E4	18.3	21.7	17.0	18.0	75.0	Bậc 5	
1252	Lê Hương Giang	22D130064	K58E4	22.5	21.7	18.0	21.0	83.2	Bậc 5	
1253	Phạm Thu Hà	22D130072	K58E4	22.5	22.5	21.0	21.0	87.0	Bậc 5	
1254	Vũ Thị Hồng Hạnh	22D130074	K58E4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1255	Vũ Thị Hằng	22D130077	K58E4	13.3	16.7	12.0	15.0	57.0	Bậc 3	
1256	Nguyễn Viết Hiếu	22D130081	K58E4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1257	Đinh Thị Hoa	22D130084	K58E4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1258	Trần Võ Thị Hoài	22D130086	K58E4	15.8	20.0	17.0	15.0	67.8	Bậc 4	
1259	Trần Gia Huệ	22D130091	K58E4	18.3	21.7	18.0	14.0	72.0	Bậc 4	
1260	Hoàng Gia Huy	22D130092	K58E4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1261	Nguyễn Quang Huy	22D130096	K58E4	11.7	18.3	0.0	12.0	42.0		
1262	Phạm Thị Thanh Huyền	22D130102	K58E4	17.5	21.7	22.0	22.0	83.2	Bậc 5	
1263	Đoàn Chí Hưng	22D130103	K58E4	16.7	16.7	14.0	15.0	62.4	Bậc 3	
1264	Đinh Thị Thanh Lan	22D130114	K58E4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1265	Đặng Thị Khánh Linh	22D130118	K58E4	20.0	22.5	22.0	20.0	84.5	Bậc 5	
1266	Nguyễn Cao Duy Linh	22D130122	K58E4	20.8	23.3	24.0	23.0	91.1	Bậc 5	
1267	Nguyễn Đỗ Phương Linh	22D130123	K58E4	22.5	25.0	25.0	21.0	93.5	Bậc 5	
1268	Nguyễn Thị Diệu Linh	22D130127	K58E4	20.8	22.5	24.0	21.0	88.3	Bậc 5	
1269	Trần Mai Linh	22D130131	K58E4	20.0	25.0	20.0	20.0	85.0	Bậc 5	
1270	Hạ Hiền Lương	22D130135	K58E4	14.2	24.2	23.0	20.0	81.4	Bậc 5	
1271	Đỗ Quang Minh	22D130142	K58E4	20.8	25.0	24.0	22.0	91.8	Bậc 5	
1272	Phạm Nguyễn Hà My	22D130146	K58E4	22.5	24.2	25.0	21.0	92.7	Bậc 5	
1273	Phạm Duy Nam	22D130150	K58E4	20.0	24.2	25.0	21.0	90.2	Bậc 5	
1274	Nguyễn Thúy Nga	22D130153	K58E4	12.5	21.7	18.0	11.0	63.2	Bậc 3	
1275	Nguyễn Hoài Ngọc	22D130157	K58E4	21.7	18.3	17.0	10.0	67.0	Bậc 4	
1276	Lê Đức Nhật	22D130161	K58E4	21.7	23.3	21.0	19.0	85.0	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1277	Ngô Nguyễn Ngọc Nhi	22D130162	K58E4	17.5	22.5	19.0	17.0	76.0	Bậc 5	
1278	Nguyễn Thị Hoài Nhung	22D130166	K58E4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1279	Nguyễn Thị Oanh	22D130170	K58E4	20.0	22.5	21.0	12.0	75.5	Bậc 5	
1280	Hoàng Ngọc Quyên	22D130177	K58E4	13.3	16.7	13.0	11.0	54.0	Bậc 3	
1281	Lê Thị Phương Thảo	22D130183	K58E4	20.0	21.7	23.0	20.0	84.7	Bậc 5	
1282	Nguyễn Thị Thảo	22D130187	K58E4	20.8	21.7	22.0	19.0	83.5	Bậc 5	
1283	Vũ Phương Thảo	22D130191	K58E4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1284	Nguyễn Thị Thu	22D130195	K58E4	13.3	17.5	22.0	21.0	73.8	Bậc 4	
1285	Nguyễn Thu Thủy	22D130199	K58E4	20.0	21.7	23.0	21.0	85.7	Bậc 5	
1286	Trần Thị Xuân Thương	22D130203	K58E4	8.3	20.0	20.0	15.0	63.3	Bậc 3	
1287	Đỗ Thị Kiều Trang	22D130209	K58E4	12.5	15.8	19.0	16.0	63.3	Bậc 3	
1288	Nguyễn Linh Trang	22D130213	K58E4	14.2	19.2	22.0	24.0	79.4	Bậc 5	
1289	Trần Thị Thùy Trang	22D130217	K58E4	18.3	21.7	21.0	20.0	81.0	Bậc 5	
1290	Lê Cẩm Tú	22D130222	K58E4	15.8	16.7	20.0	12.0	64.5	Bậc 3	
1291	Nguyễn Thị Thu Uyên	22D130226	K58E4	13.3	14.2	19.0	17.0	63.5	Bậc 3	
1292	Phạm Khánh Vi	22D130230	K58E4	17.5	20.8	20.0	21.0	79.3	Bậc 5	
1293	Tạ Nguyên Vũ	22D130232	K58E4	20.8	24.2	24.0	17.0	86.0	Bậc 5	
1294	Ngô Mai Anh	22D260004	K58EK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1295	Trần Quỳnh Anh	22D260010	K58EK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1296	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	22D260014	K58EK1	20.0	22.5	13.0	23.0	78.5	Bậc 5	
1297	Điền Xuân Cường	22D260019	K58EK1	16.7	21.7	16.0	16.0	70.4	Bậc 4	
1298	Đỗ Thị Hồng Diễm	22D260021	K58EK1	17.5	20.8	12.0	17.0	67.3	Bậc 4	
1299	Đỗ Thị Diệu	22D260023	K58EK1	19.2	22.5	13.0	20.0	74.7	Bậc 4	
1300	Nguyễn Thị Thùy Dương	22D260030	K58EK1	21.7	22.5	17.0	25.0	86.2	Bậc 5	
1301	Ngô Tiến Đạt	22D260033	K58EK1	10.0	15.0	19.0	20.0	64.0	Bậc 3	
1302	Nguyễn Thanh Hải	22D260038	K58EK1	17.5	20.0	19.0	20.0	76.5	Bậc 5	
1303	Ngô Thu Hằng	22D260040	K58EK1	18.3	22.5	20.0	22.0	82.8	Bậc 5	
1304	Lê Thị Minh Hiền	22D260041	K58EK1	20.0	22.5	19.0	23.0	84.5	Bậc 5	
1305	Lê Duy Hoàng	22D260044	K58EK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1306	Phạm Thị Khánh Huyền	22D260050	K58EK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1307	Lê Thị Thu Hương	22D260054	K58EK1	16.7	18.3	18.0	23.0	76.0	Bậc 5	
1308	Trần Thị Thu Hương	22D260057	K58EK1	20.0	20.8	18.0	20.0	78.8	Bậc 5	
1309	Vũ Yến Linh	22D260067	K58EK1	12.5	20.8	21.0	22.0	76.3	Bậc 5	
1310	Nguyễn Thị Mai	22D260070	K58EK1	20.8	20.0	20.0	20.0	80.8	Bậc 5	
1311	Lê Trà My	22D260074	K58EK1	23.3	22.5	24.0	22.0	91.8	Bậc 5	
1312	Đinh Hoài Nam	22D260077	K58EK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1313	Lã Thị Nga	22D260078	K58EK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1314	Nguyễn Thị Ngân	22D260081	K58EK1	20.8	21.7	10.0	18.0	70.5	Bậc 4	
1315	Nguyễn Linh Ngọc	22D260084	K58EK1	22.5	23.3	13.0	21.0	79.8	Bậc 5	
1316	Nguyễn Lê Yến Nhi	22D260087	K58EK1	15.0	21.7	13.0	14.0	63.7	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1317	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22D260090	K58EK1	12.5	20.8	21.0	23.0	77.3	Bậc 5	
1318	Hà Thị Như Quỳnh	22D260097	K58EK1	18.3	23.3	16.0	18.0	75.6	Bậc 5	
1319	Bùi Thị Thanh Thảo	22D260103	K58EK1	11.7	22.5	11.0	21.0	66.2	Bậc 4	
1320	Vũ Lê Thảo	22D260106	K58EK1	23.3	22.5	17.0	24.0	86.8	Bậc 5	
1321	Nguyễn Hà Thu	22D260110	K58EK1	22.5	22.5	12.0	20.0	77.0	Bậc 5	
1322	Nguyễn Đức Thuận	22D260113	K58EK1	16.7	17.5	17.0	19.0	70.2	Bậc 4	
1323	Đỗ Thu Thủy	22D260114	K58EK1	20.0	20.8	15.0	20.0	75.8	Bậc 5	
1324	Phạm Thị Huyền Thương	22D260117	K58EK1	22.5	23.3	11.0	23.0	79.8	Bậc 5	
1325	Trần Thị Trang	22D260121	K58EK1	17.5	20.8	16.0	23.0	77.3	Bậc 5	
1326	Trần Quang Trọng	22D260124	K58EK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1327	Phùng Thị Hồng Vinh	22D260130	K58EK1	10.0	21.7	20.0	24.0	75.7	Bậc 5	
1328	Đặng Thị Sao Yến	22D260133	K58EK1	12.5	15.8	17.0	12.0	57.3	Bậc 3	
1329	Phạm Thị Trung Anh	22D260007	K58EK2	21.7	25.0	23.0	19.0	88.7	Bậc 5	
1330	Tạ Nguyễn Nguyệt Anh	22D260009	K58EK2	19.2	24.2	18.0	25.0	86.4	Bậc 5	
1331	Trần Quỳnh Anh	22D260011	K58EK2	20.8	24.2	22.0	23.0	90.0	Bậc 5	
1332	Đinh Đức Bình	22D260016	K58EK2	16.7	20.0	12.0	19.0	67.7	Bậc 4	
1333	Nguyễn Nhân Trung Cường	22D260020	K58EK2	19.2	17.5	8.0	8.0	52.7	Bậc 3	
1334	Trần Thị Thảo Dương	22D260031	K58EK2	20.8	21.7	19.0	22.0	83.5	Bậc 5	
1335	Ngô Thị Thu Hà	22D260034	K58EK2	22.5	23.3	22.0	20.0	87.8	Bậc 5	
1336	Nguyễn Thị Hải Hà	22D260035	K58EK2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1337	Phạm Thu Hà	22D260037	K58EK2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1338	Trần Vũ Hoàng	22D260045	K58EK2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1339	Nguyễn Khánh Hòa	22D260046	K58EK2	21.7	25.0	20.0	23.0	89.7	Bậc 5	
1340	Ngô Thị Thu Huyền	22D260048	K58EK2	15.8	20.0	17.0	15.0	67.8	Bậc 4	
1341	Phùng Thúy Huyền	22D260051	K58EK2	18.3	23.3	18.0	22.0	81.6	Bậc 5	
1342	Nguyễn Đỗ Hữu Hùng	22D260053	K58EK2	13.3	20.0	17.0	19.0	69.3	Bậc 4	
1343	Nguyễn Đình Khánh	22D260058	K58EK2	13.3	22.5	20.0	20.0	75.8	Bậc 5	
1344	Đàm Huyền Linh	22D260062	K58EK2	20.0	23.3	22.0	25.0	90.3	Bậc 5	
1345	Vi Thị Mai	22D260068	K58EK2	13.3	20.8	9.0	8.0	51.1	Bậc 3	
1346	Thân Ngọc Mai	22D260071	K58EK2	14.2	18.3	19.0	24.0	75.5	Bậc 5	
1347	Vũ Trà My	22D260075	K58EK2	13.3	19.2	20.0	23.0	75.5	Bậc 5	
1348	Trần Thị Phương Nga	22D260079	K58EK2	11.7	17.5	19.0	18.0	66.2	Bậc 4	
1349	Phan Thu Ngân	22D260082	K58EK2	16.7	23.3	22.0	22.0	84.0	Bậc 5	
1350	Nguyễn Yến Nhi	22D260088	K58EK2	21.7	23.3	19.0	21.0	85.0	Bậc 5	
1351	Lê Thị Phúc	22D260094	K58EK2	15.0	15.8	18.0	24.0	72.8	Bậc 4	
1352	Nguyễn Thị Như Quỳnh	22D260098	K58EK2	17.5	21.7	20.0	23.0	82.2	Bậc 5	
1353	Hoàng Công Tài	22D260100	K58EK2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1354	Nguyễn Thị Hồng Thắm	22D260107	K58EK2	21.7	25.0	23.0	24.0	93.7	Bậc 5	
1355	Nguyễn Thị Thu	22D260111	K58EK2	15.0	17.5	15.0	18.0	65.5	Bậc 4	
1356	Nguyễn Thu Thủy	22D260115	K58EK2	15.8	21.7	23.0	23.0	83.5	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1357	Đinh Xuân Toàn	22D260118	K58EK2	20.8	22.5	21.0	22.0	86.3	Bậc 5	
1358	Nguyễn Thị Kiều Trang	22D260119	K58EK2	14.2	19.2	21.0	22.0	76.4	Bậc 5	
1359	Lê Hải Yến	22D260134	K58EK2	21.7	25.0	22.0	20.0	88.7	Bậc 5	
1360	Ma Hải Anh	22D260003	K58EK3	13.3	11.7	13.0	19.0	57.0	Bậc 3	
1361	Phạm Thúy Anh	22D260008	K58EK3	14.2	18.3	20.0	22.0	74.5	Bậc 4	
1362	Lê Thị Nguyệt Ánh	22D260013	K58EK3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1363	Ma Thị Linh Chi	22D260017	K58EK3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1364	Nguyễn Đỗ Thành Công	22D260018	K58EK3	17.5	18.3	16.0	16.0	67.8	Bậc 4	
1365	Nông Quý Diệp	22D260022	K58EK3	20.8	25.0	22.0	22.0	89.8	Bậc 5	
1366	Phan Phương Dung	22D260024	K58EK3	17.5	21.7	20.0	20.0	79.2	Bậc 5	
1367	Đặng Nhật Duy	22D260025	K58EK3	17.5	19.2	19.0	20.0	75.7	Bậc 5	
1368	Phạm Minh Dũng	22D260026	K58EK3	15.0	18.3	15.0	17.0	65.3	Bậc 4	
1369	Nguyễn Thanh Dương	22D260029	K58EK3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1370	Đinh Tiến Đạt	22D260032	K58EK3	14.2	23.3	19.0	19.0	75.5	Bậc 5	
1371	Nguyễn Thị Thu Hà	22D260036	K58EK3	15.0	20.0	17.0	25.0	77.0	Bậc 5	
1372	Hoàng Thị Hải Hằng	22D260039	K58EK3	20.8	22.5	21.0	22.0	86.3	Bậc 5	
1373	Trần Thị Ngọc Hiệp	22D260042	K58EK3	15.0	20.0	18.0	21.0	74.0	Bậc 4	
1374	Nguyễn Kim Hoài	22D260043	K58EK3	19.2	22.5	20.0	22.0	83.7	Bậc 5	
1375	Lương Sỹ Huy	22D260047	K58EK3	18.3	22.5	22.0	24.0	86.8	Bậc 5	
1376	Nguyễn Thị Thu Huyền	22D260049	K58EK3	17.5	21.7	16.0	23.0	78.2	Bậc 5	
1377	Vũ Thị Thu Huyền	22D260052	K58EK3	17.5	17.5	15.0	22.0	72.0	Bậc 4	
1378	Trần Thị Lan Hương	22D260056	K58EK3	11.7	15.8	16.0	20.0	63.5	Bậc 3	
1379	Tổng Thanh Lan	22D260060	K58EK3	18.3	21.7	19.0	22.0	81.0	Bậc 5	
1380	Vũ Thị Thùy Linh	22D260066	K58EK3	22.5	15.0	19.0	21.0	77.5	Bậc 5	
1381	Đinh Thị Ngọc Minh	22D260072	K58EK3	17.5	21.7	21.0	24.0	84.2	Bậc 5	
1382	Mai An Na	22D260076	K58EK3	20.8	20.0	20.0	19.0	79.8	Bậc 5	
1383	Nguyễn Hải Ngân	22D260080	K58EK3	19.2	20.0	20.0	21.0	80.2	Bậc 5	
1384	Lục Thị Bích Ngọc	22D260083	K58EK3	18.3	20.0	19.0	19.0	76.3	Bậc 5	
1385	Mai Hà Quỳnh Nhi	22D260086	K58EK3	19.2	20.0	21.0	21.0	81.2	Bậc 5	
1386	Quách Yến Nhi	22D260089	K58EK3	20.8	20.0	21.0	21.0	82.8	Bậc 5	
1387	Tô Thanh Phong	22D260091	K58EK3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1388	Phạm Thị Hậu Phương	22D260095	K58EK3	15.8	19.2	20.0	19.0	74.0	Bậc 4	
1389	Đỗ Trọng Quang	22D260096	K58EK3	10.8	14.2	13.0	17.0	55.0	Bậc 3	
1390	Nguyễn Ngọc Lan Thanh	22D260101	K58EK3	20.8	24.2	21.0	21.0	87.0	Bậc 5	
1391	Nguyễn Hữu Thành	22D260102	K58EK3	20.0	24.2	23.0	20.0	87.2	Bậc 5	
1392	Phạm Lê Phương Thảo	22D260105	K58EK3	16.7	25.0	20.0	21.0	82.7	Bậc 5	
1393	Phạm Thị Thom	22D260109	K58EK3	8.3	18.3	15.0	17.0	58.6	Bậc 3	
1394	Nguyễn Thị Thanh Thu	22D260112	K58EK3	10.8	15.8	16.0	15.0	57.6	Bậc 3	
1395	Nguyễn Thị Minh Thúy	22D260116	K58EK3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1396	Phan Thị Trang	22D260120	K58EK3	7.5	9.2	21.0	16.0	53.7	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1397	Tạ Ngọc Vân Trinh	22D260123	K58EK3	17.5	20.8	21.0	22.0	81.3	Bậc 5	
1398	Vũ Quốc Tuấn	22D260125	K58EK3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1399	Khổng Thị Đan Vi	22D260129	K58EK3	17.5	23.3	20.0	24.0	84.8	Bậc 5	
1400	Nguyễn Thị Thảo Vy	22D260132	K58EK3	15.0	16.7	15.0	18.0	64.7	Bậc 3	
1401	Nguyễn Thị Như Ý	22D260135	K58EK3	13.3	24.2	20.0	17.0	74.5	Bậc 4	
1402	Nguyễn Lâm An	22D160001	K58F1	21.7	25.0	24.0	21.0	91.7	Bậc 5	
1403	Nguyễn Thế Anh	22D160013	K58F1	16.7	20.8	17.0	18.0	72.5	Bậc 4	
1404	Nguyễn Văn Anh	22D160018	K58F1	14.2	21.7	20.0	13.0	68.9	Bậc 4	
1405	Ứng Thị Hoàng Anh	22D160024	K58F1	12.5	12.5	12.0	14.0	51.0	Bậc 3	
1406	Nguyễn Bích Diệp	22D160041	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1407	Hà Thị Vân Dung	22D160042	K58F1	19.2	21.7	15.0	17.0	72.9	Bậc 4	
1408	Vũ Thị Phương Dung	22D160045	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1409	Nguyễn Đức Duy	22D160049	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1410	Nguyễn Tiến Hải Đăng	22D160062	K58F1	16.7	20.8	21.0	17.0	75.5	Bậc 5	
1411	Ngô Tuấn Đức	22D160065	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1412	Trần Thúy Hà	22D160074	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1413	Nguyễn Đức Hào	22D160075	K58F1	15.8	16.7	8.0	20.0	60.5	Bậc 3	
1414	Nguyễn Thu Hằng	22D160082	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1415	Ngô Thị Thúy Hiền	22D160085	K58F1	10.8	20.8	20.0	18.0	69.6	Bậc 4	
1416	Vũ Thu Hiền	22D160086	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1417	Nguyễn Minh Hiếu	22D160088	K58F1	17.5	22.5	22.0	23.0	85.0	Bậc 5	
1418	Đỗ Thị Như Hoàng	22D160093	K58F1	15.0	20.0	21.0	20.0	76.0	Bậc 5	
1419	Phùng Thị Hồng	22D160097	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1420	Nguyễn Thị Huyền	22D160108	K58F1	4.2	10.0	10.0	14.0	38.2		
1421	Lê Thị Mai Hương	22D160116	K58F1	10.0	19.2	18.0	19.0	66.2	Bậc 4	
1422	Vũ Thị Thu Hương	22D160121	K58F1	17.5	18.3	18.0	21.0	74.8	Bậc 4	
1423	Nguyễn Thị Lan	22D160129	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1424	Lê Thị Linh	22D160136	K58F1	6.7	14.2	18.0	15.0	53.9	Bậc 3	
1425	Nguyễn Nhật Linh	22D160140	K58F1	12.5	15.8	19.0	16.0	63.3	Bậc 3	
1426	Nguyễn Thị Linh	22D160142	K58F1	14.2	18.3	17.0	19.0	68.5	Bậc 4	
1427	Trần Phương Linh	22D160147	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1428	Phạm Thị Tuyết Mai	22D160158	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1429	Lê Duy Minh	22D160163	K58F1	20.0	22.5	22.0	19.0	83.5	Bậc 5	
1430	Nguyễn Thị Ngọc Minh	22D160166	K58F1	22.5	21.7	22.0	16.0	82.2	Bậc 5	
1431	Đinh Ân Thảo Ngân	22D160173	K58F1	11.7	21.7	19.0	17.0	69.4	Bậc 4	
1432	Đỗ Thị Ánh Ngọc	22D160179	K58F1	14.2	13.3	20.0	19.0	66.5	Bậc 4	
1433	Lưu Đình Ngọc	22D160181	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1434	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	22D160188	K58F1	16.7	16.7	22.0	18.0	73.4	Bậc 4	
1435	Nguyễn Thị Nhung	22D160193	K58F1	16.7	16.7	18.0	16.0	67.4	Bậc 4	
1436	Nguyễn Thị Kiều Oanh	22D160198	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1437	Phạm Hưng Quốc	22D160210	K58F1	18.3	23.3	23.0	19.0	83.6	Bậc 5	
1438	Nguyễn Như Quỳnh	22D160211	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1439	Nguyễn Thu Thảo	22D160227	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1440	Trương Thị Thanh Thảo	22D160232	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1441	Hoàng Thị Kim Thùy	22D160243	K58F1	17.5	20.0	20.0	21.0	78.5	Bậc 5	
1442	Hoàng Thu Trang	22D160248	K58F1	17.5	21.7	19.0	21.0	79.2	Bậc 5	
1443	Uông Thị Trà	22D160258	K58F1	18.3	20.8	21.0	19.0	79.1	Bậc 5	
1444	Nguyễn Đăng Tú	22D160268	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1445	Nguyễn Thanh Vân	22D160271	K58F1	17.5	17.5	18.0	23.0	76.0	Bậc 5	
1446	Vũ Tô Hà Vy	22D160281	K58F1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1447	Phạm Ngọc An	22D160002	K58F2	19.2	23.3	21.0	20.0	83.5	Bậc 5	
1448	Cao Quỳnh Anh	22D160005	K58F2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1449	Nguyễn Thị Lan Anh	22D160015	K58F2	18.3	25.0	20.0	22.0	85.3	Bậc 5	
1450	Phạm Phương Anh	22D160021	K58F2	23.3	25.0	20.0	22.0	90.3	Bậc 5	
1451	Hoàng Thị Ánh	22D160025	K58F2	16.7	22.5	20.0	19.0	78.2	Bậc 5	
1452	Trần Trọng Bảo	22D160031	K58F2	19.2	17.5	15.0	19.0	70.7	Bậc 4	
1453	Vũ Khánh Bình	22D160032	K58F2	20.0	22.5	20.0	20.0	82.5	Bậc 5	
1454	Trần Ngọc Chi	22D160038	K58F2	23.3	23.3	22.0	20.0	88.6	Bậc 5	
1455	Lưu Mai Dung	22D160043	K58F2	17.5	17.5	8.0	13.0	56.0	Bậc 3	
1456	Nguyễn Văn Duy	22D160050	K58F2	15.8	20.0	19.0	19.0	73.8	Bậc 4	
1457	Trần Thị Ngọc Duyên	22D160052	K58F2	19.2	23.3	22.0	22.0	86.5	Bậc 5	
1458	Nguyễn Duy Đạt	22D160058	K58F2	10.0	10.8	5.0	16.0	41.8		
1459	Nguyễn Thị Thu Hà	22D160072	K58F2	20.0	24.2	19.0	18.0	81.2	Bậc 5	
1460	Vũ Thị Hồng Hạnh	22D160077	K58F2	12.5	16.7	17.0	17.0	63.2	Bậc 3	
1461	Nguyễn Thị Ngọc Hân	22D160083	K58F2	19.2	22.5	19.0	18.0	78.7	Bậc 5	
1462	Trần Thị Hồng	22D160098	K58F2	16.7	17.5	23.0	22.0	79.2	Bậc 5	
1463	Hà Diệu Huyền	22D160104	K58F2	20.8	25.0	22.0	23.0	90.8	Bậc 5	
1464	Phan Thị Thu Huyền	22D160109	K58F2	15.0	20.0	22.0	18.0	75.0	Bậc 5	
1465	Nguyễn Thị Thu Hường	22D160122	K58F2	13.3	20.8	16.0	17.0	67.1	Bậc 4	
1466	Lương Thị Khánh Linh	22D160137	K58F2	11.7	19.2	15.0	16.0	61.9	Bậc 3	
1467	Nguyễn Thị Diệu Linh	22D160143	K58F2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1468	Nguyễn Thị Lua	22D160154	K58F2	12.5	14.2	10.0	15.0	51.7	Bậc 3	
1469	Giàng Thị Mão	22D160159	K58F2	13.3	20.0	20.0	21.0	74.3	Bậc 4	
1470	Lê Nhật Minh	22D160164	K58F2	17.5	18.3	21.0	21.0	77.8	Bậc 5	
1471	Hoàng Hà My	22D160167	K58F2	14.2	20.8	21.0	22.0	78.0	Bậc 5	
1472	Nguyễn Bá Nam	22D160172	K58F2	14.2	18.3	23.0	19.0	74.5	Bậc 4	
1473	Lê Kim Ngân	22D160174	K58F2	15.8	21.7	20.0	22.0	79.5	Bậc 5	
1474	Nguyễn Bích Ngọc	22D160182	K58F2	18.3	19.2	18.0	22.0	77.5	Bậc 5	
1475	Hoàng Đình Nguyên	22D160185	K58F2	6.7	12.5	9.0	13.0	41.2		
1476	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22D160194	K58F2	12.5	15.8	17.0	19.0	64.3	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1477	Nguyễn Thị Kim Oanh	22D160199	K58F2	14.2	16.7	10.0	18.0	58.9	Bậc 3	
1478	Nguyễn Hưng Quân	22D160207	K58F2	18.3	20.8	23.0	20.0	82.1	Bậc 5	
1479	Hoàng Phương Thảo	22D160223	K58F2	11.7	15.8	10.0	14.0	51.5	Bậc 3	
1480	Phạm Phương Thảo	22D160228	K58F2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1481	Trần Quang Thạch	22D160233	K58F2	16.7	20.8	22.0	21.0	80.5	Bậc 5	
1482	Lê Thanh Thu	22D160239	K58F2	13.3	17.5	14.0	22.0	66.8	Bậc 4	
1483	Nguyễn Thị Thu Thùy	22D160244	K58F2	18.3	23.3	20.0	21.0	82.6	Bậc 5	
1484	Ngô Yến Trang	22D160249	K58F2	15.8	18.3	15.0	15.0	64.1	Bậc 3	
1485	Vũ Kiều Trinh	22D160260	K58F2	13.3	17.5	16.0	15.0	61.8	Bậc 3	
1486	Phạm Đức Trung	22D160261	K58F2	17.5	20.8	16.0	20.0	74.3	Bậc 4	
1487	Nguyễn Thị Vân	22D160272	K58F2	15.0	14.2	12.0	16.0	57.2	Bậc 3	
1488	Trần Tú Yên	22D160282	K58F2	11.7	18.3	22.0	21.0	73.0	Bậc 4	
1489	Trần Thị Hà An	22D160003	K58F3	20.0	17.5	19.0	20.0	76.5	Bậc 5	
1490	Cao Thị Ngọc Anh	22D160006	K58F3	17.5	15.0	12.0	16.0	60.5	Bậc 3	
1491	Ngô Thị Kim Anh	22D160011	K58F3	14.2	12.5	11.0	23.0	60.7	Bậc 3	
1492	Nguyễn Thị Lan Anh	22D160014	K58F3	20.8	23.3	24.0	23.0	91.1	Bậc 5	
1493	Phan Minh Anh	22D160020	K58F3	17.5	18.3	20.0	22.0	77.8	Bậc 5	
1494	Phạm Thị Hoàng Anh	22D160022	K58F3	20.0	20.0	16.0	21.0	77.0	Bậc 5	
1495	Lê Thị Ngọc Ánh	22D160026	K58F3	15.0	15.8	15.0	19.0	64.8	Bậc 3	
1496	Phạm Hương Giang	22D160070	K58F3	18.3	19.2	17.0	19.0	73.5	Bậc 4	
1497	Đỗ Ngọc Hà	22D160071	K58F3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1498	Dương Thị Hằng	22D160078	K58F3	8.3	10.8	19.0	20.0	58.1	Bậc 3	
1499	Lê Quang Huy	22D160100	K58F3	17.5	15.8	10.0	10.0	53.3	Bậc 3	
1500	Lê Khánh Huyền	22D160105	K58F3	17.5	21.7	18.0	23.0	80.2	Bậc 5	
1501	Phạm Thị Thanh Huyền	22D160110	K58F3	19.2	17.5	19.0	21.0	76.7	Bậc 5	
1502	Trần Thúy Hường	22D160123	K58F3	15.0	18.3	11.0	23.0	67.3	Bậc 4	
1503	Hoàng Minh Khánh	22D160125	K58F3	12.5	10.8	10.0	17.0	50.3	Bậc 3	
1504	Bách Phạm Tùng Lâm	22D160130	K58F3	22.5	23.3	21.0	22.0	88.8	Bậc 5	
1505	Nguyễn Diệu Linh	22D160138	K58F3	16.7	22.5	15.0	23.0	77.2	Bậc 5	
1506	Nguyễn Thị Phương Linh	22D160144	K58F3	17.5	15.8	16.0	23.0	72.3	Bậc 4	
1507	Lê Hoàng Long	22D160148	K58F3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1508	Hoàng Thị Lý	22D160155	K58F3	10.0	13.3	12.0	16.0	51.3	Bậc 3	
1509	Hoàng Thị Trang My	22D160168	K58F3	18.3	17.5	20.0	23.0	78.8	Bậc 5	
1510	Lê Thị Ngân	22D160175	K58F3	20.8	22.5	20.0	22.0	85.3	Bậc 5	
1511	Nguyễn Thị Bích Ngọc	22D160183	K58F3	15.8	21.7	18.0	19.0	74.5	Bậc 4	
1512	Phạm Thị Hồng Nhung	22D160195	K58F3	5.8	10.8	16.0	18.0	50.6	Bậc 3	
1513	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	22D160213	K58F3	13.3	15.8	23.0	23.0	75.1	Bậc 5	
1514	Nguyễn Ngọc Thanh	22D160220	K58F3	15.0	18.3	20.0	22.0	75.3	Bậc 5	
1515	Trần Phương Thảo	22D160229	K58F3	20.8	22.5	20.0	23.0	86.3	Bậc 5	
1516	Nguyễn Thị Thu	22D160240	K58F3	18.3	19.2	23.0	23.0	83.5	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1517	Mai Thu Thủy	22D160245	K58F3	10.0	16.7	13.0	17.0	56.7	Bậc 3	
1518	Nguyễn Thùy Trang	22D160250	K58F3	17.5	12.5	11.0	20.0	61.0	Bậc 3	
1519	Võ Ngọc Thùy Trang	22D160255	K58F3	10.0	11.7	7.0	16.0	44.7		
1520	Vũ Hoàng Trung	22D160262	K58F3	20.0	21.7	17.0	5.0	63.7	Bậc 3	
1521	Nguyễn Kim Tú	22D160265	K58F3	19.2	21.7	5.0	15.0	60.9	Bậc 3	
1522	Lê Đăng Tuấn	22D160266	K58F3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1523	Nguyễn Thị Thảo Vân	22D160273	K58F3	14.2	13.3	10.0	23.0	60.5	Bậc 3	
1524	Nguyễn Quang Vũ	22D160278	K58F3	24.2	24.2	24.0	23.0	95.4	Bậc 5	
1525	Nguyễn Hải Yến	22D160283	K58F3	18.3	16.7	16.0	23.0	74.0	Bậc 4	
1526	Trần Đức Hùng Anh	22D160023	K58F4	20.0	21.7	23.0	23.0	87.7	Bậc 5	
1527	Phí Thị Thanh Chà	22D160033	K58F4	19.2	19.2	16.0	22.0	76.4	Bậc 5	
1528	Nguyễn Thị Duyên	22D160051	K58F4	15.8	18.3	16.0	23.0	73.1	Bậc 4	
1529	Nguyễn Công Dương	22D160056	K58F4	22.5	22.5	19.0	22.0	86.0	Bậc 5	
1530	Lê Anh Đức	22D160063	K58F4	24.2	23.3	24.0	19.0	90.5	Bậc 5	
1531	Nhữ Hoàng Giang	22D160069	K58F4	23.3	24.2	17.0	22.0	86.5	Bậc 5	
1532	Nguyễn Đình Huy	22D160101	K58F4	15.8	15.8	18.0	21.0	70.6	Bậc 4	
1533	Trần Duy Hưng	22D160114	K58F4	19.2	19.2	18.0	22.0	78.4	Bậc 5	
1534	Đoàn Thị Khánh Linh	22D160134	K58F4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1535	Nguyễn Mai Linh	22D160139	K58F4	21.7	23.3	21.0	23.0	89.0	Bậc 5	
1536	Phạm Trần Mai Linh	22D160145	K58F4	21.7	25.0	23.0	22.0	91.7	Bậc 5	
1537	Nguyễn Quý Long	22D160149	K58F4	23.3	23.3	23.0	22.0	91.6	Bậc 5	
1538	Vũ Tuấn Long	22D160152	K58F4	20.0	21.7	22.0	22.0	85.7	Bậc 5	
1539	Đào Thị Xuân Mai	22D160156	K58F4	14.2	18.3	18.0	22.0	72.5	Bậc 4	
1540	Trần Thị Mây	22D160161	K58F4	14.2	12.5	15.0	21.0	62.7	Bậc 3	
1541	Trần Thị Quỳnh Ngọc	22D160184	K58F4	20.0	18.3	17.0	24.0	79.3	Bậc 5	
1542	Phạm Văn Nhất	22D160186	K58F4	10.0	10.8	13.0	22.0	55.8	Bậc 3	
1543	Hoàng Thị Nhung	22D160191	K58F4	5.8	14.2	6.0	17.0	43.0		
1544	Phan Quỳnh Như	22D160196	K58F4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1545	Mai Đức Phúc	22D160202	K58F4	10.0	20.0	18.0	17.0	65.0	Bậc 4	
1546	Lý Hoài Phương	22D160204	K58F4	6.7	20.8	15.0	21.0	63.5	Bậc 3	
1547	Tào Văn Quân	22D160209	K58F4	15.8	21.7	21.0	15.0	73.5	Bậc 4	
1548	Phạm Thị Thu Quỳnh	22D160214	K58F4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1549	Đoàn Sáng	22D160216	K58F4	12.5	18.3	20.0	18.0	68.8	Bậc 4	
1550	Nguyễn Hồng Sơn	22D160219	K58F4	14.2	20.0	18.0	16.0	68.2	Bậc 4	
1551	Nguyễn Thị Kim Thảo	22D160225	K58F4	16.7	20.8	16.0	22.0	75.5	Bậc 5	
1552	Trần Phương Thảo	22D160230	K58F4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1553	Nguyễn Đăng Thắng	22D160235	K58F4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1554	Nguyễn Thị Thu Thủy	22D160246	K58F4	11.7	12.5	12.0	21.0	57.2	Bậc 3	
1555	Phạm Nguyễn Linh Trang	22D160251	K58F4	14.2	12.5	11.0	21.0	58.7	Bậc 3	
1556	Vũ Minh Trang	22D160256	K58F4	15.0	22.5	18.0	22.0	77.5	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1557	Nguyễn Quang Trường	22D160263	K58F4	11.7	20.8	20.0	21.0	73.5	Bậc 4	
1558	Trần Trọng Tuyển	22D160267	K58F4	11.7	16.7	15.0	21.0	64.4	Bậc 3	
1559	Hà Thị Khánh Vi	22D160274	K58F4	15.8	16.7	13.0	22.0	67.5	Bậc 4	
1560	Nguyễn Quang Vinh	22D160275	K58F4	20.0	23.3	23.0	22.0	88.3	Bậc 5	
1561	Đặng Châu Anh	22D160008	K58F5	15.0	20.0	22.0	21.0	78.0	Bậc 5	
1562	Lê Hoàng Anh	22D160010	K58F5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1563	Nguyễn Mai Bảo Anh	22D160012	K58F5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1564	Vương Thị Ngọc Ánh	22D160028	K58F5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1565	Minh Nguyễn Bảo	22D160029	K58F5	11.7	20.0	21.0	18.0	70.7	Bậc 4	
1566	Nguyễn Hoàng Minh Châu	22D160034	K58F5	21.7	24.2	23.0	22.0	90.9	Bậc 5	
1567	Vũ Thị Phương Dung	22D160046	K58F5	8.3	10.8	10.0	12.0	41.1		
1568	Lê Hoàng Dũng	22D160053	K58F5	18.3	22.5	20.0	21.0	81.8	Bậc 5	
1569	Lê Bạch Dương	22D160054	K58F5	18.3	22.5	23.0	19.0	82.8	Bậc 5	
1570	Dương Tiến Đạt	22D160057	K58F5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1571	Nguyễn Hải Đăng	22D160061	K58F5	23.3	24.2	23.0	18.0	88.5	Bậc 5	
1572	Hoàng Thị Hạnh	22D160076	K58F5	10.0	12.5	18.0	20.0	60.5	Bậc 3	
1573	Hà Thị Hằng	22D160079	K58F5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1574	Nguyễn Thị Hằng	22D160081	K58F5	14.2	12.5	18.0	19.0	63.7	Bậc 3	
1575	Nguyễn Khải Hoàn	22D160092	K58F5	17.5	19.2	21.0	21.0	78.7	Bậc 5	
1576	Đào Thị Thanh Huyền	22D160103	K58F5	14.2	17.5	19.0	19.0	69.7	Bậc 4	
1577	Nguyễn Thị Huyền	22D160107	K58F5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1578	Nguyễn Minh Hữu	22D160124	K58F5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1579	Mai Trọng Tùng Lâm	22D160131	K58F5	15.8	20.0	17.0	18.0	70.8	Bậc 4	
1580	Đỗ Thùy Linh	22D160135	K58F5	10.0	14.2	18.0	19.0	61.2	Bậc 3	
1581	Nguyễn Xuân Lộc	22D160153	K58F5	13.3	15.8	18.0	18.0	65.1	Bậc 4	
1582	Lê Minh Ngọc	22D160180	K58F5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1583	Đỗ Yến Nhi	22D160187	K58F5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1584	Nguyễn Thị Nhung	22D160192	K58F5	13.3	16.7	12.0	18.0	60.0	Bậc 3	
1585	Lê Thị Oanh	22D160197	K58F5	5.8	15.0	14.0	20.0	54.8	Bậc 3	
1586	Vũ Ngọc Phan	22D160200	K58F5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1587	Nguyễn Thị Mai Phương	22D160205	K58F5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1588	Tô Đăng Quang	22D160206	K58F5	14.2	19.2	22.0	21.0	76.4	Bậc 5	
1589	Nguyễn Thị Phương Thảo	22D160226	K58F5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1590	Trần Thị Phương Thảo	22D160231	K58F5	22.5	23.3	24.0	19.0	88.8	Bậc 5	
1591	Vũ Thị Thu	22D160242	K58F5	10.0	14.2	20.0	20.0	64.2	Bậc 3	
1592	Trần Thị Trang	22D160252	K58F5	20.0	21.7	24.0	20.0	85.7	Bậc 5	
1593	Vũ Thị Quỳnh Trang	22D160257	K58F5	14.2	15.0	10.0	13.0	52.2	Bậc 3	
1594	Trần Xuân Trường	22D160264	K58F5	9.2	16.7	12.0	18.0	55.9	Bậc 3	
1595	Nguyễn Hải Vân	22D160270	K58F5	14.2	15.8	17.0	19.0	66.0	Bậc 4	
1596	Lê Thị Thu An	22D180001	K58H1	12.5	13.3	18.0	19.0	62.8	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1597	Đào Quế Anh	22D180006	K58H1	20.0	22.5	24.0	20.0	86.5	Bậc 5	
1598	Trần Phương Anh	22D180019	K58H1	17.5	20.8	22.0	22.0	82.3	Bậc 5	
1599	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	22D180024	K58H1	15.0	15.8	19.0	21.0	70.8	Bậc 4	
1600	Nguyễn Gia Bách	22D180030	K58H1	20.0	22.5	21.0	18.0	81.5	Bậc 5	
1601	Đinh Thị Như Bình	22D180032	K58H1	15.8	17.5	13.0	21.0	67.3	Bậc 4	
1602	Nguyễn Đỗ Khánh Chi	22D180036	K58H1	11.7	19.2	21.0	21.0	72.9	Bậc 4	
1603	Trịnh Quốc Công	22D180040	K58H1	23.3	24.2	23.0	18.0	88.5	Bậc 5	
1604	Phan Thị Thu Diễm	22D180043	K58H1	7.5	10.0	15.0	18.0	50.5	Bậc 3	
1605	Nguyễn Công Duy	22D180046	K58H1	15.0	17.5	16.0	19.0	67.5	Bậc 4	
1606	Nguyễn Xuân Đăng	22D180053	K58H1	15.8	20.0	17.0	17.0	69.8	Bậc 4	
1607	Lê Thị Hồng Hà	22D180062	K58H1	10.8	9.2	20.0	20.0	60.0	Bậc 3	
1608	Phạm Thị Phương Hà	22D180065	K58H1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1609	Nguyễn Minh Hằng	22D180074	K58H1	11.7	16.7	16.0	18.0	62.4	Bậc 3	
1610	Bùi Thị Thu Hiền	22D180077	K58H1	18.3	17.5	22.0	20.0	77.8	Bậc 5	
1611	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	22D180081	K58H1	17.5	16.7	19.0	17.0	70.2	Bậc 4	
1612	Nguyễn Xuân Hồng	22D180088	K58H1	14.2	10.0	18.0	17.0	59.2	Bậc 3	
1613	Phạm Thị Huyền	22D180101	K58H1	3.3	11.7	15.0	10.0	40.0		
1614	Trần Thị Thanh Hương	22D180108	K58H1	10.0	11.7	16.0	17.0	54.7	Bậc 3	
1615	Nguyễn Minh Khiêm	22D180114	K58H1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1616	Nguyễn Thị Minh Khuê	22D180115	K58H1	10.8	17.5	18.0	18.0	64.3	Bậc 3	
1617	Lê Hoàng Lân	22D180121	K58H1	22.5	24.2	24.0	25.0	95.7	Bậc 5	
1618	Phan Thị Mỹ Lệ	22D180124	K58H1	10.8	15.0	16.0	17.0	58.8	Bậc 3	
1619	Phan Thị Mỹ Linh	22D180135	K58H1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1620	Nguyễn Hoàng Long	22D180142	K58H1	17.5	17.5	22.0	20.0	77.0	Bậc 5	
1621	Bùi Xuân Mai	22D180148	K58H1	17.5	20.8	21.0	20.0	79.3	Bậc 5	
1622	Đỗ Thị Hồng Minh	22D180155	K58H1	18.3	20.0	22.0	20.0	80.3	Bậc 5	
1623	Nguyễn Quang Minh	22D180157	K58H1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1624	Nguyễn Trà My	22D180163	K58H1	16.7	20.8	23.0	23.0	83.5	Bậc 5	
1625	Ngô Văn Nam	22D180164	K58H1	9.2	13.3	7.0	11.0	40.5		
1626	Phan Bảo Ngân	22D180171	K58H1	23.3	21.7	23.0	21.0	89.0	Bậc 5	
1627	Ngô Bích Ngọc	22D180176	K58H1	18.3	21.7	22.0	21.0	83.0	Bậc 5	
1628	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22D180181	K58H1	20.0	17.5	21.0	21.0	79.5	Bậc 5	
1629	Nguyễn Minh Phương	22D180188	K58H1	22.5	23.3	25.0	24.0	94.8	Bậc 5	
1630	Nguyễn Minh Quân	22D180190	K58H1	16.7	23.3	22.0	20.0	82.0	Bậc 5	
1631	Cần Thị Như Quỳnh	22D180195	K58H1	18.3	17.5	22.0	20.0	77.8	Bậc 5	
1632	Trần Thúy Quỳnh	22D180200	K58H1	15.0	20.8	21.0	21.0	77.8	Bậc 5	
1633	Đinh Thị Thảo	22D180208	K58H1	11.7	15.0	18.0	21.0	65.7	Bậc 4	
1634	Phạm Thị Thanh Thảo	22D180213	K58H1	10.0	20.8	19.0	20.0	69.8	Bậc 4	
1635	Đỗ Linh Trang	22D180227	K58H1	19.2	21.7	23.0	22.0	85.9	Bậc 5	
1636	Nguyễn Bảo Trâm	22D180232	K58H1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1637	Nguyễn Ngọc Trung	22D180234	K58H1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1638	Bùi Ngọc Anh Tuấn	22D180237	K58H1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1639	Nguyễn Sơn Tùng	22D180241	K58H1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1640	Mạc Thục Thanh Uyên	22D180246	K58H1	18.3	22.5	23.0	20.0	83.8	Bậc 5	
1641	Nguyễn Thục Uyên	22D180247	K58H1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1642	Hoàng Long Vũ	22D180252	K58H1	12.5	20.8	22.0	24.0	79.3	Bậc 5	
1643	Phạm Ngọc Đức An	22D180002	K58H2	15.0	23.3	19.0	22.0	79.3	Bậc 5	
1644	Lê Thị Tuyết Anh	22D180009	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1645	Nguyễn Phương Anh	22D180014	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1646	Trần Tuấn Anh	22D180021	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1647	Phạm Ngọc Ánh	22D180025	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1648	Bùi Huy Bình	22D180031	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1649	Nguyễn Quỳnh Chi	22D180037	K58H2	15.0	19.2	24.0	25.0	83.2	Bậc 5	
1650	Phạm Thị Duyên	22D180048	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1651	Nguyễn Quốc Dũng	22D180050	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1652	Lương Thị Thu Hà	22D180063	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1653	Trần Thị Ngọc Hà	22D180067	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1654	Nguyễn Hồng Hạnh	22D180072	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1655	Dương Minh Hiếu	22D180079	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1656	Bùi Thị Hồng	22D180086	K58H2	5.0	8.3	19.0	18.0	50.3	Bậc 3	
1657	Đỗ Thị Mỹ Huệ	22D180090	K58H2	18.3	22.5	22.0	23.0	85.8	Bậc 5	
1658	Đồng Hải Huy	22D180091	K58H2	14.2	12.5	17.0	19.0	62.7	Bậc 3	
1659	Hà Thị Khánh Huyền	22D180096	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1660	Nguyễn Ngọc Huyền	22D180098	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1661	Phùng Thị Huyền	22D180102	K58H2	16.7	21.7	22.0	23.0	83.4	Bậc 5	
1662	Nguyễn Tài Hùng	22D180105	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1663	Đoàn Anh Kiên	22D180116	K58H2	18.3	21.7	19.0	19.0	78.0	Bậc 5	
1664	Vũ Nguyễn Thanh Lam	22D180118	K58H2	15.8	18.3	19.0	24.0	77.1	Bậc 5	
1665	Nguyễn Thùy Linh	22D180131	K58H2	17.5	18.3	17.0	20.0	72.8	Bậc 4	
1666	Phan Thùy Linh	22D180136	K58H2	10.8	20.0	17.0	17.0	64.8	Bậc 3	
1667	Nguyễn Hoàng Hương Ly	22D180144	K58H2	23.3	25.0	22.0	24.0	94.3	Bậc 5	
1668	Đinh Thanh Mai	22D180149	K58H2	20.0	22.5	17.0	22.0	81.5	Bậc 5	
1669	Nguyễn Hoài Minh	22D180156	K58H2	16.7	17.5	13.0	16.0	63.2	Bậc 3	
1670	Nguyễn Thành Nam	22D180165	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1671	Lê Thị Thúy Nga	22D180167	K58H2	15.8	20.8	16.0	24.0	76.6	Bậc 5	
1672	Phan Vũ Thu Ngân	22D180172	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1673	Ngô Thị Hương Nhài	22D180177	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1674	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22D180182	K58H2	13.3	15.8	15.0	17.0	61.1	Bậc 3	
1675	Trần Thị Thanh Phương	22D180189	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1676	Lê Phương Quỳnh	22D180196	K58H2	13.3	18.3	17.0	22.0	70.6	Bậc 4	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1677	Hoàng Minh Tân	22D180202	K58H2	18.3	20.8	22.0	17.0	78.1	Bậc 5	
1678	Đỗ Thanh Thảo	22D180209	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1679	Trần Thanh Thảo	22D180214	K58H2	17.5	19.2	21.0	20.0	77.7	Bậc 5	
1680	Nguyễn Sơn Thái	22D180218	K58H2	17.5	20.0	21.0	21.0	79.5	Bậc 5	
1681	Lương Thị Anh Thơ	22D180221	K58H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1682	Mai Đức Toàn	22D180226	K58H2	16.7	9.2	19.0	19.0	63.9	Bậc 3	
1683	Đỗ Thị Quỳnh Trang	22D180228	K58H2	9.2	12.5	15.0	17.0	53.7	Bậc 3	
1684	Nguyễn Thanh Tùng	22D180242	K58H2	22.5	22.5	23.0	23.0	91.0	Bậc 5	
1685	Nguyễn Thị Hồng Vân	22D180248	K58H2	15.0	15.0	17.0	20.0	67.0	Bậc 4	
1686	Nguyễn Nhật Vy	22D180257	K58H2	18.3	20.0	23.0	18.0	79.3	Bậc 5	
1687	Trần Thị Bình An	22D180003	K58H3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1688	Hoàng Thị Lan Anh	22D180007	K58H3	15.0	16.7	19.0	19.0	69.7	Bậc 4	
1689	Lê Thị Vân Anh	22D180010	K58H3	13.3	11.7	9.0	16.0	50.0	Bậc 3	
1690	Phạm Thị Phương Anh	22D180016	K58H3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1691	Vũ Thị Ngọc Ánh	22D180026	K58H3	16.7	12.5	16.0	17.0	62.2	Bậc 3	
1692	Nguyễn Việt Cường	22D180042	K58H3	23.3	24.2	25.0	20.0	92.5	Bậc 5	
1693	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	22D180047	K58H3	9.2	8.3	1.0	9.0	27.5		
1694	Nguyễn Ngọc Hà	22D180064	K58H3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1695	Hoàng Thanh Hoài	22D180082	K58H3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1696	Nguyễn Văn Việt Hoàng	22D180083	K58H3	15.0	22.5	18.0	19.0	74.5	Bậc 4	
1697	Dương Diệu Huyền	22D180094	K58H3	7.5	15.8	15.0	19.0	57.3	Bậc 3	
1698	Trần Lê Ngọc Huyền	22D180103	K58H3	23.3	21.7	22.0	20.0	87.0	Bậc 5	
1699	Nguyễn Thị Khánh	22D180110	K58H3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1700	Lưu Thị Vân Lăng	22D180119	K58H3	5.8	13.3	1.0	10.0	30.1		
1701	Đoàn Đức Linh	22D180126	K58H3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1702	Lê Thị Phương Linh	22D180127	K58H3	20.8	22.5	20.0	18.0	81.3	Bậc 5	
1703	Nguyễn Thuỳ Linh	22D180132	K58H3	12.5	20.8	17.0	18.0	68.3	Bậc 4	
1704	Phạm Bình Phương Linh	22D180137	K58H3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1705	Nguyễn Thị Khánh Ly	22D180145	K58H3	14.2	19.2	19.0	19.0	71.4	Bậc 4	
1706	Đinh Tuyết Mai	22D180150	K58H3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1707	Trịnh Xuân Mạnh	22D180152	K58H3	19.2	20.8	19.0	15.0	74.0	Bậc 4	
1708	Trần Hà Minh	22D180158	K58H3	14.2	14.2	15.0	14.0	57.4	Bậc 3	
1709	Trần Quang Minh	22D180160	K58H3	19.2	22.5	23.0	19.0	83.7	Bậc 5	
1710	Trịnh Hoài Nam	22D180166	K58H3	20.8	21.7	23.0	17.0	82.5	Bậc 5	
1711	Hoàng Thị Ánh Ngân	22D180168	K58H3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1712	Trần Lê Song Ngân	22D180173	K58H3	12.5	20.0	14.0	12.0	58.5	Bậc 3	
1713	Hoàng Yến Nhi	22D180178	K58H3	9.2	19.2	19.0	15.0	62.4	Bậc 3	
1714	Ngô Mai Phương	22D180185	K58H3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1715	Lã Thị Quyên	22D180191	K58H3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1716	Nguyễn Lê Nhật Quỳnh	22D180197	K58H3	20.0	20.8	15.0	15.0	70.8	Bậc 4	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1717	Lò Hồng Thanh	22D180204	K58H3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1718	Nguyễn Thị Thanh	22D180205	K58H3	4.2	15.8	14.0	17.0	51.0	Bậc 3	
1719	Hoàng Phương Thảo	22D180210	K58H3	19.2	20.8	22.0	22.0	84.0	Bậc 5	
1720	Võ Thị Phương Thảo	22D180215	K58H3	20.8	20.8	21.0	19.0	81.6	Bậc 5	
1721	Nguyễn Hà Thu	22D180222	K58H3	14.2	17.5	19.0	18.0	68.7	Bậc 4	
1722	Lê Quang Tuấn	22D180238	K58H3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1723	Lê Thị Tuyết	22D180239	K58H3	13.3	20.0	19.0	10.0	62.3	Bậc 3	
1724	Phạm Thị Khánh Vân	22D180249	K58H3	16.7	23.3	17.0	21.0	78.0	Bậc 5	
1725	Nguyễn Bá Hiên Vinh	22D180250	K58H3	10.8	15.0	16.0	15.0	56.8	Bậc 3	
1726	Nguyễn Hoàng Vũ	22D180253	K58H3	15.0	22.5	17.0	17.0	71.5	Bậc 4	
1727	Nguyễn Hà Xuân	22D180258	K58H3	17.5	22.5	23.0	19.0	82.0	Bậc 5	
1728	Bùi Thị Phương Anh	22D180004	K58H4	10.0	15.8	10.0	16.0	51.8	Bậc 3	
1729	Nguyễn Thị Kim Anh	22D180015	K58H4	7.5	20.0	15.0	19.0	61.5	Bậc 3	
1730	Phạm Văn Anh	22D180017	K58H4	12.5	17.5	18.0	21.0	69.0	Bậc 4	
1731	Dương Thị Ánh	22D180022	K58H4	5.8	10.8	10.0	18.0	44.6		
1732	Nguyễn Ngọc Ánh	22D180023	K58H4	13.3	16.7	22.0	18.0	70.0	Bậc 4	
1733	Đặng Gia Bảo	22D180027	K58H4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1734	Cao Xuân Bách	22D180029	K58H4	15.8	22.5	22.0	17.0	77.3	Bậc 5	
1735	Nghiêm Thị Linh Chi	22D180034	K58H4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1736	Mai Thị Dung	22D180044	K58H4	17.5	20.0	16.0	18.0	71.5	Bậc 4	
1737	Vũ Thị Kim Duyên	22D180049	K58H4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1738	Lê Thị Hà Giang	22D180058	K58H4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1739	Nguyễn Thị Bích Hạnh	22D180060	K58H4	15.0	17.5	21.0	19.0	72.5	Bậc 4	
1740	Trần Thanh Hà	22D180066	K58H4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1741	Phan Hồng Hạnh	22D180073	K58H4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1742	Phạm Gia Hân	22D180075	K58H4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1743	Trần Hữu Hoàng	22D180084	K58H4	20.0	20.8	25.0	20.0	85.8	Bậc 5	
1744	Lê Thị Minh Hòa	22D180085	K58H4	15.0	16.7	22.0	21.0	74.7	Bậc 4	
1745	Nông Gia Huy	22D180092	K58H4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1746	An Nguyễn Khánh Huyền	22D180093	K58H4	24.2	24.2	25.0	8.0	81.4	Bậc 5	
1747	Lê Thị Thương Huyền	22D180097	K58H4	20.0	22.5	25.0	23.0	90.5	Bậc 5	
1748	Nguyễn Thị Khánh Huyền	22D180099	K58H4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1749	Trần Đức Kiên	22D180117	K58H4	25.0	23.3	24.0	10.0	82.3	Bậc 5	
1750	Nguyễn Thị Nhật Lệ	22D180123	K58H4	5.0	11.7	21.0	13.0	50.7	Bậc 3	
1751	Mai Thùy Linh	22D180128	K58H4	15.8	19.2	17.0	18.0	70.0	Bậc 4	
1752	Nguyễn Thùy Linh	22D180133	K58H4	11.7	12.5	18.0	17.0	59.2	Bậc 3	
1753	Phạm Thùy Linh	22D180138	K58H4	23.3	24.2	23.0	21.0	91.5	Bậc 5	
1754	Vũ Hương Ly	22D180146	K58H4	18.3	22.5	23.0	19.0	82.8	Bậc 5	
1755	Đỗ Thị Phương Mai	22D180151	K58H4	16.7	21.7	25.0	23.0	86.4	Bậc 5	
1756	Đoàn Nguyễn Nhật Minh	22D180154	K58H4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1757	Lê Hà My	22D180161	K58H4	20.0	22.5	24.0	19.0	85.5	Bậc 5	
1758	Nguyễn Hồng Ngân	22D180169	K58H4	14.2	15.8	18.0	19.0	67.0	Bậc 4	
1759	Đinh Vân Ngọc	22D180174	K58H4	17.5	20.8	20.0	21.0	79.3	Bậc 5	
1760	Phạm Thị Kiều Nhi	22D180179	K58H4	13.3	16.7	19.0	13.0	62.0	Bậc 3	
1761	Nguyễn Hoàng Phúc	22D180183	K58H4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1762	Bùi Đoàn Minh Phương	22D180186	K58H4	21.7	24.2	24.0	21.0	90.9	Bậc 5	
1763	Nguyễn Đỗ Quyên	22D180192	K58H4	16.7	19.2	12.0	17.0	64.9	Bậc 3	
1764	Nguyễn Thị Quỳnh	22D180198	K58H4	19.2	21.7	23.0	20.0	83.9	Bậc 5	
1765	Bùi Hiền Thảo	22D180206	K58H4	15.0	20.0	20.0	20.0	75.0	Bậc 5	
1766	Lê Thị Thảo	22D180211	K58H4	21.7	24.2	18.0	20.0	83.9	Bậc 5	
1767	Vũ Phương Thảo	22D180216	K58H4	12.5	21.7	24.0	19.0	77.2	Bậc 5	
1768	Nguyễn Đức Thiện	22D180220	K58H4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1769	Lại Thị Thu Thủy	22D180223	K58H4	7.5	10.8	12.0	14.0	44.3		
1770	Nguyễn Lê Quỳnh Trang	22D180230	K58H4	21.7	22.5	23.0	21.0	88.2	Bậc 5	
1771	Nguyễn Tiến Tuấn	22D180236	K58H4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1772	Trần Quang Tùng	22D180243	K58H4	16.7	18.3	24.0	18.0	77.0	Bậc 5	
1773	Bùi Vũ Thảo Vy	22D180254	K58H4	13.3	18.3	24.0	21.0	76.6	Bậc 5	
1774	Hứa Hoàng Yến	22D180259	K58H4	20.8	15.8	19.0	20.0	75.6	Bậc 5	
1775	Cao Thị Phương Anh	22D180005	K58H5	19.2	20.8	22.0	21.0	83.0	Bậc 5	
1776	Nghiêm Ngọc Anh	22D180011	K58H5	15.0	18.3	21.0	16.0	70.3	Bậc 4	
1777	Nguyễn Minh Anh	22D180013	K58H5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1778	Dương Quốc Bảo	22D180028	K58H5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1779	Ngô Thị Kim Chi	22D180035	K58H5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1780	Phạm Như Quỳnh Chi	22D180038	K58H5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1781	Hoàng Kim Cúc	22D180041	K58H5	18.3	13.3	13.0	7.0	51.6	Bậc 3	
1782	Lê Phạm Hải Đăng	22D180052	K58H5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1783	Nguyễn Hồng Đức	22D180056	K58H5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1784	Nguyễn Hương Giang	22D180059	K58H5	15.8	15.0	15.0	18.0	63.8	Bậc 3	
1785	Đoàn Thị Khánh Hà	22D180061	K58H5	15.0	16.7	21.0	20.0	72.7	Bậc 4	
1786	Lê Thanh Hải	22D180071	K58H5	15.0	19.2	22.0	21.0	77.2	Bậc 5	
1787	Nguyễn Việt Huyền	22D180100	K58H5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1788	Nguyễn Thị Mai Hương	22D180107	K58H5	16.7	13.3	20.0	20.0	70.0	Bậc 4	
1789	Hoàng Quốc Khánh	22D180111	K58H5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1790	Sùng Ngọc Khánh	22D180113	K58H5	15.8	20.0	19.0	14.0	68.8	Bậc 4	
1791	Bùi Mỹ Lệ	22D180122	K58H5	15.8	19.2	19.0	13.0	67.0	Bậc 4	
1792	Nguyễn Huyền Linh	22D180129	K58H5	20.0	19.2	21.0	20.0	80.2	Bậc 5	
1793	Nguyễn Vũ Ngọc Linh	22D180134	K58H5	18.3	18.3	23.0	21.0	80.6	Bậc 5	
1794	Trần Mai Linh	22D180139	K58H5	21.7	16.7	17.0	14.0	69.4	Bậc 4	
1795	Nguyễn Đức Long	22D180141	K58H5	22.5	15.8	18.0	16.0	72.3	Bậc 4	
1796	Lưu Phương Mai	22D180147	K58H5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1797	Lê Thị Mến	22D180153	K58H5	15.8	10.0	19.0	20.0	64.8	Bậc 3	
1798	Nguyễn Thị Trà My	22D180162	K58H5	16.7	15.8	20.0	20.0	72.5	Bậc 4	
1799	Nguyễn Thị Hồng Ngân	22D180170	K58H5	16.7	17.5	19.0	22.0	75.2	Bậc 5	
1800	Kiều Hồng Ngọc	22D180175	K58H5	21.7	10.8	22.0	21.0	75.5	Bậc 5	
1801	Nguyễn Hồng Nhung	22D180180	K58H5	21.7	16.7	18.0	21.0	77.4	Bậc 5	
1802	Phạm Trường Phúc	22D180184	K58H5	21.7	16.7	23.0	21.0	82.4	Bậc 5	
1803	Nguyễn Mai Phương	22D180187	K58H5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1804	Nguyễn Thị Thu Quyên	22D180193	K58H5	19.2	17.5	20.0	20.0	76.7	Bậc 5	
1805	Nguyễn Thúy Quỳnh	22D180199	K58H5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1806	Nguyễn Hữu Sang	22D180201	K58H5	18.3	19.2	22.0	18.0	77.5	Bậc 5	
1807	Đặng Phương Thảo	22D180207	K58H5	20.0	20.0	25.0	22.0	87.0	Bậc 5	
1808	Vũ Phương Thảo	22D180217	K58H5	17.5	19.2	22.0	21.0	79.7	Bậc 5	
1809	Văn Thị Anh Thư	22D180224	K58H5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1810	Đoàn Quang Tiến	22D180225	K58H5	15.0	20.0	17.0	13.0	65.0	Bậc 4	
1811	Phạm Thị Quỳnh Trang	22D180231	K58H5	20.8	20.8	16.0	21.0	78.6	Bậc 5	
1812	Ngô Đức Trung	22D180233	K58H5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1813	Ngô Sơn Tùng	22D180240	K58H5	20.8	21.7	25.0	19.0	86.5	Bậc 5	
1814	Nguyễn Thị Ngọc Tú	22D180245	K58H5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1815	Nguyễn Quang Vinh	22D180251	K58H5	23.3	14.2	22.0	15.0	74.5	Bậc 4	
1816	Đào Thị Ngọc Anh	21D280161	K58HC1	16.7	13.3	20.0	16.0	66.0	Bậc 4	
1817	Bùi Đức Anh	22D280001	K58HC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1818	Nguyễn Thị Ngọc Anh	22D280004	K58HC1	19.2	14.2	23.0	21.0	77.4	Bậc 5	
1819	Hoàng Quốc Cường	22D280007	K58HC1	11.7	13.3	16.0	16.0	57.0	Bậc 3	
1820	Nguyễn Đăng Tiến Đạt	22D280011	K58HC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1821	Ngô Thị Hồng Hạnh	22D280016	K58HC1	12.5	16.7	19.0	18.0	66.2	Bậc 4	
1822	Phạm Minh Hiếu	22D280018	K58HC1	20.8	20.8	19.0	17.0	77.6	Bậc 5	
1823	Nguyễn Tuấn Hưng	22D280023	K58HC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1824	Đặng Thị Thu Hường	22D280025	K58HC1	20.8	16.7	18.0	15.0	70.5	Bậc 4	
1825	Trần Thị Kiều	22D280028	K58HC1	20.8	15.0	18.0	13.0	66.8	Bậc 4	
1826	Bùi Nhật Linh	22D280030	K58HC1	20.0	15.8	21.0	23.0	79.8	Bậc 5	
1827	Nguyễn Linh Linh	22D280032	K58HC1	12.5	15.8	20.0	18.0	66.3	Bậc 4	
1828	Trần Phương Linh	22D280034	K58HC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1829	Đào Khánh Long	22D280035	K58HC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1830	Trịnh Hà Mai	22D280038	K58HC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1831	Nguyễn Anh Nghĩa	22D280042	K58HC1	18.3	19.2	24.0	19.0	80.5	Bậc 5	
1832	Nguyễn Ánh Ngọc	22D280043	K58HC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1833	Nguyễn Lê Mỹ Ngọc	22D280045	K58HC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1834	Nguyễn Thế Sơn	22D280050	K58HC1	16.7	18.3	20.0	11.0	66.0	Bậc 4	
1835	Lê Phương Thảo	22D280051	K58HC1	19.2	20.0	24.0	18.0	81.2	Bậc 5	
1836	Trịnh Thị Hồng Thúy	22D280055	K58HC1	19.2	17.5	17.0	21.0	74.7	Bậc 4	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1837	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	22D280057	K58HC1	17.5	15.0	23.0	21.0	76.5	Bậc 5	
1838	Nguyễn Đức Trọng	22D280060	K58HC1	17.5	18.3	22.0	18.0	75.8	Bậc 5	
1839	Phạm Nguyễn Tuấn	22D280061	K58HC1	15.8	18.3	24.0	19.0	77.1	Bậc 5	
1840	Hoàng Văn Việt	22D280064	K58HC1	19.2	17.5	24.0	21.0	81.7	Bậc 5	
1841	Bùi Thị Ngọc Yến	22D280065	K58HC1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1842	Hoàng Lê Phương Anh	22D280002	K58HC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1843	Nguyễn Thị Lan Anh	22D280003	K58HC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1844	Phạm Thị Ân	22D280006	K58HC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1845	Nguyễn Hoa Hoàng Dương	22D280009	K58HC2	16.7	21.7	19.0	19.0	76.4	Bậc 5	
1846	Bùi Thành Đạt	22D280010	K58HC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1847	Phạm Hương Giang	22D280012	K58HC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1848	Ngô Thu Hà	22D280013	K58HC2	16.7	15.0	15.0	21.0	67.7	Bậc 4	
1849	Lê Thị Mỹ Hào	22D280015	K58HC2	13.3	12.5	12.0	23.0	60.8	Bậc 3	
1850	Nguyễn Thị Thúy Hằng	22D280017	K58HC2	14.2	17.5	15.0	19.0	65.7	Bậc 4	
1851	Tạ Công Hoàng	22D280019	K58HC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1852	Dương Thị Hòa	22D280020	K58HC2	18.3	17.5	17.0	16.0	68.8	Bậc 4	
1853	Nguyễn Nhung Huyền	22D280021	K58HC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1854	Vũ Mai Hương	22D280024	K58HC2	18.3	14.2	16.0	20.0	68.5	Bậc 4	
1855	Phạm Minh Khuê	22D280026	K58HC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1856	Trần Minh Kiên	22D280027	K58HC2	18.3	19.2	21.0	18.0	76.5	Bậc 5	
1857	Nghiêm Ngọc Lệ	22D280029	K58HC2	17.5	16.7	10.0	14.0	58.2	Bậc 3	
1858	Đặng Thị Thùy Linh	22D280031	K58HC2	10.0	9.2	12.0	19.0	50.2	Bậc 3	
1859	Phùng Hải Linh	22D280033	K58HC2	8.3	15.8	20.0	20.0	64.1	Bậc 3	
1860	Đinh Thị Khánh Ly	22D280037	K58HC2	15.8	19.2	21.0	20.0	76.0	Bậc 5	
1861	Phạm Văn Mạnh	22D280039	K58HC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1862	Nguyễn Lê Na	22D280040	K58HC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1863	Nguyễn Ánh Ngọc	22D280044	K58HC2	20.8	22.5	21.0	20.0	84.3	Bậc 5	
1864	Phạm Thị Yến Nhi	22D280046	K58HC2	15.8	19.2	20.0	19.0	74.0	Bậc 4	
1865	Nguyễn Thị Quyên	22D280048	K58HC2	11.7	18.3	12.0	16.0	58.0	Bậc 3	
1866	Đào Công Quyết	22D280049	K58HC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1867	Nguyễn Thị Phương Thảo	22D280052	K58HC2	20.0	19.2	15.0	17.0	71.2	Bậc 4	
1868	Nguyễn Thị Thu Thủy	22D280054	K58HC2	20.0	24.2	16.0	20.0	80.2	Bậc 5	
1869	Lương Thị Thùy Tiên	22D280056	K58HC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1870	Phạm Quỳnh Trang	22D280058	K58HC2	16.7	17.5	20.0	18.0	72.2	Bậc 4	
1871	Lê Hoàng Tuấn	22D280062	K58HC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1872	Bùi Ngọc Phương Anh	22D185001	K58HH1	19.2	21.7	20.0	19.0	79.9	Bậc 5	
1873	Phan Phương Anh	22D185006	K58HH1	20.8	21.7	22.0	23.0	87.5	Bậc 5	
1874	Vũ Thế Anh	22D185007	K58HH1	21.7	21.7	20.0	22.0	85.4	Bậc 5	
1875	Đặng Thị Ngọc Ánh	22D185008	K58HH1	19.2	19.2	15.0	23.0	76.4	Bậc 5	
1876	Hà Kim Chi	22D185013	K58HH1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1877	Hoàng Tiến Dũng	22D185017	K58HH1	21.7	20.8	21.0	21.0	84.5	Bậc 5	
1878	Nguyễn Thùy Dương	22D185018	K58HH1	17.5	16.7	19.0	22.0	75.2	Bậc 5	
1879	Bùi Thị Hồng Diệp	22D185020	K58HH1	14.2	12.5	22.0	17.0	65.7	Bậc 4	
1880	Nguyễn Hương Linh Giang	22D185021	K58HH1	20.0	22.5	20.0	19.0	81.5	Bậc 5	
1881	Nguyễn Hoàng Minh Hạnh	22D185022	K58HH1	22.5	23.3	21.0	15.0	81.8	Bậc 5	
1882	Nguyễn Thị Huyền	22D185025	K58HH1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1883	Tạ Thị Huyền	22D185027	K58HH1	20.8	20.0	20.0	22.0	82.8	Bậc 5	
1884	Phạm Mai Hương	22D185029	K58HH1	10.8	13.3	14.0	18.0	56.1	Bậc 3	
1885	Phạm Như Kha	22D185031	K58HH1	23.3	20.8	22.0	16.0	82.1	Bậc 5	
1886	Đặng Cẩm Lan	22D185034	K58HH1	20.8	22.5	20.0	19.0	82.3	Bậc 5	
1887	Phạm Nhật Lệ	22D185036	K58HH1	13.3	15.8	19.0	17.0	65.1	Bậc 4	
1888	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	22D185038	K58HH1	15.0	13.3	18.0	20.0	66.3	Bậc 4	
1889	Trần Khánh Linh	22D185040	K58HH1	19.2	20.0	21.0	19.0	79.2	Bậc 5	
1890	Trịnh Hà My	22D185045	K58HH1	18.3	22.5	18.0	19.0	77.8	Bậc 5	
1891	Nguyễn Quỳnh Nga	22D185048	K58HH1	18.3	14.2	16.0	17.0	65.5	Bậc 4	
1892	Nguyễn Minh Ngân	22D185050	K58HH1	19.2	18.3	17.0	21.0	75.5	Bậc 5	
1893	Trịnh Hiếu Ngân	22D185052	K58HH1	20.0	23.3	19.0	21.0	83.3	Bậc 5	
1894	Nguyễn Thảo Nguyên	22D185054	K58HH1	19.2	11.7	18.0	17.0	65.9	Bậc 4	
1895	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22D185056	K58HH1	19.2	13.3	17.0	20.0	69.5	Bậc 4	
1896	Trương Mạnh Quang	22D185058	K58HH1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1897	Nguyễn Minh Tú Quyên	22D185060	K58HH1	11.7	11.7	18.0	21.0	62.4	Bậc 3	
1898	Lê Thị Thanh Thúy	22D185065	K58HH1	9.2	12.5	25.0	19.0	65.7	Bậc 4	
1899	Lê Thị Ngọc Trâm	22D185067	K58HH1	11.7	10.8	14.0	18.0	54.5	Bậc 3	
1900	Nguyễn Trung Trực	22D185068	K58HH1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1901	Triệu Lê Vân	22D185071	K58HH1	17.5	19.2	21.0	18.0	75.7	Bậc 5	
1902	Đỗ Thị Quỳnh Anh	22D185002	K58HH2	22.5	19.2	20.0	22.0	83.7	Bậc 5	
1903	Nguyễn Lê Phương Anh	22D185003	K58HH2	22.5	16.7	20.0	22.0	81.2	Bậc 5	
1904	Nguyễn Thị Lâm Anh	22D185004	K58HH2	22.5	15.8	18.0	22.0	78.3	Bậc 5	
1905	Phạm Đỗ Việt Anh	22D185005	K58HH2	21.7	18.3	21.0	22.0	83.0	Bậc 5	
1906	Lương Ngọc Ánh	22D185009	K58HH2	22.5	20.0	15.0	22.0	79.5	Bậc 5	
1907	Bùi Xuân Biên	22D185010	K58HH2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1908	Đặng Ánh Chi	22D185012	K58HH2	16.7	17.5	22.0	22.0	78.2	Bậc 5	
1909	Lương Thị Kim Chi	22D185014	K58HH2	8.3	13.3	23.0	22.0	66.6	Bậc 4	
1910	Nguyễn Thành Đại	22D185019	K58HH2	21.7	24.2	20.0	21.0	86.9	Bậc 5	
1911	Bùi Quang Huy	22D185024	K58HH2	20.8	20.8	22.0	22.0	85.6	Bậc 5	
1912	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22D185026	K58HH2	23.3	23.3	23.0	22.0	91.6	Bậc 5	
1913	Vũ Khánh Huyền	22D185028	K58HH2	23.3	17.5	21.0	23.0	84.8	Bậc 5	
1914	Nguyễn Thị Thu Hường	22D185030	K58HH2	20.0	18.3	22.0	23.0	83.3	Bậc 5	
1915	Nguyễn Minh Khuê	22D185033	K58HH2	24.2	24.2	23.0	22.0	93.4	Bậc 5	
1916	Mai Phương Linh	22D185037	K58HH2	15.8	22.5	22.0	22.0	82.3	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1917	Phạm Bảo Long	22D185042	K58HH2	10.0	11.7	22.0	22.0	65.7	Bậc 4	
1918	Bùi Tuấn Minh	22D185043	K58HH2	20.0	20.0	21.0	22.0	83.0	Bậc 5	
1919	Lục Tuấn Minh	22D185044	K58HH2	22.5	19.2	22.0	22.0	85.7	Bậc 5	
1920	Vũ Đào Thảo My	22D185046	K58HH2	17.5	19.2	22.0	22.0	80.7	Bậc 5	
1921	Nguyễn Đức Nam	22D185047	K58HH2	20.8	19.2	17.0	21.0	78.0	Bậc 5	
1922	Lê Thị Thu Ngân	22D185049	K58HH2	22.5	17.5	23.0	22.0	85.0	Bậc 5	
1923	Nguyễn Minh Hoàng Ngân	22D185051	K58HH2	20.0	24.2	23.0	20.0	87.2	Bậc 5	
1924	Nguyễn Hồng Ngọc	22D185053	K58HH2	20.8	10.0	18.0	23.0	71.8	Bậc 4	
1925	Đới Thị Khánh Nhi	22D185055	K58HH2	17.5	20.8	22.0	22.0	82.3	Bậc 5	
1926	Nguyễn Hoàng Phương	22D185057	K58HH2	21.7	19.2	19.0	22.0	81.9	Bậc 5	
1927	Trịnh Minh Quang	22D185059	K58HH2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1928	Lê Minh Tâm	22D185061	K58HH2	15.0	17.5	19.0	22.0	73.5	Bậc 4	
1929	Bùi An Thái	22D185063	K58HH2	18.3	24.2	25.0	22.0	89.5	Bậc 5	
1930	Trần Thị Ngọc Thu	22D185064	K58HH2	17.5	17.5	18.0	22.0	75.0	Bậc 5	
1931	Nguyễn Vi Thủy Tiên	22D185066	K58HH2	20.8	15.0	20.0	22.0	77.8	Bậc 5	
1932	Dương Anh Tuấn	22D185069	K58HH2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1933	Cam Hoàng Cẩm Tú	22D185070	K58HH2	20.8	20.8	18.0	22.0	81.6	Bậc 5	
1934	Nguyễn Khánh Vy	22D185072	K58HH2	16.7	18.3	20.0	23.0	78.0	Bậc 5	
1935	Ngô Mỹ An	22D140001	K58I1	20.0	24.2	23.0	20.0	87.2	Bậc 5	
1936	Lê Hữu Hoàng Anh	22D140006	K58I1	10.8	19.2	19.0	17.0	66.0	Bậc 4	
1937	Nguyễn Ngọc Anh	22D140010	K58I1	22.5	21.7	20.0	21.0	85.2	Bậc 5	
1938	Tạ Văn Anh	22D140019	K58I1	22.5	20.8	22.0	18.0	83.3	Bậc 5	
1939	Nguyễn Gia Bách	22D140027	K58I1	20.8	23.3	23.0	20.0	87.1	Bậc 5	
1940	Đặng Thị Kim Chi	22D140038	K58I1	15.8	17.5	17.0	22.0	72.3	Bậc 4	
1941	Trần Thị Linh Chi	22D140041	K58I1	7.5	5.8	9.0	6.0	28.3		
1942	Trương Mạnh Cường	22D140045	K58I1	7.5	10.0	15.0	19.0	51.5	Bậc 3	
1943	Nguyễn Thị Thanh Dung	22D140050	K58I1	12.5	14.2	10.0	14.0	50.7	Bậc 3	
1944	Đỗ Thị Duyên	22D140052	K58I1	14.2	15.8	16.0	22.0	68.0	Bậc 4	
1945	Đỗ Thị Giang	22D140063	K58I1	14.2	11.7	19.0	22.0	66.9	Bậc 4	
1946	Nguyễn Việt Hằng	22D140077	K58I1	22.5	22.5	23.0	22.0	90.0	Bậc 5	
1947	Lê Thị Hiền	22D140079	K58I1	13.3	12.5	13.0	20.0	58.8	Bậc 3	
1948	Nguyễn Minh Huệ	22D140091	K58I1	18.3	18.3	19.0	20.0	75.6	Bậc 5	
1949	Nguyễn Lý Hùng	22D140094	K58I1	20.8	20.8	23.0	22.0	86.6	Bậc 5	
1950	Nguyễn Thị Phương Lan	22D140106	K58I1	17.5	18.3	15.0	22.0	72.8	Bậc 4	
1951	Hồ Ngọc Hà Linh	22D140111	K58I1	20.0	23.3	21.0	21.0	85.3	Bậc 5	
1952	Nguyễn Phương Linh	22D140117	K58I1	22.5	20.8	21.0	22.0	86.3	Bậc 5	
1953	Phạm Thị Linh	22D140121	K58I1	21.7	19.2	22.0	23.0	85.9	Bậc 5	
1954	Bùi Thị Thanh Mai	22D140129	K58I1	17.5	15.0	15.0	22.0	69.5	Bậc 4	
1955	Trần Thị Minh	22D140138	K58I1	14.2	18.3	18.0	20.0	70.5	Bậc 4	
1956	Chu Kiều Ngân	22D140144	K58I1	12.5	12.5	13.0	21.0	59.0	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
1957	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	22D140149	K58I1	6.7	9.2	3.0	21.0	39.9		
1958	Vũ Cẩm Nhung	22D140154	K58I1	15.8	18.3	20.0	23.0	77.1	Bậc 5	
1959	Triệu Thị Phần	22D140160	K58I1	21.7	23.3	22.0	22.0	89.0	Bậc 5	
1960	Lê Minh Phương	22D140168	K58I1	13.3	16.7	16.0	22.0	68.0	Bậc 4	
1961	Trần Hà Quyên	22D140174	K58I1	20.0	21.7	23.0	22.0	86.7	Bậc 5	
1962	Cao Phương Thảo	22D140182	K58I1	22.5	18.3	21.0	22.0	83.8	Bậc 5	
1963	Ngô Thị Thu Thảo	22D140187	K58I1	15.8	16.7	18.0	21.0	71.5	Bậc 4	
1964	Nguyễn Văn Thịnh	22D140193	K58I1	10.8	16.7	19.0	18.0	64.5	Bậc 3	
1965	Nguyễn Thị Thanh Thủy	22D140196	K58I1	21.7	18.3	19.0	21.0	80.0	Bậc 5	
1966	Phạm Thị Tiếp	22D140202	K58I1	24.2	22.5	19.0	23.0	88.7	Bậc 5	
1967	Ngô Thanh Trúc	22D140218	K58I1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1968	Phạm Đăng Trường	22D140219	K58I1	12.5	13.3	18.0	20.0	63.8	Bậc 3	
1969	Nguyễn Trọng Việt Tú	22D140227	K58I1	8.3	12.5	20.0	20.0	60.8	Bậc 3	
1970	Nguyễn Yến Vân	22D140229	K58I1	25.0	25.0	22.0	22.0	94.0	Bậc 5	
1971	Chu Thị Hải Yến	22D140236	K58I1	20.8	15.8	15.0	19.0	70.6	Bậc 4	
1972	Nguyễn Như Phương Anh	22D140011	K58I2	21.7	19.2	18.0	21.0	79.9	Bậc 5	
1973	Nguyễn Thị Ngọc Anh	22D140014	K58I2	19.2	19.2	22.0	20.0	80.4	Bậc 5	
1974	Trần Thảo Anh	22D140021	K58I2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1975	Trần Thị Ngọc Ánh	22D140024	K58I2	22.5	17.5	23.0	22.0	85.0	Bậc 5	
1976	Nguyễn Việt Bách	22D140028	K58I2	20.0	20.8	24.0	20.0	84.8	Bậc 5	
1977	Hoàng Lệ Chi	22D140039	K58I2	19.2	19.2	10.0	12.0	60.4	Bậc 3	
1978	Vũ Thị Linh Chi	22D140042	K58I2	18.3	10.0	19.0	16.0	63.3	Bậc 3	
1979	Trần Thị Minh Diệp	22D140048	K58I2	18.3	15.0	17.0	16.0	66.3	Bậc 4	
1980	Trần Kế Đạt	22D140058	K58I2	19.2	10.8	20.0	15.0	65.0	Bậc 4	
1981	Lâm Trà Giang	22D140064	K58I2	11.7	11.7	10.0	17.0	50.4	Bậc 3	
1982	Vì Thị Hà	22D140074	K58I2	17.5	16.7	8.0	14.0	56.2	Bậc 3	
1983	Nguyễn Minh Hiếu	22D140083	K58I2	22.5	20.0	22.0	21.0	85.5	Bậc 5	
1984	Phạm Mai Hương	22D140098	K58I2	20.8	16.7	21.0	15.0	73.5	Bậc 4	
1985	Vũ Nam Khánh	22D140100	K58I2	21.7	22.5	23.0	18.0	85.2	Bậc 5	
1986	Nguyễn Thị Hồng Liên	22D140107	K58I2	23.3	24.2	22.0	22.0	91.5	Bậc 5	
1987	Lê Phương Linh	22D140112	K58I2	18.3	18.3	19.0	18.0	73.6	Bậc 4	
1988	Nguyễn Phương Linh	22D140116	K58I2	20.8	20.8	19.0	21.0	81.6	Bậc 5	
1989	Tạ Thùy Linh	22D140122	K58I2	20.8	22.5	22.0	20.0	85.3	Bậc 5	
1990	Dương Thị Mai	22D140130	K58I2	20.8	15.8	19.0	20.0	75.6	Bậc 5	
1991	Nguyễn Đăng Lê Minh	22D140135	K58I2	21.7	20.0	21.0	19.0	81.7	Bậc 5	
1992	Đinh Hiền My	22D140140	K58I2	22.5	20.0	23.0	20.0	85.5	Bậc 5	
1993	Trần Thùy Ngân	22D140145	K58I2	15.8	12.5	19.0	17.0	64.3	Bậc 3	
1994	Nguyễn Thùy Nguyên	22D140150	K58I2	17.5	19.2	22.0	22.0	80.7	Bậc 5	
1995	Hoàng Yến Như	22D140155	K58I2	18.3	14.2	21.0	20.0	73.5	Bậc 4	
1996	Nguyễn Hữu Vạn Phong	22D140161	K58I2	23.3	23.3	24.0	17.0	87.6	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
1997	Nguyễn Hồng Phúc	22D140163	K58I2	16.7	18.3	17.0	15.0	67.0	Bậc 4	
1998	Trần Thị Thanh Phương	22D140169	K58I2	16.7	18.3	13.0	19.0	67.0	Bậc 4	
1999	Nguyễn Thị Như Quỳnh	22D140175	K58I2	20.8	20.8	23.0	19.0	83.6	Bậc 5	
2000	Vy Thanh Sơn	22D140176	K58I2	15.8	16.7	20.0	20.0	72.5	Bậc 4	
2001	Dương Đình Dạ Thảo	22D140183	K58I2	22.5	21.7	24.0	22.0	90.2	Bậc 5	
2002	Nguyễn Hương Thảo	22D140188	K58I2	17.5	20.0	20.0	20.0	77.5	Bậc 5	
2003	Vũ Văn Thái	22D140190	K58I2	11.7	17.5	12.0	17.0	58.2	Bậc 3	
2004	Lê Diệu Thúy	22D140197	K58I2	14.2	12.5	10.0	5.0	41.7		
2005	Nguyễn Xuân Tiến	22D140201	K58I2	16.7	15.8	8.0	10.0	50.5	Bậc 3	
2006	Lê Thị Minh Tình	22D140203	K58I2	13.3	6.7	13.0	18.0	51.0	Bậc 3	
2007	Trương Thị Thùy Trang	22D140214	K58I2	21.7	22.5	23.0	17.0	84.2	Bậc 5	
2008	Phạm Minh Tuấn	22D140220	K58I2	11.7	15.0	13.0	12.0	51.7	Bậc 3	
2009	Nguyễn Đức Tuấn	22D140221	K58I2	9.2	15.8	8.0	19.0	52.0	Bậc 3	
2010	Vi Thị Tuyền	22D140223	K58I2	18.3	22.5	17.0	21.0	78.8	Bậc 5	
2011	Dương Thị Thảo Vy	22D140232	K58I2	19.2	21.7	25.0	20.0	85.9	Bậc 5	
2012	Hà Thị Thế	21D140224	K58I3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2013	Nguyễn Diệu Anh	22D140007	K58I3	20.8	19.2	12.0	22.0	74.0	Bậc 4	
2014	Nguyễn Thị Phương Anh	22D140015	K58I3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2015	Phạm Minh Hùng Anh	22D140018	K58I3	9.2	8.3	4.0	15.0	36.5		
2016	Ngô Hồng Ánh	22D140023	K58I3	22.5	20.0	18.0	21.0	81.5	Bậc 5	
2017	Nguyễn Thị Bảo	22D140025	K58I3	17.5	19.2	19.0	21.0	76.7	Bậc 5	
2018	Chu Bảo Châu	22D140032	K58I3	22.5	11.7	13.0	17.0	64.2	Bậc 3	
2019	Bùi Thị Cúc	22D140043	K58I3	10.8	16.7	10.0	15.0	52.5	Bậc 3	
2020	Đinh Văn Cường	22D140044	K58I3	11.7	12.5	18.0	16.0	58.2	Bậc 3	
2021	Đặng Thùy Dương	22D140054	K58I3	16.7	20.0	17.0	22.0	75.7	Bậc 5	
2022	Đinh Mạnh Đạt	22D140055	K58I3	22.5	21.7	21.0	22.0	87.2	Bậc 5	
2023	Dương Thị Thanh Giang	22D140062	K58I3	23.3	23.3	16.0	21.0	83.6	Bậc 5	
2024	Lê Mỹ Hà	22D140069	K58I3	21.7	23.3	17.0	20.0	82.0	Bậc 5	
2025	Nguyễn Nhật Hà	22D140072	K58I3	10.8	19.2	13.0	13.0	56.0	Bậc 3	
2026	Trần Thị Hào	22D140075	K58I3	20.0	21.7	16.0	21.0	78.7	Bậc 5	
2027	Lê Minh Huế	22D140088	K58I3	7.5	5.8	13.0	8.0	34.3		
2028	Nguyễn Nam Hưng	22D140095	K58I3	16.7	20.0	11.0	17.0	64.7	Bậc 3	
2029	Vũ Trọng Khánh	22D140101	K58I3	14.2	13.3	14.0	13.0	54.5	Bậc 3	
2030	Lê Thị Phong Lan	22D140103	K58I3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2031	Trần Thị Thu Liễu	22D140108	K58I3	15.0	11.7	16.0	20.0	62.7	Bậc 3	
2032	Nguyễn Thị Linh	22D140118	K58I3	20.0	24.2	20.0	22.0	86.2	Bậc 5	
2033	Trần Đỗ Hương Linh	22D140123	K58I3	20.0	20.0	18.0	17.0	75.0	Bậc 5	
2034	Nguyễn Thị Phương Mai	22D140131	K58I3	23.3	25.0	21.0	20.0	89.3	Bậc 5	
2035	Vũ Bá Hoàng Minh	22D140139	K58I3	20.8	24.2	13.0	21.0	79.0	Bậc 5	
2036	Nguyễn Thị Trà My	22D140141	K58I3							

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2037	Dương Thảo Ngọc	22D140146	K58I3	18.3	20.8	21.0	21.0	81.1	Bậc 5	
2038	Bùi Thị Nhài	22D140151	K58I3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2039	Đỗ Thị Lâm Oanh	22D140156	K58I3	10.0	14.2	9.0	18.0	51.2	Bậc 3	
2040	Bùi Mai Phương	22D140164	K58I3	16.7	20.0	12.0	17.0	65.7	Bậc 4	
2041	Vũ Thị Thu Phương	22D140170	K58I3	8.3	7.5	18.0	17.0	50.8	Bậc 3	
2042	Diêm Thị Thanh Tâm	22D140177	K58I3	16.7	17.5	17.0	20.0	71.2	Bậc 4	
2043	Nguyễn Công Tâm	22D140178	K58I3	19.2	23.3	21.0	17.0	80.5	Bậc 5	
2044	Dương Thị Thảo	22D140184	K58I3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2045	Nguyễn Sỹ Thắng	22D140191	K58I3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2046	Lương Thị Minh Thư	22D140198	K58I3	20.0	20.0	23.0	22.0	85.0	Bậc 5	
2047	Lâm Tất Toại	22D140204	K58I3	22.5	14.2	17.0	20.0	73.7	Bậc 4	
2048	Đỗ Thị Trang	22D140205	K58I3	23.3	14.2	12.0	19.0	68.5	Bậc 4	
2049	Nguyễn Thị Trang	22D140210	K58I3	17.5	15.0	15.0	19.0	66.5	Bậc 4	
2050	Vũ Dạ Quỳnh Trang	22D140215	K58I3	12.5	19.2	19.0	16.0	66.7	Bậc 4	
2051	Dương Ánh Tuyết	22D140224	K58I3	20.8	20.8	18.0	22.0	81.6	Bậc 5	
2052	Nguyễn Đình Vũ	22D140231	K58I3	15.0	11.7	16.0	21.0	63.7	Bậc 3	
2053	Hoàng Thảo Vy	22D140233	K58I3	17.5	20.0	22.0	20.0	79.5	Bậc 5	
2054	Phạm Thanh An	22D140004	K58I4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2055	Nguyễn Hải Anh	22D140008	K58I4	19.2	17.5	7.0	17.0	60.7	Bậc 3	
2056	Nguyễn Phương Anh	22D140012	K58I4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Đình chỉ
2057	Trần Nam Anh	22D140020	K58I4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2058	Trương Nguyễn Quỳnh Anh	22D140022	K58I4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2059	Nguyễn Hồng Băng	22D140029	K58I4	22.5	20.8	23.0	21.0	87.3	Bậc 5	
2060	Cao Thị Khánh Chi	22D140036	K58I4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2061	Hoàng Thị Diên	22D140046	K58I4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2062	Cao Thị Kim Dung	22D140049	K58I4	19.2	16.7	17.0	19.0	71.9	Bậc 4	
2063	Nguyễn Hữu Đức	22D140059	K58I4	20.8	23.3	20.0	18.0	82.1	Bậc 5	
2064	Nguyễn Thị Hương Giang	22D140065	K58I4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2065	Lê Ngân Hà	22D140070	K58I4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2066	Phạm Thị Hậu	22D140078	K58I4	18.3	15.8	18.0	21.0	73.1	Bậc 4	
2067	Vũ Thị Thu Hiền	22D140080	K58I4	20.0	19.2	19.0	20.0	78.2	Bậc 5	
2068	Nguyễn Mạnh Hiếu	22D140082	K58I4	17.5	18.3	17.0	21.0	73.8	Bậc 4	
2069	Nguyễn Minh Hoàng	22D140085	K58I4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2070	Nguyễn Thị Hòa	22D140086	K58I4	13.3	16.7	19.0	22.0	71.0	Bậc 4	
2071	Lê Thị Huế	22D140089	K58I4	20.8	22.5	19.0	20.0	82.3	Bậc 5	
2072	Nguyễn Thị Bích Huyền	22D140093	K58I4	23.3	22.5	20.0	20.0	85.8	Bậc 5	
2073	Nguyễn Hoàng Thu Lan	22D140104	K58I4	17.5	16.7	17.0	20.0	71.2	Bậc 4	
2074	Bùi Ngọc Linh	22D140109	K58I4	15.0	22.5	23.0	22.0	82.5	Bậc 5	
2075	Nguyễn Mai Linh	22D140114	K58I4	17.5	14.2	19.0	20.0	70.7	Bậc 4	
2076	Phan Thị Thùy Linh	22D140119	K58I4	20.8	20.0	19.0	21.0	80.8	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2077	Trần Ngọc Long	22D140125	K58I4	15.8	14.2	15.0	20.0	65.0	Bậc 4	
2078	Quách Hoàng Ly	22D140127	K58I4	16.7	17.5	24.0	21.0	79.2	Bậc 5	
2079	Nguyễn Xuân Mai	22D140132	K58I4	21.7	16.7	24.0	22.0	84.4	Bậc 5	
2080	Nguyễn Thị Hằng Nga	22D140142	K58I4	18.3	14.2	20.0	20.0	72.5	Bậc 4	
2081	Đỗ Hà Ngọc	22D140147	K58I4	22.5	20.8	22.0	20.0	85.3	Bậc 5	
2082	Ngô Thị Linh Nhi	22D140152	K58I4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2083	Lê Thị Tú Oanh	22D140157	K58I4	18.3	16.7	23.0	22.0	80.0	Bậc 5	
2084	Đào Nam Phương	22D140165	K58I4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2085	Lăng Bích Phượng	22D140171	K58I4	14.2	10.8	15.0	20.0	60.0	Bậc 3	
2086	Trịnh Văn Quân	22D140172	K58I4	11.7	17.5	13.0	19.0	61.2	Bậc 3	
2087	Nguyễn Thị Hồng Tâm	22D140179	K58I4	20.0	20.8	13.0	19.0	72.8	Bậc 4	
2088	Đỗ Thanh Thảo	22D140185	K58I4	22.5	21.7	22.0	21.0	87.2	Bậc 5	
2089	Đặng Anh Thơ	22D140194	K58I4	15.8	20.0	22.0	19.0	76.8	Bậc 5	
2090	Nguyễn Thị Minh Thu	22D140199	K58I4	23.3	22.5	22.0	19.0	86.8	Bậc 5	
2091	Lê Thị Trang	22D140206	K58I4	15.0	10.0	19.0	19.0	63.0	Bậc 3	
2092	Lưu Huyền Trâm	22D140216	K58I4	21.7	21.7	23.0	21.0	87.4	Bậc 5	
2093	Nguyễn Thị Tuyết	22D140225	K58I4	15.0	15.0	18.0	19.0	67.0	Bậc 4	
2094	Trương Minh Tùng	22D140226	K58I4	8.3	10.0	0.0	0.0	18.3		
2095	Trần Thị Xuân	22D140234	K58I4	17.5	16.7	22.0	21.0	77.2	Bậc 5	
2096	Bùi Thế Anh	22D140005	K58I5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2097	Nguyễn Ngọc Anh	22D140009	K58I5	20.8	21.7	23.0	18.0	83.5	Bậc 5	
2098	Nguyễn Văn Bảo	22D140026	K58I5	20.8	16.7	19.0	18.0	74.5	Bậc 4	
2099	Cao Ánh Bích	22D140030	K58I5	7.5	10.0	0.0	0.0	17.5		
2100	Nguyễn Thị Hồng Châu	22D140033	K58I5	20.0	22.5	22.0	23.0	87.5	Bậc 5	
2101	Chu Thị Bích Chi	22D140037	K58I5	13.3	15.0	19.0	21.0	68.3	Bậc 4	
2102	Phạm Khánh Chi	22D140040	K58I5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2103	Lê Hoàng Diễm	22D140047	K58I5	17.5	20.0	18.0	20.0	75.5	Bậc 5	
2104	Nguyễn Hoàng Đạt	22D140056	K58I5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2105	Phạm Quang Đức	22D140060	K58I5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2106	Trịnh Thị Giang	22D140066	K58I5	18.3	16.7	16.0	14.0	65.0	Bậc 4	
2107	Trần Thị Hạnh	22D140076	K58I5	21.7	8.3	10.0	10.0	50.0	Bậc 3	
2108	Nguyễn Thị Thu Hồng	22D140087	K58I5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2109	Phan Thu Huế	22D140090	K58I5	21.7	16.7	14.0	12.0	64.4	Bậc 3	
2110	Đặng Thị Ninh Huyền	22D140092	K58I5	21.7	16.7	9.0	10.0	57.4	Bậc 3	
2111	Đậu Thị Bích Hương	22D140096	K58I5	22.5	17.5	20.0	21.0	81.0	Bậc 5	
2112	Bùi Quang Khải	22D140099	K58I5	24.2	25.0	24.0	17.0	90.2	Bậc 5	
2113	Trần Anh Khôi	22D140102	K58I5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2114	Đỗ Thùy Linh	22D140110	K58I5	24.2	25.0	23.0	22.0	94.2	Bậc 5	
2115	Nguyễn Mai Linh	22D140115	K58I5	22.5	14.2	16.0	19.0	71.7	Bậc 4	
2116	Phạm Hoài Linh	22D140120	K58I5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2117	Phạm Thị Mai	22D140128	K58I5	14.2	8.3	15.0	18.0	55.5	Bậc 3	
2118	Đỗ Phương Minh	22D140134	K58I5	9.2	10.0	12.0	19.0	50.2	Bậc 3	
2119	Nguyễn Nhật Minh	22D140137	K58I5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2120	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	22D140143	K58I5	20.8	23.3	3.0	17.0	64.1	Bậc 3	
2121	Hồ Thị Thanh Ngọc	22D140148	K58I5	21.7	22.5	22.0	20.0	86.2	Bậc 5	
2122	Nguyễn Phan Ngọc Nhi	22D140153	K58I5	8.3	14.2	15.0	20.0	57.5	Bậc 3	
2123	Phùng Thị Kim Oanh	22D140158	K58I5	21.7	24.2	21.0	22.0	88.9	Bậc 5	
2124	Trương Hoàng Phát	22D140159	K58I5	21.7	22.5	17.0	19.0	80.2	Bậc 5	
2125	Đậu Đức Phú	22D140162	K58I5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2126	Đỗ Hà Phương	22D140167	K58I5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2127	Lâm Thị Quyên	22D140173	K58I5	18.3	10.8	13.0	20.0	62.1	Bậc 3	
2128	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	22D140180	K58I5	20.0	18.3	21.0	19.0	78.3	Bậc 5	
2129	Nguyễn Đức Thành	22D140181	K58I5	25.0	23.3	19.0	19.0	86.3	Bậc 5	
2130	Lê Ngọc Phương Thảo	22D140186	K58I5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2131	Nguyễn Văn Thịnh	22D140192	K58I5	15.0	18.3	23.0	22.0	78.3	Bậc 5	
2132	Nguyễn Thị Hoài Thu	22D140195	K58I5	12.5	11.7	18.0	22.0	64.2	Bậc 3	
2133	Tăng Thị Minh Thư	22D140200	K58I5	8.3	13.3	18.0	18.0	57.6	Bậc 3	
2134	Nguyễn Thị Thu Trang	22D140212	K58I5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2135	Trần Thị Trâm	22D140217	K58I5	20.8	16.7	18.0	20.0	75.5	Bậc 5	
2136	Tô Thị Tú Uyên	22D140228	K58I5	14.2	15.0	22.0	22.0	73.2	Bậc 4	
2137	Nguyễn Thị Kim Xuyên	22D140235	K58I5	24.2	21.7	24.0	18.0	87.9	Bậc 5	
2138	Đào Diệu An	22D300001	K58LQ1	19.2	15.0	16.0	18.0	68.2	Bậc 4	
2139	Đặng Phương Anh	22D300006	K58LQ1	22.5	20.0	24.0	17.0	83.5	Bậc 5	
2140	Lâm Thị Mai Anh	22D300008	K58LQ1	19.2	20.8	22.0	19.0	81.0	Bậc 5	
2141	Lê Thị Quỳnh Anh	22D300010	K58LQ1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2142	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	22D300015	K58LQ1	14.2	15.0	21.0	22.0	72.2	Bậc 4	
2143	Nguyễn Thị Vân Anh	22D300016	K58LQ1	16.7	12.5	16.0	16.0	61.2	Bậc 3	
2144	Hoàng Hồng Ánh	22D300019	K58LQ1	5.8	10.0	19.0	16.0	50.8	Bậc 3	
2145	Nguyễn Thị Hồng Ánh	22D300020	K58LQ1	15.8	12.5	20.0	19.0	67.3	Bậc 4	
2146	Triệu Thị Ngọc Bảo	22D300023	K58LQ1	19.2	15.0	19.0	15.0	68.2	Bậc 4	
2147	Nguyễn Văn Cao	22D300024	K58LQ1	20.8	22.5	22.0	15.0	80.3	Bậc 5	
2148	Hà Lệ Chi	22D300026	K58LQ1	18.3	20.8	19.0	17.0	75.1	Bậc 5	
2149	Phan Thùy Dương	22D300038	K58LQ1	9.2	7.5	18.0	16.0	50.7	Bậc 3	
2150	Nguyễn Duy Đạt	22D300041	K58LQ1	16.7	13.3	19.0	20.0	69.0	Bậc 4	
2151	Đàm Phương Giang	22D300047	K58LQ1	17.5	18.3	19.0	22.0	76.8	Bậc 5	
2152	Hoàng Thị Thu Hằng	22D300054	K58LQ1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2153	Nguyễn Thị Hằng	22D300055	K58LQ1	8.3	10.8	18.0	22.0	59.1	Bậc 3	
2154	Vũ Kim Hào	22D300056	K58LQ1	11.7	14.2	14.0	19.0	58.9	Bậc 3	
2155	Nguyễn Huy Hoàng	22D300062	K58LQ1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2156	Vũ Huy Hoàng	22D300063	K58LQ1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2157	Lê Thị Hồng.	22D300064	K58LQ1	16.7	13.3	20.0	22.0	72.0	Bậc 4	
2158	Nguyễn Thị Thu Huyền	22D300070	K58LQ1	19.2	15.8	21.0	23.0	79.0	Bậc 5	
2159	Bùi Thị Ngọc Lan	22D300079	K58LQ1	11.7	15.0	22.0	22.0	70.7	Bậc 4	
2160	Dương Thị Mỹ Liên	22D300082	K58LQ1	12.5	17.5	20.0	20.0	70.0	Bậc 4	
2161	Dương Ngọc Linh	22D300085	K58LQ1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2162	Nguyễn Khánh Linh	22D300088	K58LQ1	20.8	25.0	23.0	15.0	83.8	Bậc 5	
2163	Trần Phương Linh	22D300091	K58LQ1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2164	Vũ Ngọc Mai	22D300094	K58LQ1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2165	Nguyễn Hằng Nga	22D300098	K58LQ1	23.3	16.7	20.0	19.0	79.0	Bậc 5	
2166	Hoàng Bảo Ngọc	22D300101	K58LQ1	17.5	18.3	21.0	22.0	78.8	Bậc 5	
2167	Nguyễn Văn Ngọc	22D300103	K58LQ1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2168	Trần Thị Nhài	22D300105	K58LQ1	20.0	17.5	20.0	22.0	79.5	Bậc 5	
2169	Tổng Thảo Nhi	22D300108	K58LQ1	23.3	25.0	24.0	24.0	96.3	Bậc 5	
2170	Lê Thị Hồng Nhung	22D300111	K58LQ1	17.5	17.5	18.0	19.0	72.0	Bậc 4	
2171	Phạm Thị Phương	22D300115	K58LQ1	13.3	8.3	15.0	19.0	55.6	Bậc 3	
2172	Nguyễn Thị Phượng	22D300118	K58LQ1	19.2	17.5	21.0	21.0	78.7	Bậc 5	
2173	Nguyễn Văn Quang	22D300120	K58LQ1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2174	Nguyễn Thu Quỳnh	22D300123	K58LQ1	18.3	16.7	14.0	20.0	69.0	Bậc 4	
2175	Nguyễn Văn Toại Tâm	22D300130	K58LQ1	4.2	10.8	19.0	16.0	50.0	Bậc 3	
2176	Nguyễn Thị Thanh	22D300131	K58LQ1	17.5	15.8	19.0	21.0	73.3	Bậc 4	
2177	Hoàng Trung Thắng	22D300136	K58LQ1	19.2	15.0	10.0	18.0	62.2	Bậc 3	
2178	Nguyễn Thị Minh Thu	22D300138	K58LQ1	21.7	20.8	18.0	21.0	81.5	Bậc 5	
2179	Nông Thanh Thùy	22D300142	K58LQ1	14.2	12.5	18.0	20.0	64.7	Bậc 3	
2180	Nguyễn Thùy Trang	22D300145	K58LQ1	21.7	22.5	22.0	19.0	85.2	Bậc 5	
2181	Trần Huyền Trang	22D300148	K58LQ1	20.0	10.8	19.0	19.0	68.8	Bậc 4	
2182	Bùi Quang Trung	22D300150	K58LQ1	8.3	10.8	18.0	14.0	51.1	Bậc 3	
2183	Cung Đình Tuyển	22D300154	K58LQ1	5.0	13.3	8.0	14.0	40.3		
2184	Đào Thảo Vân	22D300156	K58LQ1	10.8	11.7	14.0	18.0	54.5	Bậc 3	
2185	Lê Đức Anh	22D300009	K58LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2186	Lưu Văn Anh	22D300011	K58LQ2	20.0	19.2	16.0	21.0	76.2	Bậc 5	
2187	Nguyễn Thị Ngọc Anh	22D300014	K58LQ2	19.2	7.5	9.0	17.0	52.7	Bậc 3	
2188	Nông Quốc Ái	22D300018	K58LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2189	Lư Hoa Cương	22D300030	K58LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2190	Trần Đức Duy	22D300033	K58LQ2	21.7	23.3	19.0	21.0	85.0	Bậc 5	
2191	Khổng Trần Dương	22D300037	K58LQ2	20.0	18.3	20.0	21.0	79.3	Bậc 5	
2192	Vũ Nguyễn Thùy Dương	22D300039	K58LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2193	Nguyễn Quý Đạt	22D300042	K58LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2194	Dương Văn Đức	22D300044	K58LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2195	Triệu Minh Đức	22D300046	K58LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2196	Đặng Thị Hương Giang	22D300048	K58LQ2	11.7	16.7	19.0	19.0	66.4	Bậc 4	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2197	Hoàng Thị Ngọc Hà	22D300050	K58LQ2	23.3	20.8	22.0	19.0	85.1	Bậc 5	
2198	Vũ Mạnh Hào	22D300051	K58LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2199	Phan Thị Thu Hiền	22D300057	K58LQ2	20.0	15.8	19.0	22.0	76.8	Bậc 5	
2200	Đoàn Ngọc Hiếu	22D300058	K58LQ2	21.7	22.5	23.0	22.0	89.2	Bậc 5	
2201	Khuất Thị Hoa	22D300059	K58LQ2	21.7	17.5	22.0	22.0	83.2	Bậc 5	
2202	Đỗ Duy Hoàng	22D300061	K58LQ2	14.2	15.0	20.0	19.0	68.2	Bậc 4	
2203	Lê Thị Thu Huệ	22D300065	K58LQ2	22.5	19.2	22.0	20.0	83.7	Bậc 5	
2204	Hoàng Thị Khánh Huyền	22D300066	K58LQ2	13.3	11.7	17.0	19.0	61.0	Bậc 3	
2205	Dương Quang Hùng	22D300071	K58LQ2	23.3	19.2	23.0	20.0	85.5	Bậc 5	
2206	Đỗ Thị Bích Hương	22D300074	K58LQ2	19.2	17.5	22.0	21.0	79.7	Bậc 5	
2207	Đỗ Nam Khang	22D300075	K58LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2208	Nguyễn Ngọc Kiên	22D300078	K58LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2209	Dương Thị Lan	22D300080	K58LQ2	15.8	10.8	20.0	20.0	66.6	Bậc 4	
2210	Nguyễn Thị Liên	22D300083	K58LQ2	22.5	17.5	14.0	18.0	72.0	Bậc 4	
2211	Đinh Thị Thảo Linh	22D300086	K58LQ2	13.3	16.7	16.0	20.0	66.0	Bậc 4	
2212	Nguyễn Thị Linh	22D300089	K58LQ2	15.0	18.3	14.0	19.0	66.3	Bậc 4	
2213	Vũ Thùy Linh	22D300092	K58LQ2	24.2	22.5	23.0	22.0	91.7	Bậc 5	
2214	Luyện Trà My	22D300096	K58LQ2	13.3	10.8	18.0	20.0	62.1	Bậc 3	
2215	Lương Thị Thúy Nhân	22D300106	K58LQ2	9.2	8.3	20.0	21.0	58.5	Bậc 3	
2216	Trần Ngọc Nhi	22D300109	K58LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2217	Nguyễn Thị Trang Nhung	22D300112	K58LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2218	Đỗ Thị Minh Phương	22D300116	K58LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2219	Lê Minh Quân	22D300121	K58LQ2	7.5	10.8	16.0	16.0	50.3	Bậc 3	
2220	Nguyễn Đỗ Quang Sơn	22D300125	K58LQ2	10.0	9.2	15.0	16.0	50.2	Bậc 3	
2221	Tạ Quang Sơn	22D300127	K58LQ2	20.0	18.3	22.0	21.0	81.3	Bậc 5	
2222	Bàn Sinh Thành	22D300132	K58LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2223	Hoàng Thị Phương Thảo	22D300134	K58LQ2	20.8	23.3	18.0	21.0	83.1	Bậc 5	
2224	Phan Thị Hoài Thương	22D300139	K58LQ2	15.0	10.8	19.0	20.0	64.8	Bậc 3	
2225	Phạm Minh Thư	22D300143	K58LQ2	20.8	13.3	18.0	20.0	72.1	Bậc 4	
2226	Trần Thị Quỳnh Trang	22D300149	K58LQ2	22.5	23.3	22.0	21.0	88.8	Bậc 5	
2227	Nguyễn Hoàng Trung	22D300151	K58LQ2	19.2	19.2	15.0	21.0	74.4	Bậc 4	
2228	Luyện Thị Thanh Vân	22D300157	K58LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2229	Phạm Anh Vũ	22D300158	K58LQ2	18.3	13.3	17.0	19.0	67.6	Bậc 4	
2230	Bùi Nhật Anh	22D300003	K58LQ3	23.3	25.0	24.0	21.0	93.3	Bậc 5	
2231	Chu Đức Anh	22D300004	K58LQ3	20.8	25.0	17.0	18.0	80.8	Bậc 5	
2232	Đỗ Thị Phương Anh	22D300007	K58LQ3	22.5	21.7	20.0	19.0	83.2	Bậc 5	
2233	Nguyễn Diệu Anh	22D300012	K58LQ3	19.2	19.2	22.0	21.0	81.4	Bậc 5	
2234	Vũ Thị Ngọc Ánh	22D300021	K58LQ3	10.0	10.8	15.0	16.0	51.8	Bậc 3	
2235	Nguyễn Gia Bảo	22D300022	K58LQ3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2236	Lê Minh Châu	22D300025	K58LQ3	24.2	25.0	18.0	24.0	91.2	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2237	Nguyễn Thị Kim Chi	22D300029	K58LQ3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2238	Nguyễn Đức Du	22D300031	K58LQ3	10.8	15.8	18.0	15.0	59.6	Bậc 3	
2239	Nguyễn Hữu Duy	22D300032	K58LQ3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2240	Vũ Thị Hồng Duyên	22D300035	K58LQ3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2241	Khúc Tiến Đạt	22D300040	K58LQ3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng KN nói, Viết
2242	Phạm Tiến Đạt	22D300043	K58LQ3	5.8	10.0	0.0	0.0	15.8		
2243	Đỗ Thị Hương Giang	22D300049	K58LQ3	10.0	11.7	0.0	2.0	23.7		
2244	Lê Thị Kim Huyền	22D300067	K58LQ3	15.0	15.8	16.0	20.0	66.8	Bậc 4	
2245	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	22D300069	K58LQ3	7.5	19.2	10.0	17.0	53.7	Bậc 3	
2246	Đinh Việt Hùng	22D300072	K58LQ3	18.3	12.5	11.0	11.0	52.8	Bậc 3	
2247	Trần Thị Minh Khánh	22D300076	K58LQ3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2248	Nguyễn Minh Khôi	22D300077	K58LQ3	19.2	20.8	16.0	21.0	77.0	Bậc 5	
2249	Trần Thị Liên	22D300084	K58LQ3	12.5	10.0	12.0	20.0	54.5	Bậc 3	
2250	Lương Thùy Linh	22D300087	K58LQ3	6.7	11.7	18.0	14.0	50.4	Bậc 3	
2251	Nguyễn Thị Hải Linh	22D300090	K58LQ3	15.8	10.8	23.0	21.0	70.6	Bậc 4	
2252	Nguyễn Thị Thanh Mai	22D300093	K58LQ3	10.8	15.8	18.0	19.0	63.6	Bậc 3	
2253	Hoàng Công Minh	22D300095	K58LQ3	17.5	17.5	20.0	22.0	77.0	Bậc 5	
2254	Hà Văn Na	22D300097	K58LQ3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2255	Đỗ Thị Ngọc	22D300100	K58LQ3	12.5	15.0	20.0	19.0	66.5	Bậc 4	
2256	Phan Thị Ngọc	22D300104	K58LQ3	16.7	20.8	20.0	19.0	76.5	Bậc 5	
2257	Lê Cẩm Nhung	22D300110	K58LQ3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2258	Nguyễn Thị Oanh	22D300113	K58LQ3	9.2	16.7	17.0	12.0	54.9	Bậc 3	
2259	Nguyễn Quang Phú	22D300114	K58LQ3	19.2	19.2	22.0	17.0	77.4	Bậc 5	
2260	Phạm Thu Phương	22D300117	K58LQ3	12.5	11.7	19.0	17.0	60.2	Bậc 3	
2261	Nguyễn Thị Như Quỳnh	22D300122	K58LQ3	13.3	10.8	16.0	15.0	55.1	Bậc 3	
2262	Nguyễn Trường Sơn	22D300126	K58LQ3	22.5	20.0	22.0	21.0	85.5	Bậc 5	
2263	Bùi Thị Minh Tâm	22D300128	K58LQ3	19.2	17.5	23.0	22.0	81.7	Bậc 5	
2264	Đặng Minh Tâm	22D300129	K58LQ3	10.8	12.5	21.0	15.0	59.3	Bậc 3	
2265	Lê Nhật Thành	22D300133	K58LQ3	18.3	18.3	20.0	16.0	72.6	Bậc 4	
2266	Ngô Thị Thảo	22D300135	K58LQ3	20.0	19.2	23.0	19.0	81.2	Bậc 5	
2267	Nguyễn Ngọc Thiện	22D300137	K58LQ3	16.7	10.0	21.0	16.0	63.7	Bậc 3	
2268	Nguyễn Phương Thủy	22D300141	K58LQ3	18.3	15.8	23.0	20.0	77.1	Bậc 5	
2269	Lưu Thị Trang	22D300144	K58LQ3	14.2	10.0	20.0	16.0	60.2	Bậc 3	
2270	Phạm Thùy Trang	22D300147	K58LQ3	21.7	20.8	22.0	21.0	85.5	Bậc 5	
2271	Trần Quốc Tuấn	22D300153	K58LQ3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2272	Bế Thị Uyên	22D300155	K58LQ3	17.5	20.0	21.0	17.0	75.5	Bậc 5	
2273	Nguyễn Hà Vy	22D300159	K58LQ3	16.7	19.2	22.0	21.0	78.9	Bậc 5	
2274	Lê Thị Minh Anh	22D170003	K58N1	23.3	21.7	20.0	21.0	86.0	Bậc 5	
2275	Nguyễn Phương Anh	22D170006	K58N1	18.3	24.2	21.0	18.0	81.5	Bậc 5	
2276	Trương Kiều Diễm	22D170022	K58N1	24.2	21.7	22.0	19.0	86.9	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2277	Đỗ Thị Dung	22D170025	K58N1	20.0	16.7	22.0	21.0	79.7	Bậc 5	
2278	Lương Quỳnh Dương	22D170033	K58N1	13.3	9.2	22.0	21.0	65.5	Bậc 4	
2279	Đặng Minh Đại	22D170036	K58N1	16.7	16.7	21.0	21.0	75.4	Bậc 5	
2280	Nguyễn Thành Đô	22D170039	K58N1	22.5	23.3	22.0	18.0	85.8	Bậc 5	
2281	Nguyễn Thị Ngân Hà	22D170055	K58N1	20.8	25.0	23.0	20.0	88.8	Bậc 5	
2282	Nguyễn Ngân Hằng	22D170060	K58N1	15.8	16.7	24.0	19.0	75.5	Bậc 5	
2283	Đỗ Trung Hiếu	22D170067	K58N1	20.0	25.0	24.0	23.0	92.0	Bậc 5	
2284	Nguyễn Việt Hoàng	22D170074	K58N1	24.2	24.2	24.0	21.0	93.4	Bậc 5	
2285	Bùi Thị Huê	22D170078	K58N1	17.5	15.8	23.0	20.0	76.3	Bậc 5	
2286	Phạm Thanh Quang Huy	22D170081	K58N1	22.5	22.5	21.0	21.0	87.0	Bậc 5	
2287	Ngô Thu Huyền	22D170084	K58N1	20.0	20.0	23.0	23.0	86.0	Bậc 5	
2288	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22D170086	K58N1	16.7	20.0	22.0	22.0	80.7	Bậc 5	
2289	Nguyễn Thị Lan Hương	22D170095	K58N1	18.3	12.5	24.0	21.0	75.8	Bậc 5	
2290	Nguyễn Phương Linh	22D170110	K58N1	16.7	15.0	23.0	21.0	75.7	Bậc 5	
2291	Trần Thùy Linh	22D170120	K58N1	18.3	16.7	25.0	15.0	75.0	Bậc 5	
2292	Lương Ngọc Mai	22D170133	K58N1	18.3	20.8	22.0	20.0	81.1	Bậc 5	
2293	Hoàng Nhật Minh	22D170137	K58N1	20.0	21.7	24.0	22.0	87.7	Bậc 5	
2294	Đỗ Trà My	22D170141	K58N1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2295	Hoàng Hải Nam	22D170144	K58N1	20.8	25.0	22.0	21.0	88.8	Bậc 5	
2296	Vũ Giang Nam	22D170146	K58N1	19.2	20.0	25.0	18.0	82.2	Bậc 5	
2297	Phạm Thị Yến Nga	22D170149	K58N1	20.8	20.8	21.0	21.0	83.6	Bậc 5	
2298	Lưu Kim Ngân	22D170154	K58N1	21.7	20.8	23.0	20.0	85.5	Bậc 5	
2299	Hà Thị Như Ngọc	22D170160	K58N1	19.2	21.7	20.0	22.0	82.9	Bậc 5	
2300	Trần Bảo Ngọc	22D170165	K58N1	20.0	24.2	20.0	20.0	84.2	Bậc 5	
2301	Đặng Thị Quỳnh Nhi	22D170171	K58N1	19.2	20.0	19.0	19.0	77.2	Bậc 5	
2302	Phạm Thị Yến Nhi	22D170176	K58N1	12.5	13.3	17.0	22.0	64.8	Bậc 3	
2303	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22D170181	K58N1	24.2	20.0	19.0	21.0	84.2	Bậc 5	
2304	Nguyễn Kiều Oanh	22D170187	K58N1	20.0	17.5	22.0	21.0	80.5	Bậc 5	
2305	Nguyễn Thị Phương	22D170193	K58N1	18.3	20.0	20.0	22.0	80.3	Bậc 5	
2306	Tô Lan Phương	22D170198	K58N1	11.7	15.8	21.0	18.0	66.5	Bậc 4	
2307	Nguyễn Hồng Quân	22D170203	K58N1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2308	Lô Thị Xuân Quỳnh	22D170207	K58N1	19.2	15.0	20.0	21.0	75.2	Bậc 5	
2309	Đoàn Quốc Thành	22D170213	K58N1	22.5	23.3	19.0	19.0	83.8	Bậc 5	
2310	Đặng Thị Bích Thảo	22D170215	K58N1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2311	Nguyễn Thị Thảo	22D170220	K58N1	15.0	20.8	22.0	20.0	77.8	Bậc 5	
2312	Nguyễn Hoài Thu	22D170227	K58N1	21.7	23.3	22.0	22.0	89.0	Bậc 5	
2313	Phạm Nguyễn Minh Thư	22D170233	K58N1	17.5	24.0	24.0	19.0	84.5	Bậc 5	
2314	Trần Thị Hoài Thương	22D170238	K58N1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2315	Đỗ Thu Trang	22D170245	K58N1	18.3	21.7	22.0	22.0	84.0	Bậc 5	
2316	Trần Cẩm Tú	22D170257	K58N1	14.2	17.5	24.0	20.0	75.7	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2317	Nguyễn Thị Vân	22D170263	K58N1	18.3	23.0	22.0	18.0	81.3	Bậc 5	
2318	Trần Thị Xinh	22D170271	K58N1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2319	Đào Quỳnh Anh	22D170002	K58N2	17.5	16.7	22.0	19.0	75.2	Bậc 5	
2320	Lê Thanh Bình	22D170017	K58N2	21.7	23.3	23.0	18.0	86.0	Bậc 5	
2321	Nguyễn Mạnh Cường	22D170020	K58N2	23.3	23.3	22.0	21.0	89.6	Bậc 5	
2322	Phạm Thị Duyên	22D170026	K58N2	19.2	21.7	21.0	18.0	79.9	Bậc 5	
2323	Nguyễn Tuấn Dũng	22D170029	K58N2	21.7	22.5	25.0	20.0	89.2	Bậc 5	
2324	Nguyễn Minh Đức	22D170040	K58N2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2325	Dương Thị Giang	22D170042	K58N2	19.2	22.5	22.0	20.0	83.7	Bậc 5	
2326	Triệu Hương Giang	22D170049	K58N2	15.0	22.5	24.0	17.0	78.5	Bậc 5	
2327	Lê Thị Hà	22D170052	K58N2	18.3	23.3	23.0	21.0	85.6	Bậc 5	
2328	Trương Thị Thanh Hải	22D170057	K58N2	16.7	16.7	24.0	20.0	77.4	Bậc 5	
2329	Lê Thị Thu Hiền	22D170064	K58N2	20.0	22.5	23.0	16.0	81.5	Bậc 5	
2330	Nguyễn Tuấn Mạnh Hiếu	22D170068	K58N2	20.8	23.3	23.0	20.0	87.1	Bậc 5	
2331	Lê Thị Hoài	22D170072	K58N2	17.5	21.7	22.0	18.0	79.2	Bậc 5	
2332	Trần Sách Huy	22D170082	K58N2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2333	Võ Thị Khánh Huyền	22D170087	K58N2	20.0	18.3	23.0	20.0	81.3	Bậc 5	
2334	Lê Văn Hùng	22D170091	K58N2	14.2	18.3	22.0	22.0	76.5	Bậc 5	
2335	Nguyễn Thị Hường	22D170096	K58N2	20.0	23.3	21.0	21.0	85.3	Bậc 5	
2336	Đinh Ngọc Khánh	22D170097	K58N2	18.3	16.7	15.0	15.0	65.0	Bậc 4	
2337	Nguyễn Thị Tú Linh	22D170111	K58N2	16.7	16.7	23.0	19.0	75.4	Bậc 5	
2338	Trương Thị Thùy Linh	22D170121	K58N2	13.3	16.7	14.0	20.0	64.0	Bậc 3	
2339	Nguyễn Văn Lộc	22D170128	K58N2	20.8	21.7	21.0	22.0	85.5	Bậc 5	
2340	Nguyễn Mai Ly	22D170129	K58N2	20.8	21.7	24.0	21.0	87.5	Bậc 5	
2341	Nguyễn Hồng Mai	22D170134	K58N2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2342	Vũ Thị Hà My	22D170142	K58N2	21.7	21.7	24.0	21.0	88.4	Bậc 5	
2343	Kiều Quốc Nam	22D170145	K58N2	24.2	25.0	23.0	20.0	92.2	Bậc 5	
2344	Nguyễn Trần Bảo Ngân	22D170155	K58N2	23.3	23.3	22.0	21.0	89.6	Bậc 5	
2345	Hoàng Thị Yến Ngọc	22D170161	K58N2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2346	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	22D170166	K58N2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2347	Đỗ Nguyễn Lâm Nhi	22D170172	K58N2	20.0	20.8	22.0	18.0	80.8	Bậc 5	
2348	Dương Thị Nhung	22D170177	K58N2	21.7	23.3	22.0	21.0	88.0	Bậc 5	
2349	Trương Thị Kiều Nhung	22D170182	K58N2	20.8	20.8	23.0	20.0	84.6	Bậc 5	
2350	Bùi Thị Phương	22D170189	K58N2	22.5	23.3	22.0	22.0	89.8	Bậc 5	
2351	Nguyễn Thị Minh Phương	22D170194	K58N2	20.0	23.3	22.0	20.0	85.3	Bậc 5	
2352	Vũ Hà Phương	22D170199	K58N2	21.7	21.7	21.0	20.0	84.4	Bậc 5	
2353	Nguyễn Ngọc Quỳnh	22D170208	K58N2	22.5	21.7	20.0	20.0	84.2	Bậc 5	
2354	Nguyễn Trường Sơn	22D170209	K58N2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2355	Nguyễn Diệu Thảo	22D170216	K58N2	20.0	22.5	21.0	17.0	80.5	Bậc 5	
2356	Nguyễn Trần Phương Thảo	22D170221	K58N2	22.5	22.5	20.0	23.0	88.0	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2357	Nguyễn Văn Thắng	22D170225	K58N2	22.5	25.0	23.0	23.0	93.5	Bậc 5	
2358	Trần Anh Thu	22D170234	K58N2	18.3	22.5	21.0	21.0	82.8	Bậc 5	
2359	Trần Thị Thủy Tiên	22D170239	K58N2	23.3	23.3	23.0	21.0	90.6	Bậc 5	
2360	Lê Trần Quỳnh Trang	22D170246	K58N2	21.7	21.7	23.0	21.0	87.4	Bậc 5	
2361	Trương Thị Thu Trang	22D170251	K58N2	15.8	13.3	21.0	16.0	66.1	Bậc 4	
2362	Ngô Anh Tuấn	22D170255	K58N2	20.0	23.3	24.0	19.0	86.3	Bậc 5	
2363	Trần Thị Tươi	22D170258	K58N2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2364	Đào Thị Khánh Vinh	22D170264	K58N2	20.8	22.5	25.0	22.0	90.3	Bậc 5	
2365	Đặng Thị Hải Yến	22D170272	K58N2	21.7	15.0	24.0	20.0	80.7	Bậc 5	
2366	Đỗ Thị Hà Trang	21D170232	K58N3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2367	Nguyễn Hà Phương Anh	22D170004	K58N3	19.2	22.5	21.0	21.0	83.7	Bậc 5	
2368	Nguyễn Thị Kim Anh	22D170008	K58N3	15.8	20.0	24.0	18.0	77.8	Bậc 5	
2369	Trần Đức Anh	22D170011	K58N3	20.8	24.2	25.0	23.0	93.0	Bậc 5	
2370	Trương Thục Anh	22D170013	K58N3	20.0	22.5	25.0	20.0	87.5	Bậc 5	
2371	Nguyễn Thị Minh Ánh	22D170015	K58N3	20.0	21.7	22.0	18.0	81.7	Bậc 5	
2372	Lê Thị Ngọc Diễm	22D170021	K58N3	20.0	18.3	19.0	18.0	75.3	Bậc 5	
2373	Vũ Anh Dũng	22D170030	K58N3	24.2	20.0	20.0	20.0	84.2	Bậc 5	
2374	Nguyễn Thị Lan Dương	22D170034	K58N3	18.3	21.7	21.0	20.0	81.0	Bậc 5	
2375	Nguyễn Hương Giang	22D170046	K58N3	21.7	21.7	21.0	22.0	86.4	Bậc 5	
2376	Nguyễn Thị Thu Hà	22D170056	K58N3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2377	Nguyễn Thị Thúy Hằng	22D170061	K58N3	23.3	20.0	20.0	17.0	80.3	Bậc 5	
2378	Vũ Gia Hiếu	22D170069	K58N3	22.5	25.0	23.0	22.0	92.5	Bậc 5	
2379	Trần Thị Khánh Hòa	22D170075	K58N3	20.8	20.8	21.0	20.0	82.6	Bậc 5	
2380	Trần Kim Huệ	22D170079	K58N3	17.5	19.2	22.0	20.0	78.7	Bậc 5	
2381	Nguyễn Quang Hưng	22D170092	K58N3	24.2	24.2	21.0	21.0	90.4	Bậc 5	
2382	Phạm Đức Khánh	22D170098	K58N3	23.3	20.8	22.0	19.0	85.1	Bậc 5	
2383	Nguyễn Thị Ngọc Kiều	22D170099	K58N3	24.2	20.8	21.0	20.0	86.0	Bậc 5	
2384	Nguyễn Thùy Linh	22D170112	K58N3	17.5	20.0	20.0	20.0	77.5	Bậc 5	
2385	Phạm Thị Phương Linh	22D170117	K58N3	18.3	20.0	24.0	22.0	84.3	Bậc 5	
2386	Hà Thành Long	22D170126	K58N3	22.5	23.3	24.0	22.0	91.8	Bậc 5	
2387	Nguyễn Thị Ngọc Ly	22D170130	K58N3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2388	Nguyễn Ngọc Mai	22D170135	K58N3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2389	Nguyễn Tuấn Minh	22D170140	K58N3	24.2	24.2	23.0	21.0	92.4	Bậc 5	
2390	Vũ Trà My	22D170143	K58N3	22.5	24.2	22.0	21.0	89.7	Bậc 5	
2391	Nguyễn Thị Ngát	22D170151	K58N3	20.0	13.3	24.0	18.0	75.3	Bậc 5	
2392	Phạm Thị Thu Ngân	22D170156	K58N3	20.0	22.5	24.0	23.0	89.5	Bậc 5	
2393	Lê Hồng Nghĩa	22D170158	K58N3	23.3	22.5	25.0	19.0	89.8	Bậc 5	
2394	Lê Thị Bích Ngọc	22D170162	K58N3	18.3	16.7	23.0	18.0	76.0	Bậc 5	
2395	Phan Thị Thanh Nhân	22D170167	K58N3	18.3	17.5	24.0	17.0	76.8	Bậc 5	
2396	Nguyễn Thị Yến Nhi	22D170173	K58N3	23.3	22.5	25.0	18.0	88.8	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2397	Vũ Thị Nhung	22D170183	K58N3	20.0	15.8	22.0	20.0	77.8	Bậc 5	
2398	Trần Hoàng Ninh	22D170186	K58N3	22.5	22.5	22.0	22.0	89.0	Bậc 5	
2399	Bùi Vũ Minh Phương	22D170190	K58N3	20.0	23.3	25.0	23.0	91.3	Bậc 5	
2400	Nguyễn Thu Phương	22D170195	K58N3	19.2	24.2	25.0	18.0	86.4	Bậc 5	
2401	Vũ Mai Phương	22D170200	K58N3	22.5	23.3	25.0	20.0	90.8	Bậc 5	
2402	Nguyễn Minh Quân	22D170204	K58N3	19.2	19.2	25.0	20.0	83.4	Bậc 5	
2403	Nguyễn Thanh Tâm	22D170210	K58N3	22.5	23.3	24.0	17.0	86.8	Bậc 5	
2404	Nguyễn Văn Thành	22D170214	K58N3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2405	Nguyễn Phương Thảo	22D170217	K58N3	17.5	15.8	23.0	19.0	75.3	Bậc 5	
2406	Tạ Phương Thảo	22D170222	K58N3	20.8	20.0	20.0	20.0	80.8	Bậc 5	
2407	Trần Hoàng Thu	22D170228	K58N3	20.8	23.3	23.0	18.0	85.1	Bậc 5	
2408	Trần Thị Thanh Thủy	22D170230	K58N3	23.3	24.2	25.0	22.0	94.5	Bậc 5	
2409	Vương Cao Anh Thư	22D170235	K58N3	23.3	22.5	24.0	22.0	91.8	Bậc 5	
2410	Cao Thị Quỳnh Trang	22D170242	K58N3	23.3	22.5	17.0	17.0	79.8	Bậc 5	
2411	Nguyễn Huyền Trang	22D170247	K58N3	20.8	21.7	22.0	21.0	85.5	Bậc 5	
2412	Trương Thu Trang	22D170252	K58N3	19.2	19.2	24.0	22.0	84.4	Bậc 5	
2413	Dương Thu Uyên	22D170259	K58N3	20.8	20.8	23.0	20.0	84.6	Bậc 5	
2414	Trần Long Vũ	22D170266	K58N3	22.5	22.5	23.0	21.0	89.0	Bậc 5	
2415	Bế Thị Hồng Vy	22D170268	K58N3	20.8	22.5	22.0	19.0	84.3	Bậc 5	
2416	Vũ Thị Hải Yến	22D170273	K58N3	20.0	22.5	22.0	22.0	86.5	Bậc 5	
2417	Nguyễn Hải Anh	22D170005	K58N4	20.8	23.3	22.0	21.0	87.1	Bậc 5	
2418	Phạm Thị Lan Anh	22D170010	K58N4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2419	Trần Xuân Anh	22D170012	K58N4	18.3	21.7	20.0	21.0	81.0	Bậc 5	
2420	Vũ Quỳnh Anh	22D170014	K58N4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2421	Đinh Huyền Diệu	22D170023	K58N4	22.5	22.5	23.0	22.0	90.0	Bậc 5	
2422	Bùi Đức Dũng	22D170027	K58N4	21.7	21.7	25.0	22.0	90.4	Bậc 5	
2423	Phạm Ngọc Đức	22D170041	K58N4	24.2	23.3	25.0	21.0	93.5	Bậc 5	
2424	Nguyễn Ngọc Trà Giang	22D170047	K58N4	23.3	22.5	23.0	21.0	89.8	Bậc 5	
2425	Vũ Thị Trúc Giang	22D170050	K58N4	21.7	21.7	25.0	20.0	88.4	Bậc 5	
2426	Lê Thúy Hà	22D170053	K58N4	23.3	22.5	25.0	22.0	92.8	Bậc 5	
2427	Hoàng Thị Hạnh	22D170058	K58N4	18.3	20.8	23.0	22.0	84.1	Bậc 5	
2428	Trần Diễm Hằng	22D170062	K58N4	19.2	20.8	25.0	21.0	86.0	Bậc 5	
2429	Nguyễn Thị Hiền	22D170065	K58N4	18.3	22.5	24.0	22.0	86.8	Bậc 5	
2430	Trần Thị Phương Hoa	22D170070	K58N4	18.3	20.0	24.0	22.0	84.3	Bậc 5	
2431	Nguyễn Quốc Huy	22D170080	K58N4	20.0	22.5	24.0	21.0	87.5	Bậc 5	
2432	Lê Công Hùng	22D170089	K58N4	20.8	19.2	23.0	19.0	82.0	Bậc 5	
2433	Nguyễn Anh Kiệt	22D170100	K58N4	21.7	24.2	25.0	17.0	87.9	Bậc 5	
2434	Vũ Ngọc Lan	22D170101	K58N4	23.3	23.3	25.0	21.0	92.6	Bậc 5	
2435	Nguyễn Khánh Linh	22D170108	K58N4	23.3	23.3	25.0	22.0	93.6	Bậc 5	
2436	Nguyễn Thùy Linh	22D170113	K58N4	19.2	15.0	23.0	18.0	75.2	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2437	Trần Ngọc Linh	22D170118	K58N4	22.5	22.5	25.0	22.0	92.0	Bậc 5	
2438	Vũ Khánh Linh	22D170123	K58N4	17.5	17.5	24.0	19.0	78.0	Bậc 5	
2439	Hoàng Bảo Long	22D170127	K58N4	18.3	17.5	23.0	20.0	78.8	Bậc 5	
2440	Vũ Diệu Ly	22D170131	K58N4	17.5	21.7	22.0	19.0	80.2	Bậc 5	
2441	Nguyễn Thị Minh	22D170138	K58N4	19.2	20.8	24.0	21.0	85.0	Bậc 5	
2442	Hoàng Phạm Kim Ngân	22D170152	K58N4	16.7	20.8	21.0	23.0	81.5	Bậc 5	
2443	Vũ Tuyết Ngân	22D170157	K58N4	17.5	20.0	22.0	17.0	76.5	Bậc 5	
2444	Nguyễn Hồng Ngọc	22D170163	K58N4	22.5	21.7	22.0	21.0	87.2	Bậc 5	
2445	Nguyễn Yến Nhi	22D170174	K58N4	22.5	23.3	23.0	23.0	91.8	Bậc 5	
2446	Lê Thị Hồng Nhung	22D170179	K58N4	16.7	17.5	20.0	21.0	75.2	Bậc 5	
2447	Lê Hải Như	22D170184	K58N4	22.5	25.0	22.0	22.0	91.5	Bậc 5	
2448	Chu Thị Minh Phương	22D170191	K58N4	13.3	15.0	24.0	23.0	75.3	Bậc 5	
2449	Nguyễn Minh Quang	22D170201	K58N4	25.0	24.2	23.0	21.0	93.2	Bậc 5	
2450	Nguyễn Thị Quyên	22D170205	K58N4	20.0	19.2	22.0	23.0	84.2	Bậc 5	
2451	Trần Nguyễn Minh Tâm	22D170211	K58N4	16.7	12.5	25.0	21.0	75.2	Bậc 5	
2452	Nguyễn Thanh Thảo	22D170218	K58N4	21.7	21.7	21.0	22.0	86.4	Bậc 5	
2453	Trần Thị Phương Thảo	22D170223	K58N4	16.7	15.0	24.0	20.0	75.7	Bậc 5	
2454	Hồ Minh Thúy	22D170231	K58N4							Hoàn đánh giá
2455	Hà Xuân Thương	22D170236	K58N4	15.8	19.2	23.0	20.0	78.0	Bậc 5	
2456	Chu Hoài Trang	22D170243	K58N4	20.0	21.7	23.0	19.0	83.7	Bậc 5	
2457	Nguyễn Quỳnh Trang	22D170248	K58N4	23.3	24.2	24.0	21.0	92.5	Bậc 5	
2458	Nguyễn Mạnh Trường	22D170254	K58N4	22.5	25.0	25.0	20.0	92.5	Bậc 5	
2459	Vũ Anh Văn	22D170261	K58N4	24.2	19.2	24.0	20.0	87.4	Bậc 5	
2460	Cao Hà Vy	22D170269	K58N4	17.5	20.8	24.0	21.0	83.3	Bậc 5	
2461	Lê Thị Thu Hằng	21D170294	K58N5	16.7	20.0	22.0	21.0	79.7	Bậc 5	
2462	Hoàng Gia Bảo	22D170016	K58N5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2463	Bùi Thị Thanh Chúc	22D170019	K58N5	20.0	23.3	24.0	20.0	87.3	Bậc 5	
2464	Nguyễn Thị Dịu	22D170024	K58N5	18.3	19.2	23.0	22.0	82.5	Bậc 5	
2465	Lê Mạnh Dũng	22D170028	K58N5	24.2	23.3	23.0	21.0	91.5	Bậc 5	
2466	Lê Hồ Thùy Dương	22D170032	K58N5	22.5	20.8	24.0	21.0	88.3	Bậc 5	
2467	Vũ Thị Thùy Dương	22D170035	K58N5	22.5	23.3	23.0	22.0	90.8	Bậc 5	
2468	Đỗ Minh Giang	22D170043	K58N5	25.0	23.3	24.0	21.0	93.3	Bậc 5	
2469	Lê Hà Giang	22D170045	K58N5	22.5	22.5	23.0	22.0	90.0	Bậc 5	
2470	Phan Thị Thu Giang	22D170048	K58N5	23.3	21.7	23.0	22.0	90.0	Bậc 5	
2471	Hoàng Thu Hà	22D170051	K58N5	22.5	20.0	24.0	21.0	87.5	Bậc 5	
2472	Nguyễn Ngọc Hà	22D170054	K58N5	19.2	15.0	23.0	22.0	79.2	Bậc 5	
2473	Đậu Thị Thúy Hằng	22D170059	K58N5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2474	Trần Thị Ngọc Hằng	22D170063	K58N5	17.5	21.7	22.0	20.0	81.2	Bậc 5	
2475	Nguyễn Thị Thanh Hiền	22D170066	K58N5	22.5	24.2	23.0	21.0	90.7	Bậc 5	
2476	Lê Huy Hoàng	22D170073	K58N5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2477	Trịnh Thúy Hồng	22D170077	K58N5	15.0	20.8	23.0	19.0	77.8	Bậc 5	
2478	Lê Thị Huyền	22D170083	K58N5	17.5	19.2	23.0	18.0	77.7	Bậc 5	
2479	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22D170085	K58N5	18.3	20.0	21.0	21.0	80.3	Bậc 5	
2480	Lê Hữu Hùng	22D170090	K58N5	15.8	18.3	23.0	21.0	78.1	Bậc 5	
2481	Trần Đức Lâm	22D170102	K58N5	22.5	23.3	24.0	21.0	90.8	Bậc 5	
2482	Dương Thị Thùy Linh	22D170103	K58N5	16.7	12.5	24.0	22.0	75.2	Bậc 5	
2483	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	22D170109	K58N5	23.3	23.3	23.0	20.0	89.6	Bậc 5	
2484	Nguyễn Vũ Hoài Linh	22D170114	K58N5	19.2	24.2	24.0	22.0	89.4	Bậc 5	
2485	Trần Thị Thùy Linh	22D170119	K58N5	17.5	20.8	22.0	22.0	82.3	Bậc 5	
2486	Ngô Thị Thúy Loan	22D170124	K58N5	21.7	24.2	23.0	20.0	88.9	Bậc 5	
2487	Đồng Thị Mai	22D170132	K58N5	19.2	20.0	22.0	22.0	83.2	Bậc 5	
2488	Nguyễn Thị Ngọc Minh	22D170139	K58N5	22.5	20.8	23.0	21.0	87.3	Bậc 5	
2489	Nguyễn Thị Hằng Nga	22D170148	K58N5	16.7	20.8	24.0	24.0	85.5	Bậc 5	
2490	Lê Thị Thùy Ngân	22D170153	K58N5	19.2	20.8	24.0	24.0	88.0	Bậc 5	
2491	Đỗ Thị Bích Ngọc	22D170159	K58N5	18.3	23.3	24.0	21.0	86.6	Bậc 5	
2492	Nguyễn Thị Ngọc	22D170164	K58N5	24.2	16.7	22.0	22.0	84.9	Bậc 5	
2493	Đào Hà Nhi	22D170170	K58N5	18.3	20.0	21.0	21.0	80.3	Bậc 5	
2494	Phan Yến Nhi	22D170175	K58N5	20.8	18.3	20.0	24.0	83.1	Bậc 5	
2495	Lê Thị Huyền Nhung	22D170180	K58N5	15.8	20.8	16.0	24.0	76.6	Bậc 5	
2496	Nguyễn Hồng Như	22D170185	K58N5	21.7	24.2	24.0	23.0	92.9	Bậc 5	
2497	Phan Thị Minh Phương	22D170197	K58N5	21.7	23.3	22.0	23.0	90.0	Bậc 5	
2498	Đỗ Anh Quân	22D170202	K58N5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2499	Bùi Như Quỳnh	22D170206	K58N5	16.7	22.5	18.0	23.0	80.2	Bậc 5	
2500	Lê Minh Thanh	22D170212	K58N5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2501	Nguyễn Thị Thảo	22D170219	K58N5	20.8	20.8	23.0	20.0	84.6	Bậc 5	
2502	Hoàng Thị Kim Thu	22D170226	K58N5	19.2	20.8	23.0	21.0	84.0	Bậc 5	
2503	Trần Thị Thanh Thúy	22D170232	K58N5	20.8	21.7	23.0	20.0	85.5	Bậc 5	
2504	Nguyễn Thị Huyền Thương	22D170237	K58N5	20.0	18.3	23.0	23.0	84.3	Bậc 5	
2505	Lưu Đức Toàn	22D170240	K58N5	24.2	24.2	24.0	20.0	92.4	Bậc 5	
2506	Đặng Quỳnh Trang	22D170244	K58N5	20.8	24.2	24.0	21.0	90.0	Bậc 5	
2507	Nguyễn Thị Kim Trang	22D170249	K58N5	20.8	23.3	25.0	24.0	93.1	Bậc 5	
2508	Nguyễn Cẩm Tú	22D170256	K58N5	20.8	23.3	22.0	21.0	87.1	Bậc 5	
2509	La Thị Khánh Vân	22D170262	K58N5	15.0	19.2	22.0	20.0	76.2	Bậc 5	
2510	Nguyễn Tường Vy	22D170270	K58N5	16.7	20.0	22.0	21.0	79.7	Bậc 5	
2511	Trần Phương Trang	21D200010	K58P1	17.5	24.2	24.0	20.0	85.7	Bậc 5	
2512	Đỗ Thị Thu An	22D200001	K58P1	19.2	15.0	23.0	24.0	81.2	Bậc 5	
2513	Hoàng Việt Anh	22D200005	K58P1	22.5	24.2	22.0	20.0	88.7	Bậc 5	
2514	Nguyễn Thị Hồng Ánh	22D200011	K58P1	11.7	11.7	16.0	22.0	61.4	Bậc 3	
2515	Đỗ Gia Bảo	22D200012	K58P1	19.2	25.0	23.0	23.0	90.2	Bậc 5	
2516	Vàng Tiểu Băng	22D200015	K58P1	10.8	10.0	7.0	14.0	41.8		

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2517	Ngô Thị Ngọc Bích	22D200017	K58P1	14.2	12.5	14.0	16.0	56.7	Bậc 3	
2518	Nguyễn Thùy Dương	22D200026	K58P1	10.8	13.3	16.0	18.0	58.1	Bậc 3	
2519	Nguyễn Thành Đạt	22D200028	K58P1	19.2	22.5	21.0	22.0	84.7	Bậc 5	
2520	Nguyễn Thị Hương Giang	22D200031	K58P1	23.3	23.3	25.0	24.0	95.6	Bậc 5	
2521	Lê Thị Vân Hà	22D200035	K58P1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2522	Mai Thị Thúy Hiền	22D200040	K58P1	15.0	12.5	11.0	16.0	54.5	Bậc 3	
2523	Nguyễn Thúy Hiền	22D200042	K58P1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2524	Vũ Văn Hiếu	22D200044	K58P1	14.2	20.0	21.0	22.0	77.2	Bậc 5	
2525	Lê Việt Hoàng	22D200047	K58P1	21.7	24.2	23.0	23.0	91.9	Bậc 5	
2526	Tạ Lê Huy Hoàng	22D200049	K58P1	18.3	20.0	23.0	22.0	83.3	Bậc 5	
2527	Hoàng Quang Huy	22D200050	K58P1	21.7	24.2	24.0	23.0	92.9	Bậc 5	
2528	Lương Đình Huy	22D200051	K58P1	13.3	15.0	17.0	20.0	65.3	Bậc 4	
2529	Đỗ Khánh Huyền	22D200052	K58P1	14.2	16.7	21.0	20.0	71.9	Bậc 4	
2530	Vũ Duy Hưng	22D200055	K58P1	15.8	15.0	19.0	20.0	69.8	Bậc 4	
2531	Nguyễn Ngọc Khánh	22D200056	K58P1	23.3	22.5	22.0	23.0	90.8	Bậc 5	
2532	Trương Gia Khánh	22D200058	K58P1	20.8	22.5	23.0	16.0	82.3	Bậc 5	
2533	Phan Tuấn Kiệt	22D200060	K58P1	14.2	16.7	18.0	24.0	72.9	Bậc 4	
2534	Đoàn Thị Thanh Lam	22D200061	K58P1	13.3	21.7	20.0	23.0	78.0	Bậc 5	
2535	Phùng Thị Mai Lan	22D200063	K58P1	17.5	20.8	19.0	24.0	81.3	Bậc 5	
2536	Nguyễn Mai Linh	22D200067	K58P1	20.0	21.7	20.0	24.0	85.7	Bậc 5	
2537	Nguyễn Thị Mai Linh	22D200069	K58P1	18.3	16.7	16.0	22.0	73.0	Bậc 4	
2538	Phạm Thùy Linh	22D200073	K58P1	13.3	18.3	15.0	25.0	71.6	Bậc 4	
2539	Nguyễn Bích Loan	22D200075	K58P1	16.7	20.8	19.0	21.0	77.5	Bậc 5	
2540	Trần Ngọc Mai	22D200077	K58P1	17.5	19.2	17.0	23.0	76.7	Bậc 5	
2541	Bùi Hồng Minh	22D200080	K58P1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2542	Nguyễn Hoàng Ánh Minh	22D200082	K58P1	16.7	16.7	19.0	21.0	73.4	Bậc 4	
2543	Vũ Đức Nam	22D200084	K58P1	17.5	19.2	20.0	19.0	75.7	Bậc 5	
2544	Khúc Thị Thu Ngân	22D200085	K58P1	17.5	20.8	22.0	18.0	78.3	Bậc 5	
2545	Phạm Thu Ngân	22D200087	K58P1	16.7	19.2	21.0	22.0	78.9	Bậc 5	
2546	Nguyễn Hữu Phúc Nguyên	22D200088	K58P1	14.2	20.8	20.0	21.0	76.0	Bậc 5	
2547	Lê Trang Nhung	22D200091	K58P1	17.5	21.7	21.0	23.0	83.2	Bậc 5	
2548	Phạm Mai Phương	22D200095	K58P1	15.8	20.0	15.0	18.0	68.8	Bậc 4	
2549	Lê Văn Quang	22D200097	K58P1	17.5	20.8	11.0	21.0	70.3	Bậc 4	
2550	Nguyễn Đức Tài	22D200103	K58P1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2551	Nguyễn Xuân Tâm	22D200104	K58P1	17.5	21.7	18.0	21.0	78.2	Bậc 5	
2552	Nguyễn Phương Thảo	22D200106	K58P1	20.8	21.7	19.0	22.0	83.5	Bậc 5	
2553	Nguyễn Thị Thanh Thảo	22D200108	K58P1	14.2	17.5	16.0	19.0	66.7	Bậc 4	
2554	Lương Thị Kim Thoa	22D200110	K58P1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2555	Lê Thị Thu Trang	22D200112	K58P1	19.2	22.5	17.0	18.0	76.7	Bậc 5	
2556	Nguyễn Lê Kiều Trang	22D200114	K58P1	15.8	20.0	21.0	23.0	79.8	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2557	Phạm Thị Ngọc Trang	22D200116	K58P1	17.5	15.8	19.0	24.0	76.3	Bậc 5	
2558	Lê Thị Khánh Vân	22D200122	K58P1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2559	Trần Quang Việt	22D200123	K58P1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2560	Nguyễn Thị Thái An	22D200002	K58P2	19.2	23.3	18.0	24.0	84.5	Bậc 5	
2561	Dương Thị Ánh	22D200010	K58P2	21.7	16.7	10.0	21.0	69.4	Bậc 4	
2562	Lê Thị Hồng Bắc	22D200016	K58P2	21.7	18.3	19.0	24.0	83.0	Bậc 5	
2563	Đinh Mai Chi	22D200019	K58P2	21.7	21.7	23.0	24.0	90.4	Bậc 5	
2564	Phạm Mai Chi	22D200020	K58P2	22.5	21.7	19.0	22.0	85.2	Bậc 5	
2565	Trần Thị Kim Chi	22D200021	K58P2	20.8	21.7	18.0	24.0	84.5	Bậc 5	
2566	Trần Hữu Chiến	22D200022	K58P2	20.8	20.8	18.0	24.0	83.6	Bậc 5	
2567	Bàn Thị Dung	22D200023	K58P2	8.3	11.7	15.0	15.0	50.0	Bậc 3	
2568	Trần Thị Mai Dung	22D200024	K58P2	23.3	21.7	16.0	24.0	85.0	Bậc 5	
2569	Phạm Trường Giang	22D200032	K58P2	23.3	23.3	20.0	20.0	86.6	Bậc 5	
2570	Phạm Vũ Hương Giang	22D200033	K58P2	20.8	15.8	22.0	23.0	81.6	Bậc 5	
2571	Đinh Khánh Hà	22D200034	K58P2	22.5	20.0	10.0	22.0	74.5	Bậc 4	
2572	Nguyễn Lương Thu Hà	22D200036	K58P2	20.8	20.0	23.0	21.0	84.8	Bậc 5	
2573	Nguyễn Thị Hằng	22D200037	K58P2	13.3	10.8	17.0	21.0	62.1	Bậc 3	
2574	Cao Quốc Hiếu	22D200043	K58P2	16.7	23.3	24.0	24.0	88.0	Bậc 5	
2575	Phạm Phương Hoa	22D200045	K58P2	19.2	16.7	18.0	23.0	76.9	Bậc 5	
2576	Bùi Đức Hoàng	22D200046	K58P2	21.7	22.5	20.0	23.0	87.2	Bậc 5	
2577	Hà Ngọc Khánh Huyền	22D200053	K58P2	21.7	22.5	22.0	24.0	90.2	Bậc 5	
2578	Đào Ngọc Hùng	22D200054	K58P2	14.2	20.0	18.0	21.0	73.2	Bậc 4	
2579	Nguyễn Quang Khánh	22D200057	K58P2	22.5	20.0	21.0	24.0	87.5	Bậc 5	
2580	Nguyễn Thị Minh Khuê	22D200059	K58P2	20.0	22.5	12.0	19.0	73.5	Bậc 4	
2581	Nguyễn Hà Lam	22D200062	K58P2	17.5	19.2	20.0	23.0	79.7	Bậc 5	
2582	Đào Thị Khánh Linh	22D200064	K58P2	20.0	20.8	13.0	15.0	68.8	Bậc 4	
2583	Lưu Thị Phương Linh	22D200066	K58P2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2584	Nguyễn Phạm Khánh Linh	22D200068	K58P2	19.2	22.5	23.0	24.0	88.7	Bậc 5	
2585	Trần Thái Linh	22D200074	K58P2	20.0	21.7	21.0	22.0	84.7	Bậc 5	
2586	Bùi Xuân Mai	22D200076	K58P2	14.2	13.3	15.0	20.0	62.5	Bậc 3	
2587	Trần Thị Tuyết Mai	22D200078	K58P2	16.7	18.3	19.0	23.0	77.0	Bậc 5	
2588	Hoàng Nguyệt Minh	22D200081	K58P2	14.2	20.0	20.0	24.0	78.2	Bậc 5	
2589	Bùi Diệu My	22D200083	K58P2	20.0	22.5	22.0	24.0	88.5	Bậc 5	
2590	Nguyễn Thu Ngân	22D200086	K58P2	22.5	24.2	22.0	24.0	92.7	Bậc 5	
2591	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	22D200089	K58P2	18.3	18.3	21.0	22.0	79.6	Bậc 5	
2592	Nguyễn Trung Nguyên	22D200090	K58P2	15.8	16.7	16.0	14.0	62.5	Bậc 3	
2593	Phạm Trang Nhung	22D200092	K58P2	19.2	18.3	16.0	16.0	69.5	Bậc 4	
2594	Nguyễn Thu Phương	22D200094	K58P2	20.0	21.7	20.0	24.0	85.7	Bậc 5	
2595	Vũ Thị Mai Phương	22D200096	K58P2	18.3	20.8	23.0	23.0	85.1	Bậc 5	
2596	Nguyễn Thị Sa	22D200101	K58P2	15.8	15.8	14.0	14.0	59.6	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2597	Nông Thanh Thảo	22D200105	K58P2	16.7	19.2	12.0	22.0	69.9	Bậc 4	
2598	Nguyễn Thị Bích Thảo	22D200107	K58P2	17.5	20.0	15.0	19.0	71.5	Bậc 4	
2599	Phạm Thị Phương Thảo	22D200109	K58P2	20.0	23.3	20.0	24.0	87.3	Bậc 5	
2600	Nguyễn Ngọc Anh Thư	22D200111	K58P2	19.2	23.3	23.0	24.0	89.5	Bậc 5	
2601	Lê Thu Trang	22D200113	K58P2	15.8	19.2	19.0	22.0	76.0	Bậc 5	
2602	Nguyễn Phương Trang	22D200115	K58P2	19.2	9.2	18.0	20.0	66.4	Bậc 4	
2603	Phạm Thanh Tùng	22D200120	K58P2	18.3	16.7	18.0	21.0	74.0	Bậc 4	
2604	Đieu Phương Uyên	22D200121	K58P2	22.5	16.7	13.0	18.0	70.2	Bậc 4	
2605	Lưu Khánh Vy	22D200124	K58P2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2606	Đỗ Phương Anh	22D201001	K58PQ1	21.7	19.2	24.0	19.0	83.9	Bậc 5	
2607	Nguyễn Thị Phương Anh	22D201003	K58PQ1	15.8	16.7	22.0	21.0	75.5	Bậc 5	
2608	Nguyễn Thị Kim Ánh	22D201004	K58PQ1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2609	Lại Thùy Dương	22D201005	K58PQ1	19.2	18.3	21.0	22.0	80.5	Bậc 5	
2610	Nguyễn Thị Thu Hà	22D201007	K58PQ1	10.8	6.7	21.0	22.0	60.5	Bậc 3	
2611	Bùi Thu Huyền	22D201009	K58PQ1	19.2	14.2	18.0	20.0	71.4	Bậc 4	
2612	Nguyễn Phương Linh	22D201010	K58PQ1	23.3	18.3	17.0	21.0	79.6	Bậc 5	
2613	Ngô Diệu Minh	22D201012	K58PQ1	23.3	20.0	21.0	20.0	84.3	Bậc 5	
2614	Nguyễn Thảo My	22D201014	K58PQ1	17.5	17.5	24.0	23.0	82.0	Bậc 5	
2615	Nguyễn Thị Kim Ngọc	22D201015	K58PQ1	16.7	21.7	22.0	21.0	81.4	Bậc 5	
2616	Lê Thị Thảo Nguyên	22D201016	K58PQ1	20.0	17.5	22.0	21.0	80.5	Bậc 5	
2617	Lê Uyển Nhi	22D201017	K58PQ1	20.0	19.2	22.0	24.0	85.2	Bậc 5	
2618	Hoàng Long Phúc	22D201018	K58PQ1	24.2	24.2	20.0	20.0	88.4	Bậc 5	
2619	Lưu Phương Thảo	22D201020	K58PQ1	24.2	23.3	21.0	23.0	91.5	Bậc 5	
2620	Vũ Thanh Tuyền	22D201022	K58PQ1	21.7	17.5	24.0	21.0	84.2	Bậc 5	
2621	Đặng Ánh Tuyết	22D201023	K58PQ1	24.2	23.3	20.0	22.0	89.5	Bậc 5	
2622	Nguyễn Minh Tú	22D201024	K58PQ1	24.2	23.3	15.0	19.0	81.5	Bậc 5	
2623	Bùi Diệu Vy	22D201026	K58PQ1	24.2	24.2	23.0	22.0	93.4	Bậc 5	
2624	Lâm Tô Thái An	22D105001	K58Q1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2625	Lê Quỳnh Anh	22D105002	K58Q1	20.8	20.0	18.0	21.0	79.8	Bậc 5	
2626	Nguyễn Bùi Phương Anh	22D105003	K58Q1	24.2	14.2	17.0	20.0	75.4	Bậc 5	
2627	Đào Thị Hồng Ánh	22D105007	K58Q1	0.0	0.0	17.0	0.0	17.0		
2628	Nguyễn Đỗ Ngọc Ánh	22D105008	K58Q1	17.5	15.0	17.0	20.0	69.5	Bậc 4	
2629	Trần Thị Băng Châu	22D105009	K58Q1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2630	Trương Huyền Diệu	22D105010	K58Q1	1.7	10.8	18.0	20.0	50.5	Bậc 3	
2631	Bùi Thị Thùy Dương	22D105011	K58Q1	24.2	23.3	23.0	23.0	93.5	Bậc 5	
2632	Hà Chính Đạt	22D105013	K58Q1	20.0	23.3	17.0	21.0	81.3	Bậc 5	
2633	Nguyễn Văn Đạt	22D105014	K58Q1	15.0	15.0	12.0	19.0	61.0	Bậc 3	
2634	Nguyễn Văn Đức	22D105016	K58Q1	19.2	19.2	19.0	20.0	77.4	Bậc 5	
2635	Nguyễn Thị Hương Giang	22D105017	K58Q1	20.8	19.2	18.0	23.0	81.0	Bậc 5	
2636	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	22D105018	K58Q1	23.3	23.3	17.0	13.0	76.6	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2637	Lê Quốc Hoàng	22D105020	K58Q1	15.0	15.8	14.0	18.0	62.8	Bậc 3	
2638	Nguyễn Nghĩa Huy	22D105021	K58Q1	15.8	10.0	15.0	20.0	60.8	Bậc 3	
2639	Ngô Mạnh Kiên	22D105024	K58Q1	21.7	22.5	18.0	19.0	81.2	Bậc 5	
2640	Nguyễn Hải Linh	22D105026	K58Q1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2641	Phan Ngọc Linh	22D105029	K58Q1	20.0	17.5	16.0	22.0	75.5	Bậc 5	
2642	Phạm Hà Linh	22D105030	K58Q1	19.2	23.3	17.0	21.0	80.5	Bậc 5	
2643	Nguyễn Khánh Ly	22D105031	K58Q1	22.5	19.2	17.0	19.0	77.7	Bậc 5	
2644	Đỗ Ngọc Mai	22D105032	K58Q1	20.8	11.7	13.0	21.0	66.5	Bậc 4	
2645	Trịnh Bảo Minh	22D105033	K58Q1	17.5	20.8	20.0	22.0	80.3	Bậc 5	
2646	Phan Phương Nguyên	22D105035	K58Q1	17.5	19.2	17.0	20.0	73.7	Bậc 4	
2647	Phạm Hồng Nhung	22D105037	K58Q1	12.5	14.2	18.0	20.0	64.7	Bậc 3	
2648	Nguyễn Minh Oanh	22D105038	K58Q1	20.8	16.7	20.0	20.0	77.5	Bậc 5	
2649	Bùi Thị Phương	22D105039	K58Q1	20.0	16.7	19.0	20.0	75.7	Bậc 5	
2650	Mai Lê Thảo Phương	22D105040	K58Q1	10.0	20.0	15.0	10.0	55.0	Bậc 3	
2651	Nguyễn Thị Phương	22D105041	K58Q1	20.8	16.7	20.0	20.0	77.5	Bậc 5	
2652	Vũ Thu Phương	22D105042	K58Q1	19.2	15.8	19.0	19.0	73.0	Bậc 4	
2653	Mai Minh Quyền	22D105043	K58Q1	19.2	18.3	20.0	20.0	77.5	Bậc 5	
2654	Chu Sĩ Sơn	22D105044	K58Q1	18.3	12.5	22.0	18.0	70.8	Bậc 4	
2655	Phạm Thái Sơn	22D105045	K58Q1	20.0	22.5	23.0	21.0	86.5	Bậc 5	
2656	Nguyễn Thị Minh Tâm	22D105046	K58Q1	21.7	21.7	23.0	22.0	88.4	Bậc 5	
2657	Nguyễn Thị Ánh Thảo	22D105049	K58Q1	19.2	17.5	16.0	22.0	74.7	Bậc 4	
2658	Hoàng Thị Thủy	22D105052	K58Q1	16.7	10.8	16.0	21.0	64.5	Bậc 3	
2659	Nguyễn Công Tôn	22D105054	K58Q1	20.0	20.8	20.0	19.0	79.8	Bậc 5	
2660	Đỗ Thị Hồng Trang	22D105055	K58Q1	14.2	17.5	15.0	22.0	68.7	Bậc 4	
2661	Nguyễn Thu Trà	22D105057	K58Q1	12.5	17.5	19.0	19.0	68.0	Bậc 4	
2662	Trần Đình Vũ	22D105059	K58Q1	13.3	16.7	18.0	20.0	68.0	Bậc 4	
2663	Đặng Thị Thùy Anh	22D107001	K58QT1	17.5	11.7	17.0	21.0	67.2	Bậc 4	
2664	Lê Thị Ngọc Anh	22D107005	K58QT1	20.0	17.5	21.0	21.0	79.5	Bậc 5	
2665	Nguyễn Diệu Anh	22D107009	K58QT1	9.2	11.7	21.0	20.0	61.9	Bậc 3	
2666	Nông Thị Lan Anh	22D107012	K58QT1	10.0	11.7	15.0	21.0	57.7	Bậc 3	
2667	Trần Thị Phương Anh	22D107018	K58QT1	11.7	15.0	7.0	20.0	53.7	Bậc 3	
2668	Vương Thị Nguyệt Anh	22D107020	K58QT1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2669	Bùi Thị Linh Chi	22D107031	K58QT1	8.3	7.5	8.0	15.0	38.8		
2670	Nguyễn Thị Tùng Chi	22D107035	K58QT1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2671	Bùi Thuý Dung	22D107043	K58QT1	22.5	18.3	13.0	19.0	72.8	Bậc 4	
2672	Quách Thị Khánh Đoàn	22D107052	K58QT1	21.7	19.2	8.0	17.0	65.9	Bậc 4	
2673	Nguyễn Thọ Đức	22D107053	K58QT1	19.2	10.8	16.0	17.0	63.0	Bậc 3	
2674	Nguyễn Thị Giang	22D107056	K58QT1	17.5	10.0	17.0	20.0	64.5	Bậc 3	
2675	Vũ Thị Hoàng Hà	22D107060	K58QT1	17.5	9.2	13.0	18.0	57.7	Bậc 3	
2676	Nguyễn Thị Hiền	22D107066	K58QT1	20.8	21.7	18.0	21.0	81.5	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2677	Nguyễn Thị Hòa	22D107069	K58QT1	15.8	15.8	18.0	19.0	68.6	Bậc 4	
2678	Ngô Thị Thu Huyền	22D107079	K58QT1	18.3	14.2	21.0	21.0	74.5	Bậc 4	
2679	Nguyễn Lan Hương	22D107083	K58QT1	20.0	20.0	21.0	21.0	82.0	Bậc 5	
2680	Vương Thị Thu Hương	22D107087	K58QT1	15.0	19.2	17.0	20.0	71.2	Bậc 4	
2681	Vũ Thị Liễu	22D107095	K58QT1	15.0	18.3	20.0	22.0	75.3	Bậc 5	
2682	Lê Thuỳ Linh	22D107099	K58QT1	15.8	15.8	20.0	22.0	73.6	Bậc 4	
2683	Phạm Thuỳ Linh	22D107107	K58QT1	19.2	17.5	21.0	21.0	78.7	Bậc 5	
2684	Trần Nguyễn Khánh Linh	22D107111	K58QT1	18.3	15.0	18.0	20.0	71.3	Bậc 4	
2685	Cù Thị Thanh Loan	22D107115	K58QT1	20.0	17.5	20.0	20.0	77.5	Bậc 5	
2686	Khuất Thị Mai	22D107122	K58QT1	19.2	20.8	22.0	20.0	82.0	Bậc 5	
2687	Nguyễn Thị Trà My	22D107126	K58QT1	16.7	15.8	19.0	18.0	69.5	Bậc 4	
2688	Hoàng Thanh Ngân	22D107131	K58QT1	13.3	10.8	17.0	20.0	61.1	Bậc 3	
2689	Lê Thị Hồng Ngọc	22D107135	K58QT1	15.0	12.5	18.0	19.0	64.5	Bậc 3	
2690	Nguyễn Thị Ngọc	22D107139	K58QT1	18.3	13.3	20.0	22.0	73.6	Bậc 4	
2691	Nghiêm Thị Nhân	22D107148	K58QT1	16.7	11.7	13.0	17.0	58.4	Bậc 3	
2692	Nguyễn Thị Nhung	22D107152	K58QT1	10.8	7.5	17.0	16.0	51.3	Bậc 3	
2693	Nông Thị Niềm	22D107156	K58QT1	15.8	9.2	12.0	20.0	57.0	Bậc 3	
2694	Nguyễn Cao Minh Phúc	22D107158	K58QT1	17.5	18.3	20.0	20.0	75.8	Bậc 5	
2695	Nguyễn Thúy Phương	22D107162	K58QT1	17.5	15.8	20.0	20.0	73.3	Bậc 4	
2696	Lê Thị Quyên	22D107167	K58QT1	14.2	10.0	15.0	19.0	58.2	Bậc 3	
2697	Phạm Thị Như Quỳnh	22D107171	K58QT1	16.7	10.0	19.0	22.0	67.7	Bậc 4	
2698	Nguyễn Thị Minh Tâm	22D107177	K58QT1	16.7	12.5	11.0	20.0	60.2	Bậc 3	
2699	Vy Bạch Thanh	22D107181	K58QT1	17.5	20.0	22.0	21.0	80.5	Bậc 5	
2700	Nguyễn Thị Phương Thảo	22D107185	K58QT1	18.3	20.0	12.0	20.0	70.3	Bậc 4	
2701	Đào Thị Hoài Thu	22D107189	K58QT1	15.0	16.7	15.0	19.0	65.7	Bậc 4	
2702	Đoàn Thanh Thúy	22D107193	K58QT1	14.2	17.5	22.0	22.0	75.7	Bậc 5	
2703	Nguyễn Minh Thu	22D107197	K58QT1	16.7	21.7	18.0	21.0	77.4	Bậc 5	
2704	Trương Thị Thương	22D107201	K58QT1	15.0	14.2	8.0	19.0	56.2	Bậc 3	
2705	Nguyễn Thanh Thanh Trang	22D107209	K58QT1	15.8	18.3	15.0	21.0	70.1	Bậc 4	
2706	Nguyễn Thùy Trang	22D107213	K58QT1	15.8	16.7	20.0	20.0	72.5	Bậc 4	
2707	Vũ Thị Huyền Trang	22D107217	K58QT1	8.3	5.8	17.0	19.0	50.1	Bậc 3	
2708	Nguyễn Thị Thanh Trúc	22D107222	K58QT1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2709	Lê Thị Thảo Vân	22D107229	K58QT1	10.8	13.3	15.0	19.0	58.1	Bậc 3	
2710	Phạm Hoàng Thảo Vy	22D107233	K58QT1	15.8	10.0	19.0	20.0	64.8	Bậc 3	
2711	Huỳnh Thị Hải Yến	22D107237	K58QT1	17.5	14.2	21.0	21.0	73.7	Bậc 4	
2712	Đỗ Thị Phương Anh	22D107002	K58QT2	11.7	15.8	18.0	17.0	62.5	Bậc 3	
2713	Lê Thùy Anh	22D107006	K58QT2	14.2	15.8	18.0	17.0	65.0	Bậc 4	
2714	Nông Thị Vân Anh	22D107013	K58QT2	8.3	17.5	19.0	20.0	64.8	Bậc 3	
2715	Trần Ngọc Anh	22D107016	K58QT2	21.7	17.5	19.0	17.0	75.2	Bậc 5	
2716	Trần Thị Hồng Ánh	22D107024	K58QT2	9.2	5.0	19.0	18.0	51.2	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2717	Nguyễn Thị Ngọc Bích	22D107028	K58QT2	17.5	10.8	19.0	21.0	68.3	Bậc 4	
2718	Ngô Minh Chi	22D107032	K58QT2	10.8	10.0	19.0	23.0	62.8	Bậc 3	
2719	Đỗ Vĩnh Chính	22D107040	K58QT2	20.0	20.0	19.0	22.0	81.0	Bậc 5	
2720	Nguyễn Thị Thùy Dung	22D107044	K58QT2	10.8	10.0	13.0	21.0	54.8	Bậc 3	
2721	Đinh Thành Đạt	22D107050	K58QT2	11.7	17.5	18.0	21.0	68.2	Bậc 4	
2722	Trần Thị Trà Giang	22D107057	K58QT2	15.0	18.3	21.0	23.0	77.3	Bậc 5	
2723	Cù Thị Mai Hạnh	22D107061	K58QT2	20.0	21.7	20.0	22.0	83.7	Bậc 5	
2724	Tô Thị Hằng	22D107063	K58QT2	8.3	10.8	15.0	17.0	51.1	Bậc 3	
2725	Nguyễn Thu Hiền	22D107067	K58QT2	16.7	13.3	20.0	19.0	69.0	Bậc 4	
2726	Phạm Trần Gia Huy	22D107075	K58QT2	16.7	18.3	21.0	21.0	77.0	Bậc 5	
2727	Quản Thị Thảo Huyền	22D107080	K58QT2	20.8	20.0	20.0	20.0	80.8	Bậc 5	
2728	Nguyễn Mai Hương	22D107084	K58QT2	10.0	10.8	15.0	19.0	54.8	Bậc 3	
2729	Trần Nhật Lam	22D107092	K58QT2	15.8	15.0	20.0	19.0	69.8	Bậc 4	
2730	Nguyễn Diệu Linh	22D107100	K58QT2	17.5	13.3	9.0	18.0	57.8	Bậc 3	
2731	Nguyễn Thị Khánh Linh	22D107104	K58QT2	20.0	19.2	17.0	21.0	77.2	Bậc 5	
2732	Phùng Phương Linh	22D107108	K58QT2	20.0	14.2	15.0	22.0	71.2	Bậc 4	
2733	Trịnh Thị Thuý Linh	22D107112	K58QT2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2734	Đoàn Huy Long	22D107117	K58QT2	15.8	10.8	12.0	18.0	56.6	Bậc 3	
2735	Lê Thị Xuân Mai	22D107123	K58QT2	20.8	22.5	17.0	20.0	80.3	Bậc 5	
2736	Trần Diễm My	22D107127	K58QT2	16.7	17.5	15.0	17.0	66.2	Bậc 4	
2737	Dịch Cảnh Hoàng Nam	22D107128	K58QT2	20.8	23.3	20.0	18.0	82.1	Bậc 5	
2738	Trần Thị Hoài Ngân	22D107132	K58QT2	14.2	15.0	11.0	20.0	60.2	Bậc 3	
2739	Lê Thị Như Ngọc	22D107136	K58QT2	20.0	17.5	1.0	18.0	56.5	Bậc 3	
2740	Tạ Thị Nguyệt	22D107145	K58QT2	10.8	8.3	6.0	19.0	44.1		
2741	Lê Thị Yến Nhi	22D107149	K58QT2	18.3	8.3	12.0	19.0	57.6	Bậc 3	
2742	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	22D107153	K58QT2	12.5	10.0	16.0	20.0	58.5	Bậc 3	
2743	Nguyễn Thị Oanh	22D107157	K58QT2	10.8	9.2	13.0	21.0	54.0	Bậc 3	
2744	Nguyễn Văn Phúc	22D107159	K58QT2	17.5	11.7	21.0	21.0	71.2	Bậc 4	
2745	Trần Thị Phương	22D107163	K58QT2	17.5	8.3	17.0	20.0	62.8	Bậc 3	
2746	Tào Ngọc Quỳnh	22D107172	K58QT2	9.2	13.3	19.0	17.0	58.5	Bậc 3	
2747	Hoàng Thị Thanh	22D107178	K58QT2	5.0	12.5	6.0	10.0	33.5		
2748	Khuất Thị Phương Thảo	22D107182	K58QT2	18.3	19.2	11.0	19.0	67.5	Bậc 4	
2749	Lê Thị Huyền Thu	22D107190	K58QT2	14.2	10.8	14.0	18.0	57.0	Bậc 3	
2750	Bùi Thị Thương	22D107198	K58QT2	15.0	19.2	12.0	19.0	65.2	Bậc 4	
2751	Nguyễn Huyền Trang	22D107206	K58QT2	15.0	16.7	21.0	20.0	72.7	Bậc 4	
2752	Phạm Thu Trang	22D107214	K58QT2	20.0	11.7	13.0	15.0	59.7	Bậc 3	
2753	Cao Khánh Trà	22D107218	K58QT2	7.5	12.5	13.0	19.0	52.0	Bậc 3	
2754	Nguyễn Đức Trường	22D107223	K58QT2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2755	Diễm Thị Tú	22D107225	K58QT2	17.5	11.7	14.0	18.0	61.2	Bậc 3	
2756	Sầm Xuân Vang	22D107228	K58QT2	12.5	12.5	9.0	17.0	51.0	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2757	Nguyễn Thị Thảo Vân	22D107230	K58QT2	10.0	11.7	14.0	16.0	51.7	Bậc 3	
2758	Nguyễn Thị Yến	22D107238	K58QT2	11.7	10.8	11.0	19.0	52.5	Bậc 3	
2759	Nguyễn Thị Mai Anh	22D107010	K58QT3	19.2	20.8	12.0	19.0	71.0	Bậc 4	
2760	Phạm Văn Anh	22D107014	K58QT3	15.0	15.0	12.0	18.0	60.0	Bậc 3	
2761	Vi Kim Anh	22D107019	K58QT3	19.2	21.7	15.0	20.0	75.9	Bậc 5	
2762	Hoàng Thị Ngọc Ánh	22D107022	K58QT3	19.2	18.3	14.0	18.0	69.5	Bậc 4	
2763	Lý Thị Cánh	22D107029	K58QT3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2764	Nguyễn Linh Chi	22D107033	K58QT3	15.8	14.2	10.0	17.0	57.0	Bậc 3	
2765	Trần Linh Chi	22D107037	K58QT3	19.2	20.8	17.0	21.0	78.0	Bậc 5	
2766	Lê Huyền Diệu	22D107041	K58QT3	13.3	10.0	3.0	15.0	41.3		
2767	Trần Thị Mỹ Dung	22D107045	K58QT3	10.8	11.7	12.0	17.0	51.5	Bậc 3	
2768	Lê Ngọc Đại	22D107049	K58QT3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2769	Lê Thị Hương Giang	22D107054	K58QT3	15.0	18.3	9.0	17.0	59.3	Bậc 3	
2770	Cao Ngọc Giao	22D107058	K58QT3	20.0	22.5	18.0	20.0	80.5	Bậc 5	
2771	Vũ Bích Hằng	22D107064	K58QT3	20.0	17.5	16.0	18.0	71.5	Bậc 4	
2772	Đoàn Thị Thu Hoài	22D107068	K58QT3	10.0	9.2	0.0	11.0	30.2		
2773	Nguyễn Thị Hồng	22D107070	K58QT3	9.2	10.8	2.0	15.0	37.0		
2774	Phạm Thu Huệ	22D107074	K58QT3	6.7	12.5	14.0	18.0	51.2	Bậc 3	
2775	Đỗ Thị Thanh Huyền	22D107077	K58QT3	12.5	7.5	15.0	19.0	54.0	Bậc 3	
2776	Thiều Thị Huyền	22D107081	K58QT3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2777	Nguyễn Thị Thu Hương	22D107085	K58QT3	13.3	9.2	15.0	19.0	56.5	Bậc 3	
2778	Trần Mai Khánh	22D107089	K58QT3	14.2	7.5	14.0	17.0	52.7	Bậc 3	
2779	Nguyễn Diệu Linh	22D107101	K58QT3	14.2	13.3	16.0	15.0	58.5	Bậc 3	
2780	Nguyễn Thị Thùy Linh	22D107105	K58QT3	15.0	8.3	15.0	20.0	58.3	Bậc 3	
2781	Vũ Văn Long	22D107118	K58QT3	20.0	17.5	20.0	20.0	77.5	Bậc 5	
2782	Nông Thảo Ly	22D107120	K58QT3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2783	Trịnh Hồng Mai	22D107124	K58QT3	12.5	15.0	18.0	15.0	60.5	Bậc 3	
2784	Lê Thái Nghĩa	22D107133	K58QT3	18.3	17.5	17.0	16.0	68.8	Bậc 4	
2785	Lò Hồng Ngọc	22D107137	K58QT3	15.0	14.2	15.0	20.0	64.2	Bậc 3	
2786	Hoàng Thị Nhài	22D107146	K58QT3	9.2	15.0	15.0	18.0	57.2	Bậc 3	
2787	Lê Thị Nhị	22D107150	K58QT3	7.5	6.7	3.0	14.0	31.2		
2788	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22D107154	K58QT3	17.5	13.3	8.0	20.0	58.8	Bậc 3	
2789	Vũ Hồng Phúc	22D107160	K58QT3	8.3	11.7	5.0	18.0	43.0		
2790	Đinh Thị Diễm Quỳnh	22D107169	K58QT3	16.7	14.2	14.0	17.0	61.9	Bậc 3	
2791	Trần Thị Diễm Quỳnh	22D107173	K58QT3	16.7	10.8	13.0	19.0	59.5	Bậc 3	
2792	Nguyễn Văn Quý	22D107174	K58QT3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2793	Lê Thị Kiều Thanh	22D107179	K58QT3	11.7	15.8	16.0	20.0	63.5	Bậc 3	
2794	Ngô Thị Phương Thảo	22D107183	K58QT3	15.8	15.8	17.0	19.0	67.6	Bậc 4	
2795	Đỗ Thị Thùy	22D107191	K58QT3	15.8	12.5	15.0	19.0	62.3	Bậc 3	
2796	Đỗ Anh Thư	22D107195	K58QT3	14.2	6.7	3.0	16.0	39.9		

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2797	Chúc Hoài Thương	22D107199	K58QT3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2798	Hoàng Thu Trang	22D107203	K58QT3	16.7	19.2	16.0	21.0	72.9	Bậc 4	
2799	Nguyễn Huyền Trang	22D107207	K58QT3	16.7	15.0	15.0	16.0	62.7	Bậc 3	
2800	Nguyễn Thị Kiều Trang	22D107211	K58QT3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2801	Phạm Gia Vân	22D107231	K58QT3	22.5	17.5	19.0	21.0	80.0	Bậc 5	
2802	Bùi Thị Sao Xuyến	22D107235	K58QT3	13.3	12.5	14.0	17.0	56.8	Bậc 3	
2803	Nguyễn Thị Hải Yến	22D107239	K58QT3	20.8	21.7	20.0	18.0	80.5	Bậc 5	
2804	Lương Văn Anh	22D107008	K58QT4	16.7	15.0	21.0	22.0	74.7	Bậc 4	
2805	Nguyễn Thị Trung Anh	22D107011	K58QT4	17.5	16.7	21.0	21.0	76.2	Bậc 5	
2806	Trần Thị Phương Anh	22D107017	K58QT4	11.7	16.7	17.0	21.0	66.4	Bậc 4	
2807	Nguyễn Thị Ánh	22D107023	K58QT4	17.5	13.3	17.0	19.0	66.8	Bậc 4	
2808	Dương Thị Thái Bảo	22D107026	K58QT4	14.2	16.7	22.0	21.0	73.9	Bậc 4	
2809	Trịnh Thị Linh Chi	22D107038	K58QT4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2810	Phạm Thị Diệu	22D107042	K58QT4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2811	Nguyễn Tiến Đạt	22D107051	K58QT4	10.8	14.2	18.0	18.0	61.0	Bậc 3	
2812	Lù Thị Giang	22D107055	K58QT4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2813	Nguyễn Thị Thu Hằng	22D107062	K58QT4	16.7	7.5	15.0	12.0	51.2	Bậc 3	
2814	Tạ Thị Thu Hiền	22D107065	K58QT4	13.3	7.5	16.0	15.0	51.8	Bậc 3	
2815	Cao Thanh Kim Huệ	22D107071	K58QT4	11.7	14.2	21.0	18.0	64.9	Bậc 3	
2816	Chu Khánh Huyền	22D107076	K58QT4	16.7	18.3	16.0	16.0	67.0	Bậc 4	
2817	Hoàng Thị Khánh Huyền	22D107078	K58QT4	16.7	11.7	17.0	22.0	67.4	Bậc 4	
2818	Trần Thị Khánh Huyền	22D107082	K58QT4	16.7	15.8	21.0	21.0	74.5	Bậc 4	
2819	Phùng Thị Thu Hương	22D107086	K58QT4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2820	Lý Ngọc Lan	22D107094	K58QT4	11.7	8.3	19.0	11.0	50.0	Bậc 3	
2821	Hoàng Khánh Linh	22D107098	K58QT4	16.7	14.2	23.0	22.0	75.9	Bậc 5	
2822	Nguyễn Nhật Linh	22D107102	K58QT4	17.5	17.5	19.0	21.0	75.0	Bậc 5	
2823	Nguyễn Thùy Linh	22D107106	K58QT4	17.5	11.7	18.0	17.0	64.2	Bậc 3	
2824	Tổng Thị Khánh Linh	22D107110	K58QT4	12.5	10.8	17.0	14.0	54.3	Bậc 3	
2825	Vũ Thị Thùy Linh	22D107114	K58QT4	11.7	7.5	20.0	20.0	59.2	Bậc 3	
2826	Hoàng Văn Lộc	22D107119	K58QT4	15.0	11.7	17.0	22.0	65.7	Bậc 4	
2827	Đỗ Thị Ngọc Mai	22D107121	K58QT4	15.8	11.7	21.0	22.0	70.5	Bậc 4	
2828	Lô Thị Bảo May	22D107125	K58QT4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2829	Nguyễn Thúy Nga	22D107130	K58QT4	15.8	9.2	18.0	15.0	58.0	Bậc 3	
2830	Trần Văn Ngọc	22D107141	K58QT4	16.7	13.3	20.0	13.0	63.0	Bậc 3	
2831	Ngô Thu Nguyên	22D107143	K58QT4	16.7	13.3	21.0	21.0	72.0	Bậc 4	
2832	Bùi Thị Thanh Nhân	22D107147	K58QT4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2833	An Hồng Nhung	22D107151	K58QT4	15.8	9.2	19.0	22.0	66.0	Bậc 4	
2834	Trần Thị Uyên Như	22D107155	K58QT4	14.2	9.2	12.0	21.0	56.4	Bậc 3	
2835	Hoàng Thu Phương	22D107161	K58QT4	14.2	13.3	16.0	16.0	59.5	Bậc 3	
2836	Tạ Duy Quang	22D107166	K58QT4	15.0	9.2	17.0	9.0	50.2	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2837	Phạm Như Quỳnh	22D107170	K58QT4	18.3	21.7	23.0	22.0	85.0	Bậc 5	
2838	Bùi Thị Thanh Tâm	22D107176	K58QT4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2839	Nguyễn Phương Thanh	22D107180	K58QT4	14.2	12.5	18.0	18.0	62.7	Bậc 3	
2840	Đồng Thị Thoan	22D107188	K58QT4	20.0	15.8	18.0	20.0	73.8	Bậc 4	
2841	Hoàng Ngọc Thư	22D107196	K58QT4	12.5	10.8	19.0	20.0	62.3	Bậc 3	
2842	Nguyễn Thị Thương	22D107200	K58QT4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2843	Mai Hà Trang	22D107204	K58QT4	20.8	15.8	22.0	23.0	81.6	Bậc 5	
2844	Nguyễn Thu Trang	22D107212	K58QT4	19.2	12.5	19.0	20.0	70.7	Bậc 4	
2845	Vũ Thị Trang	22D107216	K58QT4	16.7	20.8	20.0	21.0	78.5	Bậc 5	
2846	Trần Thị Việt Trinh	22D107220	K58QT4	17.5	15.0	22.0	17.0	71.5	Bậc 4	
2847	Nguyễn Thành Trung	22D107221	K58QT4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2848	Phạm Thị Thu Uyên	22D107227	K58QT4	8.3	10.0	19.0	17.0	54.3	Bậc 3	
2849	Lê Hà Vy	22D107232	K58QT4	15.8	14.2	18.0	20.0	68.0	Bậc 4	
2850	Bùi Thị Hải Yến	22D107236	K58QT4	19.2	18.3	21.0	21.0	79.5	Bậc 5	
2851	Vũ Quang Chính	22D190013	K58S1	22.5	24.2	21.0	18.0	85.7	Bậc 5	
2852	Nguyễn Công Danh	22D190017	K58S1	10.8	18.3	18.0	17.0	64.1	Bậc 3	
2853	Tô Thùy Dung	22D190019	K58S1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2854	Nguyễn Tùng Dương	22D190027	K58S1	13.3	21.7	17.0	17.0	69.0	Bậc 4	
2855	Nguyễn Thành Đạt	22D190033	K58S1	17.5	24.2	19.0	19.0	79.7	Bậc 5	
2856	Nguyễn Hoàng Giang	22D190037	K58S1	15.8	21.7	22.0	17.0	76.5	Bậc 5	
2857	Lê Xuân Hạ	22D190046	K58S1	15.8	20.8	22.0	16.0	74.6	Bậc 4	
2858	Nguyễn Đức Hiếu	22D190051	K58S1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2859	Lê Nhật Hoàng	22D190056	K58S1	12.5	20.0	17.0	16.0	65.5	Bậc 4	
2860	Nguyễn Tự Hùng	22D190066	K58S1	10.0	13.3	10.0	9.0	42.3		
2861	Phạm Quốc Hưng	22D190069	K58S1	13.3	13.3	20.0	20.0	66.6	Bậc 4	
2862	Dương Thị Thanh Hương	22D190071	K58S1	16.7	17.5	22.0	22.0	78.2	Bậc 5	
2863	Hoàng Nữ Ngọc Linh	22D190083	K58S1	17.5	23.3	23.0	21.0	84.8	Bậc 5	
2864	Nguyễn Thị Thùy Linh	22D190087	K58S1	20.0	10.8	22.0	21.0	73.8	Bậc 4	
2865	Trịnh Vũ Mỹ Linh	22D190091	K58S1	15.0	11.7	22.0	15.0	63.7	Bậc 3	
2866	Lương Tiến Lực	22D190093	K58S1	17.5	15.8	20.0	20.0	73.3	Bậc 4	
2867	Mai Nhật Minh	22D190102	K58S1	10.0	10.8	22.0	16.0	58.8	Bậc 3	
2868	Nguyễn Trọng Nam	22D190107	K58S1	14.2	16.7	21.0	20.0	71.9	Bậc 4	
2869	Thân Thị Nga	22D190111	K58S1	6.7	8.3	21.0	15.0	51.0	Bậc 3	
2870	Vũ Đình Ngạn	22D190112	K58S1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2871	Trương Thị Bích Ngọc	22D190118	K58S1	19.2	17.5	20.0	21.0	77.7	Bậc 5	
2872	Phùng Ninh Nhật	22D190122	K58S1	10.0	17.5	21.0	22.0	70.5	Bậc 4	
2873	Trần Thị Hồng Nhung	22D190124	K58S1	14.2	21.7	18.0	22.0	75.9	Bậc 5	
2874	Nguyễn Đức Phương	22D190128	K58S1	13.3	7.5	16.0	19.0	55.8	Bậc 3	
2875	Nguyễn Thế Quân	22D190131	K58S1	11.7	9.2	17.0	17.0	54.9	Bậc 3	
2876	Lương Thị Minh Tâm	22D190137	K58S1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2877	Phan Phương Thảo	22D190142	K58S1	19.2	21.7	20.0	20.0	80.9	Bậc 5	
2878	Nguyễn Anh Thư	22D190149	K58S1	12.5	21.7	20.0	18.0	72.2	Bậc 4	
2879	Đinh Công Thương	22D190152	K58S1	12.5	20.0	12.0	17.0	61.5	Bậc 3	
2880	Phạm Thị Thương	22D190154	K58S1	7.5	19.2	11.0	18.0	55.7	Bậc 3	
2881	Trần Xuân Toàn	22D190158	K58S1	16.7	16.7	17.0	18.0	68.4	Bậc 4	
2882	Nguyễn Thị Huyền Trang	22D190162	K58S1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2883	Đào Văn Anh Tuấn	22D190171	K58S1	18.3	16.7	21.0	18.0	74.0	Bậc 4	
2884	Tổng Thị Ánh Tuyết	22D190173	K58S1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2885	Nguyễn Duy Văn	22D190176	K58S1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2886	Trịnh Thị Vân	22D190178	K58S1	15.0	13.3	14.0	20.0	62.3	Bậc 3	
2887	Nguyễn Thị Thanh Xuân	22D190185	K58S1	22.5	18.3	19.0	22.0	81.8	Bậc 5	
2888	Lương Hoàng Đức Anh	22D190002	K58S2	15.0	20.8	15.0	19.0	69.8	Bậc 4	
2889	Nguyễn Minh Anh	22D190004	K58S2	21.7	13.3	11.0	18.0	64.0	Bậc 3	
2890	Trương Nhật Anh	22D190008	K58S2	21.7	20.8	10.0	18.0	70.5	Bậc 4	
2891	Đỗ Ngọc Ánh	22D190009	K58S2	17.5	18.3	18.0	20.0	73.8	Bậc 4	
2892	Vũ Thị Ánh	22D190011	K58S2	7.5	16.7	20.0	17.0	61.2	Bậc 3	
2893	Nguyễn Trọng Anh Dũng	22D190025	K58S2	10.8	15.8	14.0	18.0	58.6	Bậc 3	
2894	Nguyễn Tiến Đạt	22D190028	K58S2	7.5	21.7	16.0	17.0	62.2	Bậc 3	
2895	Nguyễn Anh Đào	22D190029	K58S2	10.0	20.0	17.0	18.0	65.0	Bậc 4	
2896	Lương Đức Hiền	22D190048	K58S2	12.5	20.0	19.0	17.0	68.5	Bậc 4	
2897	Phan Minh Hoàng	22D190057	K58S2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Đình chỉ
2898	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	22D190062	K58S2	18.3	21.7	20.0	20.0	80.0	Bậc 5	
2899	Nguyễn Duy Hưng	22D190067	K58S2	20.0	21.7	23.0	20.0	84.7	Bậc 5	
2900	Trịnh Quang Hưng	22D190070	K58S2	11.7	9.2	15.0	16.0	51.9	Bậc 3	
2901	Nguyễn Quỳnh Hương	22D190072	K58S2	13.3	20.0	18.0	20.0	71.3	Bậc 4	
2902	Bùi Thị Lan	22D190078	K58S2	12.5	11.7	15.0	15.0	54.2	Bậc 3	
2903	Hoàng Thị Diệu Linh	22D190084	K58S2	20.8	20.8	10.0	14.0	65.6	Bậc 4	
2904	Nguyễn Thị Thùy Linh	22D190088	K58S2	21.7	22.5	22.0	19.0	85.2	Bậc 5	
2905	Vũ Diệu Linh	22D190092	K58S2	19.2	21.7	15.0	16.0	71.9	Bậc 4	
2906	Nông Trà My	22D190103	K58S2	15.8	17.5	11.0	18.0	62.3	Bậc 3	
2907	Vũ Bá Nam	22D190108	K58S2	12.5	19.2	18.0	18.0	67.7	Bậc 4	
2908	Trần Thị Ngân	22D190113	K58S2	18.3	15.8	20.0	19.0	73.1	Bậc 4	
2909	Nguyễn Hữu Nghĩa	22D190114	K58S2	21.7	23.3	22.0	19.0	86.0	Bậc 5	
2910	Phạm Thị Nguyệt	22D190120	K58S2	20.8	21.7	15.0	18.0	75.5	Bậc 5	
2911	Vũ Thị Nhung	22D190125	K58S2	15.8	6.7	12.0	17.0	51.5	Bậc 3	
2912	Phùng Minh Quân	22D190132	K58S2	19.2	21.7	19.0	19.0	78.9	Bậc 5	
2913	Tăng Thị Quyên	22D190134	K58S2	15.8	19.2	19.0	18.0	72.0	Bậc 4	
2914	Lương Thị Thanh Thảo	22D190139	K58S2	15.8	16.7	18.0	18.0	68.5	Bậc 4	
2915	Vũ Thị Hồng Thắm	22D190143	K58S2	13.3	12.5	18.0	19.0	62.8	Bậc 3	
2916	Ngô Đức Thắng	22D190144	K58S2	7.5	17.5	20.0	18.0	63.0	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2917	Bùi Mạnh Tiến	22D190156	K58S2	10.0	15.8	21.0	19.0	65.8	Bậc 4	
2918	Nguyễn Thị Mai Trang	22D190163	K58S2	8.3	14.2	12.0	18.0	52.5	Bậc 3	
2919	Trần Thùy Trang	22D190167	K58S2	5.0	18.3	12.0	16.0	51.3	Bậc 3	
2920	Lê Minh Tuấn	22D190172	K58S2	23.3	22.5	23.0	18.0	86.8	Bậc 5	
2921	Ngô Đăng Việt	22D190179	K58S2	12.5	19.2	16.0	18.0	65.7	Bậc 4	
2922	Lê Thị Yến	22D190186	K58S2	7.5	14.2	11.0	18.0	50.7	Bậc 3	
2923	Nguyễn Đức Tiến Anh	22D190003	K58S3	15.0	12.5	21.0	20.0	68.5	Bậc 4	
2924	Phạm Thị Phương Anh	22D190006	K58S3	7.5	12.5	11.0	19.0	50.0	Bậc 3	
2925	Lê Khang Ánh	22D190010	K58S3	12.5	16.7	7.0	7.0	43.2		
2926	Phan Thị Thanh Chúc	22D190014	K58S3	10.0	16.7	21.0	20.0	67.7	Bậc 4	
2927	Nguyễn Đức Cường	22D190015	K58S3	15.8	19.2	22.0	15.0	72.0	Bậc 4	
2928	Nguyễn Thị Diệu	22D190018	K58S3	11.7	15.8	17.0	17.0	61.5	Bậc 3	
2929	Lý Quốc Duy	22D190021	K58S3	15.0	23.3	20.0	19.0	77.3	Bậc 5	
2930	Đào Thị Hồng Đạt	22D190031	K58S3	16.7	20.8	21.0	19.0	77.5	Bậc 5	
2931	Đặng Đình Đông	22D190034	K58S3	10.8	22.5	19.0	14.0	66.3	Bậc 4	
2932	Phạm Minh Giang	22D190038	K58S3	11.7	20.0	21.0	19.0	71.7	Bậc 4	
2933	Trần Thị Hà Giang	22D190039	K58S3	14.2	20.0	20.0	21.0	75.2	Bậc 5	
2934	Võ Thị Hà	22D190044	K58S3	12.5	21.7	20.0	19.0	73.2	Bậc 4	
2935	Trần Trung Hiếu	22D190053	K58S3	19.2	21.7	20.0	21.0	81.9	Bậc 5	
2936	Tạ Thị Thu Huệ	22D190059	K58S3	0.0	0.0	20.0	0.0	20.0		
2937	Lê Khánh Huyền	22D190061	K58S3	14.2	16.7	19.0	18.0	67.9	Bậc 4	
2938	Nguyễn Thị Thu Huyền	22D190063	K58S3	10.8	15.8	19.0	19.0	64.6	Bậc 3	
2939	Trần Thị Hương	22D190073	K58S3	10.8	16.7	20.0	17.0	64.5	Bậc 3	
2940	Ngô Đức Khánh	22D190076	K58S3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2941	Nguyễn Thị Mai Lan	22D190079	K58S3	12.5	12.5	15.0	19.0	59.0	Bậc 3	
2942	Đoàn Thành Lâm	22D190080	K58S3	17.5	22.5	22.0	18.0	80.0	Bậc 5	
2943	Lương Trúc Linh	22D190085	K58S3	13.3	21.7	22.0	20.0	77.0	Bậc 5	
2944	Nguyễn Thùy Linh	22D190089	K58S3	20.0	15.8	22.0	20.0	77.8	Bậc 5	
2945	Vũ Thị Diệu Ly	22D190094	K58S3	13.3	14.2	17.0	17.0	61.5	Bậc 3	
2946	Nguyễn Duy Mạnh	22D190098	K58S3	15.0	21.7	21.0	20.0	77.7	Bậc 5	
2947	Trần Thị Thúy My	22D190104	K58S3	10.8	10.8	7.0	14.0	42.6		
2948	Bùi Thị Ngọc	22D190115	K58S3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2949	Hoàng Việt Ngọc	22D190116	K58S3	15.0	21.7	10.0	18.0	64.7	Bậc 3	
2950	Trần Thị Nhẫn	22D190121	K58S3	9.2	15.0	16.0	14.0	54.2	Bậc 3	
2951	Phạm Quốc Phong	22D190126	K58S3	16.7	17.5	22.0	20.0	76.2	Bậc 5	
2952	Bùi Thị Thu Phương	22D190127	K58S3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2953	Trần Minh Quân	22D190133	K58S3	10.8	22.5	19.0	19.0	71.3	Bậc 4	
2954	Lê Thị Diễm Quỳnh	22D190135	K58S3	9.2	18.3	10.0	13.0	50.5	Bậc 3	
2955	Nguyễn Phương Thảo	22D190140	K58S3	9.2	20.0	21.0	14.0	64.2	Bậc 3	
2956	Phan Tất Thắng	22D190145	K58S3	13.3	20.8	20.0	15.0	69.1	Bậc 4	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2957	Nguyễn Minh Thu	22D190147	K58S3	20.0	20.0	24.0	18.0	82.0	Bậc 5	
2958	Nguyễn Thị Minh Thu	22D190151	K58S3	14.2	18.3	18.0	20.0	70.5	Bậc 4	
2959	Đào Thu Trang	22D190160	K58S3	13.3	20.0	17.0	14.0	64.3	Bậc 3	
2960	Nguyễn Thu Trang	22D190164	K58S3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2961	Nguyễn Phương Trâm	22D190168	K58S3	10.0	18.3	14.0	20.0	62.3	Bậc 3	
2962	Đặng Quốc Trung	22D190169	K58S3	9.2	10.0	14.0	17.0	50.2	Bậc 3	
2963	Nguyễn Thị Vân	22D190175	K58S3	7.5	3.3	11.0	13.0	34.8		
2964	Nguyễn Hà Vy	22D190183	K58S3	14.2	19.2	19.0	17.0	69.4	Bậc 4	
2965	Nguyễn Phúc Duy Anh	22D190005	K58S4	0.0	20.8	19.0	21.0	60.8	Bậc 3	
2966	Trịnh Nguyên Bảo	22D190012	K58S4	10.8	18.3	23.0	19.0	71.1	Bậc 4	
2967	Đỗ Hữu Cường	22D190016	K58S4	14.2	17.5	18.0	17.0	66.7	Bậc 4	
2968	Lương Tấn Đạt	22D190032	K58S4	12.5	16.7	18.0	14.0	61.2	Bậc 3	
2969	Ninh Văn Đức	22D190035	K58S4	10.0	13.3	17.0	14.0	54.3	Bậc 3	
2970	Hoàng Long Giáp	22D190040	K58S4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2971	Đỗ Thị Hào	22D190045	K58S4	13.3	18.3	18.0	14.0	63.6	Bậc 3	
2972	Lê Thị Hoài	22D190054	K58S4	11.7	20.0	17.0	20.0	68.7	Bậc 4	
2973	Hoàng Thị Hồng	22D190058	K58S4	14.2	21.7	23.0	19.0	77.9	Bậc 5	
2974	Đoàn Thị Thu Huyền	22D190060	K58S4	16.7	20.8	13.0	18.0	68.5	Bậc 4	
2975	Trần Thanh Huyền	22D190064	K58S4	20.0	20.8	23.0	21.0	84.8	Bậc 5	
2976	Nguyễn Phi Hùng	22D190065	K58S4	10.8	16.7	18.0	13.0	58.5	Bậc 3	
2977	Nguyễn Quang Hưng	22D190068	K58S4	14.2	20.0	18.0	14.0	66.2	Bậc 4	
2978	Trần Thu Hương	22D190074	K58S4	10.8	14.2	18.0	15.0	58.0	Bậc 3	
2979	Nguyễn Triệu Gia Khánh	22D190077	K58S4	16.7	20.8	25.0	20.0	82.5	Bậc 5	
2980	Phùng Văn Lâm	22D190081	K58S4	13.3	16.7	20.0	18.0	68.0	Bậc 4	
2981	Đặng Thị Diệu Linh	22D190082	K58S4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2982	Nguyễn Phương Linh	22D190086	K58S4	15.8	20.0	17.0	13.0	65.8	Bậc 4	
2983	Trần Yến Linh	22D190090	K58S4	14.2	21.7	21.0	21.0	77.9	Bậc 5	
2984	Trần Thị Xuân Mai	22D190095	K58S4	15.8	16.7	21.0	16.0	69.5	Bậc 4	
2985	Phùng Văn Mạnh	22D190099	K58S4	11.7	20.0	18.0	15.0	64.7	Bậc 3	
2986	Lưu Vũ Nhật Minh	22D190101	K58S4	13.3	18.3	19.0	19.0	69.6	Bậc 4	
2987	Nguyễn Thành Nam	22D190106	K58S4	10.8	20.8	20.0	18.0	69.6	Bậc 4	
2988	Vũ Tuấn Nam	22D190109	K58S4	16.7	18.3	21.0	19.0	75.0	Bậc 5	
2989	Nguyễn Thị Thúy Nga	22D190110	K58S4	13.3	18.3	17.0	17.0	65.6	Bậc 4	
2990	Phan Lê Minh Ngọc	22D190117	K58S4	12.5	19.2	17.0	19.0	67.7	Bậc 4	
2991	Đào Thị Yến Nhi	22D190123	K58S4	13.3	20.8	21.0	20.0	75.1	Bậc 5	
2992	Nguyễn Thị Phương	22D190129	K58S4	12.5	15.0	15.0	14.0	56.5	Bậc 3	
2993	Nguyễn Thị Quý	22D190136	K58S4	8.3	8.3	15.0	13.0	44.6		
2994	Nguyễn Chí Thanh	22D190138	K58S4	22.5	22.5	25.0	19.0	89.0	Bậc 5	
2995	Nguyễn Thị Phương Thảo	22D190141	K58S4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2996	Vũ Mạnh Thắng	22D190146	K58S4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
2997	Đoàn Phạm Ngọc Thu	22D190148	K58S4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2998	Nguyễn Thị Thương	22D190153	K58S4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
2999	Đặng Thu Trang	22D190161	K58S4	18.3	18.3	20.0	19.0	75.6	Bậc 5	
3000	Phạm Lương Thị Thùy Trang	22D190165	K58S4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3001	Ngô Thị Thanh Trúc	22D190170	K58S4	13.3	17.5	18.0	18.0	66.8	Bậc 4	
3002	Nguyễn Xuân Việt	22D190180	K58S4	12.5	20.8	19.0	18.0	70.3	Bậc 4	
3003	Nguyễn Thị Hà Vy	22D190184	K58S4	13.3	18.3	16.0	18.0	65.6	Bậc 4	
3004	Nguyễn Đức An	22D192001	K58SN1	9.2	17.5	23.0	20.0	69.7	Bậc 4	
3005	Hứa Quốc Anh	22D192004	K58SN1	15.0	19.2	24.0	21.0	79.2	Bậc 5	
3006	Lê Ngọc Lan Anh	22D192005	K58SN1	14.2	18.3	19.0	21.0	72.5	Bậc 4	
3007	Nguyễn Hoàng Đức Anh	22D192006	K58SN1	17.5	19.2	20.0	20.0	76.7	Bậc 5	
3008	Vũ Thị Ngọc Ánh	22D192012	K58SN1	15.8	16.7	19.0	20.0	71.5	Bậc 4	
3009	Nguyễn Linh Chi	22D192015	K58SN1	16.7	19.2	19.0	17.0	71.9	Bậc 4	
3010	Triệu Tiến Chung	22D192016	K58SN1	10.0	19.2	17.0	19.0	65.2	Bậc 4	
3011	Nguyễn Đăng Cường	22D192017	K58SN1	12.5	11.7	14.0	18.0	56.2	Bậc 3	
3012	Phạm Hương Giang	22D192022	K58SN1	11.7	19.2	21.0	20.0	71.9	Bậc 4	
3013	Trần Thu Hà	22D192023	K58SN1	15.0	21.7	23.0	22.0	81.7	Bậc 5	
3014	Phạm Huy Hào	22D192025	K58SN1	12.5	11.7	18.0	18.0	60.2	Bậc 3	
3015	Nguyễn Trung Hiếu	22D192027	K58SN1	10.0	16.7	19.0	16.0	61.7	Bậc 3	
3016	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	22D192028	K58SN1	15.8	15.8	19.0	17.0	67.6	Bậc 4	
3017	Nguyễn Thị Hoài	22D192030	K58SN1	18.3	21.7	17.0	20.0	77.0	Bậc 5	
3018	Kiều Thu Hồng	22D192032	K58SN1	19.2	22.5	18.0	20.0	79.7	Bậc 5	
3019	Nguyễn Đức Hùng	22D192035	K58SN1	11.7	19.2	22.0	19.0	71.9	Bậc 4	
3020	Đào Thị Thu Hương	22D192038	K58SN1	10.0	13.3	19.0	18.0	60.3	Bậc 3	
3021	Đào Thu Hường	22D192040	K58SN1	12.5	17.5	20.0	20.0	70.0	Bậc 4	
3022	Hoàng Văn Khang	22D192041	K58SN1	10.8	15.8	19.0	19.0	64.6	Bậc 3	
3023	Đỗ Hữu Lâm Khoa	22D192043	K58SN1	18.3	22.5	19.0	20.0	79.8	Bậc 5	
3024	Nguyễn Ngọc Linh	22D192046	K58SN1	16.7	19.2	15.0	19.0	69.9	Bậc 4	
3025	Trần Thị Ly	22D192050	K58SN1	16.7	20.8	17.0	20.0	74.5	Bậc 4	
3026	Đinh Thị Ngọc Mai	22D192052	K58SN1	10.0	15.8	14.0	19.0	58.8	Bậc 3	
3027	Trần Văn Mạnh	22D192053	K58SN1	13.3	19.2	15.0	20.0	67.5	Bậc 4	
3028	Dương Thọ Ngọc Minh	22D192054	K58SN1	13.3	20.0	16.0	16.0	65.3	Bậc 4	
3029	Nguyễn Bảo Ngọc	22D192058	K58SN1	15.8	20.8	18.0	21.0	75.6	Bậc 5	
3030	Trần Thị Hồng Nhung	22D192060	K58SN1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3031	Phạm Gia Bảo Phong	22D192062	K58SN1	8.3	15.0	15.0	19.0	57.3	Bậc 3	
3032	Lê Thị Y Phụng	22D192063	K58SN1	16.7	22.5	21.0	22.0	82.2	Bậc 5	
3033	Nguyễn Thị Phượng	22D192065	K58SN1	11.7	20.0	18.0	20.0	69.7	Bậc 4	
3034	Nguyễn Thị Quỳnh	22D192068	K58SN1	15.8	13.3	12.0	19.0	60.1	Bậc 3	
3035	Lê Thị Phương Thanh	22D192070	K58SN1	15.0	20.8	20.0	20.0	75.8	Bậc 5	
3036	Trần Mạnh Thắng	22D192073	K58SN1	15.8	20.0	18.0	20.0	73.8	Bậc 4	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3037	Lê Văn Thuận	22D192075	K58SN1	14.2	15.0	13.0	16.0	58.2	Bậc 3	
3038	Bùi Thị Thùy	22D192077	K58SN1	17.5	17.5	20.0	22.0	77.0	Bậc 5	
3039	Lý Lâm Thu	22D192079	K58SN1	10.0	19.2	17.0	20.0	66.2	Bậc 4	
3040	Lại Thị Thương	22D192081	K58SN1	6.7	10.8	16.0	17.0	50.5	Bậc 3	
3041	Bùi Anh Tuấn	22D192084	K58SN1	15.0	15.8	18.0	20.0	68.8	Bậc 4	
3042	Phạm Thị Vân	22D192086	K58SN1	13.3	18.3	15.0	16.0	62.6	Bậc 3	
3043	Nguyễn Tiến Việt	22D192087	K58SN1	14.2	14.2	17.0	16.0	61.4	Bậc 3	
3044	Vũ Thị Thanh Xuân	22D192089	K58SN1	13.3	15.8	19.0	19.0	67.1	Bậc 4	
3045	Bạch Bùi Nguyệt Anh	22D192002	K58SN2	15.8	19.2	18.0	19.0	72.0	Bậc 4	
3046	Đàm Phương Anh	22D192003	K58SN2	13.3	18.3	18.0	22.0	71.6	Bậc 4	
3047	Nguyễn Mai Anh	22D192007	K58SN2	13.3	19.2	24.0	21.0	77.5	Bậc 5	
3048	Phạm Thị Ngọc Ánh	22D192011	K58SN2	10.0	6.7	2.0	14.0	32.7		
3049	Đào Linh Chi	22D192014	K58SN2	15.8	19.2	19.0	19.0	73.0	Bậc 4	
3050	Đinh Thị Ngọc Diễm	22D192018	K58SN2	12.5	17.5	19.0	19.0	68.0	Bậc 4	
3051	Quế Thị Thùy Dương	22D192021	K58SN2	17.5	16.7	20.0	19.0	73.2	Bậc 4	
3052	Tạ Văn Hải	22D192024	K58SN2	11.7	17.5	18.0	19.0	66.2	Bậc 4	
3053	Phạm Thị Hằng	22D192026	K58SN2	9.2	19.2	22.0	23.0	73.4	Bậc 4	
3054	Trần Thị Ngọc Hoa	22D192029	K58SN2	12.5	15.8	18.0	22.0	68.3	Bậc 4	
3055	Nguyễn Thị Thu Hoài	22D192031	K58SN2	15.8	17.5	22.0	21.0	76.3	Bậc 5	
3056	Trần Thị Hồng	22D192033	K58SN2	10.0	14.2	14.0	22.0	60.2	Bậc 3	
3057	Lê Ngọc Huyền	22D192034	K58SN2	13.3	17.5	21.0	24.0	75.8	Bậc 5	
3058	Nguyễn Đình Hưng	22D192036	K58SN2	12.5	18.3	18.0	20.0	68.8	Bậc 4	
3059	Phạm Quốc Hưng	22D192037	K58SN2	5.8	11.7	20.0	14.0	51.5	Bậc 3	
3060	Nguyễn Thị Hương	22D192039	K58SN2	11.7	15.8	13.0	17.0	57.5	Bậc 3	
3061	Nguyễn Bá Khang	22D192042	K58SN2	17.5	20.8	22.0	20.0	80.3	Bậc 5	
3062	Đỗ Thành Khoa	22D192044	K58SN2	17.5	21.7	24.0	22.0	85.2	Bậc 5	
3063	Nguyễn Diệu Linh	22D192045	K58SN2	11.7	16.7	20.0	21.0	69.4	Bậc 4	
3064	Nguyễn Thị Ngọc Linh	22D192047	K58SN2	9.2	15.0	14.0	22.0	60.2	Bậc 3	
3065	Nguyễn Thị Hiền Lương	22D192049	K58SN2	18.3	20.8	23.0	20.0	82.1	Bậc 5	
3066	Trần Bình Minh	22D192055	K58SN2	14.2	20.8	20.0	19.0	74.0	Bậc 4	
3067	Nguyễn Thanh Nga	22D192056	K58SN2	8.3	15.0	21.0	22.0	66.3	Bậc 4	
3068	Cao Trọng Nghĩa	22D192057	K58SN2	10.8	10.8	13.0	17.0	51.6	Bậc 3	
3069	Đinh Thị Nhạn	22D192059	K58SN2	10.8	17.5	15.0	20.0	63.3	Bậc 3	
3070	Đặng Kiều Oanh	22D192061	K58SN2	10.0	12.5	14.0	20.0	56.5	Bậc 3	
3071	Lê Mai Phương	22D192064	K58SN2	15.8	22.5	22.0	21.0	81.3	Bậc 5	
3072	Đỗ Nhật Quang	22D192066	K58SN2	9.2	20.0	15.0	16.0	60.2	Bậc 3	
3073	Lê Thị Quyên	22D192067	K58SN2	13.3	17.5	19.0	19.0	68.8	Bậc 4	
3074	Nguyễn Đức Lan Tâm	22D192069	K58SN2	10.0	20.0	17.0	15.0	62.0	Bậc 3	
3075	Trần Thị Phương Thanh	22D192071	K58SN2	14.2	20.8	24.0	19.0	78.0	Bậc 5	
3076	Trương Minh Quốc Thắng	22D192074	K58SN2	12.5	17.5	21.0	20.0	71.0	Bậc 4	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3077	Lâm Phương Thùy	22D192076	K58SN2	22.5	21.7	24.0	21.0	89.2	Bậc 5	
3078	Nguyễn Thu Thùy	22D192078	K58SN2	13.3	16.7	19.0	20.0	69.0	Bậc 4	
3079	Nguyễn Văn Thúc	22D192082	K58SN2	12.5	19.2	21.0	19.0	71.7	Bậc 4	
3080	Đỗ Quỳnh Trang	22D192083	K58SN2	17.5	20.8	24.0	21.0	83.3	Bậc 5	
3081	Bùi Nguyễn Yến Vy	22D192088	K58SN2	12.5	15.0	23.0	20.0	70.5	Bậc 4	
3082	Đặng Bình An	22D220001	K58T1	8.3	13.3	17.0	15.0	53.6	Bậc 3	
3083	Dương Tú Anh	22D220008	K58T1	21.7	23.3	21.0	24.0	90.0	Bậc 5	
3084	Đào Duy Anh	22D220009	K58T1	18.3	21.7	20.0	19.0	79.0	Bậc 5	
3085	Hà Thị Hiền Anh	22D220013	K58T1	16.7	20.8	14.0	19.0	70.5	Bậc 4	
3086	Nguyễn Phương Anh	22D220016	K58T1	17.5	20.8	23.0	24.0	85.3	Bậc 5	
3087	Phan Thị Ngọc Ánh	22D220022	K58T1	15.0	17.5	18.0	22.0	72.5	Bậc 4	
3088	Nguyễn Quỳnh Châu	22D220025	K58T1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3089	Nguyễn Linh Chi	22D220029	K58T1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3090	Nguyễn Trần Tùng Chi	22D220031	K58T1	12.5	17.5	17.0	15.0	62.0	Bậc 3	
3091	Nguyễn Thị Dung	22D220038	K58T1	13.3	18.3	15.0	15.0	61.6	Bậc 3	
3092	Hoàng Mạnh Dũng	22D220046	K58T1	15.0	16.7	20.0	18.0	69.7	Bậc 4	
3093	Nguyễn Tùng Dương	22D220051	K58T1	22.5	21.7	24.0	22.0	90.2	Bậc 5	
3094	Trần Huy Đăng	22D220053	K58T1	21.7	24.2	23.0	22.0	90.9	Bậc 5	
3095	Nguyễn Thị Hồng Hoa	22D220071	K58T1	13.3	10.8	15.0	22.0	61.1	Bậc 3	
3096	Bùi Thị Thu Hồng	22D220076	K58T1	15.0	18.3	13.0	20.0	66.3	Bậc 4	
3097	Vương Hoàng Huệ	22D220079	K58T1	7.5	14.2	11.0	18.0	50.7	Bậc 3	
3098	Ngô Hải Huyền	22D220082	K58T1	15.0	20.0	22.0	20.0	77.0	Bậc 5	
3099	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	22D220085	K58T1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3100	Hoàng Thị Diệu Hương	22D220090	K58T1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3101	Phạm Thị Vân Khánh	22D220094	K58T1	18.3	20.0	20.0	23.0	81.3	Bậc 5	
3102	Phạm Văn Lâm	22D220099	K58T1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3103	Nguyễn Thị Ngọc Lê	22D220100	K58T1	19.2	18.3	18.0	10.0	65.5	Bậc 4	
3104	Dương Phương Linh	22D220104	K58T1	14.2	22.5	22.0	21.0	79.7	Bậc 5	
3105	Lưu Ngọc Linh	22D220108	K58T1	18.3	19.2	18.0	22.0	77.5	Bậc 5	
3106	Nguyễn Mai Linh	22D220112	K58T1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3107	Nguyễn Phương Linh	22D220116	K58T1	17.5	20.8	19.0	20.0	77.3	Bậc 5	
3108	Nguyễn Thùy Linh	22D220120	K58T1	8.3	18.3	17.0	21.0	64.6	Bậc 3	
3109	Vi Thị Khánh Linh	22D220124	K58T1	15.0	19.2	21.0	21.0	76.2	Bậc 5	
3110	Phí Thị Ngọc Mai	22D220128	K58T1	17.5	20.0	20.0	22.0	79.5	Bậc 5	
3111	Chu Quang Minh	22D220133	K58T1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3112	Trần Hải Minh	22D220137	K58T1	14.2	21.7	18.0	20.0	73.9	Bậc 4	
3113	Trần Diệu My	22D220141	K58T1	16.7	20.0	17.0	21.0	74.7	Bậc 4	
3114	Hà Thị Linh Ngọc	22D220146	K58T1	15.8	24.2	20.0	22.0	82.0	Bậc 5	
3115	Hoàng Thị Thanh Nhân	22D220151	K58T1	20.8	23.3	18.0	23.0	85.1	Bậc 5	
3116	Ngô Ý Như	22D220155	K58T1	19.2	22.5	20.0	20.0	81.7	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3117	Nguyễn Tuấn Phong	22D220160	K58T1	24.2	24.2	23.0	22.0	93.4	Bậc 5	
3118	Nguyễn Thị Hồng Phúc	22D220162	K58T1	21.7	20.0	21.0	21.0	83.7	Bậc 5	
3119	Hà Thu Phương	22D220166	K58T1	22.5	24.2	24.0	25.0	95.7	Bậc 5	
3120	Trần Thu Phương	22D220171	K58T1	22.5	22.5	23.0	25.0	93.0	Bậc 5	
3121	Phạm Minh Quân	22D220174	K58T1	20.0	20.8	20.0	23.0	83.8	Bậc 5	
3122	Phạm Thị Quyên	22D220177	K58T1	12.5	22.5	18.0	21.0	74.0	Bậc 4	
3123	Hoàng Tiến Thành	22D220186	K58T1	10.8	20.0	21.5	20.0	72.3	Bậc 4	
3124	Bùi Diệu Thảo	22D220187	K58T1	18.3	21.7	22.0	21.0	83.0	Bậc 5	
3125	Lê Thị Thu Thảo	22D220191	K58T1	18.3	20.8	22.0	25.0	86.1	Bậc 5	
3126	Vũ Thu Thảo	22D220195	K58T1	15.8	21.7	19.0	24.0	80.5	Bậc 5	
3127	Đỗ Đức Thắng	22D220197	K58T1	16.7	23.3	18.0	22.0	80.0	Bậc 5	
3128	Trần Thị Diệu Thùy	22D220201	K58T1	14.2	20.0	20.0	21.0	75.2	Bậc 5	
3129	Nguyễn Thị Thương	22D220205	K58T1	15.8	17.5	21.0	24.0	78.3	Bậc 5	
3130	Đặng Phạm Thu Trang	22D220210	K58T1	16.7	20.8	21.0	24.0	82.5	Bậc 5	
3131	Trịnh Thị Trang	22D220214	K58T1	10.0	14.2	12.0	19.0	55.2	Bậc 3	
3132	Hầu Tuyết Trinh	22D220218	K58T1	9.2	18.3	13.0	18.0	58.5	Bậc 3	
3133	Đỗ Thu Vân	22D220224	K58T1	15.8	21.7	21.0	25.0	83.5	Bậc 5	
3134	Nguyễn Thị Vi	22D220228	K58T1	13.3	20.0	19.0	25.0	77.3	Bậc 5	
3135	Ngô Thị Thanh Yến	22D220233	K58T1	10.8	16.7	18.0	20.0	65.5	Bậc 4	
3136	Trần Thị Hải Yến	22D220237	K58T1	24.2	23.3	23.0	19.0	89.5	Bậc 5	
3137	Trần Thành An	22D220003	K58T2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3138	Vũ Thị Hà An	22D220004	K58T2	15.8	6.7	21.0	21.0	64.5	Bậc 3	
3139	Đinh Thị Tuyết Anh	22D220010	K58T2	20.0	12.5	19.0	20.0	71.5	Bậc 4	
3140	Hoàng Thảo Anh	22D220014	K58T2	22.5	12.5	16.0	19.0	70.0	Bậc 4	
3141	Trần Thị Xuân Ánh	22D220023	K58T2	21.7	15.0	21.0	21.0	78.7	Bậc 5	
3142	Trần Thị Minh Châu	22D220026	K58T2	23.3	15.0	16.0	18.0	72.3	Bậc 4	
3143	Phạm Thùy Chi	22D220032	K58T2	23.3	15.8	15.0	21.0	75.1	Bậc 5	
3144	Đỗ Nguyễn Duy	22D220040	K58T2	11.7	6.7	11.0	14.0	43.4		
3145	Quyết Thùy Mỹ Duyên	22D220043	K58T2	17.5	11.7	17.0	20.0	66.2	Bậc 4	
3146	Tạ Hữu Đại	22D220052	K58T2	13.3	9.2	17.0	17.0	56.5	Bậc 3	
3147	Vi Hoàng Đô	22D220055	K58T2	11.7	6.7	14.0	21.0	53.4	Bậc 3	
3148	Đặng Thị Thái Hà	22D220057	K58T2	23.3	12.5	17.0	21.0	73.8	Bậc 4	
3149	Trần Mỹ Hạnh	22D220062	K58T2	18.3	8.3	16.0	19.0	61.6	Bậc 3	
3150	Phạm Thị Khánh Hiền	22D220065	K58T2	8.3	5.8	0.0	7.0	21.1		
3151	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	22D220072	K58T2	23.3	21.7	23.0	21.0	89.0	Bậc 5	
3152	Nguyễn Việt Hoàng	22D220074	K58T2	19.2	15.8	15.0	20.0	70.0	Bậc 4	
3153	Nguyễn Mai Huyền	22D220083	K58T2	20.0	12.5	18.0	20.0	70.5	Bậc 4	
3154	Phạm Thị Khánh Huyền	22D220086	K58T2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3155	Lưu Thị Hương	22D220091	K58T2	16.7	9.2	19.0	19.0	63.9	Bậc 3	
3156	Phạm Nguyên Khoa	22D220095	K58T2	20.8	24.2	21.0	24.0	90.0	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3157	Vũ Nguyễn Minh Khuê	22D220096	K58T2	22.5	22.5	23.0	24.0	92.0	Bậc 5	
3158	Hoàng Diệu Linh	22D220105	K58T2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3159	Nguyễn Bảo Linh	22D220109	K58T2	12.5	21.7	22.0	20.0	76.2	Bậc 5	
3160	Nguyễn Ngọc Linh	22D220113	K58T2	21.7	20.8	19.0	23.0	84.5	Bậc 5	
3161	Nguyễn Thị Bảo Linh	22D220117	K58T2	15.8	19.2	19.0	22.0	76.0	Bậc 5	
3162	Nguyễn Thùy Linh	22D220121	K58T2	15.0	20.0	20.0	22.0	77.0	Bậc 5	
3163	Nguyễn Thanh Loan	22D220125	K58T2	20.8	20.8	24.0	25.0	90.6	Bậc 5	
3164	Vũ Phương Mai	22D220129	K58T2	19.2	22.5	24.0	20.0	85.7	Bậc 5	
3165	Nguyễn Văn Mạnh	22D220130	K58T2	16.7	13.3	23.0	15.0	68.0	Bậc 4	
3166	Lê Hiếu Minh	22D220134	K58T2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3167	Trần Thị Diệu Minh	22D220138	K58T2	18.3	13.3	20.0	22.0	73.6	Bậc 4	
3168	Triệu Hằng Nga	22D220142	K58T2	20.0	15.0	20.0	19.0	74.0	Bậc 4	
3169	Lã Thị Minh Ngọc	22D220147	K58T2	16.7	10.8	17.0	20.0	64.5	Bậc 3	
3170	Nguyễn Thanh Nhân	22D220152	K58T2	17.5	5.0	16.0	22.0	60.5	Bậc 3	
3171	Nguyễn Quỳnh Như	22D220156	K58T2	15.0	7.5	21.0	21.0	64.5	Bậc 3	
3172	Vũ Hoài Phong	22D220161	K58T2	23.3	13.3	8.0	14.0	58.6	Bậc 3	
3173	Phùng Thị Thanh Phương	22D220163	K58T2	16.7	11.7	15.0	21.0	64.4	Bậc 3	
3174	Lại Hà Phương	22D220167	K58T2	21.7	21.7	23.0	22.0	88.4	Bậc 5	
3175	Nguyễn Thị Phương	22D220172	K58T2	16.7	10.8	6.0	21.0	54.5	Bậc 3	
3176	Đặng Thị Như Quỳnh	22D220178	K58T2	21.7	15.8	13.0	21.0	71.5	Bậc 4	
3177	Nguyễn Duy Sơn	22D220182	K58T2	21.7	12.5	9.0	15.0	58.2	Bậc 3	
3178	Cao Thị Phương Thảo	22D220188	K58T2	13.3	9.2	12.0	16.0	50.5	Bậc 3	
3179	Phạm Phương Thảo	22D220192	K58T2	24.2	20.0	22.0	22.0	88.2	Bậc 5	
3180	Lý Thị Thắm	22D220196	K58T2	10.0	7.5	12.0	14.0	43.5		
3181	Nguyễn Cảnh Thắng	22D220198	K58T2	15.0	8.3	21.0	14.0	58.3	Bậc 3	
3182	Nguyễn Thị Thúy	22D220202	K58T2	15.0	12.5	17.0	10.0	54.5	Bậc 3	
3183	Nguyễn Hương Thủy Tiên	22D220206	K58T2	21.7	11.7	23.0	19.0	75.4	Bậc 5	
3184	Đỗ Thị Trang	22D220211	K58T2	16.7	10.0	22.0	13.0	61.7	Bậc 3	
3185	Vũ Thùy Trang	22D220215	K58T2	18.3	11.7	23.0	22.0	75.0	Bậc 5	
3186	Lê Ngọc Ánh Tuyết	22D220220	K58T2	23.3	20.0	24.0	21.0	88.3	Bậc 5	
3187	Nguyễn Thanh Vân	22D220225	K58T2	18.3	22.5	23.0	23.0	86.8	Bậc 5	
3188	Phan Thị Thảo Vi	22D220229	K58T2	19.2	12.5	18.0	21.0	70.7	Bậc 4	
3189	Nguyễn Hải Yến	22D220234	K58T2	17.5	20.8	23.0	23.0	84.3	Bậc 5	
3190	Bàn Thị Mai Anh	22D220005	K58T3	19.2	13.3	15.0	15.0	62.5	Bậc 3	
3191	Bùi Lê Tuấn Anh	22D220006	K58T3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3192	Đoàn Văn Anh	22D220011	K58T3	23.3	23.3	23.0	23.0	92.6	Bậc 5	
3193	Mai Văn Anh	22D220015	K58T3	16.7	8.3	9.0	22.0	56.0	Bậc 3	
3194	Phạm Quỳnh Anh	22D220017	K58T3	23.3	20.8	21.0	22.0	87.1	Bậc 5	
3195	Trần Thị Vân Anh	22D220018	K58T3	20.8	15.8	22.0	23.0	81.6	Bậc 5	
3196	Nguyễn Ngọc Ánh	22D220020	K58T3	20.0	7.5	19.0	23.0	69.5	Bậc 4	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3197	Bùi Quỳnh Chi	22D220027	K58T3	16.7	14.2	14.0	21.0	65.9	Bậc 4	
3198	Nguyễn Thị Linh Chi	22D220030	K58T3	20.8	19.2	19.0	22.0	81.0	Bậc 5	
3199	Đinh Thị Chinh	22D220033	K58T3	24.2	16.7	12.0	22.0	74.9	Bậc 4	
3200	Phạm Thị Thanh Dịu	22D220036	K58T3	21.7	15.0	18.0	22.0	76.7	Bậc 5	
3201	Trần Thị Duyên	22D220044	K58T3	19.2	11.7	13.0	16.0	59.9	Bậc 3	
3202	Phạm Thị Huyền Diệp	22D220054	K58T3	17.5	19.2	17.0	21.0	74.7	Bậc 4	
3203	Nguyễn Phương Hà	22D220058	K58T3	19.2	17.5	21.0	23.0	80.7	Bậc 5	
3204	Lưu Minh Hiếu	22D220064	K58T3	19.2	11.7	22.0	22.0	74.9	Bậc 4	
3205	Lê Thị Thu Hiền	22D220066	K58T3	12.5	9.2	18.0	22.0	61.7	Bậc 3	
3206	Bùi Thị Thủy Hoa	22D220069	K58T3	18.3	20.0	22.0	22.0	82.3	Bậc 5	
3207	Nguyễn Thị Huế	22D220077	K58T3	20.8	13.3	13.0	22.0	69.1	Bậc 4	
3208	Đỗ Khánh Huyền	22D220080	K58T3	20.8	16.7	22.0	22.0	81.5	Bậc 5	
3209	Trần Thị Thanh Huyền	22D220087	K58T3	21.7	18.3	25.0	22.0	87.0	Bậc 5	
3210	Nguyễn Thu Hương	22D220092	K58T3	19.2	19.2	22.0	23.0	83.4	Bậc 5	
3211	Lưu Thị Lan	22D220097	K58T3	20.0	11.7	15.0	19.0	65.7	Bậc 4	
3212	Bùi Phương Linh	22D220102	K58T3	21.7	20.0	16.0	19.0	76.7	Bậc 5	
3213	Hồ Thị Linh	22D220106	K58T3	10.8	12.5	15.0	20.0	58.3	Bậc 3	
3214	Nguyễn Ngọc Phương Linh	22D220114	K58T3	22.5	22.5	20.0	21.0	86.0	Bậc 5	
3215	Nguyễn Thị Ngọc Linh	22D220118	K58T3	21.7	20.8	19.0	19.0	80.5	Bậc 5	
3216	Phan Diệu Linh	22D220122	K58T3	19.2	14.2	16.0	20.0	69.4	Bậc 4	
3217	Đỗ Ngọc Xuân Mai	22D220126	K58T3	20.0	10.0	11.0	16.0	57.0	Bậc 3	
3218	Trần Đức Mạnh	22D220131	K58T3	16.7	8.3	4.0	6.0	35.0		
3219	Lê Thị Hồng Minh	22D220135	K58T3	18.3	7.5	15.0	23.0	63.8	Bậc 3	
3220	Nguyễn Thị Mơ	22D220139	K58T3	6.7	9.2	15.0	22.0	52.9	Bậc 3	
3221	Nguyễn Hồng Nhật	22D220153	K58T3	12.5	10.0	9.0	22.0	53.5	Bậc 3	
3222	Bùi Thị Ngọc Oanh	22D220158	K58T3	20.8	14.2	15.0	22.0	72.0	Bậc 4	
3223	Bùi Thu Phương	22D220164	K58T3	17.5	4.2	16.0	22.0	59.7	Bậc 3	
3224	Nguyễn Hà Phương	22D220168	K58T3	16.7	11.7	17.0	22.0	67.4	Bậc 4	
3225	Đinh Thị Quyên	22D220175	K58T3	15.8	8.3	13.0	22.0	59.1	Bậc 3	
3226	Hoàng Như Quỳnh	22D220179	K58T3	20.8	15.8	19.0	22.0	77.6	Bậc 5	
3227	Bùi Hữu Sang	22D220180	K58T3	19.2	13.3	10.0	22.0	64.5	Bậc 3	
3228	Nguyễn Tuấn Sơn	22D220183	K58T3	16.7	14.2	17.0	22.0	69.9	Bậc 4	
3229	Đào Thị Phương Thảo	22D220189	K58T3	20.0	9.2	16.0	22.0	67.2	Bậc 4	
3230	Trần Thị Phương Thảo	22D220193	K58T3	15.8	7.5	15.0	18.0	56.3	Bậc 3	
3231	Đỗ Thị Thêu	22D220199	K58T3	19.2	6.7	14.0	21.0	60.9	Bậc 3	
3232	Vũ Thị Diệu Thúy	22D220203	K58T3	21.7	14.2	13.0	19.0	67.9	Bậc 4	
3233	Trịnh Cát Tiên	22D220207	K58T3	20.0	19.2	13.0	20.0	72.2	Bậc 4	
3234	Phạm Khánh Toàn	22D220208	K58T3	17.5	20.0	16.0	21.0	74.5	Bậc 4	
3235	Nguyễn Thị Huyền Trang	22D220212	K58T3	15.8	10.0	15.0	20.0	60.8	Bậc 3	
3236	Phùng Thị Ngọc Trâm	22D220216	K58T3	20.8	12.5	14.0	22.0	69.3	Bậc 4	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3237	Nguyễn Thảo Vân	22D220226	K58T3	18.3	13.3	15.0	18.0	64.6	Bậc 3	
3238	Phạm Thị Hà Vi	22D220230	K58T3	21.7	13.3	16.0	19.0	70.0	Bậc 4	
3239	Vũ Thế Xương	22D220232	K58T3	16.7	10.0	17.0	20.0	63.7	Bậc 3	
3240	Nguyễn Thị Yến	22D220235	K58T3	10.8	10.0	15.0	17.0	52.8	Bậc 3	
3241	Bùi Thị Vân Anh	22D220007	K58T4	18.3	9.2	16.0	22.0	65.5	Bậc 4	
3242	Đỗ Thị Lan Anh	22D220012	K58T4	21.7	19.2	21.0	22.0	83.9	Bậc 5	
3243	Vũ Lan Anh	22D220019	K58T4	15.0	8.3	17.0	22.0	62.3	Bậc 3	
3244	Nguyễn Thị Ánh	22D220021	K58T4	14.2	9.2	12.0	18.0	53.4	Bậc 3	
3245	Đặng Thanh Bình	22D220024	K58T4	17.5	15.8	20.0	21.0	74.3	Bậc 4	
3246	Hoàng Mai Chi	22D220028	K58T4	22.5	17.5	24.0	23.0	87.0	Bậc 5	
3247	Trần Thị Chúc	22D220034	K58T4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3248	Hà Lê Tuyết Dung	22D220037	K58T4	23.3	15.0	18.0	21.0	77.3	Bậc 5	
3249	Bùi Huy Dũng	22D220045	K58T4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3250	Nguyễn Cảnh Dương	22D220048	K58T4	22.5	8.3	18.0	15.0	63.8	Bậc 3	
3251	Nguyễn Thị Thu Hà	22D220059	K58T4	20.8	24.2	23.0	17.0	85.0	Bậc 5	
3252	Vũ Thị Hà	22D220061	K58T4	17.5	12.5	23.0	23.0	76.0	Bậc 5	
3253	Kiều Thu Hằng	22D220063	K58T4	20.8	19.2	23.0	23.0	86.0	Bậc 5	
3254	Hoàng Kim Hiền	22D220068	K58T4	16.7	13.3	21.0	20.0	71.0	Bậc 4	
3255	Hoàng Thị Hoa	22D220070	K58T4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3256	Nguyễn Thu Hoài	22D220073	K58T4	19.2	5.8	9.0	16.0	50.0	Bậc 3	
3257	Vi Nhật Hoàng	22D220075	K58T4	20.8	16.7	22.0	20.0	79.5	Bậc 5	
3258	Nguyễn Thị Linh Huệ	22D220078	K58T4	11.7	8.3	15.0	16.0	51.0	Bậc 3	
3259	Đỗ Thị Thanh Huyền	22D220081	K58T4	20.0	14.2	19.0	21.0	74.2	Bậc 4	
3260	Nguyễn Thị Khánh Huyền	22D220084	K58T4	12.5	10.0	0.0	16.0	38.5		
3261	Đỗ Thị Hương	22D220089	K58T4	10.8	6.7	19.0	20.0	56.5	Bậc 3	
3262	Vũ Thị Hường	22D220093	K58T4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3263	Trịnh Ngọc Lan	22D220098	K58T4	20.8	10.8	20.0	22.0	73.6	Bậc 4	
3264	Bùi Phương Linh	22D220103	K58T4	20.8	17.5	18.0	22.0	78.3	Bậc 5	
3265	Lê Thị Linh	22D220107	K58T4	20.8	14.2	21.0	22.0	78.0	Bậc 5	
3266	Nguyễn Nhật Linh	22D220115	K58T4	20.0	15.8	25.0	23.0	83.8	Bậc 5	
3267	Nguyễn Thị Thùy Linh	22D220119	K58T4	18.3	15.0	16.0	23.0	72.3	Bậc 4	
3268	Trần Thị Thùy Linh	22D220123	K58T4	18.3	14.2	20.0	22.0	74.5	Bậc 4	
3269	Hà Ngọc Mai	22D220127	K58T4	18.3	12.5	16.0	22.0	68.8	Bậc 4	
3270	Bế Anh Minh	22D220132	K58T4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3271	Nguyễn Thị Hải Minh	22D220136	K58T4	15.8	8.3	19.0	22.0	65.1	Bậc 4	
3272	Phạm Thị Trà My	22D220140	K58T4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3273	Phùng Tuyết Ngân	22D220144	K58T4	19.2	15.8	19.0	22.0	76.0	Bậc 5	
3274	Vàng Thị Nguyễn	22D220150	K58T4	21.7	15.0	20.0	22.0	78.7	Bậc 5	
3275	Mai Yến Nhi	22D220154	K58T4	18.3	15.8	18.0	22.0	74.1	Bậc 4	
3276	Phạm Tuấn Ninh	22D220157	K58T4	22.5	22.5	18.0	22.0	85.0	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3277	Nguyễn Thị Oanh	22D220159	K58T4	22.5	10.0	15.0	22.0	69.5	Bậc 4	
3278	Đào Thị Thu Phương	22D220165	K58T4	22.5	17.5	18.0	16.0	74.0	Bậc 4	
3279	Nguyễn Huệ Phương	22D220169	K58T4	21.7	22.5	23.0	19.0	86.2	Bậc 5	
3280	Hồ Tú Quyên	22D220176	K58T4	21.7	11.7	21.0	23.0	77.4	Bậc 5	
3281	Trịnh Ngọc An Tài	22D220184	K58T4	15.8	8.3	19.0	7.0	50.1	Bậc 3	
3282	Nguyễn Phương Thanh	22D220185	K58T4	23.3	22.5	25.0	21.0	91.8	Bậc 5	
3283	Lê Thị Phương Thảo	22D220190	K58T4	24.2	23.3	19.0	23.0	89.5	Bậc 5	
3284	Vũ Thanh Thảo	22D220194	K58T4	19.2	10.0	22.0	22.0	73.2	Bậc 4	
3285	Trần Phương Thùy	22D220200	K58T4	21.7	12.5	21.0	22.0	77.2	Bậc 5	
3286	Bùi Anh Thư	22D220204	K58T4	18.3	20.0	24.0	22.0	84.3	Bậc 5	
3287	Đào Thu Trang	22D220209	K58T4	23.3	22.5	25.0	22.0	92.8	Bậc 5	
3288	Phạm Thị Thùy Trang	22D220213	K58T4	12.5	6.7	17.0	22.0	58.2	Bậc 3	
3289	Trần Hoàng Bảo Trâm	22D220217	K58T4	18.3	21.7	20.0	19.0	79.0	Bậc 5	
3290	Vũ Thị Thảo Vân	22D220227	K58T4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3291	Nguyễn Bảo Vy	22D220231	K58T4	20.8	10.8	22.0	22.0	75.6	Bậc 5	
3292	Nguyễn Thị Hải Yến	22D220236	K58T4	15.0	12.5	17.0	22.0	66.5	Bậc 4	
3293	Bùi Hải An	22D210001	K58U1	20.8	11.7	22.0	19.0	73.5	Bậc 4	
3294	Bùi Thị Việt Anh	22D210004	K58U1	21.7	12.5	23.0	20.0	77.2	Bậc 5	
3295	Nguyễn Kim Anh	22D210012	K58U1	20.8	13.3	18.0	17.0	69.1	Bậc 4	
3296	Nguyễn Thị Ngọc Anh	22D210016	K58U1	16.7	9.2	19.0	14.0	58.9	Bậc 3	
3297	Phùng Thị Lan Anh	22D210022	K58U1	19.2	12.5	21.0	20.0	72.7	Bậc 4	
3298	Trần Thị Vân Anh	22D210026	K58U1	16.7	10.8	17.0	16.0	60.5	Bậc 3	
3299	Vũ Thu Anh	22D210032	K58U1	18.3	20.0	22.0	16.0	76.3	Bậc 5	
3300	Nguyễn Thị Thùy Dung	22D210050	K58U1	20.0	12.5	21.0	14.0	67.5	Bậc 4	
3301	Nguyễn Đức Dũng	22D210057	K58U1	17.5	12.5	22.0	18.0	70.0	Bậc 4	
3302	Trần Minh Giáp	22D210067	K58U1	18.3	9.2	22.0	18.0	67.5	Bậc 4	
3303	Nguyễn Lưu Hà	22D210068	K58U1	19.2	20.8	22.0	18.0	80.0	Bậc 5	
3304	Lê Hoàng Hạnh	22D210077	K58U1	18.3	19.2	22.0	21.0	80.5	Bậc 5	
3305	Nguyễn Thanh Hằng	22D210081	K58U1	16.7	19.2	23.0	19.0	77.9	Bậc 5	
3306	Hoàng Thị Hậu	22D210084	K58U1	24.2	10.8	13.0	18.0	66.0	Bậc 4	
3307	Nguyễn Văn Hiếu	22D210088	K58U1	24.2	8.3	14.0	17.0	63.5	Bậc 3	
3308	Bùi Thị Thu Hoài	22D210096	K58U1	15.0	7.5	17.0	16.0	55.5	Bậc 3	
3309	Nguyễn Văn Hoàng	22D210098	K58U1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3310	Trần Văn Hùng	22D210108	K58U1	22.5	14.2	23.0	18.0	77.7	Bậc 5	
3311	Nguyễn Lan Hương	22D210111	K58U1	20.8	20.0	21.0	19.0	80.8	Bậc 5	
3312	Phạm Ngọc Khánh	22D210116	K58U1	20.8	19.2	19.0	19.0	78.0	Bậc 5	
3313	Hà Thị Thùy Linh	22D210121	K58U1	19.2	8.3	15.0	18.0	60.5	Bậc 3	
3314	Nguyễn Thị Ngọc Linh	22D210126	K58U1	25.0	18.3	20.0	17.0	80.3	Bậc 5	
3315	Quách Tú Linh	22D210131	K58U1	13.3	10.8	22.0	19.0	65.1	Bậc 4	
3316	Đặng Thị Lương	22D210136	K58U1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3317	Trần Thị Diệu Ly	22D210141	K58U1	23.3	7.5	22.0	18.0	70.8	Bậc 4	
3318	Trần Đức Mạnh	22D210143	K58U1	22.5	13.3	23.0	21.0	79.8	Bậc 5	
3319	Lê Thị Trà My	22D210149	K58U1	16.7	12.5	22.0	18.0	69.2	Bậc 4	
3320	Trần Hào Nam	22D210151	K58U1	14.2	11.7	22.0	19.0	66.9	Bậc 4	
3321	Nguyễn Thị Hồng Ngân	22D210155	K58U1	17.5	10.8	20.0	23.0	71.3	Bậc 4	
3322	Trần Thảo Nguyên	22D210160	K58U1	19.2	12.5	22.0	18.0	71.7	Bậc 4	
3323	Lê Thị Hồng Nhung	22D210166	K58U1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3324	Nguyễn Thị Thùy Oanh	22D210171	K58U1	9.2	6.7	15.0	8.0	38.9		
3325	Nguyễn Mai Phương	22D210179	K58U1	18.3	10.8	20.0	19.0	68.1	Bậc 4	
3326	Trần Thị Ngọc Phương	22D210184	K58U1	23.3	5.8	13.0	16.0	58.1	Bậc 3	
3327	Trần Đăng Quang	22D210187	K58U1	24.2	10.0	13.0	14.0	61.2	Bậc 3	
3328	Nguyễn Như Quỳnh	22D210191	K58U1	18.3	16.7	20.0	21.0	76.0	Bậc 5	
3329	Hoàng Phương Thảo	22D210199	K58U1	15.0	4.2	20.0	19.0	58.2	Bậc 3	
3330	Phan Ngọc Thái	22D210206	K58U1	17.5	9.2	14.0	16.0	56.7	Bậc 3	
3331	Hà Thị Anh Thơ	22D210208	K58U1	15.0	7.5	17.0	17.0	56.5	Bậc 3	
3332	Hoàng Minh Thuận	22D210211	K58U1	12.5	8.3	15.0	15.0	50.8	Bậc 3	
3333	Dương Thu Thủy	22D210214	K58U1	22.5	11.7	21.0	17.0	72.2	Bậc 4	
3334	Đặng Anh Thư	22D210219	K58U1	16.7	11.7	20.0	14.0	62.4	Bậc 3	
3335	Trần Quỳnh Trang	22D210225	K58U1	10.0	7.5	20.0	13.0	50.5	Bậc 3	
3336	Nguyễn Thu Trang	22D210230	K58U1	20.8	19.2	21.0	18.0	79.0	Bậc 5	
3337	Nguyễn Thị Thanh Trà	22D210235	K58U1	23.3	5.0	21.0	19.0	68.3	Bậc 4	
3338	Lê Quốc Tuấn	22D210241	K58U1	15.8	11.7	20.0	16.0	63.5	Bậc 3	
3339	Lục Hải Việt	22D210248	K58U1	14.2	12.5	20.0	16.0	62.7	Bậc 3	
3340	Hà Thị Hải Yến	22D210251	K58U1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3341	Nguyễn Ngọc Anh	22D210013	K58U2	15.0	20.8	23.0	18.0	76.8	Bậc 5	
3342	Nguyễn Nhật Anh	22D210014	K58U2	21.7	25.0	22.0	17.0	85.7	Bậc 5	
3343	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	22D210017	K58U2	17.5	21.7	20.0	15.0	74.2	Bậc 4	
3344	Phạm Ngọc Hải Anh	22D210020	K58U2	10.0	15.0	22.0	15.0	62.0	Bậc 3	
3345	Trần Hà Anh	22D210024	K58U2	20.8	24.2	20.0	18.0	83.0	Bậc 5	
3346	Trần Thị Vân Anh	22D210027	K58U2	18.3	20.0	21.0	20.0	79.3	Bậc 5	
3347	Vũ Đức Anh	22D210030	K58U2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3348	Hoàng Hữu Bích	22D210040	K58U2	13.3	16.7	21.0	22.0	73.0	Bậc 4	
3349	Đỗ Quỳnh Chi	22D210043	K58U2	14.2	19.2	20.0	20.0	73.4	Bậc 4	
3350	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	22D210045	K58U2	15.0	16.7	19.0	11.0	61.7	Bậc 3	
3351	Nguyễn Thị Thùy Dung	22D210051	K58U2	20.0	22.5	21.0	16.0	79.5	Bậc 5	
3352	Phùng Đức Tú Đạt	22D210063	K58U2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Đình chỉ
3353	Trần Thị Hương Giang	22D210065	K58U2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3354	Trần Thị Thu Hà	22D210071	K58U2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3355	Kiều Đình Hải	22D210073	K58U2	10.8	10.8	15.0	14.0	50.6	Bậc 3	
3356	Nguyễn Thị Hạnh	22D210078	K58U2	16.7	10.8	20.0	19.0	66.5	Bậc 4	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
										Hoãn đánh giá
3357	Cao Phương Huyền	22D210101	K58U2							
3358	Nguyễn Thị Huyền	22D210104	K58U2	12.5	10.0	18.0	16.0	56.5	Bậc 3	
3359	Lê Quốc Hưng	22D210109	K58U2	20.8	25.0	22.0	14.0	81.8	Bậc 5	
3360	Nguyễn Lan Hương	22D210112	K58U2	19.2	22.5	22.0	19.0	82.7	Bậc 5	
3361	Triệu Khánh Linh	22D210117	K58U2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3362	Hoàng Thị Linh	22D210122	K58U2	15.0	19.2	19.0	18.0	71.2	Bậc 4	
3363	Đặng Khánh Ly	22D210137	K58U2	18.3	23.3	21.0	18.0	80.6	Bậc 5	
3364	Vũ Thị Hương Lý	22D210142	K58U2	15.8	17.5	19.0	20.0	72.3	Bậc 4	
3365	Bùi Hoàng Minh	22D210145	K58U2	14.2	23.3	23.0	20.0	80.5	Bậc 5	
3366	Vũ Huyền My	22D210150	K58U2	22.5	24.2	23.0	16.0	85.7	Bậc 5	
3367	Vũ Thị Hồng Ngân	22D210156	K58U2	15.0	14.2	13.0	10.0	52.2	Bậc 3	
3368	Đinh Thị Thu Nguyệt	22D210161	K58U2	21.7	10.8	19.0	19.0	70.5	Bậc 4	
3369	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22D210167	K58U2	14.2	20.0	19.0	18.0	71.2	Bậc 4	
3370	Quách Hà Kiều Oanh	22D210172	K58U2	10.8	18.3	18.0	14.0	61.1	Bậc 3	
3371	Dương Đức Phúc	22D210176	K58U2	18.3	21.7	20.0	18.0	78.0	Bậc 5	
3372	Nguyễn Thị Phương	22D210180	K58U2	15.8	20.8	21.0	18.0	75.6	Bậc 5	
3373	Ngô Thị Kim Phượng	22D210185	K58U2	20.0	17.5	17.0	17.0	71.5	Bậc 4	
3374	Trần Thị Như Quỳnh	22D210192	K58U2	15.0	12.5	20.0	18.0	65.5	Bậc 4	
3375	Vương Văn Tài	22D210193	K58U2	0.0	0.0	0.0	8.0	8.0		Vắng KN nghe, đọc, nói
3376	Phạm Quốc Thành	22D210196	K58U2	16.7	20.8	24.0	18.0	79.5	Bậc 5	
3377	Hoàng Thị Phương Thảo	22D210200	K58U2	17.5	20.0	22.0	14.0	73.5	Bậc 4	
3378	Nguyễn Hoàng Thạch	22D210207	K58U2	13.3	15.0	18.0	13.0	59.3	Bậc 3	
3379	Nguyễn Thị Thơm	22D210209	K58U2	15.0	13.3	17.0	14.0	59.3	Bậc 3	
3380	Lê Thị Thu Thủy	22D210215	K58U2	14.2	15.8	18.0	11.0	59.0	Bậc 3	
3381	Nguyễn Thị Anh Thư	22D210220	K58U2	12.5	18.3	16.0	13.0	59.8	Bậc 3	
3382	Lý Thái Tôn	22D210224	K58U2	22.5	25.0	24.0	14.0	85.5	Bậc 5	
3383	Bùi Thị Thu Trang	22D210226	K58U2	15.8	19.2	16.0	15.0	66.0	Bậc 4	
3384	Phạm Thu Trang	22D210231	K58U2	20.8	20.8	20.0	20.0	81.6	Bậc 5	
3385	Nguyễn Thị Thanh Trà	22D210236	K58U2	22.5	18.3	10.0	13.0	63.8	Bậc 3	
3386	Lê Thị Thanh Tú	22D210245	K58U2	15.0	10.0	16.0	18.0	59.0	Bậc 3	
3387	Nguyễn Thị Hải Yến	22D210252	K58U2	15.8	16.7	22.0	20.0	74.5	Bậc 4	
3388	Đỗ Hoàng Anh	22D210005	K58U3	19.2	21.7	19.0	19.0	78.9	Bậc 5	
3389	Hoàng Đức Anh	22D210008	K58U3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3390	Nguyễn Thị Hồng Anh	22D210015	K58U3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3391	Phạm Quỳnh Anh	22D210021	K58U3	20.0	22.5	23.0	20.0	85.5	Bậc 5	
3392	Văn Thị Quỳnh Anh	22D210028	K58U3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3393	Lê Thị Ngọc Ánh	22D210033	K58U3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3394	Trần Thị Ngọc Bích	22D210041	K58U3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3395	Đặng Thị Chúc	22D210046	K58U3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3396	Trần Thị Ngọc Diệu	22D210048	K58U3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3397	Nguyễn Thị Thùy Dung	22D210052	K58U3	11.7	16.7	16.0	20.0	64.4	Bậc 3	
3398	Vàng A Duy	22D210054	K58U3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3399	Nguyễn Tùng Dương	22D210060	K58U3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3400	Trịnh Thị Anh Đào	22D210061	K58U3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3401	Vũ Ngân Giang	22D210066	K58U3	15.0	21.7	17.0	19.0	72.7	Bậc 4	
3402	Nguyễn Thị Thu Hà	22D210069	K58U3	13.3	20.0	15.0	18.0	66.3	Bậc 4	
3403	Trương Thu Hà	22D210072	K58U3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3404	Nguyễn Tiến Hải	22D210074	K58U3	15.0	25.0	21.0	15.0	76.0	Bậc 5	
3405	Vì Thanh Hằng	22D210082	K58U3	15.0	13.3	19.0	16.0	63.3	Bậc 3	
3406	Lê Thị Hiền	22D210085	K58U3	17.5	20.8	15.0	19.0	72.3	Bậc 4	
3407	Nguyễn Thị Hiền	22D210086	K58U3	15.0	20.8	17.0	18.0	70.8	Bậc 4	
3408	Phạm Tiến Hiệp	22D210089	K58U3	16.7	20.0	15.0	19.0	70.7	Bậc 4	
3409	Nguyễn Thị Thanh Hoa	22D210093	K58U3	21.7	19.2	16.0	18.0	74.9	Bậc 4	
3410	Đào Thị Huyền	22D210102	K58U3	18.3	23.3	19.0	20.0	80.6	Bậc 5	
3411	Phạm Thị Diệu Hương	22D210113	K58U3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3412	Cù Khánh Linh	22D210118	K58U3	15.8	21.7	21.0	20.0	78.5	Bậc 5	
3413	Khúc Khánh Linh	22D210123	K58U3	18.3	20.8	20.0	19.0	78.1	Bậc 5	
3414	Nguyễn Thùy Linh	22D210128	K58U3	12.5	15.0	19.0	20.0	66.5	Bậc 4	
3415	Trần Thị Mai Linh	22D210133	K58U3	12.5	21.7	12.0	17.0	63.2	Bậc 3	
3416	Nguyễn Hoài Mến	22D210144	K58U3	11.7	15.8	14.0	14.0	55.5	Bậc 3	
3417	Dịp Thanh Nga	22D210152	K58U3	20.0	20.8	20.0	14.0	74.8	Bậc 4	
3418	Lê Bảo Ngọc	22D210157	K58U3	18.3	20.8	0.0	13.0	52.1	Bậc 3	
3419	Đỗ Thị Như Nguyệt	22D210162	K58U3	12.5	17.5	17.0	18.0	65.0	Bậc 4	
3420	Trần Thị Phi Nhung	22D210168	K58U3	20.0	21.7	16.0	19.0	76.7	Bậc 5	
3421	Hồ Thị Phú	22D210174	K58U3	17.5	23.3	18.0	20.0	78.8	Bậc 5	
3422	Nguyễn Thị Cẩm Phương	22D210181	K58U3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3423	Tạ Nguyễn Tiến Quyết	22D210190	K58U3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3424	Phạm Phương Thảo	22D210194	K58U3	12.5	20.0	23.0	20.0	75.5	Bậc 5	
3425	Trần Thị Hoài Thu	22D210210	K58U3	10.0	14.2	19.0	17.0	60.2	Bậc 3	
3426	Nguyễn Thị Thanh Thùy	22D210216	K58U3	14.2	14.2	17.0	18.0	63.4	Bậc 3	
3427	Vũ Diệu Thư	22D210221	K58U3	16.7	20.8	22.0	13.0	72.5	Bậc 4	
3428	Đỗ Thị Kiều Trang	22D210227	K58U3	18.3	20.0	19.0	16.0	73.3	Bậc 4	
3429	Vũ Thị Quỳnh Trang	22D210232	K58U3	15.0	18.3	19.0	14.0	66.3	Bậc 4	
3430	Đỗ Quang Trung	22D210239	K58U3	13.3	20.0	18.0	18.0	69.3	Bậc 4	
3431	Bùi Diệu Anh	22D210003	K58U4	17.5	16.7	19.0	20.0	73.2	Bậc 4	
3432	Hà Kiều Anh	22D210006	K58U4	20.0	22.5	24.0	20.0	86.5	Bậc 5	
3433	Lê Thị Minh Anh	22D210011	K58U4	19.2	24.2	23.0	20.0	86.4	Bậc 5	
3434	Nguyễn Thị Vân Anh	22D210018	K58U4	18.3	21.7	20.0	20.0	80.0	Bậc 5	
3435	Trần Thị Hiền Anh	22D210025	K58U4	15.8	23.3	25.0	20.0	84.1	Bậc 5	
3436	Võ Hà Minh Anh	22D210029	K58U4	18.3	23.3	19.0	19.0	79.6	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3437	Nguyễn Ngọc Ánh	22D210034	K58U4	18.3	21.7	22.0	19.0	81.0	Bậc 5	
3438	Lê Thị Yến Chi	22D210044	K58U4	13.3	21.7	15.0	18.0	68.0	Bậc 4	
3439	Nguyễn Mạnh Cường	22D210047	K58U4	7.5	15.0	18.0	18.0	58.5	Bậc 3	
3440	Lương Kim Duyên	22D210055	K58U4	18.3	24.2	21.0	20.0	83.5	Bậc 5	
3441	Vũ Quốc Dũng	22D210058	K58U4	16.7	19.2	15.0	19.0	69.9	Bậc 4	
3442	Nguyễn Thị Việt Hà	22D210070	K58U4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3443	Đặng Minh Hằng	22D210079	K58U4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3444	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	22D210083	K58U4	18.3	23.3	20.0	20.0	81.6	Bậc 5	
3445	Chữ Đức Hiếu	22D210087	K58U4	12.5	14.2	12.0	19.0	57.7	Bậc 3	
3446	Phạm Thị Thanh Hoa	22D210094	K58U4	13.3	13.3	22.0	19.0	67.6	Bậc 4	
3447	Vũ Xuân Huy	22D210100	K58U4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3448	Nguyễn Thị Thu Huyền	22D210105	K58U4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3449	Đào Ngọc Linh	22D210119	K58U4	16.7	23.3	25.0	20.0	85.0	Bậc 5	
3450	Nguyễn Thị Thùy Linh	22D210124	K58U4	13.3	15.8	10.0	18.0	57.1	Bậc 3	
3451	Trần Thị Thùy Linh	22D210134	K58U4	15.0	16.7	18.0	18.0	67.7	Bậc 4	
3452	Khổng Thị Hồng Ly	22D210139	K58U4	18.3	24.2	21.0	19.0	82.5	Bậc 5	
3453	Mai Thị Bình Minh	22D210146	K58U4	20.0	23.3	16.0	19.0	78.3	Bậc 5	
3454	Lê Thị Nga	22D210153	K58U4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3455	Nguyễn Thị Ngọc	22D210158	K58U4	17.5	20.8	19.0	20.0	77.3	Bậc 5	
3456	Nguyễn Quang Nhật	22D210164	K58U4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3457	Ngô Thị Phú	22D210175	K58U4	19.2	19.2	15.0	18.0	71.4	Bậc 4	
3458	Phạm Anh Phương	22D210182	K58U4	23.3	15.0	10.0	13.0	61.3	Bậc 3	
3459	Lê Ngọc Quyên	22D210188	K58U4	17.5	20.0	23.0	18.0	78.5	Bậc 5	
3460	Đỗ Nguyễn Phương Thảo	22D210197	K58U4	15.0	16.7	20.0	18.0	69.7	Bậc 4	
3461	Nguyễn Thị Thanh Thảo	22D210202	K58U4	15.8	20.0	24.0	19.0	78.8	Bậc 5	
3462	Tường Thị Thương	22D210222	K58U4	17.5	15.8	14.0	18.0	65.3	Bậc 4	
3463	Ngô Minh Trang	22D210228	K58U4	23.3	24.2	25.0	20.0	92.5	Bậc 5	
3464	Ngô Thị Thanh Trà	22D210233	K58U4	12.5	21.7	16.0	18.0	68.2	Bậc 4	
3465	Lê Thị Kiều Trinh	22D210238	K58U4	6.7	12.5	5.0	13.0	37.2		
3466	Nguyễn Thành Trung	22D210240	K58U4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3467	Bùi Thị Vân	22D210247	K58U4	11.7	13.3	16.0	20.0	61.0	Bậc 3	
3468	Lại Đức Anh	22D210009	K58U5	18.3	16.7	13.0	14.0	62.0	Bậc 3	
3469	Nguyễn Thuý Anh	22D210019	K58U5	10.8	20.8	21.0	17.0	69.6	Bậc 4	
3470	Trần Bảo Anh	22D210023	K58U5	19.2	24.2	21.0	20.0	84.4	Bậc 5	
3471	Vũ Thị Minh Anh	22D210031	K58U5	17.5	22.5	23.0	20.0	83.0	Bậc 5	
3472	Nguyễn Huy Bình	22D210036	K58U5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3473	Nguyễn Minh Châu	22D210042	K58U5	15.0	19.2	20.0	19.0	73.2	Bậc 4	
3474	Nguyễn Thị Kim Dung	22D210049	K58U5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3475	Nguyễn Thị Thuý Duyên	22D210056	K58U5	16.7	23.3	20.0	19.0	79.0	Bậc 5	
3476	Vũ Tuấn Dũng	22D210059	K58U5	13.3	20.8	22.0	19.0	75.1	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3477	Bùi Mạnh Đạt	22D210062	K58U5	20.0	23.3	24.0	20.0	87.3	Bậc 5	
3478	Nguyễn Hương Giang	22D210064	K58U5	17.5	22.5	20.0	18.0	78.0	Bậc 5	
3479	Nguyễn Thị Hạ	22D210076	K58U5	20.0	20.8	17.0	18.0	75.8	Bậc 5	
3480	Nguyễn Thanh Hằng	22D210080	K58U5	14.2	15.8	19.0	17.0	66.0	Bậc 4	
3481	Chu Thị Hoa	22D210091	K58U5	14.2	21.7	20.0	17.0	72.9	Bậc 4	
3482	Bùi Thị Hoài	22D210095	K58U5	16.7	15.8	19.0	17.0	68.5	Bậc 4	
3483	Bùi Trí Hoàng	22D210097	K58U5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3484	Nguyễn Thị Thúy Hồng	22D210099	K58U5	16.7	21.7	19.0	17.0	74.4	Bậc 4	
3485	Phạm Thị Thanh Huyền	22D210106	K58U5	19.2	20.8	21.0	18.0	79.0	Bậc 5	
3486	Nguyễn Duy Hùng	22D210107	K58U5	20.0	23.3	19.0	19.0	81.3	Bậc 5	
3487	Dương Thị Khánh	22D210115	K58U5	10.0	15.8	19.0	19.0	63.8	Bậc 3	
3488	Đinh Thị Thuỳ Linh	22D210120	K58U5	14.2	20.0	16.0	20.0	70.2	Bậc 4	
3489	Nguyễn Khánh Linh	22D210125	K58U5	20.8	24.2	21.0	19.0	85.0	Bậc 5	
3490	Phạm Hà Linh	22D210130	K58U5	13.3	17.5	17.0	17.0	64.8	Bậc 3	
3491	Yên Thị Hoài Linh	22D210135	K58U5	16.7	18.3	15.0	13.0	63.0	Bậc 3	
3492	Phạm Thảo Ly	22D210140	K58U5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3493	Đào Thị Trà My	22D210148	K58U5	16.7	20.0	20.0	19.0	75.7	Bậc 5	
3494	Nguyễn Thúy Nga	22D210154	K58U5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3495	Nông Bích Ngọc	22D210159	K58U5	15.8	22.5	13.0	18.0	69.3	Bậc 4	
3496	Mai Thị Tuyết Nhi	22D210165	K58U5	20.0	23.3	22.0	17.0	82.3	Bậc 5	
3497	Lưu Thị Oanh	22D210170	K58U5	20.8	22.5	5.0	13.0	61.3	Bậc 3	
3498	Nguyễn Bùi Việt Phong	22D210173	K58U5	19.2	20.8	23.0	19.0	82.0	Bậc 5	
3499	Nguyễn Trường Phúc	22D210177	K58U5	17.5	23.3	22.0	18.0	80.8	Bậc 5	
3500	Phạm Thanh Phương	22D210183	K58U5	18.3	23.3	23.0	20.0	84.6	Bậc 5	
3501	Ngô Thị Quyên	22D210189	K58U5	10.8	19.2	20.0	14.0	64.0	Bậc 3	
3502	Hoàng Phương Thảo	22D210198	K58U5	20.0	20.8	6.0	13.0	59.8	Bậc 3	
3503	Vũ Thị Phương Thảo	22D210203	K58U5	20.0	23.3	17.0	20.0	80.3	Bậc 5	
3504	Nguyễn Duy Thái	22D210205	K58U5	0.0	0.0	0.0	7.0	7.0		Vắng KN nghe, đọc, nói
3505	Bùi Thị Thủy	22D210213	K58U5	10.0	14.2	14.0	13.0	51.2	Bậc 3	
3506	Vũ Anh Thư	22D210218	K58U5	9.2	15.8	15.0	13.0	53.0	Bậc 3	
3507	Nguyễn Thị Tình	22D210223	K58U5	10.8	15.0	15.0	16.0	56.8	Bậc 3	
3508	Nguyễn Minh Trang	22D210229	K58U5	16.7	21.7	23.0	19.0	80.4	Bậc 5	
3509	Nguyễn Thị Trà	22D210234	K58U5	20.8	17.5	19.0	14.0	71.3	Bậc 4	
3510	Trần Thị Thu Tuyền	22D210242	K58U5	18.3	20.0	19.0	17.0	74.3	Bậc 4	
3511	Hà Anh Tú	22D210243	K58U5	20.0	24.2	21.0	19.0	84.2	Bậc 5	
3512	Bùi Duy Anh	22D211002	K58UU1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3513	Nguyễn Hoàng Anh	22D211004	K58UU1	13.3	15.8	20.0	19.0	68.1	Bậc 4	
3514	Nguyễn Mai Anh	22D211005	K58UU1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3515	Nguyễn Thị Phương Anh	22D211006	K58UU1	19.2	21.7	20.0	21.0	81.9	Bậc 5	
3516	Phạm Hải Anh	22D211007	K58UU1	14.2	18.3	21.0	20.0	73.5	Bậc 4	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3517	Trần Ngọc Nhất Anh	22D211008	K58UU1	19.2	24.2	23.0	21.0	87.4	Bậc 5	
3518	Vũ Thị Quỳnh Anh	22D211009	K58UU1	20.8	20.8	24.0	20.0	85.6	Bậc 5	
3519	Nguyễn Đỗ Linh Chi	22D211010	K58UU1	20.0	22.5	23.0	21.0	86.5	Bậc 5	
3520	Nguyễn Thành Công	22D211011	K58UU1	20.0	25.0	24.0	21.0	90.0	Bậc 5	
3521	Bùi Ngọc Diệp	22D211012	K58UU1	18.3	20.8	20.0	19.0	78.1	Bậc 5	
3522	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	22D211013	K58UU1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3523	Nguyễn Nhâm Khánh Dương	22D211014	K58UU1	15.8	22.5	23.0	21.0	82.3	Bậc 5	
3524	Nguyễn Thị Thanh Hằng	22D211017	K58UU1	15.8	20.0	18.0	21.0	74.8	Bậc 4	
3525	Bùi Thị Hậu	22D211018	K58UU1	15.8	17.5	15.0	19.0	67.3	Bậc 4	
3526	Bùi Thanh Huyền	22D211020	K58UU1	17.5	22.5	18.0	18.0	76.0	Bậc 5	
3527	Hoàng Phương Linh	22D211022	K58UU1	16.7	21.7	22.0	21.0	81.4	Bậc 5	
3528	Nguyễn Phương Loan	22D211023	K58UU1	15.8	17.5	20.0	19.0	72.3	Bậc 4	
3529	Đặng Hương Ly	22D211024	K58UU1	12.5	20.0	23.0	20.0	75.5	Bậc 5	
3530	Nguyễn Ngọc Mai	22D211025	K58UU1	20.0	23.3	20.0	19.0	82.3	Bậc 5	
3531	Trần Bảo Ngọc	22D211026	K58UU1	20.8	23.3	23.0	21.0	88.1	Bậc 5	
3532	Trần Bích Ngọc	22D211027	K58UU1	20.0	22.5	23.0	20.0	85.5	Bậc 5	
3533	Nguyễn Hà Phương	22D211028	K58UU1	15.8	23.3	19.0	21.0	79.1	Bậc 5	
3534	Vũ Thị Hà Phương	22D211029	K58UU1	16.7	20.0	22.0	21.0	79.7	Bậc 5	
3535	Nguyễn Bùi Minh Quang	22D211030	K58UU1	17.5	21.7	22.0	20.0	81.2	Bậc 5	
3536	Phạm Tiến Quốc	22D211031	K58UU1	19.2	22.5	24.0	21.0	86.7	Bậc 5	
3537	Bùi Lê Phương Thảo	22D211033	K58UU1	16.7	17.5	22.0	18.0	74.2	Bậc 4	
3538	Nguyễn Hoàng Hương Thảo	22D211034	K58UU1	16.7	20.0	22.0	19.0	77.7	Bậc 5	
3539	Nguyễn Thu Thảo	22D211035	K58UU1	17.5	20.8	23.0	20.0	81.3	Bậc 5	
3540	Nguyễn Anh Thư	22D211036	K58UU1	18.3	20.0	22.0	21.0	81.3	Bậc 5	
3541	Phạm Anh Thư	22D211037	K58UU1	16.7	16.7	15.0	18.0	66.4	Bậc 4	
3542	Lê Thị Quỳnh Trang	22D211038	K58UU1	12.5	20.0	20.0	19.0	71.5	Bậc 4	
3543	Nguyễn Khánh Trang	22D211039	K58UU1	10.0	13.3	22.0	21.0	66.3	Bậc 4	
3544	Phạm Hà Trang	22D211040	K58UU1	18.3	24.2	24.0	21.0	87.5	Bậc 5	
3545	Trần Thu Trang	22D211041	K58UU1	20.8	24.2	22.0	20.0	87.0	Bậc 5	
3546	Đỗ Mạnh Tuấn	22D211043	K58UU1	15.0	21.7	24.0	21.0	81.7	Bậc 5	
3547	Đinh Ánh Tuyết	22D211044	K58UU1	18.3	16.7	15.0	19.0	69.0	Bậc 4	
3548	Nguyễn Sơn Dương	21D100111	K57A1	8.3	9.2	0.0	14.0	31.5		
3549	Trần Khánh Huyền	21D100026	K57A1	7.5	5.8	13.0	14.0	40.3		
3550	Nguyễn Thị Huyền Trang	21D100141	K57A1	12.5	14.2	17.0	14.0	57.7	Bậc 3	
3551	Nguyễn Nhật Hào	21D100161	K57A2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3552	Nguyễn Văn Linh	21D100171	K57A2	13.3	15.0	13.0	9.0	50.3	Bậc 3	
3553	Phạm Tuấn Anh	21D100153	K57A2	10.0	14.2	20.0	23.0	67.2	Bậc 4	
3554	Vàng Hồng Nhung	21D100179	K57A2	10.0	16.7	18.0	23.0	67.7	Bậc 4	
3555	Hoàng Dương Anh Tú	21D100239	K57A3	12.5	10.0	19.0	17.0	58.5	Bậc 3	
3556	Lê Thị Kiên	21D100028	K57A3	12.5	15.8	12.0	22.0	62.3	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3557	Trần Minh Hằng	21D100209	K57A3	16.7	24.2	20.0	23.0	83.9	Bậc 5	
3558	Nguyễn Ngọc Quỳnh	21D100276	K57A4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3559	Nguyễn Thị Hoàng Yến	21D100288	K57A4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3560	Nguyễn Tuấn Đạt	21D100253	K57A4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3561	Lưu Thị Mùi	21D100268	K57A4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3562	Bùi Khánh Ngọc	21D100270	K57A4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		
3563	Nguyễn Thị Hiền	21D100256	K57A4	8.3	14.2	13.0	9.0	44.5		
3564	Vũ Hiếu Trung	21D100284	K57A4	6.7	14.2	20.0	17.0	57.9	Bậc 3	
3565	Lê Thúy Chinh	21D100505	K57A4	13.3	12.5	22.0	20.0	67.8	Bậc 4	
3566	Đỗ Thị Thùy Dung	21D100297	K57A5	13.3	7.5	18.0	14.0	52.8	Bậc 3	
3567	Đặng Quỳnh Anh	21D100001	K57A6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3568	Nguyễn Tài Hùng	21D100352	K57A6	8.3	10.8	6.0	15.0	40.1		
3569	Nguyễn Phương Thảo	21D100371	K57A6	8.3	15.0	6.0	23.0	52.3	Bậc 3	
3570	Nguyễn Thị Thu Phượng	21D100413	K57A7	15.0	11.7	18.0	18.0	62.7	Bậc 3	
3571	Nguyễn Hữu Công	21D111113	K57B1KD	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3572	Trần Thị Thu Hương	21D110115	K57B1KS	14.2	16.7	19.0	19.0	68.9	Bậc 4	
3573	Lộc Thị Hải Yến	21D110140	K57B1KS	20.0	21.7	22.0	24.0	87.7	Bậc 5	
3574	Trần Thị Thanh Thanh	20D251043	K57B1LD	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3575	Vũ Trường An	21D250101	K57B1LH	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3576	Tổng Công Khánh	21D250502	K57B1LH	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3577	Nguyễn Diệu Linh	21D250005	K57B1LH	16.7	21.7	22.0	20.0	80.4	Bậc 5	
3578	Đỗ Kiều Anh	21D111165	K57B2KD	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3579	Nguyễn Minh Thu	21D111009	K57B2KD	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3580	Vương Cẩm Thiên	21D111220	K57B2KD	10.0	7.5	19.0	14.0	50.5	Bậc 3	
3581	Trần Thị Huyền Trang	21D111225	K57B2KD	16.7	16.7	22.0	16.0	71.4	Bậc 4	
3582	Đinh Kim Chi	20D111068	K57B2KD	15.8	19.2	20.0	21.0	76.0	Bậc 5	
3583	Ngô Thanh Ngân	21D111204	K57B2KD	20.0	17.5	24.0	23.0	84.5	Bậc 5	
3584	Nguyễn Đặng Hà Chi	21D111175	K57B2KD	23.3	24.2	24.0	24.0	95.5	Bậc 5	
3585	Phan Quỳnh Chi	21D110146	K57B2KS	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3586	Nguyễn Đình Hậu	21D110152	K57B2KS	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3587	Nguyễn Thị Thúy	21D251210	K57B2LD	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3588	Nguyễn Thị Phương Ngân	21D251199	K57B2LD	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3589	Lại Thị Thảo Vân	20D251112	K57B2LD	19.2	15.8	17.0	22.0	74.0	Bậc 4	
3590	Nguyễn Bá Hùng	20D250080	K57B2LH	20.0	20.8	7.0	19.0	66.8	Bậc 4	
3591	Trần Lưu Ly	21D111262	K57B3KD	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3592	Đỗ Thị Nga	21D111266	K57B3KD	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3593	Trần Thị Ngọc	21D111270	K57B3KD	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3594	Nguyễn Thị Tố Uyên	20D111171	K57B3KD	14.2	21.7	22.0	24.0	81.9	Bậc 5	
3595	Nguyễn Thị Phương Thảo	21D110211	K57B3KS	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3596	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	21D110189	K57B3KS	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3597	Nguyễn Xuân Quỳnh	21D110015	K57B3KS	16.7	17.5	14.0	19.0	67.2	Bậc 4	
3598	Lê Xuân Tùng	21D110256	K57B4KS	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3599	Nguyễn Đức Kim Đồng	21D110265	K57B5KS	18.3	15.0	13.0	18.0	64.3	Bậc 3	
3600	Nguyễn Thị Khánh Huyền	21D110269	K57B5KS	17.5	18.3	15.0	21.0	71.8	Bậc 4	
3601	Trần Anh Minh	21D110011	K57B5KS	20.8	22.5	21.0	22.0	86.3	Bậc 5	
3602	Phạm Hà Linh	21D120514	K57C1	18.3	22.5	23.0	23.0	86.8	Bậc 5	
3603	Nguyễn Khánh Vy	21D120054	K57C2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3604	Lưu Nguyễn Nhật Dương	21D120506	K57C2	20.0	22.5	2.0	21.0	65.5	Bậc 4	
3605	Lô Thị Hương Ly	21D120516	K57C3	7.5	9.2	10.0	24.0	50.7	Bậc 3	
3606	Lương Thu Hương	21D120511	K57C3	17.5	15.8	10.0	23.0	66.3	Bậc 4	
3607	Vũ Duy Tùng	21D120050	K57C3	19.2	22.5	23.0	20.0	84.7	Bậc 5	
3608	Đinh Thị Anh Thư	21D120524	K57C4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3609	Thần Thị Tuyết	21D120529	K57C4	18.3	11.7	10.0	11.0	51.0	Bậc 3	
3610	Mai Hương Giang	21D120213	K57C4	19.2	23.3	23.0	24.0	89.5	Bậc 5	
3611	Nguyễn Quỳnh Trang	21D120272	K57C5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3612	Nông Linh Chi	21D120504	K57C5	16.7	11.7	16.0	16.0	60.4	Bậc 3	
3613	Đàm Kát Bàn	21D120502	K57C5	20.0	23.3	8.0	10.0	61.3	Bậc 3	
3614	Đặng Văn Hậu	21D150503	K57D1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3615	Lê Thị Quỳnh Anh	21D150162	K57D2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3616	Đoàn Trần Hoài Linh	21D150189	K57D2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3617	Tạ Thùy Linh	21D150192	K57D2	20.0	17.5	21.0	19.0	77.5	Bậc 5	
3618	Phùng Hoài Linh	21D150504	K57D3	7.5	9.2	0.0	10.0	26.7		
3619	Bế Thị Thanh Thảo	21D270133	K57DC1	10.0	10.0	14.0	16.0	50.0	Bậc 3	
3620	Mai Thị Hồng Vân	21D270183	K57DC2	10.0	10.8	16.0	18.0	54.8	Bậc 3	
3621	Lê Thị Mai Hương	21D155133	K57DD1	15.0	13.3	17.0	24.0	69.3	Bậc 4	
3622	Lê Diệu Hằng	21D155001	K57DD1	17.5	15.8	24.0	22.0	79.3	Bậc 5	
3623	Bùi Cẩm Tú	21D155164	K57DD2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3624	Nguyễn Nhi Anh	21D155104	K57DD2	23.3	23.3	22.0	19.0	87.6	Bậc 5	
3625	Bùi Thị Kim Chi	21D290106	K57DK1	8.3	20.8	22.0	18.0	69.1	Bậc 4	
3626	Nguyễn Ngọc Anh	21D290102	K57DK1	25.0	24.2	23.0	24.0	96.2	Bậc 5	
3627	Lê Thị Diễm Quỳnh	21D290186	K57DK2	20.0	22.5	23.0	19.0	84.5	Bậc 5	
3628	Trần Tuệ Tâm	21D130138	K57E1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3629	Đặng Quang Quốc	21D130136	K57E1	16.7	21.7	20.0	24.0	82.4	Bậc 5	
3630	Vũ Quang Hiếu	21D130119	K57E1	15.8	20.0	23.0	24.0	82.8	Bậc 5	
3631	Hoàng Thị Thảo Linh	21D130505	K57E2	7.5	12.5	9.0	15.0	44.0		
3632	Lê Thảo My	21D260142	K57EK1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3633	Nguyễn Bình Minh	21D260141	K57EK1	19.2	20.0	21.0	24.0	84.2	Bậc 5	
3634	Phạm Phan Anh	21D260003	K57EK1	23.3	24.2	23.0	20.0	90.5	Bậc 5	
3635	Nguyễn Đại Đức	21D260176	K57EK2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3636	Đặng Khánh Chi	21D260004	K57EK2	25.0	24.2	23.0	23.0	95.2	Bậc 5	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3637	Ngô Diên Công	21D160001	K57F1	5.8	10.8	0.0	10.0	26.6		
3638	Vũ Trung Bách	21D160106	K57F1	23.3	22.5	0.0	0.0	45.8		
3639	Chu Đình Hùng	21D160121	K57F1	18.3	22.5	23.0	16.0	79.8	Bậc 5	
3640	Phạm Hải Nam	21D160132	K57F1	15.0	20.8	22.0	23.0	80.8	Bậc 5	
3641	Lương Thị Tuệ Tâm	21D160193	K57F2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3642	Phạm Khánh Linh	21D160178	K57F2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3643	Lê Thị Hồng Thắm	21D160197	K57F2	6.7	9.2	12.0	23.0	50.9	Bậc 3	
3644	Nguyễn Thị Phương Liên	20D160096	K57F2	10.0	15.8	16.0	16.0	57.8	Bậc 3	
3645	Nguyễn Văn Tuấn	21D160202	K57F2	12.5	9.2	17.0	24.0	62.7	Bậc 3	
3646	Nguyễn Bá Chinh	21D160159	K57F2	23.3	22.5	2.0	24.0	71.8	Bậc 4	
3647	Lê Trọng Hoàng Dương	21D160161	K57F2	23.3	22.5	17.0	15.0	77.8	Bậc 5	
3648	Nguyễn Thành Nam	21D160287	K57F4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3649	Trịnh Kim Yến	21D160308	K57F4	7.5	10.8	8.0	24.0	50.3	Bậc 3	
3650	Nguyễn Thụy Hoàng Yến	20D160267	K57F4	10.0	13.3	18.0	16.0	57.3	Bậc 3	
3651	Nguyễn Vũ Tiến Dũng	21D160316	K57F5	12.5	15.8	21.0	19.0	68.3	Bậc 4	
3652	Nguyễn Hương Giang	21D180113	K57H1	7.5	10.0	9.0	24.0	50.5	Bậc 3	
3653	Nguyễn Phan Bảo Ngọc	21D180134	K57H1	12.5	22.5	20.0	19.0	74.0	Bậc 4	
3654	Đoàn Thị Hải Yến	21D180153	K57H1	19.2	18.3	18.0	23.0	78.5	Bậc 5	
3655	Chu Thành Đạt	21D180164	K57H2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3656	Nguyễn Đan Huy	21D180171	K57H2	10.0	13.3	18.0	16.0	57.3	Bậc 3	
3657	Nguyễn Tú Ngọc	21D180239	K57H3	9.2	13.3	12.0	19.0	53.5	Bậc 3	
3658	Hoàng Thị Hường	21D180226	K57H3	12.5	20.8	17.0	18.0	68.3	Bậc 4	
3659	Trịnh Xuân Bách	21D180211	K57H3	17.5	23.3	21.0	18.0	79.8	Bậc 5	
3660	Tạ Anh Quân	21D180244	K57H3	25.0	24.2	24.0	22.0	95.2	Bậc 5	
3661	Đặng Đoàn Minh Thư	21D180303	K57H4	15.0	15.0	19.0	21.0	70.0	Bậc 4	
3662	Bùi Bảo Linh	21D180279	K57H4	10.8	23.3	16.0	20.0	70.1	Bậc 4	
3663	Trịnh Minh Phương	21D280144	K57HC1	10.0	10.0	16.0	18.0	54.0	Bậc 3	
3664	Trần Hồng Quân	21D280002	K57HC1	20.8	9.2	10.0	20.0	60.0	Bậc 3	
3665	Nguyễn Hà Trang	21D280216	K57HC2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3666	Nguyễn Hương Ly	21D280195	K57HC2	11.7	5.8	20.0	21.0	58.5	Bậc 3	
3667	Nguyễn Quang Nguyên	21D140022	K57I1	20.8	21.7	25.0	22.0	89.5	Bậc 5	
3668	Trần Quang Huy	21D140013	K57I2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3669	Phạm Thị Kiều Oanh	21D140172	K57I2	15.0	19.2	23.0	22.0	79.2	Bậc 5	
3670	Vũ Đức Mạnh	21D140299	K57I5	20.8	23.3	20.0	19.0	83.1	Bậc 5	
3671	Đào Thu Uyên	20D300066	K57LQ1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3672	Trần Gia Hoàng	21D300009	K57LQ2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3673	Nguyễn Bùi Linh Nhi	21D170131	K57N1	10.8	18.3	24.0	22.0	75.1	Bậc 5	
3674	Trần Thị Trang	20D170051	K57N1	19.2	21.7	25.0	21.0	86.9	Bậc 5	
3675	Bùi Hoàng Ngọc Bảo	21D170106	K57N1	20.0	23.3	25.0	24.0	92.3	Bậc 5	
3676	Nguyễn Thị Hòa	21D170163	K57N2	17.5	13.3	0.0	20.0	50.8	Bậc 3	

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3677	Nguyễn Thị Hương Thảo	21D170184	K57N2	10.8	14.2	20.0	19.0	64.0	Bậc 3	
3678	Vũ Thị Thanh Mai	21D170217	K57N3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3679	Lương Như Nam	21D170219	K57N3	14.2	15.8	23.0	22.0	75.0	Bậc 5	
3680	Bùi Thị Trang	21D170322	K57N5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3681	Đoàn Thị Phương Anh	21D170283	K57N5	12.5	9.2	0.0	0.0	21.7		
3682	Lê Thị Trang	21D170323	K57N5	12.5	14.2	25.0	24.0	75.7	Bậc 5	
3683	Dương Thị Quỳnh Nga	21D170309	K57N5	12.5	17.5	24.0	23.0	77.0	Bậc 5	
3684	Hoàng Thị Hiền Lương	21D170307	K57N5	13.3	20.0	24.0	22.0	79.3	Bậc 5	
3685	Vũ Thị Thu Hương	21D200125	K57P1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3686	Nguyễn Thị Linh	21D200005	K57P1	7.5	9.2	17.0	18.0	51.7	Bậc 3	
3687	Mai Phú Anh	21D200155	K57P2	14.2	20.8	16.0	20.0	71.0	Bậc 4	
3688	Nguyễn Thanh Thảo	21D200251	K57P3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3689	Nguyễn Huy Hoàng	21D200227	K57P3	11.7	14.2	0.0	18.0	43.9		
3690	Phạm Thị Ngọc Huyền	21D200229	K57P3	9.2	15.0	15.0	14.0	53.2	Bậc 3	
3691	Lê Hồng Minh Ngọc	21D200242	K57P3	15.8	20.8	21.0	22.0	79.6	Bậc 5	
3692	Nguyễn Phương Linh	21D105121	K57Q1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3693	Mai Quốc An	21D105101	K57Q1	13.3	10.0	20.0	16.0	59.3	Bậc 3	
3694	Bùi Phương Linh	21D105120	K57Q1	10.0	11.7	20.0	21.0	62.7	Bậc 3	
3695	Phạm Văn Trường	21D105138	K57Q1	17.5	21.7	24.0	22.0	85.2	Bậc 5	
3696	Nguyễn Thị Dung	20D107012	K57QT1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3697	Trương Thị Nhon	20D107050	K57QT1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3698	Trần Ngọc Huyền	21D107013	K57QT1	7.5	12.5	13.0	10.0	43.0		
3699	Nguyễn Linh Chi	21D107005	K57QT1	8.3	10.8	12.0	12.0	43.1		
3700	Nông Thị Hằng	21D107501	K57QT1	5.0	10.8	22.0	13.0	50.8	Bậc 3	
3701	Trần Đăng Quang	21D107197	K57QT3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3702	Phạm Ngọc Huyền	21D107184	K57QT3	6.7	6.7	15.0	8.0	36.4		
3703	Hoàng Minh Phương	21D190006	K57S1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3704	Bùi Danh Hào	21D190165	K57S2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3705	Trần Trung Tuấn	21D190204	K57S2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng
3706	Chu Lương Tâm	21D190007	K57S2	10.0	10.0	14.0	20.0	54.0	Bậc 3	
3707	Nguyễn Phú Trọng	21D190013	K57S2	19.2	19.2	24.0	24.0	86.4	Bậc 5	
3708	Hoàng Thị Quỳnh	21D190242	K57S3	5.8	6.7	0.0	15.0	27.5		
3709	Trần Ngọc Minh	21D190232	K57S3	13.3	7.5	15.0	15.0	50.8	Bậc 3	
3710	Lê Thị Khánh Huyền	21D190222	K57S3	8.3	10.8	17.0	20.0	56.1	Bậc 3	
3711	Nguyễn Thị Thư	21D220143	K57T1	14.2	17.5	19.0	22.0	72.7	Bậc 4	
3712	Tổng Thị Lan	21D220171	K57T2	9.2	11.7	18.0	17.0	55.9	Bậc 3	
3713	Hoàng Thị Thu Hoài	21D220217	K57T3	10.8	16.7	0.0	15.0	42.5		
3714	Phan Hồng Nhung	21D220235	K57T3	12.5	22.5	22.0	20.0	77.0	Bậc 5	
3715	Trần Thị Mai	21D210129	K57U1	12.5	15.0	4.0	19.0	50.5	Bậc 3	
3716	Trần Thị Lua	21D210178	K57U2	7.5	13.3	7.0	17.0	44.8		

TT	Họ và tên	Mã SV	Lớp	Điểm Kỹ năng đọc	Điểm Kỹ năng nghe	Điểm Kỹ năng nói	Điểm Kỹ năng viết	Tổng điểm	Bậc	Ghi chú
3717	Trương Thị Bích Ngọc	21D210186	K57U2	20.0	21.7	19.0	24.0	84.7	Bậc 5	
3718	Nguyễn Anh Đức	21D210216	K57U3	8.3	6.7	3.0	20.0	38.0		
3719	Nguyễn Thị Thùy Trang	21D210253	K57U3	6.7	7.5	14.0	22.0	50.2	Bậc 3	
3720	Đỗ Thị Phụng	21D210244	K57U3	9.2	11.7	8.0	22.0	50.9	Bậc 3	
3721	Hà Thanh Mai	21D210232	K57U3	13.3	7.5	17.0	14.0	51.8	Bậc 3	
3722	Hà Thị Thanh Quỳnh	21D210299	K57U4	8.3	9.2	13.0	20.0	50.5	Bậc 3	
3723	Nguyễn Sỹ Linh	21D210282	K57U4	10.8	17.5	14.0	14.0	56.3	Bậc 3	
3724	Đỗ Văn Anh	21D210313	K57U5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng 4 kỹ năng

Ngày tháng 8 năm 2025

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG - HIỆU TRƯỞNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG - PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt